

HIỆP HỘI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VIỆT NAM
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KẾ TOÁN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**(Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo)**

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

Hà Nội, tháng 01 năm 2021

Báo cáo đánh giá ngoài Chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ đại học, Trường Đại học Vinh - Bộ Giáo dục và Đào tạo được các chuyên gia Đoàn đánh giá ngoài của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam biên soạn và cùng thống nhất về các nội dung trong báo cáo. Đây là kết quả đánh giá ngoài Chương trình đào tạo của Nhà Trường do Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài độc lập thực hiện với nguyên tắc "công bằng, công tâm và chuyên nghiệp"; các nhận định trong báo cáo đều dựa trên các minh chứng do Nhà trường cung cấp và các thông tin thu thập qua quan sát, tham quan và phỏng vấn các đối tượng liên quan.

©Bản quyền và sở hữu thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam. Mọi thông tin trong Báo cáo đánh giá ngoài được bảo vệ theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm mọi hình thức sao chép, công bố bất cứ nội dung nào của Báo cáo này trái với các quy định liên quan trong pháp luật hiện hành.

Danh sách đoàn Đánh giá ngoài

Báo cáo đánh giá ngoài Chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ đại học,
Trường Đại học Vinh

DANH SÁCH THÀNH VIÊN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

TT	Họ và tên	Chức vụ/ Cơ quan công tác	Nhiệm vụ được giao	Chữ ký
1	GS.TSKH. Bành Tiến Long	Ủy viên Hội đồng CSKH & CNQG; Ủy viên Hội đồng GSNN	Trưởng đoàn	
2	ThS. Đinh Tuấn Dũng	Trưởng phòng ĐGCLGD Trung tâm KĐCLGD, Hiệp hội CTĐHCĐVN	Thư ký	
3	PGS.TS. Nguyễn Văn Uyên	TP CNCL Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội CTĐHCĐVN	Thành viên thường trực	
4	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	Trợ lý Chủ tịch Hội đồng Trường, Trường Đại học Văn Lang	Thành viên	
5	TS. Nguyễn Đức Thạnh	Kiểm định viên Trung tâm ĐCLGD, Hiệp hội CTĐHCĐVN	Thành viên	

Danh sách gồm 05 người./.

Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường ĐHCĐ Việt Nam (CEA-AVU&C)

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	4
PHẦN I. TỔNG QUAN.....	7
1. Giới thiệu	7
2. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài.....	7
3. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài	10
3.1. Tóm tắt những điểm mạnh của chương trình đào tạo.....	10
3.2. Những lĩnh vực cần cải tiến của chương trình đào tạo	50
3.3. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá ngoài	67
PHẦN II. ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN.....	69
TIÊU CHUẨN 1: MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	69
TIÊU CHUẨN 2: BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	78
TIÊU CHUẨN 3: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	85
TIÊU CHUẨN 4: PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC	96
TIÊU CHUẨN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC	106
TIÊU CHUẨN 6: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN.....	119
TIÊU CHUẨN 7: ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN	141
TIÊU CHUẨN 8: NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC	155
TIÊU CHUẨN 9: CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ.....	176
TIÊU CHUẨN 10: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG.....	194
TIÊU CHUẨN 11: KẾT QUẢ ĐẦU RA	221
TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI	245
PHỤ LỤC A.....	248
PHỤ LỤC B.....	250
PHỤ LỤC C.....	254
PHỤ LỤC D.....	258
PHỤ LỤC E.....	265
PHỤ LỤC G	267

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1.	CB	Cán bộ
2.	CBQL	Cán bộ quản lý
3.	CCVC	Công chức viên chức
4.	CGCN	Chuyên gia công nghệ
5.	CBGV	Cán bộ giảng viên
6.	CĐR	Chuẩn đầu ra
7.	CNTT	Công nghệ thông tin
8.	CTDH	Chương trình dạy học
9.	CTĐT	Chương trình đào tạo
10.	CSDL	Cơ sở dữ liệu
11.	CSVC	Cơ sở vật chất
12.	CVHT	Cố vấn học tập
13.	ĐH	Đại học
14.	ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
15.	ĐGN	Đánh giá ngoài
16.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
17.	GV	Giảng viên

18.	HĐQT	Hội đồng quản trị
19.	HTQT	Hợp tác quốc tế
20.	HV	Học viên
21.	ISI	Institute for Scientific Information
22.	KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
23.	KHCN	Khoa học và công nghệ
24.	KH&ĐT	Khoa học & Đào tạo
25.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
26.	NV	Nhân viên
27.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
28.	PVCD	Phục vụ cộng đồng
29.	QĐ	Quyết định
30.	SV	Sinh viên
31.	TC	Tín chỉ
32.	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
33.	TDTT	Thể dục thể thao
34.	TĐG	Tự đánh giá
35.	THPT	Trung học phổ thông

36.	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
37.	VLVH	Vừa làm vừa học

PHẦN I. TỔNG QUAN

1. Giới thiệu

Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài (sau đây gọi là Đoàn) CTĐT Ngành Kế toán trình độ đại học - Trường Đại học Vinh (sau đây gọi là Nhà trường) được thành lập theo Quyết định số 138/QĐ-KĐCLGD ngày 07 tháng 11 năm 2020 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học và cao đẳng Việt Nam (sau đây gọi là Trung tâm). Đoàn gồm 8 thành viên, trong đó có 5 chuyên gia đánh giá ngoài (ĐGN), 1 cố vấn Đoàn và 02 cán bộ hỗ trợ hành chính của Trung tâm.

Bản Báo cáo ĐGN này trình bày quá trình triển khai đánh giá ngoài, công cụ và phương pháp đánh giá, các kết quả đạt được và những khuyến nghị đối với Nhà trường và Khoa. Kèm theo Báo cáo ĐGN là các Phụ lục bao gồm: Phụ lục A là phần giới thiệu tóm tắt về Nhà trường, đơn vị thực hiện CTĐT; Phụ lục B là phần tóm tắt kết quả tự đánh giá CTĐT của Nhà trường; Phụ lục C là Quyết định thành lập Đoàn ĐGN và danh sách các thành viên; Phụ lục D là lịch trình đánh giá ngoài; Phụ lục E là công văn phản hồi của Nhà trường về Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT; Phụ lục G là văn bản của Đoàn gửi Nhà trường về việc tiếp thu và bảo lưu ý kiến căn cứ vào phản hồi của Nhà trường.

Các nhận định, kết luận và đánh giá trong Báo cáo này căn cứ trên các thông tin, minh chứng và dữ liệu do Nhà trường cung cấp tính đến thời điểm ngày 30 tháng 8 năm 2020. Báo cáo ĐGN ghi nhận kết quả đánh giá của Đoàn ĐGN thông qua các hoạt động của Nhà trường trong giai đoạn năm học 2015 - 2016 đến năm học 2019-2020.

2. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài

Công cụ đánh giá mà Đoàn ĐGN của Trung tâm sử dụng là Các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (sau đây viết tắt là ĐGCLCTĐT) được Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) quy định tại Thông tư

04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016. Mức đánh giá cho mỗi tiêu chí theo thang 7 mức.

Các phương pháp đánh giá Đoàn ĐGN sử dụng bao gồm:

(i) Nghiên cứu sâu Hồ sơ tự đánh giá (TĐG) do Nhà trường cung cấp, đối chiếu với các yêu cầu trong từng tiêu chí của các tiêu chuẩn ĐGCLCTĐT để xác định những vấn đề cần kiểm tra và làm rõ trong đợt khảo sát sơ bộ và khảo sát chính thức;

(ii) Nghiên cứu, kiểm tra hồ sơ, minh chứng lưu trữ tại Nhà trường để đánh giá độ tin cậy và tính xác thực của các thông tin và minh chứng được cung cấp trong Hồ sơ TĐG của Nhà trường;

(iii) Phỏng vấn cá nhân và phỏng vấn nhóm với các đối tượng liên quan; quan sát và tham quan các cơ sở vật chất và khuôn viên của Nhà trường, trang thiết bị học tập, thể dục thể thao và các hoạt động trong Nhà trường để đánh giá thực trạng chất lượng giáo dục của Nhà trường và đưa ra các khuyến nghị phù hợp nhằm cải tiến chất lượng giáo dục CTĐT của Nhà trường.

Đoàn đã triển khai các bước đánh giá ngoài như sau:

(i) Nghiên cứu hồ sơ TĐG: từ ngày 07/11/2020 đến ngày 14/11/2020 Đoàn ĐGN và Trung tâm thống nhất nguyên tắc ĐGN, phương pháp đánh giá, lập kế hoạch ĐGN và phân công trách nhiệm cho từng thành viên của Đoàn ĐGN. Các thành viên của Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ TĐG và tổng hợp báo cáo kết quả nghiên cứu Hồ sơ TĐG của Nhà trường. Ngày 15/11/2020 Đoàn ĐGN và Trung tâm họp để thảo luận và thống nhất chung về những vấn đề đã rõ ràng, những vấn đề còn chưa rõ khi nghiên cứu Hồ sơ TĐG để đề nghị Nhà trường bổ sung, các cơ sở vật chất Đoàn sẽ tham quan, những đối tượng và thành phần Đoàn sẽ phỏng vấn, công tác hậu cần Nhà trường, Trung tâm và Đoàn ĐGN cần chuẩn bị, nội dung làm việc trong đợt khảo sát sơ bộ và lịch trình khảo sát chính thức;

(ii) Khảo sát sơ bộ: Ngày 17/11/2020 Đoàn ĐGN (bao gồm Trưởng đoàn, Thư ký Đoàn) và Giám đốc Trung tâm KĐCLGD cùng cán bộ hỗ trợ hành chính của Đoàn ĐGN đã tiến hành khảo sát sơ bộ tại khuôn viên của Nhà Trường, Đoàn khảo sát sơ bộ đã làm việc với Chủ tịch Hội đồng TĐG, Lãnh đạo Nhà Trường, các thành viên

trong Hội đồng TĐG, đại diện cán bộ lãnh đạo, quản lý các đơn vị trong Trường. Các nội dung làm việc giữa đại diện Đoàn ĐGN, đại diện Trung tâm KĐCLGD và đại diện lãnh đạo Nhà trường trong buổi khảo sát sơ bộ bao gồm: Đoàn thông báo kết quả nghiên cứu của Đoàn đối với Hồ sơ TĐG của Nhà trường; thống nhất về các minh chứng cần bổ sung, số lượng và thành phần của các đối tượng sẽ phỏng vấn, các địa điểm Đoàn sẽ tham quan, công tác hậu cần và lịch trình khảo sát chính thức. Giám đốc Trung tâm, Trưởng Đoàn và Lãnh đạo Nhà trường đã ký biên bản khảo sát sơ bộ.

Khảo sát chính thức: Từ ngày 04 đến ngày 09 tháng 12 năm 2020, Đoàn ĐGN đã tiến hành khảo sát chính thức tại Nhà trường, với các hoạt động sau đây: Nghe Hiệu trưởng Nhà trường và Hội đồng TĐG giới thiệu tóm tắt về Nhà trường, Khoa và quá trình TĐG; kiểm tra các hồ sơ minh chứng lưu trữ tại Nhà trường; gặp gỡ và phỏng vấn 110 người, lấy ý kiến khảo sát 104 người gồm các đối tượng liên quan như: Ban Giám hiệu; Lãnh đạo Công đoàn, Đoàn thanh niên, lãnh đạo các phòng chức năng, trung tâm, thư viện; lãnh đạo các khoa trực thuộc Nhà trường, giảng viên, đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ, nhà tuyển dụng, cựu người học, người học; tham quan cơ sở vật chất phục vụ CTĐT của Nhà trường gồm văn phòng khoa/phòng chức năng, một số phòng học, phòng thực hành, thư viện, căng tin, ký túc xá, trạm y tế, sân bãi TĐTT... Tại thời điểm khảo sát chính thức, Đoàn ĐGN đã xác suất yêu cầu Thư viện tìm 30 đầu giáo trình, tài liệu tham khảo được quy định trong 9 đề cương chi tiết các học phần (Marketing căn bản, Lý thuyết tài chính - tiền tệ, Nguyên lý kế toán, Hệ thống thuế Việt Nam, Kế toán tài chính, Kiểm toán tài chính, Kế toán công, Kế toán thuế, Kế toán quốc tế) của CTĐT ngành Kế toán. Kết quả, Thư viện đã đưa ra được đủ 30 đầu giáo trình, tài liệu Đoàn ĐGN yêu cầu. Đoàn ĐGN đã trực tiếp điệ thoại khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp từ năm 2017 đến năm 2019 với số lượng 426 người, trong đó có 367 sinh viên tốt nghiệp trả lời. Trong số 367 người trả lời, có 349 người có việc làm (chiếm tỉ lệ 95,1%). Hàng ngày vào cuối buổi chiều, Đoàn ĐGN làm việc riêng để thảo luận

về các thông tin thu thập được, thống nhất chung các nhận định. Đoàn đồng thời dành thời gian để tiếp cán bộ và người học có nhu cầu gặp gỡ trao đổi riêng với Đoàn ĐGN;

(iii) Dự thảo Báo cáo ĐGN: Từ 09/12/2020 đến 13/12/2020 Đoàn ĐGN thảo luận và thống nhất chung về dự thảo Báo cáo ĐGN. Dự thảo Báo cáo ĐGN được toàn bộ thành viên Đoàn ĐGN thông qua. Ngày 14/2020 Trung tâm đã gửi công văn số 172/CV-KĐCLGD kèm theo Dự thảo Báo cáo ĐGN đến Nhà trường để lấy ý kiến phản hồi về Dự thảo Báo cáo ĐGN.

(iv) Hoàn thiện Báo cáo ĐGN: Trung tâm đã nhận được công văn số 1374/ĐHV-ĐBCL đề ngày 29/12/2020 về việc phản hồi dự thảo Báo cáo ĐGN của Nhà trường. Sau khi nhận được ý kiến phản hồi về Dự thảo Báo cáo ĐGN, Đoàn ĐGN đã hoàn thiện Báo cáo ĐGN và nộp cho Trung tâm. Trung tâm đã gửi Công văn số 193/CV-KĐCLGD kèm theo Báo cáo ĐGN đến Nhà trường vào ngày 04/01/2021.

3. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài

3.1. Tóm tắt những điểm mạnh của chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Điểm mạnh Tiêu chuẩn 1:

Mục tiêu tổng quát của ngành Kế toán là “SV tốt nghiệp ĐH CTĐT ngành Kế toán có kiến thức nền tảng về kinh tế và chuyên sâu về lĩnh vực kế toán; có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động kế toán trong bối cảnh hội nhập quốc tế” và có các mục tiêu cụ thể gồm: (i) Kiến thức và lập luận ngành; (ii) Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (iii) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; (iv) Năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội.

Mục tiêu đào tạo ngành Kế toán phù hợp với Sứ mạng của Trường ĐH Vinh và

Luật Giáo dục đại học.

CĐR của CTĐT ngành Kế toán gồm 73 CĐR với 13 CĐR về kiến thức (kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành kinh tế, kiến thức chuyên ngành), 51 CĐR về kỹ năng (kỹ năng cá nhân, kỹ năng liên nhân, kỹ năng xã hội và năng lực thực hành nghề nghiệp), 9 CĐR về trách nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai.

Nhà trường đã khảo sát ý kiến các bên liên quan chung cho các ngành đào tạo thuộc khoa Kinh tế, đã khảo sát SV cuối khóa ngành Kế toán. Căn cứ vào kết quả khảo sát các bên liên quan Khoa kinh tế đã họp để đánh giá kết quả lấy ý kiến các bên liên quan để điều chỉnh CĐR cho CTĐT.

Nhà trường có kế hoạch rà soát, bổ sung, điều chỉnh CTĐT đại học hệ chính quy năm 2015. CĐR công bố năm 2015 gồm Kiến thức, kỹ năng và thái độ. CĐR công bố năm 2016 đã điều chỉnh theo 4 trụ cột là i) Kiến thức và lập luận ngành (gồm 13 CĐR); (ii) Kỹ năng và phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp (25 CĐR); (iii) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp (gồm 11 CĐR); (iv) năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội (gồm 24 CĐR).

CĐR của CTĐT ngành Kế toán được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Khoa Kinh tế, trong đề án tuyển sinh, tờ rơi...

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Điểm mạnh Tiêu chuẩn 2:

Bản mô tả CTĐT Kế toán có đầy đủ các nội dung gồm tên CSGD: (i) Trường ĐH Vinh; (ii) tên gọi của văn bằng: Cử nhân ngành Kế toán; (iii) tên CTĐT: Ngành Kế toán; (iv) thời gian đào tạo: 4 năm; (v) mục tiêu chung; (vi) CĐR của CTĐT; (vii) tiêu chí tuyển sinh: Theo qui chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT; (viii) cấu trúc CTDH gồm 125 tín chỉ (Kiến thức giáo dục đại cương có 30 tín chỉ; kiến thức giáo dục chuyên nghiệp có 95 tín chỉ, trong đó kiến thức cơ sở ngành là 49 tín chỉ; kiến

thức chuyên ngành là 46 tín chỉ); (ix) ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR); (x) đề cương các môn học/học phần; (xi) thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả CTĐT.

Bản mô tả CTĐT ban hành năm 2019 so với bản hành năm 2015 có một số điều chỉnh. Cụ thể điều chỉnh số học phần từ 42 học phần xuống còn 36 học phần, điều chỉnh từ 132 tín chỉ xuống còn 125 tín chỉ; tính liên thông trong cùng khối ngành; tăng thời lượng thực hành, thực tập và mang tính chất chuỗi; tính quốc tế (bổ sung học phần kế toán quốc tế); tăng số học phần tự chọn từ 2 lên 3 học phần và trong mỗi tổ hợp tăng từ 2 lên 3 lựa chọn. Tổng thể đã giảm 9 học phần, thêm 3 học phần.

Tất cả các đề cương học phần trong CTĐT ngành Kế toán có đầy đủ thông tin như: (i) Thông tin tổng quát; (ii) Mô tả học phần; (iii) Mục tiêu học phần; (iv) CĐR và mức độ giảng dạy đáp ứng; (v) Đánh giá học phần; (vi) Nội dung và kế hoạch giảng dạy; (vii) nguồn học liệu; (viii) Quy định của môn học; (ix) Phụ trách môn học; (x) Ngày phê duyệt; (xi) Cấp phê duyệt.

Nhà trường có kế hoạch rà soát, bổ sung, điều chỉnh CTĐT đại học hệ chính quy (số 2733/TB ngày 10/8/2015) có văn bản Hướng dẫn thiết kế đề cương môn học và đánh giá năng lực của SV dựa trên CĐR theo phương pháp tiếp cận CDIO (số 1447/ĐHV-ĐT ngày 9/12/2016). Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Nhà trường, Khoa Kinh tế đã triển khai rà soát tất cả các đề cương chi tiết học phần của CTĐT ngành Kế toán. Đề cương chi tiết của khóa tuyển sinh 2017-2019 có nhiều thay đổi so với đề cương chi tiết học phần của khóa tuyển sinh 2015-2017 có một số thay đổi về một số mục như Mục tiêu học phần; đánh giá học phần (phiên bản mới quy định tất cả các học phần đều đánh giá giữa kỳ bằng hình thức trắc nghiệm); Việc hướng dẫn tự học của phiên bản mới qui định cụ thể nhiệm vụ của người học. So sánh về nội dung từng chương của các học phần tương ứng trong đề cương chi tiết học phần ở hai phiên bản cho thấy nhiều học phần đã có thay đổi về số chương, bố trí số tiết của từng chương nhiệm vụ của người học, phương pháp giảng dạy v.v.

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau như trên cổng thông tin điện tử Nhà trường, giới thiệu trực tiếp cho người học, giới thiệu trong các kỳ tư vấn tuyển sinh.

Tất cả các đề cương chi tiết học phần của CTĐT ngành Kế toán được Nhà trường công bố bằng bản in được đóng thành tập để ở Văn phòng Khoa Kinh tế, được đưa lên hệ thống cổng thông tin LMS (Learning Management System) và được công khai trên trang thông tin điện tử của Khoa; các GV giới thiệu cho người học tại buổi đầu lên lớp của mỗi học phần.

Kết quả Đoàn đánh giá ngoài phỏng vấn trực tiếp các nhà tuyển dụng và cựu sinh viên và người học tại thời điểm khảo sát chính thức cho thấy đã có một số nhà tuyển dụng có nhận được danh mục các học phần trong CTĐT ngành Kế toán của Trường gửi đề nghị góp ý; cựu SV và người học cho biết đã được GV giảng dạy giới thiệu về đề cương chi tiết học phần ở buổi đầu tiên lên lớp.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Điểm mạnh Tiêu chuẩn 3:

CTDH ngành Kế toán thiết kế các CĐR theo 4 chủ đề là (i) Kiến thức và lập luận ngành (gồm 13 CĐR); (ii) Kỹ năng và phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp (25 CĐR); (iii) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp (gồm 11 CĐR); (iv) năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội (gồm 23 CĐR). Nhà trường có bảng Ma trận CĐR – trình độ năng lực các học phần với các mức (i) giảng dạy; (ii) giới thiệu; (iii) sử dụng. Ma trận CĐT - mức độ giảng dạy các học phần với các thang điểm từ 2,0 đến 4,5 trên thang đo 5 bậc (bậc 1 là biết; bậc 2 là hiểu; bậc 3 là vận dụng, bậc 4 là phân tích; bậc 5 là đánh giá và sáng tạo).

Nhà trường có Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ, trong đó quy định điểm đánh giá học phần gồm (a) Điểm đánh giá quá trình là 50% (trong đó điểm đánh giá ý thức học

tập là 10%; điểm đánh giá hồ sơ học phần là 20%; điểm đánh giá giữa kỳ là 20%); (b) Điểm đánh giá cuối kỳ là 50%. Đồng thời, Nhà trường có hướng dẫn tạm thời về việc thực hiện đánh giá quá trình trong đào tạo tiếp cận theo CDIO, trong đó đã có hướng dẫn chi tiết cách đánh giá các thành phần điểm quá trình, điểm hồ sơ quá trình v.v. để bảo đảm thực hiện thống nhất trong toàn Trường.

Tất cả các đề cương chi tiết trong CTĐT ngành Kế toán ban hành năm 2017 đã mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Trong mục Kế hoạch giảng dạy có các nội dung (i) Tuần/buổi học/số tiết; (ii) nội dung giảng dạy; (iii) hình thức tổ chức dạy học; (iv) Chuẩn bị của SV; (v) CDR môn học; (vi) Bài đánh giá. Đối với mỗi nội dung giảng dạy được qui định rõ ràng, cụ thể hình thức tổ chức dạy học phù hợp như thuyết giảng, phát vấn, diễn cứu v.v. và yêu cầu cụ thể người học cần chuẩn bị của từng phần như nghiên cứu/đọc trước giáo trình, tài liệu, chuẩn bị máy, phân vai, chuẩn bị nhóm tương ứng với yêu cầu của từng chương/mục trong học phần.

Khoa có các phương pháp giảng dạy gồm thuyết giảng, phát vấn, diễn cứu, tranh luận, làm việc nhóm, trò chơi, đóng vai v.v. Các phương pháp giảng dạy được qui định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần.

Khoa có hệ thống các phương pháp kiểm tra, đánh giá gồm thi trắc nghiệm, thi viết, thực hành, đồ án v.v.

100% các môn học/học phần trong CTDH Ngành Kế toán có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/học phần nhằm đạt được CDR. CTDH ngành Kế toán có 36 học phần nhằm đáp ứng 73 CDR của CTĐT với 4 trụ cột chính; trong đó có 16 học phần gồm 54 tín chỉ nhằm đáp ứng CDR về Kiến thức và lập luận ngành; 18 học phần gồm 61 tín chỉ nhằm đáp ứng CDR Kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp; 6 học phần gồm 17 tín chỉ nhằm đáp ứng CDR về Kỹ năng làm việc nhóm; 17 học phần gồm 65 tín chỉ nhằm đáp ứng CDR về năng lực thực hành nghề nghiệp trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội.

Nhà trường có văn bản hướng dẫn thiết kế đề cương môn học để hướng dẫn các bộ môn thống nhất xây dựng, thiết kế đề cương chi tiết học phần. Qua nghiên cứu đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT ngành Kế toán, Đoàn ĐGN thấy tất cả các học phần đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy, tổ hợp các phương pháp kiểm tra, đánh giá. Đối với CTĐT ban hành năm 2017 đã xác định các phương pháp đánh chủ yếu khi thi kết thúc học phần với các phương pháp chính như sau: 11 học phần thi trắc nghiệm; 5 học phần thi bằng hình thức đồ án; 2 học phần thi thực hành; 22 học phần thi tự luận (trong đó tính cả 6 học phần trong 2 nhóm học phần tự chọn).

Các học phần trong CTDH ngành Kế toán được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất.

CTDH ngành Kế toán gồm 125 tín chỉ, 36 học phần được cấu trúc theo các khối là kiến thức giáo dục đại cương với 30 tín chỉ (chiếm tỉ lệ 24%); kiến thức cơ sở ngành gồm 49 tín chỉ (chiếm tỉ lệ 39%); kiến thức chuyên ngành có 46 tín chỉ (chiếm tỉ lệ 37%), trong đó có 2 học phần tự chọn trong 2 tổ hợp, mỗi tổ hợp có 3 học phần.

Các học phần trong CTDH được bố trí thành 8 học kỳ, trong đó các học phần thuộc khối giáo dục đại cương được bố trí phần lớn ở các học kỳ đầu, các học phần chuyên ngành được bố trí ở các học kỳ cuối theo trình tự tăng dần của quá trình tiếp thu và nhận thức của người học. Các đề cương chi tiết học phần quy định rõ các loại học phần tự chọn hay bắt buộc, các học phần có điều kiện như học phần tiên quyết hoặc học phần song hành để bảo đảm tính hợp lý của quá trình tiếp thu, nhận thức của người học và từng bước đáp ứng CĐR.

Nhà trường có kế hoạch rà soát, bổ sung, điều chỉnh CTĐT đại học hệ chính quy năm 2015, năm 2016, văn bản hướng dẫn xây dựng CTĐT. Nhà trường đã ban hành CTĐT vào năm 2017, năm 2019.

So với CTĐT ban hành năm 2015, CTĐT ban hành năm 2016 đã điều chỉnh tăng thời lượng học phần Kinh tế vi mô 1 từ tín chỉ lên 4 tín chỉ; tăng số tín chỉ của

học phần Kế toán tài chính 1 từ 4 tín chỉ lên 5 tín chỉ, bỏ học phần Phương pháp NCKH kinh tế (2 tín chỉ) ra khỏi CTĐT (đã áp dụng từ năm 2014-2015)

So với CTĐT ban hành năm 2016, CTĐT ban hành năm 2017 đã điều chỉnh số tín chỉ từ 132 tín chỉ (đã áp dụng từ năm 2014-2016) xuống còn 125 tín chỉ. CTĐT ban hành năm 2019 không có sự thay đổi so với CTĐT ban hành năm 2017. Qua phỏng vấn các đối tượng liên quan cho thấy Nhà trường sẽ tổng kết, đánh giá sau khi khóa đầu tiên được đào tạo theo CTĐT ban hành năm 2017 tốt nghiệp, qua đó sẽ có các kết luận về đào tạo theo hướng tiếp cận CDIO.

Nhà trường đã đối sánh với CTĐT của một số trường ĐH trong nước như Trường ĐH Kinh tế - ĐH Quốc gia Hà Nội, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, Trường ĐH Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Trường ĐH Thương mại, Trường ĐH Kinh tế Luật – ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và nước ngoài như Trường ĐH La Trobe – Úc; Trường ĐH Kent – Anh; Trường ĐH Macquarie – Úc, Trường Kinh doanh Havard - Mỹ, Trường ĐH Zurich – Thụy sĩ, Trường ĐH Oxford – Anh, Trường ĐH Canberra – Úc. Sau khi đối sánh, Nhà trường đã rút ra kết luận là hầu hết các trường ĐH trong nước xây dựng CDR trên góc độ kiến thức, kỹ năng và tự chịu trách nhiệm, trong khi các trường ĐH nước ngoài xây dựng CTĐT dựa trên 4 trụ cột của UNESCO và từ đó đã quyết định xây dựng CDR của ngành Kế toán theo 4 trụ cột là (i) Kiến thức và lập luận ngành; (ii) Kỹ năng cá nhân và đạo đức nghề nghiệp; (iii) Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm; (iv) năng lực thực hành nghề nghiệp trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội gắn với hội nhập quốc tế.

Nhà trường đã có các quyết định phê duyệt danh mục đề tài khoa học và công nghệ trọng điểm cấp trường năm 2017, năm 2018, năm 2019 để nghiên cứu, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức kế toán tiếp cận CDIO, để từ đó đổi mới, điều chỉnh CTĐT.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Điểm mạnh Tiêu chuẩn 4:

Nhà trường ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục, trong đó nêu rõ triết lý giáo dục là “Hợp tác – sáng tạo”.

Qua phỏng vấn, hầu hết GV, SV, cựu SV nắm bắt được mục tiêu, triết lý giáo dục của Nhà trường.

Nhà trường đã công khai triết lý giáo dục trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường, trên các vị trí trang trọng trong khuôn viên Nhà trường để mọi người dễ nhận biết, dễ đọc. Ngoài ra, nhà trường giới thiệu mục tiêu đào tạo, triết lý giáo dục trên một số ấn phẩm khác như trong các tài liệu giới thiệu về Nhà trường, tờ rơi phục vụ tư vấn tuyển sinh, trên các trang mạng như facebook, youtube v.v.

Khoa Kinh tế đã có các phương pháp giảng dạy, hoạt động dạy-học phù hợp với đặc điểm của từng học phần để đạt được CDR. Các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy của CTĐT ngành Kế toán đa dạng bao gồm thuyết giảng, giải quyết tình huống, thảo luận, làm đồ án, thực hành, thảo luận nhóm, làm dự án v.v. Trong các đề cương chi tiết học phần có nêu cụ thể từng phương pháp giảng dạy, học tập của mỗi học phần.

Vào buổi đầu tiên của học phần, GV đã giới thiệu nội dung, chương trình học phần, các phương pháp học tập của học phần, tài liệu bắt buộc, tài liệu tham khảo, chuẩn bị bài trước khi đến lớp v.v. cho SV. Tùy theo đặc thù của mỗi học phần, GV sử dụng các công cụ hỗ trợ học tập, giảng dạy khác nhau để truyền tải kiến thức nhằm giúp SV chủ động lĩnh hội kiến thức để đạt CDR. Nhà trường, Khoa Kinh tế đã tổ chức một số hội nghị trao đổi kinh nghiệm triển khai CTĐT theo hướng tiếp cận CDIO, qua đó trao đổi kinh nghiệm đã học tập từ một số trường ĐH đã triển khai phương pháp CDIO, nêu những khó khăn, thuận lợi trong quá trình triển khai tại Khoa để cùng trao đổi, rút kinh nghiệm và đi đến thống nhất phương pháp giảng dạy cho toàn Khoa. Nhà trường đã tổ chức một số cuộc thi để SV trong toàn Trường nói chung và SV ngành Kế toán nói riêng rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, tổ chức cho

SV đi thực tế doanh nghiệp v.v.

Trong đề cương chi tiết học phần có quy định cụ thể các hoạt động giảng dạy, đánh giá cho từng chương trong học phần. Căn cứ vào nội dung của học phần, giảng viên lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp để giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR. Qua phỏng vấn, GV cho thấy GV đã áp dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy, người học được tham gia nhiều hoạt động như tự nghiên cứu, làm việc nhóm, đóng vai v.v.

Nhà trường có QĐ ban hành Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Nhà trường. Sau khi kết thúc học phần, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV.

Khoa Kinh tế thường xuyên tổ chức dự giờ giảng của giảng viên, thông qua dự giờ đã đánh giá cả về nội dung và phương pháp giảng dạy của GV. Qua nghiên cứu hồ sơ dự giờ thấy GV đã hài lòng với phương pháp hoạt động dạy học đã được thực hiện.

100% đề cương chi tiết các môn học/học phần mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Tất cả các đề cương chi tiết trong CTĐT ngành Kế toán ban hành năm 2017 đã mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Trong Kế hoạch giảng dạy có các nội dung (i) Tuần/buổi học/số tiết; (ii) nội dung giảng dạy; (iii) hình thức tổ chức dạy học; (iv) Chuẩn bị của SV; (v) CDR môn học; (vi) Bài đánh giá. Đối với mỗi nội dung giảng dạy được quy định rõ ràng, cụ thể hình thức tổ chức dạy học phù hợp như thuyết giảng, phát vấn, diễn cứu v.v. và yêu cầu cụ thể người học cần chuẩn bị của từng phần như nghiên cứu/đọc trước giáo trình, tài liệu, chuẩn bị máy, phân vai, chuẩn bị nhóm tương ứng với yêu cầu của từng chương/mục trong học phần. Trong bảng Ma trận CDR đã xác định rõ yêu cầu của từng học phần và mức độ đóng góp của từng học phần nhằm đạt được CDR.

Trong đề cương chi tiết tất cả các học phần đã quy định rõ số giờ tự học chung

cho cả học phần và giờ tự học, chuẩn bị của từng chương, định hướng, gợi mở cho người học nghiên cứu, làm việc nhóm. Các học phần có quy định mức độ ứng dụng của học phần nhằm nâng cao khả năng vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn và hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

Trong đề cương chi tiết học phần có quy định rõ các phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập, trong đó có các hoạt động nhằm rèn luyện kỹ năng và khả năng học tập suốt đời của người học như kỹ năng tự đọc, tự nghiên cứu, tìm kiếm tài liệu liên quan đến ngành học.

Qua phỏng vấn cựu SV, SV cho thấy GV có sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Điểm mạnh Tiêu chuẩn 5:

Nhà trường có Quy định tạm thời về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ, trong đó việc đánh giá kết quả học tập; việc tổ chức thi đánh giá cuối kỳ; Hình thức đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ và đề thi v.v. Lịch thi được thông báo công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường.

Nhà trường có Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo học chế tín chỉ, trong đó, quy định cụ thể về tổ chức thi cuối kỳ với một số nội dung chính như câu hỏi thi cuối kỳ tối thiểu đạt đến mức độ 3 tùy thuộc vào thang đánh giá trình độ năng lực của học phần. Nhà trường có Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần, trong đó quy định đề thi tự luận gồm 3 câu (1 câu 5 điểm, 1 câu 3 điểm; 1 câu 2 điểm) hoặc 2 câu, mỗi câu 5 điểm; người ra đề thi phải trực tiếp làm đáp án và thang điểm chi tiết cho từng câu hỏi (chi tiết đến 0,25 điểm đối với các ngành khoa học tự nhiên và chi tiết đến 0,5 điểm đối với các ngành khoa học xã hội), đảm bảo tính chính xác và phù hợp với đề cương học phần, nộp để đưa vào ngân hàng đề thi của Trường; Đề

thi trắc nghiệm khách quan tùy thuộc vào số tín chỉ (40 câu đối với học phần có 2 tín chỉ; 50 câu đối với học phần có 3 tín chỉ; 60 câu đối với học phần từ 4 tín chỉ trở lên).

Qua phỏng vấn nhóm GV, Đoàn ĐGN thấy các GV đã được hướng dẫn, thảo luận và tham gia xây dựng, các phương pháp kiểm tra đánh giá của học phần. Nghiên cứu sâu một số bảng theo dõi điểm quá trình của một số học phần, Đoàn ĐGN thấy GV đã sử dụng nhiều phương pháp để theo dõi, đánh giá quá trình học tập của người học.

Các quy định của Nhà trường về đánh giá kết quả học tập của người học đã quy định rõ thời gian, hình thức, tiêu chí, trọng số và cơ chế phản hồi. Việc đánh giá kết quả học tập được trọng số của điểm đánh giá ý thức là 10%; đánh giá hồ sơ học phần là 20%, đánh giá giữa kỳ là 20%; điểm đánh giá cuối kỳ là 50%. Quy định việc tổ chức thi đánh giá cuối kỳ, hình thức đánh giá giữa kỳ, đánh giá giữa kỳ và đề thi; việc phúc tra, khiếu nại v.v. Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần. Quy định về việc chấm thi học phần, thông báo kết quả đánh giá học phần (trong đó quy định kết quả điểm thông báo cho SV chậm nhất 20 ngày ngày thi cuối kỳ), việc phúc tra, khiếu nại quy định tại Quy chế thực hiện một cửa.

Nhà trường đã công bố các tài liệu/hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường, được phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân, được GV phổ biến trong buổi đầu tiên của học phần, được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và trong cuốn cẩm nang SV.

Qua phỏng vấn cựu SV, SV, Đoàn ĐGN thấy hầu hết sinh viên nắm bắt được các quy định về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học.

Nhà trường, Khoa đã áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Điểm đánh giá học phần gồm 2 thành phần là (i) Đánh giá quá trình (có tỉ lệ 50% gồm điểm đánh giá ý thức học tập (10%); Hồ sơ học phần (20%); Đánh giá giữa kỳ (20) và (ii) Đánh giá cuối kỳ (có tỉ lệ 50%). Đối với điểm đánh giá ý thức học tập và Hồ sơ học phần do giảng viên đánh giá với các tiêu chí cụ thể như sự tham gia học tập trên lớp, chuẩn bị tài liệu, bài thu hoạch, bài tập cá nhân v.v. Đối với bài đánh giá giữa kỳ được Nhà trường tổ chức thi trắc nghiệm. Đối với đánh giá cuối kỳ có nhiều hình thức khác nhau như thi tự luận, trắc nghiệm khách quan đề án, thực hành v.v. Trong số 40 học phần (có 6 học phần thuộc 2 tổ hợp tự chọn) của CTĐT ngành Kế toán có 11 học phần thi trắc nghiệm, 22 học phần thi tự luận, 5 học phần đề án, 2 học phần thực hành.

Nhà trường có quy định về coi thi học phần chấm thi học phần, trong đó đã quy định cụ thể việc tổ chức thi, cán bộ coi thi, dồn túi, cắt phách v.v. nhằm đảm bảo sự công bằng, khách quan. Nhà trường có ngân hàng đề thi của các học phần tự luận và trắc nghiệm. Việc xây dựng ngân hàng đề thi được triển khai dưới các đề tài NCKH, sau khi hoàn thành được nghiệm thu và đưa vào sử dụng nhằm đảm bảo đo lường được các yêu cầu của CDR. Trong thời gian khảo sát tại Trường, Đoàn ĐGN đã tham quan khu vực tổ chức chấm thi của Nhà trường và nhận thấy việc bố trí khu vực làm phách, chấm thi bảo đảm an toàn, tập trung, nghiêm túc. Các bài thi được cắt phách, có chữ ký của 2 GV chấm.

Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến GV và người học thông qua nhiều hình thức khác nhau như công bố trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường, phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, qua đội ngũ CVHT v.v.

Nhà trường đã khảo sát ý kiến SV trước khi tốt nghiệp về “Người dạy công bố điểm chuyên cần, giữa kỳ công khai trước lớp khi kết thúc môn học và đảm bảo tính công bằng, khách quan”. Trên cơ sở thông báo kết quả đánh giá, người học đã có điều kiện chủ động xây dựng kế hoạch học tập cá nhân hoặc cải thiện việc học tập.

Nhà trường đã phổ biến các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường. Vào tiết đầu tiên của học phần, GV đã phổ biến về việc đánh giá học phần. Nhà trường có bộ phận “Một cửa” để nhận các loại đơn từ, khiếu nại v.v.

Kết quả phỏng vấn trực tiếp nhóm người học tại thời điểm khảo sát chính thức cho thấy, người học đã nắm bắt được một số nội dung quy định về việc khiếu nại kết quả học tập.

Theo thống kê của Nhà trường, trong giai đoạn từ học kỳ 1 năm học 2015-2016 đến học kỳ 1 năm học 2019-2020 có 157 SV ngành Kế toán có đơn xin phúc khảo bài thi, trong đó có 9 trường hợp có thay đổi điểm. Qua phỏng vấn, có 3/20 SV có đơn xin phúc khảo nhưng kết quả không thay đổi. Hầu hết cựu SV, SV cho biết việc giải quyết khiếu nại về kết quả học tập là kịp thời, thỏa đáng.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Điểm mạnh Tiêu chuẩn 6:

Trường ĐH Vinh đã quan tâm xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên thực hiện các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Khoa Kinh tế có đủ đội ngũ giảng viên cơ hữu để giảng dạy cho sinh viên ngành Kế toán, đảm bảo hợp lý khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên/sinh viên. Công việc của đội ngũ giảng viên được quy đổi ra giờ chuẩn, được giám sát cả về khối lượng lẫn chất lượng làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng.

Trường có hệ thống các văn bản quy định rõ ràng và đầy đủ về tiêu chuẩn và tiêu chí lựa chọn tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên, làm cơ sở cho công tác lựa chọn và tuyển dụng bổ nhiệm giảng viên được tiến hành một cách công khai, minh bạch, xuất phát từ nhu cầu nhân lực của các đơn vị trong Trường.

Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng. Hàng năm, Khoa Kinh tế và Nhà trường đều thực hiện đánh giá năng lực giảng viên với nhiều hình thức đa dạng và ở nhiều cấp độ khác nhau.

Nhà trường và Khoa đã xác định đúng nhu cầu đào tạo, có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên. Việc thực hiện các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được giám sát, đánh giá hàng năm.

Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong cán bộ, viên chức. Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của giảng viên đã tạo động lực và hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên Khoa Kinh tế, ngành Kế toán.

Do làm tốt công tác quy hoạch cán bộ cũng như bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên nên hoạt động NCKH của giảng viên Khoa Kế toán phong phú, đa dạng với nhiều công trình có chất lượng được công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản. Nhiều đề tài NCKH cấp Trường và cấp Bộ đã được các giảng viên ngành Kế toán hoàn thành với kết quả tốt. Chất lượng hoạt động NCKH của giảng viên ngành kế toán được cải thiện theo từng năm.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Điểm mạnh Tiêu chuẩn 7:

Từ những chính sách chung về quy hoạch đội ngũ nhân viên của Trường, Khoa Kinh tế đã có những chính sách về nhân sự cho nhân viên hỗ trợ như bản mô tả vị trí công việc của nhân viên hỗ trợ trong Quy chế làm việc của Khoa. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ làm việc hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu công việc trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ người học.

Trường có quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng; có đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ số lượng, đảm bảo chất lượng cho các lĩnh vực công tác: giảng dạy, NCKH, quản lí hành chính và phục vụ đào tạo. Đội ngũ nhân viên của Khoa được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định về công tác CB của Trường. Khoa luôn tuân thủ mọi quy trình của Nhà trường trong công tác CB, đồng thời còn có những đề xuất với Nhà trường về các tiêu chuẩn tuyển dụng nhân viên để phù hợp đặc thù công việc của ngành Kế toán.

Đội ngũ chuyên viên hỗ trợ có năng lực tốt, PP làm việc khoa học, hiệu quả; có lòng nhiệt tình, hết lòng vì công việc, vì hiệu quả của quá trình đào tạo. Hằng năm, đều tiến hành đánh giá năng lực, hiệu quả công việc, phân loại, xếp loại; có phê bình, có khen thưởng. Đội ngũ GV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ đều là những CB nhiệt tình, tâm huyết, có năng lực tốt trong giảng dạy cũng như trong công tác quản lí; năng lực ngoại ngữ và tin học tốt nên ứng dụng rất hiệu quả trong việc hỗ trợ SV.

Hằng năm, Nhà trường luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ CB hỗ trợ. Khoa luôn cử các nhân viên của Khoa tham gia đầy đủ các khoá bồi dưỡng theo yêu cầu của Nhà trường. Mặc dù số lượng CB hỗ trợ của Khoa còn ít nhưng luôn đảm bảo sự trợ giúp tối đa cho SV trong các hoạt động đào tạo của ngành Kế toán.

Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ CB hỗ trợ và nhân viên trong Khoa được public công khai trên trang web của Khoa. Ngoài ra, đội ngũ nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao và luôn tuân thủ những quy định của Khoa và Nhà trường đề ra.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Điểm mạnh Tiêu chuẩn 8:

Hàng năm, căn cứ vào hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh với nội dung cập nhật các thông tin về chính sách, quy định tuyển sinh, trong đó có các thông tin tuyển sinh của ngành Kế toán.

Nhà trường đã công khai chính sách tuyển sinh, quy định tuyển sinh trên cổng thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ (<http://vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh>; <http://www.vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy>). Mục III.1 (Tuyển sinh đại học chính quy) của Đề án tuyển sinh năm 2020 công bố trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường đã xác định cụ thể các nội dung: đối tượng, phạm vi, phương thức, chỉ tiêu tuyển sinh năm 2020, ngưỡng ĐBCL đầu vào, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào, tổ chức tuyển sinh, chính sách ưu tiên, học phí và lộ trình tăng học phí. Riêng đối với Ngành Kế toán, thông tin và chính sách tuyển sinh còn được cập nhật thường xuyên đến thí sinh qua các bài viết, tin tức của chuyên trang tuyển sinh ngành Kế toán của Trường Đại học Vinh (<http://khoakinhte.vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh>). Ngoài ra, Nhà trường/Khoa còn truyền thông về việc tuyển sinh thông qua các bài viết trên các báo điện tử: Tin tức Việt Nam; VTCNews; Dân trí; tuyển sinh online.

Kiểm tra trực tiếp trên internet tại thời điểm ĐGN, Đoàn ĐGN thấy trên các trang tuyển sinh của Trường và Khoa có các thông tin về tuyển sinh với đầy đủ nội dung như: Đối tượng tuyển sinh, phương thức xét tuyển, phạm vi tuyển sinh, các đối tượng ưu tiên, học phí, đội ngũ giảng viên, tình hình tuyển sinh của 2 năm trước liền kề. Định kỳ, Nhà trường/Khoa đã tổ chức thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh.

Phương thức và tiêu chí tuyển chọn người học của Nhà trường/ngành Kế toán được quy định rõ ràng trong các đề án tuyển sinh hằng năm. Trước năm 2017, Nhà trường sử dụng 3 phương thức tuyển sinh: Thi tuyển, xét tuyển và kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển. Từ năm 2017 tới nay, Nhà trường sử dụng 2 phương thức tuyển sinh: xét tuyển và kết hợp xét tuyển với thi tuyển. Riêng phương thức xét tuyển được thực hiện theo 3 hình thức: (i) Xét tuyển dựa theo kết quả kỳ thi THPT quốc gia; (ii)

Xét tuyển dựa theo kết quả học tập THPT; (iii) Xét tuyển thẳng (Theo quy chế của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường). Ngành Kế toán sử dụng phương thức xét tuyển theo các tổ hợp A00 (Toán, Vật lý, Hoá học), A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh), D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) và D07 (Toán, Hoá học, Tiếng Anh). Tiêu chí tuyển sinh người học được đề án quy định cụ thể rõ ràng.

Hàng năm, Nhà trường/Khoa đã rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học nhằm đảm bảo thực hiện đúng quy chế tuyển sinh, phù hợp với đặc thù các ngành, với xu thế phát triển chung của Khoa và Trường Trước năm 2018, Nhà trường thực hiện tuyển sinh ngành Kế toán dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp quốc gia và kết quả học tập THPT theo các tổ hợp các môn thi của ngành và lấy điểm từ cao xuống thấp. Từ năm 2018, Nhà trường thực hiện tuyển sinh cho ngành Kế toán theo nhóm ngành Kinh tế; từ năm 2019, việc tuyển sinh cho ngành Kế toán được thực hiện theo các phương thức tuyển sinh cho khối các ngành ngoài sư phạm. Từ năm 2019, ngoài các tổ hợp xét tuyển: A00 (Toán, Lý, Hoá), A01 (Toán, Lý, Tiếng Anh), D01 (Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh), Nhà trường bổ sung thêm tổ hợp D07 (Toán, Hoá học, Tiếng Anh).

Nhà trường có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ bao gồm: Phòng Đào tạo, Phòng Thanh tra Giáo dục, Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên, các khoa, các cố vấn học tập và được thực hiện, quản lý bằng phần mềm quản lý người học CMC.

Quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được quy định tại Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học và Quy định tạm thời về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh. Việc giám sát sự tiến bộ trong rèn luyện của người học thực hiện theo Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Vinh; Điều 11 quy định 4 bước quy trình đánh giá kết quả rèn luyện.

Giáo viên chủ nhiệm lớp giám sát sự tiến bộ trong quá trình học tập của sinh viên trong lớp thông qua hệ thống điểm quá trình và điểm cuối kỳ. Giám sát quá

trình rèn luyện được thực hiện và quản lý thông qua Trợ lý quản lý sinh viên, giáo viên chủ nhiệm.

Kết quả học tập, số lượng tín chỉ người học đăng ký trong học kỳ, danh sách người học bị xử lý kết quả học tập, danh sách người học chậm tiến độ, thôi học được lưu trữ trên hệ thống trên phần mềm quản lý điểm (CMC) và phần mềm quản lý người học (LMS). Kết quả rèn luyện của SV do Chủ nhiệm lớp sinh viên chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và đánh giá điểm rèn luyện của SV theo lớp; Trợ lý công tác sinh viên tổng hợp và gửi kết quả điểm rèn luyện SV của Khoa về Trường. Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên tổng hợp, trình ký phê duyệt công nhận kết quả đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên toàn Trường.

Phòng Đào tạo theo dõi và xử lý dữ liệu sinh viên có nguy cơ bị buộc thôi học từng học kỳ để phối hợp với Khoa, thông qua đội ngũ chủ nhiệm lớp sinh viên và CVHT, đề tư vấn cho sinh viên thuộc diện bị xử lý có kế hoạch học tập phù hợp để đảm bảo tiến độ học tập và tốt nghiệp đúng hạn.

Khảo sát trực tiếp trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường trong thời gian ĐGN cho thấy: Nhà trường có các dữ liệu về tiến trình học tập của người học, số người không tích lũy đủ số tín chỉ và các thông tin khác giúp người học chủ động nắm bắt được tiến độ học tập. Phòng Đào tạo đã có các cảnh báo học vụ đối với SV để đội ngũ CVHT và Chủ nhiệm lớp SV giúp các SV được có kế hoạch, biện pháp cải thiện học tập.

Việc tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học do các đơn vị chức năng (Phòng Đào tạo; Phòng Công tác chính trị - học sinh sinh viên; Văn phòng Đoàn trường ; CVHT) thực hiện. Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho người học.

Hàng năm, căn cứ kế hoạch của Nhà trường, Khoa/Bộ môn đã triển khai các hoạt động rèn nghề cho người học. Hằng tháng, các lớp tổ chức sinh hoạt, có đại diện Ban Chủ nhiệm Khoa, CVHT, GV chủ nhiệm tham dự để giải đáp các mối quan tâm của SV và kịp thời hỗ trợ những khó khăn trong học tập, rèn luyện của

SV. Hằng năm, Đoàn Thanh niên Nhà trường, Đoàn thanh niên và Hội SV và Khoa tổ chức các hoạt động hội diễn văn nghệ; thể dục thể thao; giao lưu văn hóa. Câu lạc bộ “Hoa Chăm pa” tổ chức các hoạt động hỗ trợ sinh viên và lưu học sinh ngành Kế toán trong học tập và tăng cường tình hữu nghị với sinh viên quốc tế. Câu lạc bộ “Tiếng Anh Khoa Kinh tế” và “Câu Lạc bộ Kế toán” đã hỗ trợ sinh viên ngành Kế toán trong học tập ngoại ngữ và các môn học chuyên ngành Kế toán.

Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học: Liên hệ, kết nối, phối hợp với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tổ chức các chương trình giới thiệu việc làm cho sinh viên, tổ chức các chương trình về việc làm bán thời gian cho sinh viên đang học tập tại Trường, tổ chức các chương trình thực tập tiềm năng cho sinh viên năm cuối, giúp sinh viên tăng cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường; tạo; tổ chức “Ngày hội việc làm” tạo điều kiện cho sinh viên mới tốt nghiệp và sinh viên năm cuối của Nhà trường được tiếp cận nhà tuyển dụng, tham gia phỏng vấn, ứng tuyển vào các vị trí việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo. Giai đoạn 2016-2020, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp đã giới thiệu 3184 việc làm cho người học trong đó có 118 người học ngành Kế toán.

Khoa đã liên hệ với các doanh nghiệp tổ chức cho sinh viên năm đầu đi kiến tập để định hướng nghề nghiệp. Năm 2019, Khoa đã tổ chức buổi tọa đàm với sự tham gia của đại diện tổ chức ACCA để chia sẻ kỹ năng ứng tuyển và phỏng vấn thử giúp người học ngành Kế toán rèn luyện các kỹ năng cần thiết khi ra trường

Hàng năm, Nhà trường và Khoa đều có lấy ý kiến phản hồi của người học, người học trước khi tốt nghiệp các năm về mức độ hài lòng đối với chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. Kết quả khảo sát các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 có trên 76% người học, người học trước khi tốt nghiệp hằng năm hài lòng.

Nhà trường đã có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Nhà trường đã ban hành Bộ Quy tắc ứng xử văn hoá của sinh viên, học viên Trường Đại học Vinh. Khuôn viên Nhà trường rộng rãi, thoáng mát và được đầu tư vào công

tác đảm bảo vệ sinh môi trường, lớp học luôn sạch sẽ, hệ thống thoát nước tốt, có nhiều cây xanh, ghế đá, đài phun nước, khu tập luyện thể thao. Nhà trường/Khoa Kinh tế thường xuyên tổ chức các hoạt động thể thao, văn nghệ. GV, SV được dùng wifi miễn phí phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu. Để tạo điều kiện thuận lợi cho SV học tập và thực hiện các thủ tục hành chính, Nhà trường đã thành lập các khu hành chính một cửa từ năm 2016.

Cảnh quan, sân trường, phòng học của Nhà trường được đầu tư xây dựng và nâng cấp để đáp ứng nhu cầu của người học. Nhà điều hành công nghệ cao, giảng đường, các văn phòng, ký túc xá được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của SV. Văn phòng làm việc của Khoa được bố trí gần giảng đường. Các phòng học đều được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu, đèn, quạt và trang bị máy lạnh nhằm cung cấp không gian học tập thoáng đãng cho học tập, giảng dạy cũng như nghiên cứu khoa học.. Nhà trường ký hợp đồng với đối tác để duy trì công tác vệ sinh môi trường và đảm bảo an ninh, trật tự trong khuôn viên Trường. Ngoài ra, hàng tuần, sinh viên của các Khoa tham gia dọn vệ sinh trong khuôn viên trường. Sinh viên Nhà trường/ngành Kế toán được học tập trong môi trường thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động học tập và nghiên cứu.

Tại thời điểm ĐGN, Đoàn ĐGN nhận thấy: Nhà trường đã triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Y tế về phòng chống dịch Covid19 (CB, GV, SV đeo khẩu trang, các khu vực vào hội trường, có phát khẩu trang cho người tham dự..).

Kết quả khảo sát sinh viên toàn Trường giai đoạn 2016 – 2020: có trên 80% người học hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Điểm mạnh Tiêu chuẩn 9:

Các cơ sở để phục vụ hoạt động đào tạo của Nhà trường có tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH của Trường là 86.166 m². Nhà trường có 68 phòng làm việc với tổng diện tích 15.864m² m². Ban Giám hiệu Nhà trường được bố

trí 6 phòng làm việc ở khu nhà A0 với tổng diện tích 185 m²; Trường các đơn vị được bố trí phòng làm việc riêng; các Giáo sư, Phó Giáo sư được bố trí không gian làm việc riêng. Tại thời điểm 30/8/2020, với quy mô sinh viên của Trường 13.997 người học, Diện tích phòng học bình quân đạt 3,65 m²/người học; diện tích sàn phòng thí nghiệm, thực hành đạt 1,07 m²/người học đối với tất cả các đối tượng người học trong toàn Trường.

Các phòng làm việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên được trang bị máy tính, máy in được kết nối internet, có tủ đựng tài liệu và được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, máy tính, máy in, điện thoại, bàn, ghế, tủ để tài liệu. Các phòng học, hội trường đều trang thiết bị như máy tăng âm, micro, máy chiếu projector, bảng chống lóa, máy móc, phương tiện dạy học trực tuyến.

Thư viện Cơ sở 1 của Trường được thành lập năm 1959, được bố trí tại một tòa nhà 7 tầng có diện tích sàn 9.275 m² bao gồm: Không gian học tập tầng 1, 05 phòng học, 01 Phòng xử án mô phỏng dành cho Khoa Luật, 03 phòng máy tính, 08 kho sách và 06 phòng đọc. Thư viện cơ sở 2 có diện tích sàn 677 m². Thư viện trường có 110 máy tính được nối mạng internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tra cứu tài liệu online cho người học .

Thư viện Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý thư viện Kipos tiên tiến. Thư viện có 30 nhân viên, trong đó có 21 nhân viên tốt nghiệp ngành Thư viện. Nhà trường ban hành Nội quy thư viện; nội quy phòng chống cháy nổ ngày 16/01/2018; Quy định sử dụng không gian học tập ngày 15/10/2018; Hướng dẫn sử dụng và Thư viện điện tử và các văn bản hướng khai thác Thư viện. Phòng đọc thư viện có 1.800 chỗ ngồi, hệ thống mượn - trả tài liệu tự động. CB, GV, người học được cấp tài khoản để sử dụng thư viện số của Trường.

Kết quả khảo sát trực tiếp cho thấy, Thư viện có 14.466 đầu tài liệu với 160.559 cuốn; Thư viện được kết nối với CSDL điện tử trực tuyến online ProQuest

Center phục vụ công tác đào tạo và NCKH. Thư viện điện tử của Nhà trường kết nối với các thư viện: Liên hiệp Thư viện Đại học Việt Nam; Thư viện của Cục khoa học và công nghệ quốc gia; Thư viện Trường ĐH Cần Thơ; Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội, Thư viện Trường ĐH Nguyễn Tất Thành. Nguồn học liệu phục vụ cho ngành Kế toán trong Thư viện hiện có 388 đầu tài liệu với 5820 bản .

Việc biên soạn, phát hành và bổ sung giáo trình, tài liệu học tập được thực hiện theo Quy định về việc biên soạn, nghiệm thu, xuất bản, phát hành, sử dụng giáo trình, tài liệu học tập và quản lý tài chính trong hoạt động xuất bản giáo trình, tài liệu học tập, sách liên kết của Trường Đại học Vinh. Giai đoạn 2015-2020, ngành Kế toán được bổ sung 130 đầu sách với 1882 bản sách. Thư viện có số liệu theo dõi về hoạt động của bạn đọc. Giai đoạn 2015-2020 có 134.594 lượt bạn đọc đến mượn giáo trình, tài liệu tại Thư viện, trong đó có 1711 lượt người học ngành Kế toán.

Nhà trường có 45 phòng máy tính, 86 phòng thí nghiệm, 21 phòng/xưởng thực hành, đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH cho các ngành đào tạo trong Trường. Các phòng học thực hành, thí nghiệm được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Ngành Kế toán được sử dụng 5 phòng máy ở Khu nhà kỹ thuật công nghệ (401-405) để thực hành kế toán. Từ năm học 2015-2016, GV, SV Khoa Kinh tế/ngành Kế toán nói riêng được khai thác Trung tâm đào tạo thực hành ngân hàng, chứng khoán và Công ty mô phỏng tại tầng 7 Tòa nhà điều hành của Trường với hệ thống cơ sở vật chất hiện đại gồm: Khu vực lễ tân, Quầy làm việc cho giao dịch viên, các phòng: Kinh doanh, Kế toán, Hành chính - Nhân sự, Dịch vụ khách hàng, Thanh toán quốc tế, Chứng khoán.

Các thiết bị của các phòng học thực hành, thí nghiệm được cập nhật và duy tu, bảo dưỡng hàng năm theo kế hoạch của Nhà trường. Giai đoạn từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020, Nhà trường đã chi 6.017,656 triệu đồng để duy tu, bảo dưỡng và cập nhật/nâng cấp trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng

thực hành. Nhà trường/Trung tâm thực hành đã phân công cán bộ quản lý việc sử dụng các trang thiết bị của trung tâm thực hành.

Nhà trường có hệ thống công nghệ thông tin hoạt động hiệu quả để cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin gồm có 2062 máy tính, bao gồm 1310 máy tính được bố trí trong 45 phòng học phục vụ hoạt động dạy học; 572 máy tính xách tay trang bị cho cán bộ, giảng viên và 180 máy tính trang bị cho các cơ quan; 21 máy chủ vật lý, 15 máy chủ ảo; 9 đường truyền internet. Hệ thống wifi được phủ sóng toàn bộ khuôn viên Nhà trường. Nhà trường có cổng thông tin điện tử tại địa chỉ: <http://vinhuni.edu.vn/>. Hệ thống E-learning của Nhà trường được chú trọng phát triển với 26 phòng học trực tuyến. GV và người học của Trường đều có tài khoản trên trang học trực tuyến của Nhà trường. Cán bộ giảng viên ngành Kế toán được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng ...@vinhuni.edu.vn. Cổng thông tin điện tử của Khoa Kinh tế tại địa chỉ. <http://khoakinhte.vinhuni.edu.vn//> . Các phần mềm chuyên dụng sử dụng trong Trường và ngành kế toán có bản quyền.

Trung tâm CNTT chịu trách nhiệm tổ chức vận hành quản lý các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng CNTT của Nhà trường. Việc xây dựng, triển khai, quản lý cơ sở hạ tầng CNTT và mạng máy tính, quản trị hệ thống máy chủ, đường truyền và các thiết bị mạng; việc bảo đảm an toàn và bảo mật hệ thống thông tin, đảm bảo sự hoạt động liên tục của các trang tin điện tử và phần mềm ứng dụng.

Các dữ liệu về quản lý Nhà trường và quản lý đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng, sử dụng các phần mềm để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của Trường.

Định kỳ, Trường lập kế hoạch và tổ chức mua sắm để thay thế những thiết bị cấu hình thấp, kém hiệu quả và sửa chữa, bảo dưỡng và nâng cấp thiết bị CNTT đảm bảo cho hệ thống hoạt động được đồng bộ, an toàn, phục vụ hiệu quả hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Giai đoạn 2015 - 2020, Nhà trường đã đầu tư 79.177 triệu đồng mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị CNTT.

Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát người học về chất lượng hoạt động của Trung tâm Công nghệ thông tin và mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và NCKH của hệ thống CNTT. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 80% người học hài lòng.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật và các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Nhà trường đã ban hành các quy định liên quan đến môi trường, sức khỏe và an toàn: Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự; Quy định về công tác sinh viên tự quản trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh và ban hành các chỉ thị/thông báo về tăng cường bảo đảm an ninh trật tự trường học và an toàn giao thông.

Nhà trường thành lập Ban Chỉ đạo công tác an ninh, trật tự trường học Trường Đại học Vinh. Nhà trường đã xây dựng các Phương án PCCC, Phương án cứu nạn, cứu hộ được Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ tỉnh Nghệ An phê duyệt. Để bảo đảm sức khỏe cho cán bộ, nhân viên và người học, Nhà trường đã ký hợp đồng với các bệnh viện để khám sức khỏe cho CB, GV, người học. Để bảo đảm an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường, Nhà trường ký kết Hợp đồng với Công ty cổ phần dịch vụ Bảo vệ INVICO và Hợp đồng cung cấp dịch vụ vệ sinh. Định kỳ, Nhà trường phối hợp với Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy số 1 tỉnh Nghệ An xây dựng và triển khai thực tập phương án chữa cháy và kiểm tra công tác PCCC. Trong chu kỳ KĐCLGD, không xảy ra hiện tượng mất an toàn, mất an ninh trật tự trong khuôn viên Trường.

Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát người học về môi trường, sức khỏe và an toàn. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 80% người học hài lòng với chất lượng hoạt động của Trạm Y tế, Phòng Bảo vệ.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Điểm mạnh Tiêu chuẩn 10:

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH từ các bên liên quan qua các văn bản: Hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra đào tạo trình độ đại; Kế hoạch xây dựng và phát triển chương trình đào tạo theo CDIO; Hướng dẫn xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học tiếp cận CDIO (HD số 10/HD-ĐHV ngày 30/8/2016). Quyết định về việc ban hành quy định về quy trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Các văn bản trên đã quy định, phân công các đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện khảo sát, trong đó: Khoa Kinh tế là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức khảo sát thu thập thông tin từ các bên liên quan khi xây dựng CTDH ngành Kế toán. Quyết định số 2382/QĐ-ĐHV ngày 04/9/2019 đã giao Phòng CTCT-HSSV là đơn vị đầu mối chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan để triển khai công tác lấy ý kiến của người học (Điều 16). Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo sau đại học, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và trường trực thuộc phối hợp với Phòng CTCT-HSSV và các đơn vị liên quan triển khai việc lấy ý kiến của người học (Điều 17). Phòng Tổ chức cán bộ phối hợp với trưởng các đơn vị trong Trường quán triệt và thông báo đến CBVC về chủ trương mục đích yêu cầu và kế hoạch triển khai lấy ý kiến phản hồi. Trung tâm CNTT làm nhiệm vụ phân quyền cho phòng CTCT-HSSV và các đơn vị liên quan về việc triển khai lấy ý kiến người học theo hình thức trực tuyến (Điều 19). Trung tâm ĐBCL chịu trách nhiệm kỹ thuật xử lý phiếu lấy ý kiến người học trên giấy, thống kê và tổng hợp dữ liệu gửi về Nhà trường (Điều 20). Công cụ khảo sát có liên quan đến phát triển CTDH gồm 2 bộ phiếu khảo sát như: Phiếu khảo sát thu thập thông tin để xây dựng chuẩn đầu ra; Phiếu khảo sát các bên liên quan về dự thảo CTĐT. Khoa đã triển khai khảo sát lấy ý kiến điều chỉnh CTĐT ngành Kế toán với 600 người gồm 75 nhà tuyển dụng lao động, 400 SV, 50 cựu SV, 30 nhà quản lý. Đã lấy ý kiến mục tiêu CTĐT, CDR CTĐT tiếp cận CDIO với 200

người. Trong đó có 75 cựu SV và SV, 100 nhà tuyển dụng lao động, 75 GV, nhà khoa học.

Khoa và Nhà trường đã thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để cải tiến CTDH nhằm nâng cao chất lượng. Qua các đợt lấy ý kiến, Nhà trường, Khoa và Bộ môn đều tổng hợp, đánh giá và phân tích và sử dụng kết quả khảo sát để thiết kế/phát triển CTDH. Cụ thể: (1) về mục tiêu đào tạo, phiên bản năm 2017 (áp dụng từ khóa 58 trở đi), mục tiêu tổng quát được tuyên bố dựa trên mục tiêu tổng quát gồm kiến thức và năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá hoạt động kế toán trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội. (2) về chuẩn đầu ra CTĐT và chuẩn đầu ra môn học, các phiên bản năm 2014 (áp dụng cho khóa 55), phiên bản năm 2015 (áp dụng cho khóa 56), phiên bản năm 2016 (áp dụng cho khóa 57) đều tuyên bố dựa trên các thành tố về kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học. Phiên bản năm 2017, chuẩn đầu ra CTĐT được thiết kế dựa trên 4 trụ cột là: (i) Kiến thức và lập luận ngành, (ii) Kỹ năng cá nhân và phẩm chất nghề nghiệp; (iii) kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm; và (iv) kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong bối cảnh (năng lực CDIE), mỗi chủ đề CDR đều có thang đo năng lực và hướng dẫn cách thức để sinh viên đạt được CDR. CDR môn học được thiết kế dựa trên phân nhiệm kiến thức - kỹ năng (PLO) cho môn học, liên kết chặt chẽ với nhau nhằm giúp người học đạt được CDR của CTĐT. (3) Về CTĐT, so với phiên bản năm 2015, phiên bản năm 2016 được cải tiến như (i) đổi tên học phần “Tin học nhóm ngành 4” thành “Tin học ứng dụng” và tăng thời lượng kiến thức thực hành; (ii) bỏ học phần “Khóa luận tốt nghiệp/thi tốt nghiệp”; (iii) bổ sung các học phần kỹ năng nghề nghiệp (học phần tốt nghiệp) gồm: Tổ chức hạch toán ban đầu (2 TC) và Tổ chức sổ kế toán (3 TC). Phiên bản năm 2017, điều chỉnh thời lượng từ 132 tín chỉ xuống còn 125 tín chỉ, từ 42 học phần xuống còn 36 học phần, bỏ 9 học phần và bổ sung mới 3 học phần gồm thực hành doanh nghiệp mô phỏng (5 TC), thực hành kế toán (3 TC) và hệ thống thông tin kế toán (3 TC). Hàm lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học cũng thay đổi theo hướng tăng thời lượng thực hành, thực tập, thực tế,

giảm thời lượng lý thuyết. (4) Phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá cũng được cải tiến theo hướng tăng cường phương pháp dạy học tích cực, hiện đại như làm việc nhóm, đóng vai, nghiên cứu tình huống.... phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả người học cũng được cải tiến, ngành sử dụng các phương pháp đánh giá cuối kỳ gồm tự luận, trắc nghiệm, thực hành và đồ án môn học. CTDH được cải tiến đã phù hợp với việc giúp người học đạt được CĐR.

Nhà trường có quy trình thiết kế và phát triển CTDH, việc thiết kế và phát triển CTDH ngành Kế toán được thực hiện theo quy trình thống nhất do Nhà trường ban hành. Bao gồm: Kế hoạch số 10/KH-ĐHV ngày 08/3/2016 về xây dựng và phát triển chương trình đào tạo theo CDIO; Hướng dẫn xây dựng CTĐT trình độ đại học; Hướng dẫn về xây dựng chuẩn đầu ra; Quy định về xây dựng và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học. Quy định này đã quy định các quy trình cụ thể như: Điều 3 Quy trình xây dựng CĐR gồm 5 bước; Quy trình xây dựng CTĐT gồm 7 bước. Để thực hiện quy trình, khoa Kinh tế thành lập Tổ soạn thảo chuẩn đầu ra và Tổ soạn thảo CTĐT. Việc tổ chức khảo sát thu thập thông tin về CTĐT từ các bên liên quan được tiến hành đồng thời với việc khảo sát xây dựng CĐR. Sau khi hoàn thiện, phê duyệt và công bố CĐR, Tổ soạn thảo chương trình đào tạo soạn thảo Dự thảo CTĐT. Trước khi công bố CTĐT, Tổ soạn thảo tổ chức hội thảo để lấy kiến ý từ đại diện các nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia, GV, SV và cựu SV.

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được rà soát và đánh giá với sự chủ trì của phòng Đào tạo. Hoạt động rà soát và đánh giá được thực hiện bằng nhiều hình thức như triển khai đề tài KHCN trọng điểm cấp trường “*Nghiên cứu xây dựng chuẩn đề cương môn học, chuẩn đề cương bài giảng theo tiếp cận CDIO và hình thức dạy học trực tuyến tại Trường Đại học Vinh*”. Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được rà soát và đánh giá trên cơ sở tham vấn ý kiến của các chuyên gia và các bên liên quan dưới hình thức lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan và tổ chức hội thảo để thu thập thông tin từ nhóm chuyên gia, GV, hội đồng khoa học các khoa, viện chuyên môn. Dự thảo quy trình xây dựng và phát triển CTDH các ngành đào tạo

hệ chính quy đã nhận được 12 ý kiến gửi về phòng Đào tạo.

Quy trình xây dựng và phát triển CTDH của Nhà trường được cập nhật và cải tiến. Về hình thức, năm 2016, việc xây dựng CTDH được thực hiện theo 03 văn bản: Hướng dẫn về xây dựng CDR; Kế hoạch xây dựng và phát triển CTĐT theo; Hướng dẫn xây dựng CTĐT trình độ đại học. Đến năm 2019, Nhà trường đã ban hành một văn bản thống nhất về Quy trình xây dựng và phát triển CTDH. Về nội dung, quy trình xây dựng và phát triển CTDH cũng được điều chỉnh theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Quy trình xây dựng CDR phục vụ việc xây dựng CTDH theo Hướng dẫn 03/HD-ĐHV ngày 19/4/2016 thì quy trình xây dựng, hoàn thiện CDR CTĐT cấp độ 3, cấp độ 4 gồm 7 bước. Đến năm 2019, theo Quyết định 2382/QĐ-ĐHV ngày 04/9/2019 quy trình xây dựng CDR của CTĐT đã cải tiến tinh gọn hơn với 5 bước. Theo đó chuyên phần xây dựng kế hoạch thực hiện trước khi thành lập Tổ soạn thảo chuẩn đầu ra, và chuyển phần “Tổ chức hội thảo lấy ý kiến chuyên gia” vào cùng với quy trình xây dựng CTĐT. Quy trình mới theo Quyết định 2382 cũng đã xác định rõ việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan cần thực hiện cùng với khảo sát ý kiến của các bên về CTĐT.

Nhà trường đã ban hành Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV. Phiếu đánh giá chất lượng giảng dạy để khảo sát SV gồm các nội dung: 1) Hoạt động giảng dạy, 2) Kiểm tra và đánh giá người học, 3) Kết quả đạt được. Quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức; Bảng chấm điểm thi đua cá nhân. Nhà trường cũng ban hành văn bản quy định việc rà soát, đánh giá kết quả học tập của SV như: Quyết định số 991/QĐ-ĐHV ngày 25/03/2014 hướng dẫn về công tác tổ chức thi, kiểm tra đánh giá và kiểm tra kết quả học tập theo hệ thống tín chỉ ở trường Đại học Vinh. Từ năm 2017, quy định về hoạt động đánh giá kết quả học tập được điều chỉnh theo Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017. Các khoa, bộ môn thực hiện dự giờ của GV; với GV trẻ hoặc GV được phân công bài giảng/học phần mới thường được thông qua trước khi lên lớp. Quá trình dạy, học và tổ chức thi đồng thời được giám sát bởi Trung tâm ĐBCL, phòng

TT-Pháp chế.

Phòng Thanh tra -Pháp chế Trường Đại học Vinh đã xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra hằng năm. Đề cương của học phần có ma trận liên kết giữa CDR của học phần và nội dung của học phần. Các hoạt động đánh giá quá trình dạy, học khác cũng được tiến hành thường xuyên như như chấm điểm thi đua hằng năm đối với giảng viên; hoạt động dự giờ, thăm lớp hàng kỳ do Công đoàn bộ phận khoa Kinh tế và Công đoàn trường triển khai. Rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy cũng được thông qua hoạt động lấy ý kiến hằng kỳ của người học đối với hoạt động giảng dạy. Mỗi học kỳ Khoa đều có cuộc họp để đánh giá kết quả giảng dạy trong học kỳ, trong đó tập trung phân tích nguyên nhân đối với những học phần mà SV có kết quả học tập thấp và những GV có mức độ hài lòng của SV không cao để xây dựng các giải pháp khắc phục phù hợp cho học kỳ tiếp theo (các biên bản họp khoa năm 2016 đến 2020). Đối với những trường hợp kết quả học phần không cao và GV có mức độ hài lòng của SV thấp, GV phải giải trình các nguyên nhân chủ quan và khách quan liên quan đến trường bộ môn, trưởng Khoa. Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được rà soát trực tiếp bằng cơ chế cho phép sinh viên có quyền khiếu nại điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần của các học phần thuộc CTĐT ngành Kế toán. Theo đó, ngay sau khi nhận được yêu cầu phúc khảo, trung tâm ĐBCL và giảng viên có trách nhiệm kiểm tra, khắc phục các sai sót trong khâu đánh giá (nếu có) và trả lời khiếu nại cho sinh viên kịp thời. Ngoài ra, việc nhận xét, rà soát các phương pháp, cách thức đánh giá kết quả học tập của sinh viên ngành Kế toán còn được tiến hành thông qua một số hoạt động như định kỳ tổ chức Hội nghị Hiệu trưởng đối thoại với sinh viên; Hội nghị dân chủ sinh viên.

Trong 5 năm, Khoa Kinh tế đã thực hiện 10 đề tài cấp Bộ, 52 đề tài cấp cơ sở. Khoa đã công bố 274 bài báo trong đó có 56 bài quốc tế, 218 bài trong nước. Giảng viên của Bộ môn Kế toán đã hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH: 3 đề tài cấp Trường, 3 đề tài cấp khoa, 16 SV tham gia đề tài. Các đề tài, giáo trình, sách tham khảo và các báo cáo khoa học đăng trên Tạp chí Khoa học chuyên ngành đều có các

nội dung liên quan đến dạy và học.

Trong số các đề tài NCKH mà GV, SV của Khoa chủ trì thực hiện có 5 đề tài được chuyển thành nội dung, chuyên đề giảng dạy trong CTĐT: Đề tài: *Xây dựng chuẩn đầu ra và CTĐT ngành kế toán tiếp cận CDIO*; *Đổi mới nội dung phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá khối kiến thức kế toán theo tiếp cận CDIO* của GV Hồ Mỹ Hạnh (2018); *Đổi mới nội dung phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá khối kiến thức kế toán 1 theo tiếp cận CDIO*; *Đổi mới nội dung phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá khối kiến thức kế toán 2 theo tiếp cận CDIO*; *Đổi mới nội dung phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá khối kiến thức kế toán 3 theo tiếp cận CDIO* của GV Phạm Thị Kim Yên 2020. Các đề tài trên đã được Nhà trường đặt hàng, đã được nghiệm thu và đã được chuyển tải thành nội dung, chuyên đề giảng dạy của Khoa và Bộ môn.

Trong số các đề tài NCKH mà Khoa thực hiện có 5 đề tài được ứng dụng để cải tiến phương pháp dạy và học như: Đề tài: *Nghiên cứu đổi mới công tác kiểm tra đánh giá học phần hệ thống thuế Việt Nam cho SV ngành Kế toán khoa Kinh tế Trường Đại học Vinh* của Đường Thị Quỳnh Liên (2016); *Nghiên cứu đổi mới công tác kiểm tra đánh giá học phần phân tích hoạt động kinh doanh* của GV Nguyễn Anh Tú (2016) (do GV Bộ môn Kế toán thực hiện). Có 2 đề tài GV Khoa Kinh tế thực hiện: Đề tài: *Nâng cao chất lượng giảng dạy học phần lập dự án đầu tư cho SV chuyên ngành Kinh tế đầu tư tại Trường Đại học Vinh* của GV Lê Vũ Sao Mai (2016); *Nâng cao chất lượng giảng dạy theo hình thức onlines tại Bộ môn Kinh tế Khoa Kinh tế Trường Đại học Vinh* của GV Nguyễn Hoài Nam 2016. Các đề tài trên đã được Nhà trường đặt hàng, đã được nghiệm thu và đã mang lại nhiều cải tiến cho hoạt động giảng dạy của Khoa và Bộ môn.

Nhà trường có quy định về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ quá trình dạy và học: Quyết định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Trường Đại học Vinh. Trong đó có các điều quy định như: Điều 5 Nội dung lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với cán bộ, viên chức

hành chính; Điều 6 Nội dung lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với các hoạt động cơ bản của Nhà trường. Trong điều 6 điểm 2 công tác học sinh, SV, học viên (quản lý người học, phục vụ hỗ trợ, chế độ, chính sách người học... Điểm 3 công tác cơ sở vật chất. Quyết định đã quy định các hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan, phân công trách nhiệm cho các đơn vị trong Trường... Dịch vụ hỗ trợ còn được đánh giá thông qua việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động của các đơn vị hành chính và các hoạt động của Nhà trường hằng năm, Báo cáo tổng kết hội nghị dân chủ các lớp SV và hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng với SV hằng năm.

Quy trình tổ chức hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực hiện theo quyết định số 1307/QĐ-ĐHV quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của người học về cán bộ viên chức và các hoạt động của trường Đại học Vinh.

Nhà trường đã lấy phiếu phản hồi từ người học với số lượng khá lớn qua các năm, năm nhiều nhất 13.413 (năm 2016-2017) phiếu, năm ít nhất 11.487 phiếu (năm 2019-2020). Trong đó tỷ lệ hài lòng về Thư viện dao động từ 88,6 đến 95,1%. Về CNTT tỷ lệ hài lòng dao động từ 89,3 đến 95,1%. Về cơ sở vật chất tỷ lệ hài lòng dao động từ 76,3 đến 89,1%. Về nhà ăn, dịch vụ tỷ lệ hài lòng từ 77,2 đến 86,8%.

Trên cơ sở kết quả khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan, Nhà trường thực hiện việc cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ khác bằng việc đề xuất các giải pháp có giá trị và có tính khả thi nhằm đáp ứng nhu cầu người học. Tiếp thu ý kiến của người học, năm học 2016-2017 Nhà trường thực hiện tốt các hoạt động hỗ trợ người học như đăng ký học, các thủ tục hành chính, tư vấn tâm lý, chế độ chính sách, hướng nghiệp, việc làm, các hoạt động tại Trung tâm thư viện... để mang đến mức độ hài lòng ngày càng cao của sinh viên. Năm học 2019-2020 tại kết luận của Hiệu trưởng số 70/TB-ĐHV ngày 06/5/2019 Nhà trường tiếp thu ý kiến của sinh viên, giao cho Thư viện xây dựng kế hoạch bổ sung học liệu kịp thời cho tất cả các ngành. Nhà trường đã nâng thời gian mượn sách lên 20 ngày. Nhà trường đã đưa vào sử dụng mượn, trả và gia hạn mượn tài liệu tự động. Sinh viên có thể gia hạn tài liệu trực tuyến trên website thư viện, qua

điện thoại hoặc qua email.

Nhà trường ban hành Quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan của Trường đại học Vinh. Quyết định đã giao Phòng CTCT-HSSV là đơn vị đầu mối chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan để triển khai công tác lấy ý kiến của người học tại điều 16. Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo sau đại học, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và trường trực thuộc phối hợp với Phòng CTCT-HSSV và các đơn vị liên quan triển khai việc lấy ý kiến của người học theo các nội dung liên quan (Điều 17). Phòng Tổ chức cán bộ chủ trì phối hợp với trưởng các đơn vị trong trường quán triệt và thông báo đến cán bộ viên chức về chủ trương mục đích yêu cầu và kế hoạch triển khai lấy ý kiến phản hồi. Trung tâm CNTT làm nhiệm vụ phân quyền cho phòng CTCT-HSSV và các đơn vị liên quan về việc triển khai lấy ý kiến người học theo hình thức trực tuyến (Điều 19). Trung tâm ĐBCL chịu trách nhiệm kỹ thuật xử lý phiếu lấy ý kiến người học trên giấy, thống kê và tổng hợp dữ liệu gửi về Nhà trường (Điều 20). Các đơn vị trực thuộc trường quán triệt viên chức và người học về công tác lấy ý kiến người học và trách nhiệm của họ đối với hoạt động này (Điều 21). Nhà trường có các văn bản quy định cụ thể về cơ chế phản hồi các bên liên quan như: Hướng dẫn về xây dựng CDR đào tạo trình độ đại học; Kế hoạch xây dựng và phát triển CTĐT theo CDIO (KH số 10/KH-ĐHV ngày 8/3/2016); Quyết định về việc ban hành quy định về quy trình xây dựng và phát triển CTĐT trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Kế hoạch triển khai thực hiện khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công năm học 2017-201. Kế hoạch triển khai lấy ý kiến người học, phụ huynh học sinh và các bên liên quan năm học 2020-2021. Quyết định thành lập ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch khảo sát đo lường sự hài lòng của người công dân đối với dịch vụ giáo dục công tại trường; Các thông báo lấy ý kiến phản hồi từ người học và phụ huynh về hoạt động giảng dạy và các hoạt động của nhà trường.

Hàng năm thực hiện kế hoạch công tác ĐBCL, các đơn vị của Nhà trường đã tiến hành 6 hoạt động khảo sát chính để thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên

quan, cụ thể: i) khảo sát ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV khi kết thúc học phần; ii) khảo sát ý kiến của SV năm cuối về khóa học; iii) khảo sát ý kiến người học, CBVC về hoạt động của các khoa, phòng, trung tâm trong Trường; iv) khảo sát ý kiến của cựu SV về việc làm, thu nhập và chất lượng đào tạo; v) khảo sát ý kiến người sử dụng lao động, cựu SV, chuyên gia, đại diện các tổ chức xã hội, nghề nghiệp về CTĐT và CDR, về chất lượng đào tạo; vi) khảo sát ý kiến CB, GV, NV và người học về mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất và hệ thống thông tin thư viện. Thông qua việc khảo sát của Nhà trường đã thực hiện trong chu kỳ KĐCL cho thấy: Việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện đúng quy trình được quy định trên các văn bản; quy định các đối tượng tham gia lấy ý kiến, nội dung lấy ý kiến, các mức độ đánh giá, hình thức lấy ý kiến, thời gian lấy ý kiến phù hợp. Công cụ khảo sát đa dạng gồm các loại phiếu giấy và sử dụng công nghệ thông tin để khảo sát online. Các loại phiếu hỏi và phương pháp xử lý dữ liệu nhìn chung có độ tin cậy. Phương pháp khảo sát các bên liên quan khá đa dạng gồm: phát phiếu trực tiếp, phỏng vấn trực tiếp, phỏng vấn qua điện thoại, trả lời online qua phần mềm quản lý đào tạo. Thời điểm thực hiện các đợt khảo sát từng đối tượng được quy định cụ thể. Kết quả lấy ý kiến phản hồi đã phản ánh tương đối khách quan, có độ tin cậy về các hoạt động của Nhà trường.

Trên cơ sở ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Nhà trường, phòng CTCT-HSSV cải tiến hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi nhằm nâng cao chất lượng của thông tin thu thập được, góp nâng cao tinh thần trách nhiệm của CBGV, SV và chất lượng đào tạo trong nhà trường. Nhà trường thực hiện việc cải tiến công tác lấy ý kiến các bên liên quan thông qua các khảo sát, đánh giá như: Góp ý phiếu lấy khảo sát người học và phụ huynh học sinh năm học 2018-2019; Báo cáo sơ kết việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động của các đơn vị hành chính và các hoạt động của nhà trường; Báo cáo tổng kết đợt sinh hoạt dân chủ các lớp sinh viên năm học 2016 – 2017; Báo cáo tổng kết đợt sinh hoạt dân chủ các lớp SV và hội nghị đối thoại giữa Bí thư - Hiệu trưởng nhà trường với đoàn viên, thanh niên, SV năm học

2017 – 2018; Báo kết luận của Hiệu trưởng nhà trường tại Hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng với sinh viên năm học 2018 – 2019. Báo cáo tổng kết đợt sinh hoạt dân chủ các lớp SV năm 2019 – 2020. Trên cơ sở các ý kiến đóng góp, Nhà trường, phòng CTCT-HSSV cải tiến hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi nhằm nâng cao chất lượng của thông tin thu thập được, góp nâng cao tinh thần trách nhiệm của người dạy, người lãnh đạo và chất lượng đào tạo trong nhà trường. Ví dụ: đã thay đổi thời gian lấy phiếu, hình thức lấy phiếu từ năm 2018 đến nay đã chuyển sang khảo sát trực tuyến đối với khảo sát SV đánh giá GV.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Điểm mạnh Tiêu chuẩn 11:

Việc theo dõi tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn được giao cho phòng Phòng CT HSSV và đội ngũ quản lý SV chịu trách nhiệm. Nhà trường và Khoa Kinh tế luôn theo dõi sát sao tiến độ học tập, tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp của SV thông qua hệ thống giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, trợ lý đào tạo và trợ lý quản lý SV; có sự phối hợp giữa Khoa và các đơn vị chuyên trách của Nhà trường để thực hiện việc theo dõi nắm bắt tình hình học tập của SV. Các phòng chức năng và Khoa theo dõi và lập danh sách thôi học, tốt nghiệp nhờ phần mềm quản lý đào tạo CMC, được phân quyền theo nhiệm vụ của các cá nhân và các đơn vị. Nhà trường có danh sách SV tốt nghiệp và danh sách SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp của mỗi đợt xét tốt nghiệp. Danh sách SV thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hằng năm tại Phòng trên hệ thống quản lý đào tạo CMC của Nhà trường.

Tỉ lệ SV tốt nghiệp toàn khóa của ngành Kế toán tính đến thời gian học tối đa (6 năm) trong giai đoạn từ khóa học K53 (2012-2016) đến khóa K57 (2016-2020) đạt từ 69,4 đến 88,9%. Tỉ lệ SV thôi học tính trên tổng số nhập học từ khóa K56 đến khóa K60 dao động trong khoảng 2,4% đến 7,1%. Khoa đã có những phân tích, tìm hiểu nguyên nhân SV thôi học, bỏ học và chậm tốt nghiệp, xem đây là một trong

những chỉ số cần cải thiện và có những phương án hỗ trợ, giúp đỡ SV cũng như ngăn ngừa các hành vi tiêu cực. Trợ lý quản lý SV Khoa Kinh tế là đầu mối thông tin về tình trạng SV, tỉ lệ SV tốt nghiệp, thôi học, đang theo học. Trợ lý quản lý SV thực hiện báo cáo tình trạng của người học cho Khoa và Nhà trường hằng tháng, vì vậy đảm bảo chính xác số liệu, trạng thái người học. Khoa đã phân tích tìm hiểu nguyên nhân SV thôi học, tốt nghiệp muộn gồm các yếu tố khách quan và chủ quan như hoàn cảnh kinh tế, ốm đau, không thể hoàn thành chương trình học, kết quả học tập không đạt yêu cầu...

Nhà trường tiến hành đối sánh hằng năm về tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, để cải tiến chất lượng CTĐT. Nhà trường thường xuyên cập nhật tỉ lệ SV tốt nghiệp, thôi học, đối sánh giữa các năm, chỉ ra được sự biến động qua các năm để có các giải pháp hỗ trợ SV chậm tốt nghiệp hoặc khó khăn trong việc theo học. Đối sánh về tỷ lệ thôi học, các khóa học có sự dao động từ 2,4% (K60) đến 7,1% K56. Diễn biến theo năm học cho thấy năm thứ nhất có số lượng SV thôi học nhiều hơn và giảm dần qua các năm sau. Tỷ lệ SV tốt nghiệp có sự thay đổi qua các năm, đạt cao nhất là K55 (88,9%) và thấp nhất là K57 mới đạt 69,4%.

Phòng Đào tạo là đầu mối giám sát thời gian tốt nghiệp của SV chính quy toàn trường nói chung cũng như ngành Kế toán nói riêng. Trợ lý đào tạo của Khoa phối hợp cùng với Phòng Đào tạo và các đơn vị liên quan trong việc thống kê, quản lý SV tốt nghiệp. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Kế toán đã được Nhà trường thống kê, tính toán. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Kế toán dao động từ 4,0 năm đến 4,26 năm theo từng khóa học. Trong đó khóa học K53 (2012-2016) có thời gian tốt nghiệp trung bình nhiều nhất là 4,3 năm, khóa K54: 4,2 năm, K55: 4,1 năm, K56 3,9 năm và K57: 4,0 năm, trung bình trong 5 năm là 4,07 năm.

Hàng năm, Nhà trường có các thông báo về kế hoạch xét công nhận tốt nghiệp cho SV để kịp thời rà soát, hỗ trợ SV tốt nghiệp đúng thời hạn. Những thông báo này

được gửi cho tất cả các khoa/viện, phòng, ban, các SV và đăng tải trên trang thông tin chính thức của Nhà trường. Triển khai thực hiện kế hoạch của Nhà trường, mỗi năm khoa Kinh tế đều tổ chức xét công nhận tốt nghiệp cho SV đồng thời, thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp của người học. Mỗi học kỳ, Khoa và Nhà trường kịp thời cảnh báo, gửi thông báo tới những SV bị chậm tiến trình, còn nợ môn, chưa hoàn thành chương trình học... Khoa đã có một số buổi họp bàn và xác định nguyên nhân của SV chậm tốt nghiệp là do: liên quan đến vấn đề sức khỏe, nợ học phần, lý do cá nhân như đi nghĩa vụ quân sự, hoàn cảnh gia đình, nợ chuẩn đầu ra ngoại ngữ B1... Những cảnh báo và thông báo này cũng được gửi tới phụ huynh của SV. Thông qua đó, SV và phụ huynh nắm bắt được thông tin, lên kế hoạch, giải pháp để SV hoàn thành chương trình học đúng thời hạn.

Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Kế toán có xu hướng giảm qua các năm đào tạo. Hằng năm, Nhà trường/Khoa đều tổ chức các cuộc họp tổng kết, đánh giá hiệu quả các biện pháp đã thực hiện để rút ngắn thời gian tốt nghiệp, bổ sung các giải pháp mới. Khoa và Nhà trường cũng đã phân tích các nguyên nhân để kiểm soát và thực hiện các biện pháp nhằm giảm hơn nữa thời gian tốt nghiệp trung bình của người học, tăng tỷ lệ tốt nghiệp trước và đúng hạn. Khoa đã giao cho Trợ lý quản lý SV lập Sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp, Nhật ký tư vấn cho người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHDN làm đầu mối thực hiện việc theo dõi thống kê tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp. Nhà trường và Khoa đã thực hiện nhiều hoạt động để nắm bắt thông tin về tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội như: xây dựng cơ sở dữ liệu về người học sau tốt nghiệp; lập sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu nguyên nhân người học tốt nghiệp chưa có được việc làm. Trợ lý quản lý SV của Khoa bên cạnh chức năng quản lý người học đang theo học còn thực hiện

việc kết nối và thống kê đối với người học sau tốt nghiệp. Nhà trường ban hành quy trình khảo sát việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, cũng như ứng dụng phần mềm trong khảo sát và quản lý kết quả khảo sát việc làm của SV sau tốt nghiệp. Nội dung khảo sát về tình trạng việc làm: Có việc làm, làm đúng ngành nghề/đúng chuyên môn được đào tạo, nơi làm việc, vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân, có thay đổi nơi làm...

Nhà trường/Khoa đã khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp vào các năm 2015 đến 2018. Kết quả khảo sát cho thấy: Năm 2015, tỷ lệ SV có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp là 86,1%, trong đó khu vực Nhà nước 22,0%, tư nhân 62,4%, liên doanh 11,9%, tự tạo việc làm 3,7%. Năm 2018, tỷ lệ SV có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp là 88,2%, trong đó khu vực Nhà nước 0,9%, tư nhân 81,4%, liên doanh 7,0%, tự tạo việc làm 10,7%. Nhà trường giao Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHDN thống kê tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm và đối sánh giữa các năm. Tỷ lệ SV có việc làm dao động trong khoảng 76,7 đến 88,2%, năm 2016 có tỷ lệ thấp nhất, tỷ lệ có việc làm tăng dần qua các năm từ 2017 đến 2018. Đối sánh qua các năm 2016, 2017, 2018 cho kết quả năm 2016 tỷ lệ SV có việc làm của Trường ĐH Vinh thấp hơn ĐH mở HCM và ĐHCNTTP HCM, năm 2017 đã cao hơn ĐHCNTTP HCM nhưng vẫn thấp hơn ĐH Hà Nội và ĐH mở HCM.

Trường/Khoa tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục, thực hiện các phương án hỗ trợ người học tốt nghiệp có việc làm như: Hằng năm, Nhà trường cùng với các doanh nghiệp/nhà tuyển dụng tổ chức các hội chợ việc làm; Việc khảo sát nhu cầu của doanh nghiệp/nhà tuyển dụng đã được triển khai để từ đó điều chỉnh CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội; Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHDN là đơn vị đầu mối trong việc hợp tác giữa Nhà trường với các doanh nghiệp/nhà tuyển dụng nhằm hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. Tổ chức diễn đàn “Thời 4.0: Người Việt trẻ đang ở đâu”. Nhà trường tổ chức các hoạt động liên kết, ký các thoả thuận hợp tác với các doanh nghiệp/nhà tuyển dụng về việc tiếp nhận người học thực tập, phối hợp thực hiện các phương án hỗ trợ người

tốt nghiệp có việc làm, ví dụ tổ chức ngày hội học sinh, SV khởi nghiệp; Tổ chức các hoạt động phát động SV tham gia khởi nghiệp; Tổ chức diễn đàn “Câu chuyện đi làm và khởi nghiệp của SV”.

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập trong Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Trường ĐH Vinh giai đoạn 2018-2025; Quy định về quản lý các hoạt động KH&CN. Hoạt động nghiên cứu khoa học của SV bao gồm: Thực hiện đề tài NCKH thuộc lĩnh vực được đào tạo dưới sự hướng dẫn của cán bộ khoa học; Tham gia các hội nghị hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật, hội thi sáng tạo KH&CN, câu lạc bộ khoa học, các giải thưởng KH&CN; Tham gia triển khai ứng dụng KH&CN vào thực tiễn trong các lĩnh vực; Công bố các kết quả NCKH, các dự án khởi nghiệp. Số lượng NCKH của SV được cụ thể trong kế hoạch NCKH hằng năm của Khoa.

Nhà trường ban hành các văn bản hướng dẫn về việc thực hiện và giám sát hoạt động nghiên cứu khoa học của người học. Các đơn vị chịu trách nhiệm giám sát bao gồm: Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế, Phòng Đào tạo, Phòng Kế hoạch Tài chính, Phòng CTCT-HSSV, Phòng HCTH và Ban chủ nhiệm Khoa, Bộ môn, Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa. Việc theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của người học được thực hiện dựa theo các văn bản: Quy định về hoạt động KH&CN của Trường. Quy chế đào tạo ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Đại học Vinh, cùng các quy định về chế độ khen thưởng đối với SV, chính sách về kinh phí dành cho công tác NCKH, trong đó có NCKH của SV.

Phòng Khoa học và HTQT, Phòng Kế hoạch Tài chính, các khoa có nhiệm vụ theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của người học. Việc theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của người học được thực hiện dựa theo các văn bản: Quy định về hoạt động KH&CN của Trường; Quy chế đào tạo ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ; Nguồn kinh phí hỗ trợ hoạt động NCKH của SV được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Kết thúc thời gian thực hiện đề tài, Nhà trường thành

lập hội đồng nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu các đề tài, những đề tài có chất lượng được khen thưởng và in thành kỷ yếu. Giai đoạn KĐCL, người học của ngành Kế toán đã thực hiện 3 đề tài cấp Trường, 3 đề tài cấp khoa, số SV tham gia NCKH 16 người; 30 đề án với 210 SV tham gia. Để nâng cao năng lực nghiên cứu, góp phần giúp sinh viên có kiến thức chuyên sâu, có động lực học tập, có khả năng sáng tạo và khắc phục khó khăn. Khoa đã thực hiện công tác đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học của CTĐT Kế toán qua các năm. Đối sánh qua các năm cho thấy: Về đề tài cấp Trường, giảm dần từ năm học 2016 từ 2 đề tài xuống 1 năm 2019-2020, số lượng SV tham gia không thay đổi. Đề tài cấp khoa chỉ có 3 đề tài năm 2015-2016, các năm sau không có. Đề án môn học năm học 2018-2019 đã có 10 đề án môn học với 70 SV tham gia và năm học 2019-2020 đã tăng lên 20 với 140 SV tham gia.

Để khuyến khích người học NCKH, Nhà trường có quy định mức hỗ trợ kinh phí NCKH của SV tại Quy chế chi tiêu nội bộ. Nhà trường có chính sách khen thưởng cho thành tích NCKH của SV như: Triển khai tổ chức xét chọn và trao giải cho SV NCKH gồm có các giải: Giải nhất kinh phí khen thưởng 500.000 đ, kinh phí hỗ trợ 10.000.000đ; Giải nhì kinh phí khen thưởng 300.000 đ, kinh phí hỗ trợ 8.000.000đ; Giải ba kinh phí khen thưởng 200.000 đ, kinh phí hỗ trợ 5.000.000đ; Giải khuyến khích kinh phí khen thưởng 100.000 đ, kinh phí hỗ trợ 3.000.000đ. Trong năm 2019 có 6 SV của ngành Kế toán đạt giải thưởng SV NCKH cấp Trường.

Nhà trường đã giao trách nhiệm cho Phòng CTCT-HSSV, Trung tâm HTSV&QHDN là đơn vị chức năng xây dựng các quy trình, các bộ công cụ và phương pháp triển khai, tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất,... Bao gồm: cán bộ nhân viên, GV, người học, người học đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng. Hoạt động khảo sát, tiếp nhận ý kiến phản hồi từ các bên liên quan được triển khai cụ thể như: lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động giảng dạy; các hoạt động của các đơn vị hành chính; các hoạt động của Nhà trường về các hoạt động dạy. Sau mỗi đợt khảo sát, kết quả khả

sát được tổng hợp, phân tích, xử lý bằng phần mềm SPSS và được đơn vị khảo sát lập báo cáo trình Ban Giám hiệu phê duyệt. Trong các báo cáo kết quả khảo sát đều được phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về các hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất. Nội dung khảo sát được phân làm 4 nhóm chủ đề chính, bao gồm ý kiến đánh giá về: (1) CTĐT, (2) giảng viên, (3) tổ chức đào tạo và cơ sở vật chất cho đào tạo, (4) mức độ đáp ứng mong đợi của SV. Kết quả thống kê khảo sát cho thấy tỉ lệ đánh giá Tốt các chỉ số của CTĐT đạt từ 67,1% đến 73,0%; đánh giá Tốt cho các chỉ số của giảng viên đạt từ 71,2% đến 75,4%. Đánh giá tốt cho tổ chức đào tạo và cơ sở vật chất cho đào tạo 65,1% đến 72,5%; Mức độ hài lòng so với mong đợi của sinh viên về năng lực đạt được sau khi hoàn thành khóa đào tạo đạt từ 63 - 70%.

Nhà trường thực hiện việc đối sánh kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan của CTĐT Kế toán qua các năm. Kết quả cho thấy tất cả các tiêu chí đều có mức độ hài lòng trên 90% qua các năm.

Nhà trường và Khoa đã khai thác, xử lý và sử dụng các thông tin phản hồi của các bên liên quan, thực hiện việc đối sánh giữa các năm và đối sánh với các CTĐT khác cùng trình độ trong và ngoài Trường làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và PVCD của Khoa. Trên cơ sở đó Trường/Khoa đã có những đề xuất cải tiến chất lượng như: Rà soát lại CTĐT; Nâng cấp mượn trả tài liệu/học liệu trực tuyến; sửa chữa, duy tu bảo dưỡng phòng học để phục vụ cho SV tự học ngoài giờ; tăng định mức chi cho NCKH cho GV và SV... Kết quả đạt được trong chu kỳ đánh giá CTĐT đã được đổi mới 1 lần với nội dung của học phần đã được cải tiến năm 2017. CTĐT đã được bổ sung thêm 6 học phần, loại bỏ 17 học phần, số tín chỉ từ 132 xuống còn 125 tín chỉ, số học phần từ 42 học phần còn 36 học phần...

3.2. Những lĩnh vực cần cải tiến của chương trình đào tạo

3.2.1. Những tồn tại của chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Những tồn tại Tiêu chuẩn 1:

Mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành Kế toán khá chung chung và giống mục tiêu cụ thể của các CTĐT khác của Nhà trường; chưa thể hiện được những đặc thù riêng biệt của ngành Kế toán.

CĐR của CTĐT ngành Kế toán trong QĐ 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017 được trình bày không tương thích với quy định tại tiết b, khoản 4, điều 1 QĐ số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; tại khoản 1 điều 5 Thông tư số 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 (chưa rõ ràng, cụ thể về (c) năng lực tự chủ và trách nhiệm).

CĐR của ngành Kế toán quá nhiều, dàn trải, không phản ánh rõ nét yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp CTĐT ngành Kế toán.

Số lượng người được khảo sát khi điều chỉnh CĐR chưa nhiều.

Thang đo về “Sự cần thiết” trong Phiếu khảo sát để thu thập thông tin mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT ngành Kế toán (mẫu 2A-KT và mẫu 2B_NNg) không phù hợp về định nghĩa của các mức độ: (i) không cần thiết; (ii) Ít cần thiết; (iii) Không biết; (iv) cần thiết; (v) Rất cần thiết. Báo cáo phân tích kết quả khảo sát chưa nêu được rõ nét các yêu cầu của các bên liên quan.

Phỏng vấn các đối tượng liên quan cho thấy hầu hết các đối tượng được phỏng vấn đều không nắm bắt, hiểu đúng CĐR của CTĐT ngành Kế toán mà Nhà trường đã công bố.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Những tồn tại Tiêu chuẩn 2:

Việc cập nhật những thay đổi và xu hướng hội nhập quốc tế, tác động của

cuộc cách mạng lần thứ tư (còn gọi là cuộc cách mạng 4.0) trong CTĐT ngành Kế toán chưa nhiều.

Kết quả phỏng vấn trực tiếp nhóm nhà tuyển dụng cho thấy 50% trong số được phỏng vấn chưa tiếp cận các đề cương chi tiết học phần của CTĐT ngành Kế toán.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Những tồn tại Tiêu chuẩn 3:

Khoa chưa tổ chức tổng kết đánh giá mức độ phù hợp của các phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra/đánh giá để có thể đưa ra được những điều chỉnh hoặc cải tiến đổi mới phương pháp giảng dạy và phương thức kiểm tra đánh giá khi điều chỉnh và hoàn thiện CDR và các đề cương chi tiết học phần.

Việc xác định sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/học phần nhằm đạt được CDR chưa thực sự khoa học và hợp lý, cụ thể: một học phần được xác định đóng góp cho khoảng 10-15 CDR, ví dụ học phần Marketing căn bản đáp ứng 18 CDR, học phần Kinh tế vi môn đáp ứng 15 CDR.

Nhà trường/Khoa chưa định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan bao gồm: cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng về các nội hàm của các học phần trong CTĐT có thể hiện được việc đạt được CDR không.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Những tồn tại Tiêu chuẩn 4:

Tại thời điểm khảo sát chính thức, kết quả phỏng vấn các bên liên qua cho thấy, vẫn có một vài người chưa thực sự quan tâm đến Triết lý giáo dục của Nhà trường.

Kết quả khảo sát SV cho thấy còn một tỉ lệ nhỏ đánh giá hoạt động giảng dạy của GV về phương pháp giảng dạy, kỹ năng sư phạm v.v. chưa đạt yêu cầu.

Việc thu thập ý kiến về sự hài lòng của GV đối với các hoạt động giảng dạy và

các phương pháp học tập khá đơn giản, nên kết quả chưa đảm bảo độ chính xác.

Tại thời điểm khảo sát chính thức, kết quả Đoàn ĐGN phỏng vấn nhóm nhà tuyển dụng cho thấy một số cựu SV của ngành Kế toán, mặc dù đã có thời gian làm kế toán tại các doanh nghiệp, nhưng vẫn chưa xác định rõ ràng được về tương lai của nghề kế toán để định hướng tự học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, học tập suốt đời.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Những tồn tại Tiêu chuẩn 5:

Các văn bản/quy định về việc đánh giá kết quả học tập của người học được ban hành dưới hình thức “Tạm thời“ và ban hành ở nhiều văn bản khác nhau nên có nhiều điểm trùng lặp, do vậy việc triển khai thực hiện và theo dõi đánh giá tình hình thực hiện không thuận tiện.

Kết quả Đoàn ĐGN phỏng vấn trực tiếp nhóm SV cho thấy vẫn còn một số SV chưa nắm bắt được đầy đủ các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của các học phần.

Trong thời gian ĐGN, Đoàn ĐGN đề nghị Nhà trường lấy ngẫu nhiên 3 túi bài thi và thấy trong mỗi phòng thi chỉ có 1 mã đề thi. Kiểm tra đáp án của 3 túi bài thi này thấy đáp án không được làm thống nhất, điểm thành phần của một số câu chưa chi tiết, nội dung đáp án còn đơn giản, sơ xài; nhiều câu chấm chưa cho điểm chi tiết đến 0,5 điểm.

Nhà trường/Khoa chưa định lượng đánh giá được độ giá trị và độ tin cậy của các phương thức thi để lượng hóa được mức độ các phương thức thi đo lường được mức độ đạt CDR của người học.

Việc công bố điểm đánh giá học phần trên cổng thông tin điện tử của Trung tâm ĐBCL để người học tự rà soát được triển khai không thường xuyên.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Những tồn tại Tiêu chuẩn 6:

Qua hồ sơ minh chứng và kết quả phỏng vấn cho thấy, Khoa Kinh tế trong đó có ngành Kế toán chưa làm rõ chính sách về nhân sự. Việc tạo nguồn quy hoạch giảng viên ngành Kế toán đang gặp khó khăn. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên, NCV như Đề án phát triển Khoa Kinh tế, Đề án Vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa Kinh tế chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian tới chưa đầy đủ các nội dung cốt lõi.

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên còn chưa được quy định rõ ràng và chưa định lượng được nên công tác đánh giá phục vụ cộng đồng còn gặp khó khăn. Nhà trường đã có văn bản quy định về chất lượng công việc của GV, tuy nhiên các tiêu chí chung chưa được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc đối với GV thỉnh giảng.

Mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai trên website, nhưng thông tin vẫn chưa được lan truyền rộng rãi, biểu hiện là số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng chưa nhiều. Khoa chưa có quy định về các tiêu chí lựa chọn GV thỉnh giảng.

Tuy nhiên, vẫn còn một số năng lực cần thiết cho giảng viên đào tạo trình độ đại học hiện nay mà Nhà trường chưa yêu cầu cụ thể như năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế...Khoa chưa xây dựng được Hồ sơ năng lực của GV, NCV trên hệ thống phần mềm.

Hiện tại, hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ giảng viên được Nhà trường và Khoa Kinh tế tiến hành nhưng chưa đa dạng, chưa thường xuyên và còn bị chậm, ví dụ về quản trị đại học hướng đến đảm bảo chất lượng toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT, phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CDR của các học phần của CTĐT chuyên khoa. Chưa có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên

Việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị khiến cho nhiều cán bộ có thành tích nhưng không được khen thưởng. Qua thống kê đánh giá theo dõi cho thấy một số GV, NCV có khối lượng, hiệu quả công việc chưa đồng đều, còn đạt mức khá thấp. Kế hoạch cụ thể của từng giảng viên chưa đầy đủ và chưa có nhiều các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Chất lượng và số lượng các hoạt động NCKH của khoa Kinh tế chưa nhiều chưa đáp ứng được yêu cầu; số bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và công bố trên các tạp chí quốc tế ở các cấp độ khác nhau trên đầu giảng viên chưa tương xứng tiềm năng và thế mạnh của Khoa, chưa có bài báo quốc tế uy tín. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong trường còn hạn chế. Việc đối sánh về hoạt động KHCN trong và ngoài trường chưa được triển khai nhằm tìm kiếm giải pháp để cải tiến chất lượng.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Những tồn tại Tiêu chuẩn 7:

Tính chuyên nghiệp và năng lực của một vài nhân viên cung cấp các dịch vụ hỗ trợ còn hạn chế; năng lực làm việc chưa đồng đều. Khoa Kinh tế chưa phân tích sâu nhu cầu về đội ngũ nhân viên của các Khoa, các phòng chức năng để cân đối điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên.

Việc phân tích, khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí để tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên, còn thiếu sự đồng bộ, thống nhất. Việc sử dụng kết quả của các hoạt động này để xác định tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển còn chưa hiệu quả.

Việc đánh giá năng lực hàng tháng chưa tách bạch giữa giảng viên và nhân viên. Đồng thời, việc quy định tỉ lệ xếp loại lao động theo mức (A, B, C) cho từng đơn vị dẫn đến có nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ nhưng không được ghi nhận xứng đáng. Chưa có tiêu chí riêng làm công cụ cho đánh giá các giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Khoa Kinh tế chưa xây dựng lưu trữ được hồ sơ năng lực của đội ngũ nhân viên trên hệ

thống quản lý phần mềm. Các hoạt động hỗ trợ, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ chưa hấp dẫn các cán bộ.

Kết quả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên chưa được đánh giá và đối chiếu về tỷ lệ đạt được so với chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên.

Nhà trường và Khoa Kinh tế chưa triển khai khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua khen thưởng. Việc lấy ý kiến về góp ý các quy định đánh giá hiệu quả công việc của NV chưa được đồng đảo CBNV tham gia.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Những tồn tại Tiêu chuẩn 8:

Số lượng các bên liên quan được lấy ý kiến về chính sách tuyển sinh và việc phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực về ngành đào tạo còn hạn chế. Phương thức tuyển sinh của Trường /Khoa Kinh tế chưa đa dạng.

Giai đoạn 2016 -2020 còn có 238 lượt sinh viên ngành Kế toán được cảnh báo học tập và 104 lượt sinh viên bị buộc thôi học, tập trung chủ yếu vào các sinh viên học năm thứ nhất. Nhà trường chưa ban hành văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của giảng viên chủ nhiệm.

Kết quả khảo sát sự hài lòng của người học và cựu người học đối với hoạt động tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm chưa được xử lý và phân tích theo các ngành đào tạo.

Việc khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường thực hiện chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm).

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Những tồn tại Tiêu chuẩn 9:

Các bộ môn của Khoa Kinh tế chưa được bố trí phòng làm việc riêng, không

gian làm việc của cán bộ giảng viên còn chật hẹp.

Tỷ lệ giáo trình tài liệu tài liệu học tập, tham khảo có thời gian xuất bản trên 5 năm còn khá cao (62,%). Số lượng người học ngành Kế toán đến khai thác sử dụng Thư viện của Trường còn khiêm tốn (1711 lượt bạn đọc ngành Kế toán đến Thư viện trong 5 năm).

Việc kiểm kê các trang thiết bị dạy học thực hiện chưa bài bản (Chưa có thông tin phân loại về tình trạng hoạt động và chất lượng các trang thiết bị).

Việc khảo sát CB, GV, NV về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với hoạt động đào tạo và NCKH của Trường chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm). Kết quả phỏng vấn các đối tượng liên quan cho thấy có một số thời điểm mạng wifi còn chậm.

Qua kiểm tra thực tế cho thấy: một vài bình cứu hoả ở khu ký túc xá sinh viên không đảm bảo tình trạng kỹ thuật (áp suất trong bình xuống dưới mức quy định).

Việc khảo sát cán bộ, giảng viên về môi trường, sức khỏe và an toàn trong khuôn viên của Trường chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm).

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Những tồn tại Tiêu chuẩn 10:

Trong chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục từ 2015-2020, Nhà trường/Khoa mới tổ chức khảo sát đề rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra, CTĐT 1 lần năm 2016.

Qua trao đổi với các CB, GV giảng dạy CTĐT tại thời điểm khảo sát chính thức, kết quả cho thấy vẫn còn một số ít GV chưa nắm vững về quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học. Điều này cho thấy một số GV chưa thật sự tham gia vào quá trình rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTDH của ngành Kế toán.

Nội dung phiếu khảo sát ý kiến của SV về chất lượng giảng dạy chưa thật chi tiết. Nhà trường chưa tổng kết đánh giá mức độ tin cậy của kết quả phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy của từng GV.

Kết quả phỏng vấn nhóm SV ngành Kế toán của Đoàn ĐGN tại thời điểm khảo sát chính thức cho thấy, phong trào NCKH chưa thật sự được nhiều SV quan tâm và hưởng ứng, chưa thu hút được sự ham mê của số đông SV các năm đầu của khóa học, chưa thu hút SV tham gia nghiên cứu khoa học.

Nghiên cứu các báo cáo phân tích kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ và tiện ích cho thấy: Nhà trường chưa thật sự quan tâm nhiều đến vai trò, ý nghĩa của kênh thông tin khảo sát để phục vụ cho việc cải tiến chất lượng các dịch vụ tiện ích đáp ứng nhu cầu của người học và CBGV, NV của Nhà trường.

Các phiếu khảo sát chưa thật sự bao phủ toàn diện các thông tin cần thu thập; chưa được định lượng đánh giá về các miền đo thông tin của các câu hỏi; chưa kịp thời điều chỉnh sau nhiều năm sử dụng.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Những tồn tại Tiêu chuẩn 11:

Tỷ lệ SV tốt nghiệp giảm dần qua các năm trong chu kỳ KĐCLGD vì nguyên nhân chủ quan như chưa hoàn thành chương trình học, chưa đạt trình độ năng lực ngoại ngữ, sức khỏe...

Mặc dù đã triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ được nhiều năm, song cho đến nay Khoa vẫn chưa có SV nào tốt nghiệp sớm, trong khi số lượng SV tốt nghiệp chậm vẫn còn và đang có xu hướng gia tăng.

Mặc dù biểu mẫu khảo sát có các câu hỏi về mức thu nhập của SV tốt nghiệp, nhưng số liệu tổng hợp về các kết quả khảo sát không cung cấp những thông tin cụ thể về mức thu nhập trung bình của SV tốt nghiệp ngành Kế toán.

Đoàn ĐGN đã trao đổi với nhóm GV, SV, kết quả cho thấy nhiều CBGV và SV thuộc CTĐT ngành Kế toán chưa thật sự quan tâm đến công tác NCKH của SV; các chủ đề của sản phẩm NCKH của SV chưa được định hướng để phục vụ hiệu quả cho các hoạt động học tập ngành ngành đào tạo.

Mặc dù hằng năm Nhà trường khảo sát với số lượng phiếu tương đối lớn (hàng chục nghìn đối với SV), tuy nhiên Nhà trường chưa lấy ý kiến phản hồi của cán bộ nhân viên, GV, nhà tuyển dụng để đề xuất các giải pháp hữu ích cho cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

3.2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng CTĐT

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Khuyến nghị Tiêu chuẩn 1:

Khoa Kinh tế cần kịp thời rà soát lại các nội hàm đã nêu trong Mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành Kế toán và hoàn thiện Mục tiêu để đảm bảo Mục tiêu cụ thể phản ánh được những đặc thù đặc trưng nhất của Ngành Kế toán.

Nhà trường cần nghiên cứu để việc trình bày các CDR của ngành Kế toán một cách ngắn gọn, súc tích và tuân thủ quy định tại tiết b, khoản 4, điều 1 QĐ số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 và tại khoản 1 điều 5 Thông tư số 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015, trong đó cần nêu rõ ràng, cụ thể về các thành phần như yêu cầu của các văn bản quy phạm hiện hành, đặc biệt là năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Nhà trường/Khoa cần có những giải pháp khả thi để mở rộng được số lượng và thành phần tham gia trả lời các phiếu khảo sát.

Nhà trường nên đầu tư để hoàn thiện phiếu khảo sát với các thang đo và các câu hỏi nhằm khảo sát sâu hơn về các nội dung liên quan CDR (kiến thức, kỹ năng, mức

độ tự chủ và trách nhiệm) của CĐR để có thể thu thập được thông tin hữu ích giúp cho việc điều chỉnh CĐR nhằm phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan.

Các kết quả khảo sát cần được phân tích sâu để rút ra được các yêu cầu cần cải tiến và nguyên nhân vì sao nhất thiết phải có sự cải tiến đó về CĐR.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Khuyến nghị Tiêu chuẩn 2:

Nhà trường nên bổ sung vào CTĐT ngành Kế toán những vấn đề liên quan đến sự phát triển và xu hướng hội nhập quốc tế, tác động của cuộc cách mạng lần thứ tư (còn gọi là cuộc cách mạng 4.0) nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế.

Nhà trường/Khoa nên có những hoạt động đa dạng hơn, như truyền thông trong các buổi tọa đàm với các nhà tuyển dụng; quảng bá về các học phần (kèm theo tóm tắt đề cương học phần) trên ứng dụng của công nghệ thông tin để các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng nắm bắt được những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm những người học ngành Kế toán sẽ đạt được khi tốt nghiệp nhằm mở rộng khả năng được tuyển dụng của sinh viên tốt nghiệp.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Khuyến nghị Tiêu chuẩn 3:

Nhà trường/Khoa nên tổ chức hội nghị/hội thảo khoa học hoặc các xe-mi-na chuyên đề để đánh giá sự phù hợp của từng phương pháp giảng dạy, học tập và các phương thức kiểm tra/đánh giá đối với từng học phần để đo lường được khách quan và chính xác nhất mức độ phù hợp với việc đạt được CĐR.

Nhà trường/Khoa cần nghiên cứu và rà soát kỹ lưỡng nội hàm của từng học phần/môn học và CĐR của từng học phần/môn học để có những điều chỉnh và tích

hợp các CDR một cách logic và khoa học về ma trận kết nối giữa CDR của học phần/môn học với CDR của CTĐT ngành Kế toán để bảo đảm có sự tương thích về nội dung và thể hiện sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần vào việc đạt được CDR của học phần và CDR của CTĐT.

Nhà trường cần có quy định cụ thể về việc định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan bao gồm SV, GV, cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng về các nội hàm của các học phần trong CTĐT có thể hiện được việc đạt được CDR không.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Khuyến nghị Tiêu chuẩn 4:

Nhà trường nên nghiên cứu cải tiến để có thể đa dạng hóa hoạt động truyền thông tuyên truyền và mở rộng phạm vi truyền thông tới đông đảo các bên liên quan để có thể lan truyền rộng rãi về Triết lý giáo dục của Nhà trường.

Nhà trường/Khoa cần tìm hiểu vì sao vẫn còn có ý kiến SV chưa hài lòng với hoạt động giảng dạy và kỹ năng sư phạm của GV để từ đó đưa ra những giải pháp khắc phục phù hợp.

Nhà trường/Khoa cần có quy định về việc định kỳ hằng năm thực hiện việc khảo sát GV về mức độ hài lòng đối với hoạt động giảng dạy kèm theo các hướng dẫn cụ thể về việc phân tích đánh giá các kết quả khảo sát nhằm thu thập được các số liệu tin cậy phục vụ việc đổi mới hoạt động giảng dạy và học tập. Đồng thời, Nhà trường cần có cơ chế giám sát việc triển khai thực hiện nhiệm vụ định kỳ khảo sát này.

Nhà trường/Khoa nên định kỳ hằng năm tổ chức mời những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán và cựu sinh viên giao lưu với SV của Khoa về nghề kế toán, qua đó có những chia sẻ hỗ trợ các SV ngành Kế toán hiểu sâu hơn về ngành nghề cũng như góp phần tạo dựng được đam mê nghề nghiệp và góp phần định hướng nghề nghiệp rõ ràng cho SV ngay từ khi còn đang học trong Trường.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Khuyến nghị Tiêu chuẩn 5:

Nhà trường cần rà soát và hệ thống hóa lại các văn bản liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của người học để từ đó hợp nhất các văn bản liên quan thành một văn bản để chính thức ban hành quy định về việc đánh giá kết quả học tập của người học nhằm đảm bảo tính hệ thống của văn bản và thuận tiện cho GV, SV nắm bắt, triển khai thực hiện.

Nhà trường/Khoa nên phối hợp với Đoàn TN và Hội Sinh viên, cố vấn học tập để có các giải pháp phù hợp hơn nhằm tuyên truyền, phổ biến về nội quy, quy chế đào tạo, đặc biệt các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập để người học nắm bắt được đầy đủ hơn các quy định này.

Nhà trường nên qui định thống nhất hình thức của đáp án để bảo đảm sự thống nhất chung, tạo điều kiện cho GV chấm thi chính xác, khách quan, công bằng; đồng thời cần quy định điểm chi tiết đến 0,5 điểm hoặc dưới 0,5 để đảm bảo kết quả chấm có độ chính xác cao.

Nhà trường/Khoa cần có phần mềm chuyên dụng để định lượng đánh giá được độ giá trị và độ tin cậy của các phương thức thi để lượng hóa được mức độ các phương thức thi đo lường được mức độ đạt CDR của người học.

Nhà trường nên nghiên cứu để cải tiến việc thông báo điểm trên cổng thông tin điện tử để người học tự rà soát điểm đánh giá học phần; đồng thời cần có cơ chế giám sát việc thực hiện này để đảm bảo hoạt động này được triển khai đúng quy định.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Khuyến nghị Tiêu chuẩn 6:

Khoa Kinh tế trong đó có ngành Kế toán cần làm rõ chính sách về nhân sự, tạo nguồn quy hoạch giảng viên ngành Kế toán cho phù hợp với chiến lược phát triển

của Trường. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên, NCV như Đề án phát triển ngành Kế toán, Đề án vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa Kinh tế chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian cần đầy đủ các nội dung cốt lõi.

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên cần được quy định, định lượng rõ ràng và quy đổi thành giờ chuẩn. Chất lượng công việc của GV thỉnh giảng cần được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc.

Nhà trường cần thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai trên website và thông tin cần được lan truyền rộng rãi để số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng phong phú hơn. Khoa cần có quy định về các tiêu chí lựa chọn GV thỉnh giảng.

Nhà trường cần bổ sung yêu cầu cụ thể về những năng lực cần thiết cho giảng viên c hiện nay như giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế...Khoa cần xây dựng được Hồ sơ năng lực của GV, NCV trên hệ thống phần mềm.

Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ giảng viên cần được Nhà trường và Khoa Kinh tế tiến hành đa dạng, thường xuyên và kịp thời, ví dụ về quản trị đại học hướng đến đảm bảo chất lượng toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT, phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CDR của các học phần của CTĐT chuyên khoa. Đồng thời cần có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên.

Không nên quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị để kịp thời động viên nhiều cán bộ có thành tích và tăng tính tự chủ tự chịu trách nhiệm. Khoa cần điều phối hợp lý hơn để một số GV, NCV có khối lượng, hiệu quả công việc được đồng đều, đạt mức độ và hiệu quả cao.

Khoa Kinh tế cần nâng cao chất lượng và số lượng các hoạt động NCKH; số bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và công bố trên các tạp chí quốc tế ở các cấp độ khác nhau trên đầu giảng viên cần tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của Khoa. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa

khác trong trường cần phong phú hơn. Việc đối sánh về hoạt động KHCN trong và ngoài trường cần được triển khai nhằm tìm kiếm giải pháp để cải tiến chất lượng.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Khuyến nghị Tiêu chuẩn 7:

Khoa và Nhà trường cần nâng cao tính chuyên nghiệp và năng lực của nhân viên cung cấp các dịch vụ hỗ trợ; năng lực làm việc cần đồng đều. Khoa cần phân tích sâu nhu cầu về đội ngũ nhân viên của các Khoa, các phòng chức năng để cân đối điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên trong khuôn khổ chỉ tiêu định biên cho phép đối với Trường công lập.

Việc phân tích, khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí để tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên cần được thực hiện thường xuyên, cần có sự đồng bộ, thống nhất. Việc sử dụng kết quả của các hoạt động này để xác định tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển cần hiệu quả.

Việc đánh giá năng lực hàng tháng cần tách bạch giữa giảng viên và nhân viên. Khoa không nên quy định tỉ lệ xếp loại lao động theo mức (A, B, C) cho từng đơn vị để kịp thời động viên và tạo động lực cho các cá nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ. Cần có tiêu chí riêng làm công cụ cho đánh giá các giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Khoa cần xây dựng lưu trữ được hồ sơ năng lực của đội ngũ nhân viên trên hệ thống quản lý phần mềm. Các hoạt động hỗ trợ, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ cần hấp dẫn các cán bộ.

Kết quả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên cần được đánh giá và đối chiếu về tỷ lệ đạt được so với chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên.

Nhà trường và khoa Kinh tế cần triển khai khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua khen thưởng. Việc lấy ý kiến về góp ý các quy

định đánh giá hiệu quả công việc của NV có sự tham gia được đồng đảo của CBNV tham gia.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Khuyến nghị Tiêu chuẩn 8:

Nhà trường cần có giải pháp để mở rộng phạm vi lấy ý kiến tới nhiều đối tượng và phân tích/dự báo nhu cầu nguồn nhân lực đối với Ngành Kế toán để có chính sách tuyển sinh phù hợp.

Nhà trường nên nghiên cứu bổ sung phương thức thi tuyển theo phương pháp đánh giá năng lực thí sinh để chọn được người học có năng lực phù hợp với ngành Kế toán.

Nhà trường/Khoa cần phân tích xác định nguyên nhân để đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm giảm tỷ lệ SV bị cảnh báo học vụ. Nhà trường nên ban hành văn bản quy định cụ thể chức trách nhiệm vụ của đội ngũ chủ nhiệm lớp sinh viên, thống nhất thực hiện trong Nhà trường để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ chuyên trách này.

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng cựu người học đối với hoạt động tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm cần được xử lý và phân tích theo từng ngành học để có thể đưa ra được các giải pháp phù hợp để cải tiến hoặc nâng cao chất lượng về môi trường tâm lý, xã hội cho từng ngành học liên quan.

Nhà trường cần tiến hành khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong khuôn viên Trường thông qua phiếu khảo sát để thu thập được đầy đủ thông tin để có các giải pháp phát huy điểm mạnh và khắc phục những tồn tại phù hợp.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Khuyến nghị Tiêu chuẩn 9:

Nhà trường cần bố trí phòng làm việc riêng cho các bộ môn và tăng diện tích không gian làm việc cho đội ngũ giảng viên của Khoa Kinh tế.

Thư viện cần phối hợp với Khoa kiểm tra, rà soát lại số lượng các tài liệu có thời hạn xuất bản trên 5 năm, thanh lý những tài liệu không còn phù hợp và mua thay thế những xuất bản mới nhất thuộc lĩnh vực Kế toán để tạo điều kiện thuận lợi cho GV và người học khi lựa chọn tài liệu học tập, tham khảo. Cần tìm hiểu nguyên nhân và có giải pháp để người học ngành Kế toán đến thư viện và khai thác sử dụng nhiều tài liệu ở Thư viện hơn.

Nhà trường cần tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho đội ngũ cán bộ, nhân viên trực tiếp tham gia kiểm kê trước khi tiến hành kiểm kê hằng năm để hoạt động kiểm kê được thực hiện bài bản đúng quy định.

Nhà trường cần tiến hành khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với nhu cầu đào tạo và NCKH của Trường thông qua các phiếu khảo sát để thu thập được đầy đủ thông tin và có giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống CNTT. Nhà trường cần có giải pháp để bảo đảm tốc độ hệ thống wifi phục vụ hiệu quả hoạt động đào tạo và NCKH của Nhà trường.

Nhà trường cần định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng/thay thế kịp thời các phương tiện PCCC không đảm bảo tình trạng hoạt động.

Nhà trường cần tiến hành khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường, sức khỏe và an toàn trong khuôn viên của Trường thông qua các phiếu khảo sát để thu thập được đầy đủ thông tin để có các giải pháp phát huy điểm mạnh và khắc phục những tồn tại phù hợp.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Khuyến nghị Tiêu chuẩn 10:

Nhà trường/Khoa cần định kỳ rà soát điều chỉnh CĐR và CTĐT định kỳ ít nhất 2 năm một lần theo quy định tại Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng.

Trong quá trình thiết kế, phát triển CTDH hoặc rà soát điều chỉnh CTĐT, Nhà trường/Khoa nên huy động sự tham gia của tất cả các GV trực tiếp giảng dạy CTĐT

để thu thập được đa chiều các ý kiến cho việc phát triển và hoàn thiện CTĐT.

Nhà trường nên sớm ban hành quy định tổng thể về việc rà soát đánh giá quá trình dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV để thực hiện thống nhất trong phạm vi toàn Trường. Nhà trường cần điều chỉnh các bộ phiếu khảo sát ý kiến của các bên liên quan về quá trình tổ chức dạy-học và kiểm tra đánh giá để chất lượng khảo sát được tốt hơn.

Nhà trường cần đa dạng hơn trong chính sách khen thưởng và hỗ trợ có hiệu quả, để thu hút đông đảo người học tham gia các đề tài NCKH như thưởng điểm học tập, hoặc thay thế cho những học phần gắn với hướng nghiên cứu ở đề tài NCKH của SV.

Nhà trường cần đầu tư nhiều hơn về nhân lực và vật lực cho nhiệm vụ khảo sát ý kiến các bên liên quan để thu thập được các thông tin đóng góp trực tiếp hữu ích cho tạo dựng cơ sở để đề xuất các khuyến nghị và các giải pháp khả thi dựa trên các kết quả khảo sát các bên liên quan. Đồng thời Nhà trường cần đào tạo bồi dưỡng nâng cao kỹ năng khảo sát, thống kê phân tích và viết báo cáo khảo sát cho CBGV và nhân viên để Nhà trường có được các kết quả khảo sát đi kèm với các khuyến nghị thật sự hữu ích cho việc cải tiến các hoạt động của Nhà trường.

Nhà trường nên định kỳ rà soát, điều chỉnh và định lượng phân tích đánh giá các công cụ khảo sát, quy trình khảo sát, phương pháp phân tích và hệ thống hóa các kết quả khảo sát của từng đối tượng. Kết quả đánh giá này được sử dụng để cải tiến nâng cao chất lượng các công cụ khảo sát và nâng cao độ tin cậy của các kết quả khảo sát.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Khuyến nghị Tiêu chuẩn 11:

Nhà trường, Khoa nên đưa ra những giải pháp tương ứng phù hợp từng đối tượng để giảm thiểu số lượng SV thôi học, không tốt nghiệp hàng năm vì những lý do cá nhân.

Nhà trường, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác SV và Khoa cần có giải pháp hữu hiệu để thúc đẩy các bộ môn, các cố vấn học tập tích cực hỗ trợ SV chủ động trong xây dựng kế hoạch học tập, đăng ký học phần để hạn chế số lượng SV tốt nghiệp chậm, có SV tốt nghiệp sớm so với kế hoạch, phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ.

Sau mỗi lần khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp, bộ phận chức năng được giao là đầu mối thực hiện cần tổng hợp các dữ liệu đầy đủ bao gồm: phương pháp khảo sát (điện thoại, gửi email phiếu khảo sát ...), người thực hiện, thời gian khảo sát, số lượng khảo sát, đối tượng khảo sát, mức thu nhập ... để tạo thành cơ sở dữ liệu về tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp ngành Kế toán và thuận lợi cho việc xác định phân khúc thị trường lao động để Nhà trường/Khoa có biện pháp cải thiện các chỉ số thực hiện và tư vấn cho SV.

Nhà trường cần có cơ chế, chính sách vừa mang tính bắt buộc, vừa mang tính khuyến khích để thúc đẩy các Khoa, Bộ môn, GV và người học tham gia tích cực vào các hoạt động NCKH của SV, gắn các chủ đề, nội dung NCKH của người học với ngành đào tạo.

Hàng năm, khi khảo sát lấy ý kiến phản hồi về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất,...Nhà trường cần khảo sát đầy đủ các bên liên quan để đạt được hiệu quả tốt nhất.

3.3. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá ngoài

Tiêu chuẩn	Số tiêu chí	Số tiêu chí đạt	Số tiêu chí chưa đạt	Số tiêu chí không ĐG
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	3	2	1	0
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT	3	3	0	0

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	3	2	1	0
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	3	3	0	0
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	5	4	1	0
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	7	7	0	0
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	5	5	0	0
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	5	5	0	0
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	5	5	0	0
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	6	5	1	0
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	5	4	1	0
Tổng	50	45	5	0

PHẦN II. ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN

Căn cứ kết quả TĐG của Nhà trường, căn cứ các minh chứng và thông tin đủ tính hợp pháp và xác thực thu thập được trong quá trình nghiên cứu hồ sơ TĐG, quá trình khảo sát sơ bộ và khảo sát chính thức tại Nhà trường, Đoàn chuyên gia ĐGN đã đánh giá chất lượng CTĐT theo từng tiêu chí, thông qua việc đưa ra các điểm mạnh, tồn tại và các khuyến nghị khắc phục theo từng tiêu chí, đồng thời đánh giá mức đạt của tiêu chí.

TIÊU CHUẨN 1: MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 1.1

Trường ĐH Vinh được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo ngành Kế toán từ năm 2004 (Số 623/QĐ-BGDĐT ngày 12/2/2004, mã số 110810, nay được đổi thành 7.34.03.01). Nhà trường đã ban hành QĐ số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017, trong đó xác định mục tiêu tổng quát của ngành Kế toán là “SV tốt nghiệp ĐH CTĐT ngành Kế toán có kiến thức nền tảng về kinh tế và chuyên sâu về lĩnh vực kế toán; có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động kế toán trong bối cảnh hội nhập quốc tế” và có các mục tiêu cụ thể gồm: (i) Kiến thức và lập luận ngành; (ii) Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (iii) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; (iv) Năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội;

Mục tiêu đào tạo ngành Kế toán phù hợp với Sứ mạng của Trường ĐH Vinh “Là cơ sở giáo dục ĐH đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo,

bồi dưỡng giáo viên, NCKH giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và CGCN hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học” và Tầm nhìn là “Trường ĐH Vinh trở thành trường ĐH trọng điểm quốc gia, thành viên của mạng lưới các trường ĐH Đông Nam Á”.

Luật Giáo dục đại học năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) quy định mục tiêu của giáo dục đại học và mục tiêu của đào tạo trình độ đại học: “Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân”. Mục tiêu đào tạo ngành Kế toán phù hợp với Luật Giáo dục đại học năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 1.1

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 1.1

Mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành Kế toán khá chung chung và giống mục tiêu cụ thể của các CTĐT khác của Nhà trường; chưa thể hiện được những đặc thù riêng biệt của ngành Kế toán.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 1.1

Khoa Kinh tế cần kịp thời rà soát lại các nội hàm đã nêu trong Mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành Kế toán và hoàn thiện Mục tiêu để đảm bảo Mục tiêu cụ thể phản ánh được những đặc thù đặc trưng nhất của Ngành Kế toán.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 1.1: 4

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 1.2

CĐR của CTĐT ngành Kế toán được công bố trong QĐ số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017 gồm 73 CĐR với 4 chủ đề là (i) Kiến thức và lập luận ngành (gồm 13 CĐR); (ii) Kỹ năng và phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp (25 CĐR); (iii) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp (gồm 11 CĐR); (iv) Năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội (gồm 24 CĐR). Nhà trường có qui định CĐR về trình độ ngoại ngữ là bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương cấp độ B1 khung tham chiếu châu Âu) (QĐ số 411/QĐ-ĐHV ngày 28/1/2015)

CĐR của CTĐT ngành Kế toán có 13 CĐR về kiến thức (kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành kinh tế, kiến thức chuyên ngành), 51 CĐR về kỹ năng (kỹ năng cá nhân, kỹ năng liên nhân, kỹ năng xã hội và năng lực thực hành nghề nghiệp), có 9 CĐR về trách nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai.

Trong mỗi chủ đề được chi tiết với từng thang đo năng lực tương ứng (gồm 5 mức là mức 1: Biết; Mức 2: Hiểu; Mức 3: Áp dụng; Mức 4: Phân tích và tổng hợp; Mức 5: Đánh giá và sáng tạo). Trong chủ đề Kiến thức và lập luận ngành có kiến thức giáo dục đại cương; các kiến thức cơ sở ngành kinh tế; các kiến thức chuyên ngành; Trong chủ đề Kỹ năng và phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp có kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề; nghiên cứu khám phá kiến thức; tư duy hệ thống; kỹ năng và phẩm chất cá nhân; kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp. Trong chủ đề Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp có kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng sử dụng tiếng Anh. Trong chủ đề Năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá, cải tiến trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội có bối cảnh

xã hội và môi trường; bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh; hình thành ý tưởng hoạt động kế toán; xây dựng hoạt động kế toán; thực hiện hoạt động kế toán; đánh giá và cải tiến hoạt động kế toán.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 1.2

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 1.2

CĐR của CTĐT ngành Kế toán trong QĐ 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017 được trình bày không tương thích với quy định tại tiết b, khoản 4, điều 1 QĐ số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; tại khoản 1 điều 5 Thông tư số 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 (chưa rõ ràng, cụ thể về (c) năng lực tự chủ và trách nhiệm).

CĐR của ngành Kế toán quá nhiều, dàn trải, không phản ánh rõ nét yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp CTĐT ngành Kế toán.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 1.2

Nhà trường cần nghiên cứu để việc trình bày các CĐR của ngành Kế toán một cách ngắn gọn, súc tích và tuân thủ quy định tại tiết b, khoản 4, điều 1 QĐ số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 và tại khoản 1 điều 5 Thông tư số 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015, trong đó cần nêu rõ ràng, cụ thể về các thành phần như yêu cầu của các văn bản quy phạm hiện hành, đặc biệt là năng lực tự chủ và trách nhiệm.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 1.2: 3

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 1.3

Năm 2016, Nhà trường đã khảo sát ý kiến các bên liên quan chung cho các

ngành đào tạo thuộc khoa Kinh tế với số lượng 250 người (gồm 100 nhà tuyển dụng; 75 SV và cựu SV; 75 GV. Khoa Kinh tế đã khảo sát SV cuối khóa ngành Kế toán với nội dung “CTĐT có mục tiêu rõ ràng, phù hợp với CĐR”. Năm 2017 khảo sát 325/411 người, kết quả có 81,2% số người được hỏi trả là “Đáp ứng”; Năm 2018 khảo sát 249/275 người, kết quả có 83,5% số người trả là là “Đáp ứng”. Năm 2019 khảo sát 410/464 người, kết quả có 89% số người trả lời là “Đáp ứng”. Căn cứ vào kết quả khảo sát các bên liên quan Khoa kinh tế đã họp để đánh giá kết quả lấy ý kiến các bên liên quan. Nghiên cứu biên bản họp hội đồng khoa học và đào tạo mở rộng khoa (ngày 28/4/2016) cho thấy Khoa Kinh tế đã căn cứ vào kết quả khảo sát để điều chỉnh CĐR cho CTĐT. Qua phỏng vấn GV, hầu hết số người được hỏi cho biết có tham gia góp ý xây dựng CTĐT ngành Kế toán. Kết quả khảo sát các năm 2017-2019 sẽ được tiếp tục nghiên cứu để điều chỉnh CĐR cho các lần điều chỉnh CĐR sau này.

Nhà trường có kế hoạch rà soát, bổ sung, điều chỉnh CTĐT đại học hệ chính quy năm 2015 (số 2733/TB-ĐHV ngày 10/8/2015), năm 2016 (số 372/ĐHV-ĐT ngày 30/3/2016). CĐR của ngành Kế toán được công bố năm 2013, sau đó được điều chỉnh vào các năm 2015 (QĐ số), năm 2016 (QĐ số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017). CĐR công bố năm 2015 gồm Kiến thức, kỹ năng và thái độ. CĐR công bố năm 2016 đã điều chỉnh theo 4 trụ cột là i) Kiến thức và lập luận ngành (gồm 13 CĐR); (ii) Kỹ năng và phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp (25 CĐR); (iii) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp (gồm 11 CĐR); (iv) năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội (gồm 24 CĐR).

CĐR của CTĐT ngành Kế toán được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Khoa Kinh tế tại địa chỉ <http://vinhuni.edu.vn/chuan-dau-ra/cac-nganh-dao-tao-cu-nhan/ke-toan-52702>, trong đề án tuyển sinh, tờ rơi... Qua phỏng vấn, SV cho biết có thể tìm kiếm thông tin về CĐR trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường và của Khoa.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 1.3

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 1.3

Số lượng người được khảo sát khi điều chỉnh CDR chưa nhiều.

Thang đo về “Sự cần thiết” trong Phiếu khảo sát để thu thập thông tin mục tiêu đào tạo và CDR của CTĐT ngành Kế toán (mẫu 2A-KT và mẫu 2B_NNg) không phù hợp về định nghĩa của các mức độ: (i) không cần thiết; (ii) Ít cần thiết; (iii) Không biết; (iv) cần thiết; (v) Rất cần thiết. Báo cáo phân tích kết quả khảo sát chưa nêu được rõ nét các yêu cầu của các bên liên quan.

Phỏng vấn các đối tượng liên quan cho thấy hầu hết các đối tượng được phỏng vấn đều không nắm bắt, hiểu đúng CDR của CTĐT ngành Kế toán mà Nhà trường đã công bố.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 1.3

Nhà trường/Khoa cần có những giải pháp khả thi để mở rộng được số lượng và thành phần tham gia trả lời các phiếu khảo sát.

Nhà trường nên đầu tư để hoàn thiện phiếu khảo sát với các thang đo và các câu hỏi nhằm khảo sát sâu hơn về các nội dung liên quan CDR (kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm) của CDR để có thể thu thập được thông tin hữu ích giúp cho việc điều chỉnh CDR nhằm phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan.

Các kết quả khảo sát cần được phân tích sâu để rút ra được các yêu cầu cần cải tiến và nguyên nhân vì sao nhất thiết phải có sự cải tiến đó về CDR.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 1.3: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 1

1. Điểm mạnh Tiêu chuẩn 1:

Mục tiêu tổng quát của ngành Kế toán là “SV tốt nghiệp ĐH CTĐT ngành Kế toán có kiến thức nền tảng về kinh tế và chuyên sâu về lĩnh kế toán; có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động kế toán trong bối cảnh hội nhập quốc tế” và có các mục tiêu cụ thể gồm: (i) Kiến thức và lập luận ngành; (ii) Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (iii) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; (iv) Năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội.

Mục tiêu đào tạo ngành Kế toán phù hợp với Sứ mạng của Trường ĐH Vinh và Luật Giáo dục đại học.

CĐR của CTĐT ngành Kế toán gồm 73 CĐR với 13 CĐR về kiến thức (kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành kinh tế, kiến thức chuyên ngành), 51 CĐR về kỹ năng (kỹ năng cá nhân, kỹ năng liên nhân, kỹ năng xã hội và năng lực thực hành nghề nghiệp), 9 CĐR về trách nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai.

Nhà trường đã khảo sát ý kiến các bên liên quan chung cho các ngành đào tạo thuộc khoa Kinh tế, đã khảo sát SV cuối khóa ngành Kế toán. Căn cứ vào kết quả khảo sát các bên liên quan Khoa kinh tế đã họp để đánh giá kết quả lấy ý kiến các bên liên quan để điều chỉnh CĐR cho CTĐT.

Nhà trường có kế hoạch rà soát, bổ sung, điều chỉnh CTĐT đại học hệ chính quy năm 2015. CĐR công bố năm 2015 gồm Kiến thức, kỹ năng và thái độ. CĐR công bố năm 2016 đã điều chỉnh theo 4 trụ cột là i) Kiến thức và lập luận ngành (gồm 13 CĐR); (ii) Kỹ năng và phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp (25 CĐR); (iii) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp (gồm 11 CĐR); (iv) năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội (gồm 24 CĐR).

CĐR của CTĐT ngành Kế toán được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Khoa Kinh tế, trong đề án tuyển sinh, tờ rơi...

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chuẩn 1:

2.1. Những tồn tại Tiêu chuẩn 1:

Mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành Kế toán khá chung chung và giống mục tiêu cụ thể của các CTĐT khác của Nhà trường; chưa thể hiện được những đặc thù riêng biệt của ngành Kế toán.

CĐR của CTĐT ngành Kế toán trong QĐ 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017 được trình bày không tương thích với quy định tại tiết b, khoản 4, điều 1 QĐ số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; tại khoản 1 điều 5 Thông tư số 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 (chưa rõ ràng, cụ thể về (c) năng lực tự chủ và trách nhiệm).

CĐR của ngành Kế toán quá nhiều, dàn trải, không phản ánh rõ nét yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp CTĐT ngành Kế toán.

Số lượng người được khảo sát khi điều chỉnh CĐR chưa nhiều.

Thang đo về “Sự cần thiết” trong Phiếu khảo sát để thu thập thông tin mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT ngành Kế toán (mẫu 2A-KT và mẫu 2B_NNg) không phù hợp về định nghĩa của các mức độ: (i) không cần thiết; (ii) Ít cần thiết; (iii) Không biết; (iv) cần thiết; (v) Rất cần thiết. Báo cáo phân tích kết quả khảo sát chưa nêu được rõ nét các yêu cầu của các bên liên quan.

Phỏng vấn các đối tượng liên quan cho thấy hầu hết các đối tượng được phỏng vấn đều không nắm bắt, hiểu đúng CĐR của CTĐT ngành Kế toán mà Nhà trường đã công bố.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chuẩn 1:

Khoa Kinh tế cần kịp thời rà soát lại các nội hàm đã nêu trong Mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành Kế toán và hoàn thiện Mục tiêu để đảm bảo Mục tiêu cụ thể phản ánh được những đặc thù đặc trưng nhất của Ngành Kế toán.

Nhà trường cần nghiên cứu để việc trình bày các CDR của ngành Kế toán một cách ngắn gọn, súc tích và tuân thủ quy định tại tiết b, khoản 4, điều 1 QĐ số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 và tại khoản 1 điều 5 Thông tư số 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015, trong đó cần nêu rõ ràng, cụ thể về các thành phần như yêu cầu của các văn bản quy phạm hiện hành, đặc biệt là năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Nhà trường/Khoa cần có những giải pháp khả thi để mở rộng được số lượng và thành phần tham gia trả lời các phiếu khảo sát.

Nhà trường nên đầu tư để hoàn thiện phiếu khảo sát với các thang đo và các câu hỏi nhằm khảo sát sâu hơn về các nội dung liên quan CDR (kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm) của CDR để có thể thu thập được thông tin hữu ích giúp cho việc điều chỉnh CDR nhằm phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan.

Các kết quả khảo sát cần được phân tích sâu để rút ra được các yêu cầu cần cải tiến và nguyên nhân vì sao nhất thiết phải có sự cải tiến đó về CDR.

3. Mức đạt của Tiêu chuẩn 1:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 1	3,67
<i>Tiêu chí 1.1</i>	4
<i>Tiêu chí 1.2</i>	3
<i>Tiêu chí 1.3</i>	4

TIÊU CHUẨN 2: BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Điểm mạnh Tiêu chí 2.1

Bản mô tả CTĐT Kế toán được ban hành theo QĐ số 2468/QĐ-ĐHV ngày 17/9/2019 gồm tên CSGD: (i) Trường ĐH Vinh; (ii) tên gọi của văn bằng: Cử nhân ngành Kế toán; (iii) tên CTĐT: Ngành Kế toán; (iv) thời gian đào tạo: 4 năm; (v) mục tiêu chung; (vi) CĐR của CTĐT; (vii) tiêu chí tuyển sinh: Theo qui chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT; (viii) cấu trúc CTDH gồm 125 tín chỉ (Kiến thức giáo dục đại cương có 30 tín chỉ; kiến thức giáo dục chuyên nghiệp có 95 tín chỉ, trong đó kiến thức cơ sở ngành là 49 tín chỉ; kiến thức chuyên ngành là 46 tín chỉ); (ix) ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR); (x) đề cương các môn học/học phần; (xi) thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả CTĐT.

Bản mô tả CTĐT ban hành năm 2019 (QĐ số 2486/QĐ-ĐHV ngày 17/9/2019) so với bản hành năm 2015 có một số điều chỉnh. Cụ thể điều chỉnh số học phần từ 42 học phần xuống còn 36 học phần, điều chỉnh từ 132 tín chỉ xuống còn 125 tín chỉ; tính liên thông trong cùng khối ngành; tăng thời lượng thực hành, thực tập và mang tính chất chuỗi; tính quốc tế (bổ sung học phần kế toán quốc tế); tăng số học phần tự chọn từ 2 lên 3 học phần và trong mỗi tổ hợp tăng từ 2 lên 3 lựa chọn. Về tổng thể đã giảm 9 học phần, thêm 3 học phần.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 2.1

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 2.1

Việc cập nhật những thay đổi và xu hướng hội nhập quốc tế, tác động của cuộc cách mạng lần thứ tư (còn gọi là cuộc cách mạng 4.0) trong CTĐT ngành Kế toán chưa nhiều.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 2.1

Nhà trường nên bổ sung vào CTĐT ngành Kế toán những vấn đề liên quan đến sự phát triển và xu hướng hội nhập quốc tế, tác động của cuộc cách mạng lần thứ tư (còn gọi là cuộc cách mạng 4.0) nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 2.1: 4

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 2.2

Tất cả các đề cương học phần trong CTĐT ngành Kế toán có đầy đủ thông tin như: (i) Thông tin tổng quát; (ii) Mô tả học phần; (iii) Mục tiêu học phần; (iv) CDR và mức độ giảng dạy đáp ứng; (v) Đánh giá học phần; (vi) Nội dung và kế hoạch giảng dạy; (vii) nguồn học liệu; (viii) Quy định của môn học; (ix) Phụ trách môn học; (x) Ngày phê duyệt; (xi) Cấp phê duyệt.

Nhà trường có kế hoạch rà soát, bổ sung, điều chỉnh CTĐT đại học hệ chính quy (số 2733/TB ngày 10/8/2015) có văn bản Hướng dẫn thiết kế đề cương môn học và đánh giá năng lực của SV dựa trên CDR theo phương pháp tiếp cận CDIO (số 1447/ĐHV-ĐT ngày 9/12/2016). Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Nhà trường, Khoa Kinh tế đã triển khai rà soát tất cả các đề cương chi tiết học phần của CTĐT ngành Kế toán. Đề cương chi tiết của khóa tuyển sinh 2017-2019 có nhiều thay đổi so với đề cương chi tiết học phần của khóa tuyển sinh 2015-2017 có một số thay đổi về một số mục như Mục tiêu học phần; đánh giá học phần (phiên bản mới quy định tất cả các học phần đều đánh giá giữa kỳ bằng hình thức trắc nghiệm); Việc hướng dẫn tự học của phiên bản mới qui định cụ thể nhiệm vụ của người học. So sánh về nội dung từng chương của các học phần tương ứng trong đề cương chi tiết học phần ở hai phiên bản cho thấy nhiều học phần đã có thay đổi về số chương, bố

trí số tiết của từng chương nhiệm vụ của người học, phương pháp giảng dạy v.v.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 2.2

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 2.2

Tiêu chí này không có tồn tại.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 2.2

Tiêu chí này không có đề xuất khuyến nghị.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 2.2: 5

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 2.3

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau như trên cổng thông tin điện tử Nhà trường tại địa chỉ http://khoakinhte.vinhuni.edu.vn/DATA/28/upload/468/documents/2020/11/ban_mota_nganh_ke_toan.pdf, giới thiệu trực tiếp cho người học, giới thiệu trong các kỳ tư vấn tuyển sinh.

Tất cả các đề cương chi tiết học phần của CTĐT ngành Kế toán được Nhà trường công bố bằng bản in được đóng thành tập để ở Văn phòng Khoa Kinh tế, được đưa lên hệ thống cổng thông tin LMS (Learning Management System) và được công khai trên trang thông tin điện tử của Khoa; các GV giới thiệu cho người học tại buổi đầu lên lớp của mỗi học phần.

Kết quả Đoàn đánh giá ngoài phỏng vấn trực tiếp các nhà tuyển dụng và cựu sinh viên và người học tại thời điểm khảo sát chính thức cho thấy đã có một số nhà tuyển dụng có nhận được danh mục các học phần trong CTĐT ngành Kế toán của

Trường gửi đề đề nghị góp ý; cựu SV và người học cho biết đã được GV giảng dạy giới thiệu về đề cương chi tiết học phần ở buổi đầu tiên lên lớp.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 2.3

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 2.3

Kết quả phỏng vấn trực tiếp nhóm nhà tuyển dụng cho thấy 50% trong số được phỏng vấn chưa tiếp cận các đề cương chi tiết học phần của CTĐT ngành Kế toán.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 2.3

Nhà trường/Khoa nên có những hoạt động đa dạng hơn, như truyền thông trong các buổi tọa đàm với các nhà tuyển dụng; quảng bá về các học phần (kèm theo tóm tắt đề cương học phần) trên ứng dụng của công nghệ thông tin để các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng nắm bắt được những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm những người học ngành Kế toán sẽ đạt được khi tốt nghiệp nhằm mở rộng khả năng được tuyển dụng của sinh viên tốt nghiệp.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 2.3: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 2

1. Điểm mạnh Tiêu chuẩn 2:

Bản mô tả CTĐT Kế toán có đầy đủ các nội dung gồm tên CSGD: (i) Trường ĐH Vinh; (ii) tên gọi của văn bằng: Cử nhân ngành Kế toán; (iii) tên CTĐT: Ngành Kế toán; (iv) thời gian đào tạo: 4 năm; (v) mục tiêu chung; (vi) CDR của CTĐT; (vii) tiêu chí tuyển sinh: Theo qui chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT; (viii) cấu trúc CTDH gồm 125 tín chỉ (Kiến thức giáo dục đại cương có 30 tín chỉ; kiến thức giáo dục chuyên nghiệp có 95 tín chỉ, trong đó kiến thức cơ sở ngành là 49 tín chỉ; kiến

thức chuyên ngành là 46 tín chỉ); (ix) ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR); (x) đề cương các môn học/học phần; (xi) thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả CTĐT.

Bản mô tả CTĐT ban hành năm 2019 so với bản hành năm 2015 có một số điều chỉnh. Cụ thể điều chỉnh số học phần từ 42 học phần xuống còn 36 học phần, điều chỉnh từ 132 tín chỉ xuống còn 125 tín chỉ; tính liên thông trong cùng khối ngành; tăng thời lượng thực hành, thực tập và mang tính chất chuỗi; tính quốc tế (bổ sung học phần kế toán quốc tế); tăng số học phần tự chọn từ 2 lên 3 học phần và trong mỗi tổ hợp tăng từ 2 lên 3 lựa chọn. Tổng thể đã giảm 9 học phần, thêm 3 học phần.

Tất cả các đề cương học phần trong CTĐT ngành Kế toán có đầy đủ thông tin như: (i) Thông tin tổng quát; (ii) Mô tả học phần; (iii) Mục tiêu học phần; (iv) CĐR và mức độ giảng dạy đáp ứng; (v) Đánh giá học phần; (vi) Nội dung và kế hoạch giảng dạy; (vii) nguồn học liệu; (viii) Quy định của môn học; (ix) Phụ trách môn học; (x) Ngày phê duyệt; (xi) Cấp phê duyệt.

Nhà trường có kế hoạch rà soát, bổ sung, điều chỉnh CTĐT đại học hệ chính quy (số 2733/TB ngày 10/8/2015) có văn bản Hướng dẫn thiết kế đề cương môn học và đánh giá năng lực của SV dựa trên CĐR theo phương pháp tiếp cận CDIO (số 1447/ĐHV-ĐT ngày 9/12/2016). Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Nhà trường, Khoa Kinh tế đã triển khai rà soát tất cả các đề cương chi tiết học phần của CTĐT ngành Kế toán. Đề cương chi tiết của khóa tuyển sinh 2017-2019 có nhiều thay đổi so với đề cương chi tiết học phần của khóa tuyển sinh 2015-2017 có một số thay đổi về một số mục như Mục tiêu học phần; đánh giá học phần (phiên bản mới quy định tất cả các học phần đều đánh giá giữa kỳ bằng hình thức trắc nghiệm); Việc hướng dẫn tự học của phiên bản mới qui định cụ thể nhiệm vụ của người học. So sánh về nội dung từng chương của các học phần tương ứng trong đề cương chi tiết học phần ở hai phiên bản cho thấy nhiều học phần đã có thay đổi về số chương, bố trí số tiết của từng chương nhiệm vụ của người học, phương pháp giảng dạy v.v.

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau như trên cổng thông tin điện tử Nhà trường, giới thiệu trực tiếp cho người học, giới thiệu trong các kỳ tư vấn tuyển sinh.

Tất cả các đề cương chi tiết học phần của CTĐT ngành Kế toán được Nhà trường công bố bằng bản in được đóng thành tập để ở Văn phòng Khoa Kinh tế, được đưa lên hệ thống cổng thông tin LMS (Learning Management System) và được công khai trên trang thông tin điện tử của Khoa; các GV giới thiệu cho người học tại buổi đầu lên lớp của mỗi học phần.

Kết quả Đoàn đánh giá ngoài phỏng vấn trực tiếp các nhà tuyển dụng và cựu sinh viên và người học tại thời điểm khảo sát chính thức cho thấy đã có một số nhà tuyển dụng có nhận được danh mục các học phần trong CTĐT ngành Kế toán của Trường gửi đề nghị góp ý; cựu SV và người học cho biết đã được GV giảng dạy giới thiệu về đề cương chi tiết học phần ở buổi đầu tiên lên lớp.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng:

2.1. Những tồn tại Tiêu chuẩn 2:

Việc cập nhật những thay đổi và xu hướng hội nhập quốc tế, tác động của cuộc cách mạng lần thứ tư (còn gọi là cuộc cách mạng 4.0) trong CTĐT ngành Kế toán chưa nhiều.

Kết quả phỏng vấn trực tiếp nhóm nhà tuyển dụng cho thấy 50% trong số được phỏng vấn chưa tiếp cận các đề cương chi tiết học phần của CTĐT ngành Kế toán.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chuẩn 2:

Nhà trường nên bổ sung vào CTĐT ngành Kế toán những vấn đề liên quan đến sự phát triển và xu hướng hội nhập quốc tế, tác động của cuộc cách mạng lần thứ tư (còn gọi là cuộc cách mạng 4.0) nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế.

Nhà trường/Khoa nên có những hoạt động đa dạng hơn, như truyền thông trong các buổi tọa đàm với các nhà tuyển dụng; quảng bá về các học phần (kèm theo tóm tắt đề cương học phần) trên ứng dụng của công nghệ thông tin để các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng nắm bắt được những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm những người học ngành Kế toán sẽ đạt được khi tốt nghiệp nhằm mở rộng khả năng được tuyển dụng của sinh viên tốt nghiệp.

3. Mức đạt của Tiêu chuẩn 2:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 2	4,33
<i>Tiêu chí 2.1</i>	4
<i>Tiêu chí 2.2</i>	5
<i>Tiêu chí 2.3</i>	4

TIÊU CHUẨN 3: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Điểm mạnh Tiêu chí 3.1

CTDH ngành Kế toán thiết kế các CĐR theo 4 chủ đề là (i) Kiến thức và lập luận ngành (gồm 13 CĐR); (ii) Kỹ năng và phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp (25 CĐR); (iii) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp (gồm 11 CĐR); (iv) năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội (gồm 23 CĐR). Nhà trường có bảng Ma trận CĐR – trình độ năng lực các học phần (mục 5 QĐ 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017) với các mức (i) giảng dạy; (ii) giới thiệu; (iii) sử dụng. Ma trận CĐT - mức độ giảng dạy các học phần (mục 6 QĐ 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017) với các thang điểm từ 2,0 đến 4,5 trên thang đo 5 bậc (bậc 1 là biết; bậc 2 là hiểu; bậc 3 là vận dụng, bậc 4 là phân tích; bậc 5 là đánh giá và sáng tạo).

Nhà trường có Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017), trong đó (Điều 3) quy định điểm đánh giá học phần gồm (a) Điểm đánh giá quá trình là 50%, trong đó điểm đánh giá ý thức học tập là 10%; điểm đánh giá hồ sơ học phần là 20%; điểm đánh giá giữa kỳ là 20%; (b) Điểm đánh giá cuối kỳ là 50%. Đồng thời, Nhà trường có hướng dẫn tạm thời về việc thực hiện đánh giá quá trình trong đào tạo tiếp cận theo CDIO (số 04/HD-ĐHV ngày 30/3/2018), trong đó đã có hướng dẫn chi tiết cách đánh giá các thành phần điểm quá trình, điểm hồ sơ quá trình v.v. để bảo đảm thực hiện thống nhất trong toàn Trường.

Tất cả các đề cương chi tiết trong CTĐT ngành Kế toán ban hành năm 2017 đã mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm tại mục 6. Trong mục 6 (Kế hoạch giảng dạy) có các nội dung (i) Tuần/buổi học/số tiết; (ii) nội dung giảng dạy;

(iii) hình thức tổ chức dạy học; (iv) Chuẩn bị của SV; (v) CDR môn học; (vi) Bài đánh giá. Đối với mỗi nội dung giảng dạy được quy định rõ ràng, cụ thể hình thức tổ chức dạy học phù hợp như thuyết giảng, phát vấn, diễn cứu v.v. và yêu cầu cụ thể người học cần chuẩn bị của từng phần như nghiên cứu/đọc trước giáo trình, tài liệu, chuẩn bị máy, phân vai, chuẩn bị nhóm tương ứng với yêu cầu của từng chương/mục trong học phần.

Khoa có các phương pháp giảng dạy gồm thuyết giảng, phát vấn, diễn cứu, tranh luận, làm việc nhóm, trò chơi, đóng vai v.v. Các phương pháp giảng dạy được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần.

Khoa có hệ thống các phương pháp kiểm tra, đánh giá gồm thi trắc nghiệm, thi viết, thực hành, đồ án v.v.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 3.1

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 3.1

Khoa chưa tổ chức tổng kết đánh giá mức độ phù hợp của các phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra/đánh giá để có thể đưa ra được những điều chỉnh hoặc cải tiến đổi mới phương pháp giảng dạy và phương thức kiểm tra đánh giá khi điều chỉnh và hoàn thiện CDR và các đề cương chi tiết học phần.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 3.1

Nhà trường/Khoa nên tổ chức hội nghị/hội thảo khoa học hoặc các xe-mi-na chuyên đề để đánh giá sự phù hợp của từng phương pháp giảng dạy, học tập và các phương thức kiểm tra/đánh giá đối với từng học phần để đo lường được khách quan và chính xác nhất mức độ phù hợp với việc đạt được CDR.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 3.1: 4

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 3.2

100% các môn học/học phần trong CTDH Ngành Kế toán có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/học phần nhằm đạt được CĐR. CTDH ngành Kế toán có 36 học phần nhằm đáp ứng 73 CĐR của CTĐT với 4 trụ cột chính; trong đó có 16 học phần gồm 54 tín chỉ nhằm đáp ứng CĐR về Kiến thức và lập luận ngành; 18 học phần gồm 61 tín chỉ nhằm đáp ứng CĐR Kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp; 6 học phần gồm 17 tín chỉ nhằm đáp ứng CĐR về Kỹ năng làm việc nhóm; 17 học phần gồm 65 tín chỉ nhằm đáp ứng CĐR về năng lực thực hành nghề nghiệp trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội.

Nhà trường có văn bản hướng dẫn thiết kế đề cương môn học (số 1447/ĐHV-ĐT ngày 9/12/2016) để hướng dẫn các bộ môn thống nhất xây dựng, thiết kế đề cương chi tiết học phần. Qua nghiên cứu đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT ngành Kế toán, Đoàn ĐGN thấy tất cả các học phần đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy (mục 6), tổ hợp các phương pháp kiểm tra, đánh giá (mục 5). Đối với CTĐT ban hành năm 2017 đã xác định các phương pháp đánh chủ yếu khi thi kết thúc học phần với các phương pháp chính như sau: 11 học phần thi trắc nghiệm; 5 học phần thi bằng hình thức đồ án; 2 học phần thi thực hành; 22 học phần thi tự luận (trong đó tính cả 6 học phần trong 2 nhóm học phần tự chọn).

Nhà trường đã khảo sát ý kiến của 257/293 SV ngành Kế toán tốt nghiệp năm 2017 về nội dung “Nội dung các học phần có tính kế thừa và phù hợp với mục tiêu, yêu cầu của ngành học” với kết quả thu được là 80,3% số SV được hỏi đánh giá đạt yêu cầu trở lên. Năm 2019 khảo sát ý kiến của 328/442 SV tốt nghiệp về “Nội dung các học phần có tính kế thừa và phù hợp với mục tiêu, yêu cầu của ngành học” với kết quả thu về là 89,5% số SV được hỏi đánh giá đạt yêu cầu trở lên.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 3.2

2.1 Những tồn tại Tiêu chí 3.2

Việc xác định sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/học phần nhằm đạt được CĐR chưa thực sự khoa học và hợp lý, cụ thể: một học phần được xác định đóng góp cho khoảng 10-15 CĐR, ví dụ học phần Marketing căn bản đáp ứng 18 CĐR, học phần Kinh tế vi môn đáp ứng 15 CĐR.

Nhà trường/Khoa chưa định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan bao gồm: cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng về các nội hàm của các học phần trong CTĐT có thể hiện được việc đạt được CĐR không.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 3.2

Nhà trường/Khoa cần nghiên cứu và rà soát kỹ lưỡng nội hàm của từng học phần/môn học và CĐR của từng học phần/môn học để có những điều chỉnh và tích hợp các CĐR một cách logic và khoa học về ma trận kết nối giữa CĐR của học phần/môn học với CĐR của CTĐT ngành Kế toán để bảo đảm có sự tương thích về nội dung và thể hiện sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần vào việc đạt được CĐR của học phần và CĐR của CTĐT.

Nhà trường cần có quy định cụ thể về việc định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan bao gồm SV, GV, cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng về các nội hàm của các học phần trong CTĐT có thể hiện được việc đạt được CĐR không.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 3.2: 3

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 3.3

Các học phần trong CTDH ngành Kế toán được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất.

CTDH ngành Kế toán gồm 125 tín chỉ, 36 học phần được cấu trúc theo các khối là kiến thức giáo dục đại cương với 30 tín chỉ (chiếm tỉ lệ 24%); kiến thức cơ sở ngành gồm 49 tín chỉ (chiếm tỉ lệ 39%); kiến thức chuyên ngành có 46 tín chỉ (chiếm tỉ lệ 37%), trong đó có 2 học phần tự chọn trong 2 tổ hợp, mỗi tổ hợp có 3 học phần.

Các học phần trong CTDH được bố trí thành 8 học kỳ, trong đó các học phần thuộc khối giáo dục đại cương được bố trí phần lớn ở các học kỳ đầu, các học phần chuyên ngành được bố trí ở các học kỳ cuối theo trình tự tăng dần của quá trình tiếp thu và nhận thức của người học. Các đề cương chi tiết học phần quy định rõ các loại học phần tự chọn hay bắt buộc, các học phần có điều kiện như học phần tiên quyết hoặc học phần song hành để bảo đảm tính hợp lý của quá trình tiếp thu, nhận thức của người học và từng bước đáp ứng CDR.

Nhà trường có kế hoạch rà soát, bổ sung, điều chỉnh CTĐT đại học hệ chính quy năm 2015 (số 2733/TB-ĐHV ngày 10/8/2015), năm 2016 (số 372/ĐHV-ĐT ngày 30/3/2016), văn bản hướng dẫn xây dựng CTĐT (số 03/HD-ĐHV ngày 11/7/2019). Nhà trường đã ban hành CTĐT vào năm 2017 (QĐ số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017), năm 2019 (QĐ số 2486/QĐ-ĐHV ngày 17/9/2019).

So với CTĐT ban hành năm 2015 (QĐ số 3242/QĐ-ĐHV ngày 29/9/2014), CTĐT ban hành năm 2016 (QĐ số 1002/QĐ-ĐHV ngày 30/8/2016) đã điều chỉnh tăng thời lượng học phần Kinh tế vi mô 1 từ 4 tín chỉ lên 5 tín chỉ; tăng số tín chỉ của học phần Kế toán tài chính 1 từ 4 tín chỉ lên 5 tín chỉ, bỏ học phần Phương pháp NCKH kinh tế (2 tín chỉ) ra khỏi CTĐT (đã áp dụng từ năm 2014-2015)

So với CTĐT ban hành năm 2016 (QĐ số 1002/QĐ-ĐHV ngày 30/8/2016), CTĐT ban hành năm 2017 (QĐ số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017) đã điều chỉnh số tín chỉ từ 132 tín chỉ (đã áp dụng từ năm 2014-2016) xuống còn 125 tín chỉ.

CTĐT ban hành năm 2019 không có sự thay đổi so với CTĐT ban hành năm 2017. Qua phỏng vấn các đối tượng liên quan cho thấy Nhà trường sẽ tổng kết, đánh giá sau khi khóa đầu tiên được đào tạo theo CTĐT ban hành năm 2017 tốt nghiệp, qua đó sẽ có các kết luận về đào tạo theo hướng tiếp cận CDIO.

Nhà trường đã đối sánh với CTĐT của một số trường ĐH trong nước như Trường ĐH Kinh tế - ĐH Quốc gia Hà Nội, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, Trường ĐH Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Trường ĐH Thương mại, Trường ĐH Kinh tế Luật – ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và nước ngoài như Trường ĐH La Trobe – Úc; Trường ĐH Kent – Anh; Trường ĐH Macquarie – Úc, Trường Kinh doanh Havard - Mỹ, Trường ĐH Zurich – Thụy sĩ, Trường ĐH Oxford – Anh, Trường ĐH Canberra – Úc. Sau khi đối sánh, Nhà trường đã rút ra kết luận là hầu hết các trường ĐH trong nước xây dựng CDR trên góc độ kiến thức, kỹ năng và tự chịu trách nhiệm, trong khi các trường ĐH nước ngoài xây dựng CTĐT dựa trên 4 trụ cột của UNESCO và từ đó đã quyết định xây dựng CDR của ngành Kế toán theo 4 trụ cột là (i) Kiến thức và lập luận ngành; (ii) Kỹ năng cá nhân và đạo đức nghề nghiệp; (iii) Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm; (iv) năng lực thực hành nghề nghiệp trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội gắn với hội nhập quốc tế.

Nhà trường đã có các quyết định phê duyệt danh mục đề tài khoa học và công nghệ trọng điểm cấp trường năm 2017 (số 152/QĐ-ĐHV ngày 28/2/2017), năm 2018 (QĐ số 251/QĐ-ĐHV ngày 10/4/2018), năm 2019 (QĐ số 718/QĐ-ĐHV ngày 9/4/2019) để nghiên cứu, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức kế toán tiếp cận CDIO, để từ đó đổi mới, điều chỉnh CTĐT.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 3.3

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 3.3

Tiêu chí này không có tồn tại.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 3.3

Tiêu chí này không đề xuất khuyến nghị.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 3.3: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 3

1. Điểm mạnh Tiêu chuẩn 3:

CTDH ngành Kế toán thiết kế các CDR theo 4 chủ đề là (i) Kiến thức và lập luận ngành (gồm 13 CDR); (ii) Kỹ năng và phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp (25 CDR); (iii) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp (gồm 11 CDR); (iv) năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội (gồm 23 CDR). Nhà trường có bảng Ma trận CDR – trình độ năng lực các học phần với các mức (i) giảng dạy; (ii) giới thiệu; (iii) sử dụng. Ma trận CDT - mức độ giảng dạy các học phần với các thang điểm từ 2,0 đến 4,5 trên thang đo 5 bậc (bậc 1 là biết; bậc 2 là hiểu; bậc 3 là vận dụng, bậc 4 là phân tích; bậc 5 là đánh giá và sáng tạo).

Nhà trường có Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ, trong đó quy định điểm đánh giá học phần gồm (a) Điểm đánh giá quá trình là 50% (trong đó điểm đánh giá ý thức học tập là 10%; điểm đánh giá hồ sơ học phần là 20%; điểm đánh giá giữa kỳ là 20%); (b) Điểm đánh giá cuối kỳ là 50%. Đồng thời, Nhà trường có hướng dẫn tạm thời về việc thực hiện đánh giá quá trình trong đào tạo tiếp cận theo CDIO, trong đó đã có hướng dẫn chi tiết cách đánh giá các thành phần điểm quá trình, điểm hồ sơ quá trình

v.v. để bảo đảm thực hiện thống nhất trong toàn Trường.

Tất cả các đề cương chi tiết trong CTĐT ngành Kế toán ban hành năm 2017 đã mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Trong mục Kế hoạch giảng dạy có các nội dung (i) Tuần/buổi học/số tiết; (ii) nội dung giảng dạy; (iii) hình thức tổ chức dạy học; (iv) Chuẩn bị của SV; (v) CĐR môn học; (vi) Bài đánh giá. Đối với mỗi nội dung giảng dạy được qui định rõ ràng, cụ thể hình thức tổ chức dạy học phù hợp như thuyết giảng, phát vấn, diễn cứu v.v. và yêu cầu cụ thể người học cần chuẩn bị của từng phần như nghiên cứu/đọc trước giáo trình, tài liệu, chuẩn bị máy, phân vai, chuẩn bị nhóm tương ứng với yêu cầu của từng chương/mục trong học phần.

Khoa có các phương pháp giảng dạy gồm thuyết giảng, phát vấn, diễn cứu, tranh luận, làm việc nhóm, trò chơi, đóng vai v.v. Các phương pháp giảng dạy được qui định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần.

Khoa có hệ thống các phương pháp kiểm tra, đánh giá gồm thi trắc nghiệm, thi viết, thực hành, đồ án v.v.

100% các môn học/học phần trong CTDH Ngành Kế toán có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/học phần nhằm đạt được CĐR. CTDH ngành Kế toán có 36 học phần nhằm đáp ứng 73 CĐR của CTĐT với 4 trụ cột chính; trong đó có 16 học phần gồm 54 tín chỉ nhằm đáp ứng CĐR về Kiến thức và lập luận ngành; 18 học phần gồm 61 tín chỉ nhằm đáp ứng CĐR Kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp; 6 học phần gồm 17 tín chỉ nhằm đáp ứng CĐR về Kỹ năng làm việc nhóm; 17 học phần gồm 65 tín chỉ nhằm đáp ứng CĐR về năng lực thực hành nghề nghiệp trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội.

Nhà trường có văn bản hướng dẫn thiết kế đề cương môn học để hướng dẫn các bộ môn thống nhất xây dựng, thiết kế đề cương chi tiết học phần. Qua nghiên cứu đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT ngành Kế toán, Đoàn ĐGN thấy tất cả các học phần đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy, tổ hợp các phương

pháp kiểm tra, đánh giá. Đối với CTĐT ban hành năm 2017 đã xác định các phương pháp đánh chủ yếu khi thi kết thúc học phần với các phương pháp chính như sau: 11 học phần thi trắc nghiệm; 5 học phần thi bằng hình thức đề án; 2 học phần thi thực hành; 22 học phần thi tự luận (trong đó tính cả 6 học phần trong 2 nhóm học phần tự chọn).

Các học phần trong CTDH ngành Kế toán được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất.

CTDH ngành Kế toán gồm 125 tín chỉ, 36 học phần được cấu trúc theo các khối là kiến thức giáo dục đại cương với 30 tín chỉ (chiếm tỉ lệ 24%); kiến thức cơ sở ngành gồm 49 tín chỉ (chiếm tỉ lệ 39%); kiến thức chuyên ngành có 46 tín chỉ (chiếm tỉ lệ 37%), trong đó có 2 học phần tự chọn trong 2 tổ hợp, mỗi tổ hợp có 3 học phần.

Các học phần trong CTDH được bố trí thành 8 học kỳ, trong đó các học phần thuộc khối giáo dục đại cương được bố trí phần lớn ở các học kỳ đầu, các học phần chuyên ngành được bố trí ở các học kỳ cuối theo trình tự tăng dần của quá trình tiếp thu và nhận thức của người học. Các đề cương chi tiết học phần quy định rõ các loại học phần tự chọn hay bắt buộc, các học phần có điều kiện như học phần tiên quyết hoặc học phần song hành để bảo đảm tính hợp lý của quá trình tiếp thu, nhận thức của người học và từng bước đáp ứng CĐR.

Nhà trường có kế hoạch rà soát, bổ sung, điều chỉnh CTĐT đại học hệ chính quy năm 2015, năm 2016, văn bản hướng dẫn xây dựng CTĐT. Nhà trường đã ban hành CTĐT vào năm 2017, năm 2019.

So với CTĐT ban hành năm 2015, CTĐT ban hành năm 2016 đã điều chỉnh tăng thời lượng học phần Kinh tế vi mô 1 từ 4 tín chỉ lên 5 tín chỉ; tăng số tín chỉ của học phần Kế toán tài chính 1 từ 4 tín chỉ lên 5 tín chỉ, bỏ học phần Phương pháp NCKH kinh tế (2 tín chỉ) ra khỏi CTĐT (đã áp dụng từ năm 2014-2015)

So với CTĐT ban hành năm 2016, CTĐT ban hành năm 2017 đã điều chỉnh số tín chỉ từ 132 tín chỉ (đã áp dụng từ năm 2014-2016) xuống còn 125 tín chỉ. CTĐT

ban hành năm 2019 không có sự thay đổi so với CTĐT ban hành năm 2017. Qua phỏng vấn các đối tượng liên quan cho thấy Nhà trường sẽ tổng kết, đánh giá sau khi khóa đầu tiên được đào tạo theo CTĐT ban hành năm 2017 tốt nghiệp, qua đó sẽ có các kết luận về đào tạo theo hướng tiếp cận CDIO.

Nhà trường đã đối sánh với CTĐT của một số trường ĐH trong nước như Trường ĐH Kinh tế - ĐH Quốc gia Hà Nội, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, Trường ĐH Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Trường ĐH Thương mại, Trường ĐH Kinh tế Luật – ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và nước ngoài như Trường ĐH La Trobe – Úc; Trường ĐH Kent – Anh; Trường ĐH Macquarie – Úc, Trường Kinh doanh Havard - Mỹ, Trường ĐH Zurich – Thụy sĩ, Trường ĐH Oxford – Anh, Trường ĐH Canberra – Úc. Sau khi đối sánh, Nhà trường đã rút ra kết luận là hầu hết các trường ĐH trong nước xây dựng CDR trên góc độ kiến thức, kỹ năng và tự chịu trách nhiệm, trong khi các trường ĐH nước ngoài xây dựng CTĐT dựa trên 4 trụ cột của UNESCO và từ đó đã quyết định xây dựng CDR của ngành Kế toán theo 4 trụ cột là (i) Kiến thức và lập luận ngành; (ii) Kỹ năng cá nhân và đạo đức nghề nghiệp; (iii) Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm; (iv) năng lực thực hành nghề nghiệp trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội gắn với hội nhập quốc tế.

Nhà trường đã có các quyết định phê duyệt danh mục đề tài khoa học và công nghệ trọng điểm cấp trường năm 2017, năm 2018, năm 2019 để nghiên cứu, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức kế toán tiếp cận CDIO, để từ đó đổi mới, điều chỉnh CTĐT.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chuẩn 3:

2.1. Những tồn tại Tiêu chuẩn 3:

Khoa chưa tổ chức tổng kết đánh giá mức độ phù hợp của các phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra/đánh giá để có thể đưa ra được những điều chỉnh hoặc cải tiến đổi mới phương pháp giảng dạy và phương thức kiểm tra đánh giá khi điều chỉnh và hoàn thiện CDR và các đề cương chi tiết học phần.

Việc xác định sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/học phần nhằm đạt được CĐR chưa thực sự khoa học và hợp lý, cụ thể: một học phần được xác định đóng góp cho khoảng 10-15 CĐR, ví dụ học phần Marketing căn bản đáp ứng 18 CĐR, học phần Kinh tế vi môn đáp ứng 15 CĐR.

Nhà trường/Khoa chưa định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan bao gồm: cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng về các nội hàm của các học phần trong CTĐT có thể hiện được việc đạt được CĐR không.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chuẩn 3:

Nhà trường/Khoa nên tổ chức hội nghị/hội thảo khoa học hoặc các xe-mi-na chuyên đề để đánh giá sự phù hợp của từng phương pháp giảng dạy, học tập và các phương thức kiểm tra/đánh giá đối với từng học phần để đo lường được khách quan và chính xác nhất mức độ phù hợp với việc đạt được CĐR.

Nhà trường/Khoa cần nghiên cứu và rà soát kỹ lưỡng nội hàm của từng học phần/môn học và CĐR của từng học phần/môn học để có những điều chỉnh và tích hợp các CĐR một cách logic và khoa học về ma trận kết nối giữa CĐR của học phần/môn học với CĐR của CTĐT ngành Kế toán để bảo đảm có sự tương thích về nội dung và thể hiện sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần vào việc đạt được CĐR của học phần và CĐR của CTĐT.

Nhà trường cần có quy định cụ thể về việc định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan bao gồm SV, GV, cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng về các nội hàm của các học phần trong CTĐT có thể hiện được việc đạt được CĐR không.

3. Mức đạt của Tiêu chuẩn 3:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 3	3,67
Tiêu chí 3.1	4

<i>Tiêu chí 3.2</i>	3
<i>Tiêu chí 3.3</i>	4

TIÊU CHUẨN 4: PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC

Tiêu chí: 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Điểm mạnh Tiêu chí 4.1

Nhà trường ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục (QĐ số 3719/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2019), trong đó nêu rõ triết lý giáo dục là “Hợp tác – sáng tạo”.

Qua phỏng vấn, hầu hết GV, SV, cựu SV nắm bắt được mục tiêu, triết lý giáo dục của Nhà trường.

Nhà trường đã công khai triết lý giáo dục trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường tại địa chỉ <http://vinhuni.edu.vn/gioi-thieu/seo/truong-dai-hoc-vinh-tu-gioi-thieu-95550>, trên các vị trí trang trọng trong khuôn viên Nhà trường để mọi người dễ nhận biết, dễ đọc. Ngoài ra, nhà trường giới thiệu mục tiêu đào tạo, triết lý giáo dục trên một số ấn phẩm khác như trong các tài liệu giới thiệu về Nhà trường, tờ rơi phục vụ tư vấn tuyển sinh, trên các trang mạng như facebook, youtube v.v.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 4.1

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 4.1

Tại thời điểm khảo sát chính thức, kết quả phỏng vấn các bên liên quan cho thấy, vẫn có một vài người chưa thực sự quan tâm đến Triết lý giáo dục của Nhà trường.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 4.1

Nhà trường nên nghiên cứu cải tiến để có thể đa dạng hóa hoạt động truyền thông tuyên truyền và mở rộng phạm vi truyền thông tới đông đảo các bên liên quan để có thể lan truyền rộng rãi về Triết lý giáo dục của Nhà trường.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 4.1: 4

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 4.2

Khoa Kinh tế đã có các phương pháp giảng dạy, hoạt động dạy-học phù hợp với đặc điểm của từng học phần để đạt được CDR. Các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy của CTĐT ngành Kế toán đa dạng bao gồm thuyết giảng, giải quyết tình huống, thảo luận, làm đồ án, thực hành, thảo luận nhóm, làm dự án v.v. Trong các đề cương chi tiết học phần có nêu cụ thể từng phương pháp giảng dạy, học tập của mỗi học phần.

Vào buổi đầu tiên của học phần, GV đã giới thiệu nội dung, chương trình học phần, các phương pháp học tập của học phần, tài liệu bắt buộc, tài liệu tham khảo, chuẩn bị bài trước khi đến lớp v.v. cho SV. Tùy theo đặc thù của mỗi học phần, GV sử dụng các công cụ hỗ trợ học tập, giảng dạy khác nhau để truyền tải kiến thức nhằm giúp SV chủ động lĩnh hội kiến thức để đạt CDR. Nhà trường, Khoa Kinh tế đã tổ chức một số hội nghị trao đổi kinh nghiệm triển khai CTĐT theo hướng tiếp cận CDIO (học kỳ 1 năm học 2017-2018), qua đó trao đổi kinh nghiệm đã học tập từ một số trường ĐH đã triển khai phương pháp CDIO, nêu những khó khăn, thuận lợi trong quá trình triển khai tại Khoa để cùng trao đổi, rút kinh nghiệm và đi đến thống nhất phương pháp giảng dạy cho toàn Khoa. Nhà trường đã tổ chức một số cuộc thi để SV trong toàn Trường nói chung và SV ngành Kế toán nói riêng rèn luyện kỹ năng nghề

nghiệp, tổ chức cho SV đi thực tế doanh nghiệp v.v.

Trong đề cương chi tiết học phần có quy định cụ thể các hoạt động giảng dạy, đánh giá cho từng chương trong học phần. Căn cứ vào nội dung của học phần, giảng viên lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp để giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR. Qua phỏng vấn, GV cho thấy GV đã áp dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy, người học được tham gia nhiều hoạt động như tự nghiên cứu, làm việc nhóm, đóng vai v.v.

Nhà trường ban hành Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Nhà trường (QĐ số 1307/QĐ-ĐHV ngày 1/11/2016). Sau khi kết thúc học phần, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV. Về nội dung “người dạy có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu, khai thác và sử dụng hiệu quả các phương tiện, thiết bị dạy học”, năm 2016, khảo sát 2.037/2141 người học ngành Kế toán có 96,7% số người được hỏi đánh giá từ mức “khá” trở lên. Năm 2017 khảo sát 1976/2023 người học ngành Kế toán có 96,6% số người được hỏi đánh giá từ mức “khá” trở lên. Năm 2018 khảo sát 1921/1994 người học ngành Kế toán có 96,8% số người được hỏi đánh giá từ mức “khá” trở lên. Năm 2019, khảo sát 2122/2194 người học ngành Kế toán, có 96,5% số người được hỏi đánh giá từ mức “khá” trở lên.

Khảo sát SV trước khi tốt nghiệp về nội dung “giảng viên có kỹ năng sư phạm và sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau”. Năm 2017 khảo sát 325/411 người học có kết quả 82,2% đánh giá từ mức “khá” trở lên. Năm 2018, khảo sát 249/275 người học có kết quả 83,5% số người được hỏi đánh giá từ mức “khá” trở lên. Năm 2019, khảo sát 410/464 người học có kết quả 89,3% số người được hỏi đánh giá từ mức “khá” trở lên.

Khoa Kinh tế thường xuyên tổ chức dự giờ giảng của giảng viên, thông qua dự giờ đã đánh giá cả về nội dung và phương pháp giảng dạy của GV. Qua nghiên cứu hồ sơ dự giờ thấy GV đã hài lòng với phương pháp hoạt động dạy học đã được thực hiện.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 4.2

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 4.2

Kết quả khảo sát SV cho thấy còn một tỉ lệ nhỏ đánh giá hoạt động giảng dạy của GV về phương pháp giảng dạy, kỹ năng sư phạm v.v. chưa đạt yêu cầu.

Việc thu thập ý kiến về sự hài lòng của GV đối với các hoạt động giảng dạy và các phương pháp học tập khá đơn giản, nên kết quả chưa đảm bảo độ chính xác.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 4.2

Nhà trường/Khoa cần tìm hiểu vì sao vẫn còn có ý kiến SV chưa hài lòng với hoạt động giảng dạy và kỹ năng sư phạm của GV để từ đó đưa ra những giải pháp khắc phục phù hợp.

Nhà trường/Khoa cần có quy định về việc định kỳ hằng năm thực hiện việc khảo sát GV về mức độ hài lòng đối với hoạt động giảng dạy kèm theo các hướng dẫn cụ thể về việc phân tích đánh giá các kết quả khảo sát nhằm thu thập được các số liệu tin cậy phục vụ việc đổi mới hoạt động giảng dạy và học tập. Đồng thời, Nhà trường cần có cơ chế giám sát việc triển khai thực hiện nhiệm vụ định kỳ khảo sát này.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 4.2: 4

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 4.3

100% đề cương chi tiết các môn học/học phần mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Tất cả các đề cương chi tiết trong CTĐT ngành Kế toán ban hành

năm 2017 đã mô tả rõ việc sử dụng các phương giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm tại mục 6. Trong mục 6 (Kế hoạch giảng dạy) có các nội dung (i) Tuần/buổi học/số tiết; (ii) nội dung giảng dạy; (iii) hình thức tổ chức dạy học; (iv) Chuẩn bị của SV; (v) CDR môn học; (vi) Bài đánh giá. Đối với mỗi nội dung giảng dạy được qui định rõ ràng, cụ thể hình thức tổ chức dạy học phù hợp như thuyết giảng, phát vấn, diễn cứu v.v. và yêu cầu cụ thể người học cần chuẩn bị của từng phần như nghiên cứu/đọc trước giáo trình, tài liệu, chuẩn bị máy, phân vai, chuẩn bị nhóm tương ứng với yêu cầu của từng chương/mục trong học phần. Trong bảng Ma trận CDR đã xác định rõ yêu cầu của từng học phần và mức độ đóng góp của từng học phần nhằm đạt được CDR.

Trong đề cương chi tiết tất cả các học phần đã quy định rõ số giờ tự học chung cho cả học phần và giờ tự học, chuẩn bị của từng chương, định hướng, gợi mở cho người học nghiên cứu, làm việc nhóm. Các học phần có quy định mức độ ứng dụng của học phần nhằm nâng cao khả năng vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn và hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

Trong đề cương chi tiết học phần có quy định rõ các phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập, trong đó có các hoạt động nhằm rèn luyện kỹ năng và khả năng học tập suốt đời của người học như kỹ năng tự đọc, tự nghiên cứu, tìm kiếm tài liệu liên quan đến ngành học.

Qua phỏng vấn cựu SV, SV cho thấy GV có sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 4.3

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 4.3

Tại thời điểm khảo sát chính thức, kết quả Đoàn ĐGN phỏng vấn nhóm nhà tuyển dụng cho thấy một số cựu SV của ngành Kế toán, mặc dù đã có thời gian làm kế toán tại các doanh nghiệp, nhưng vẫn chưa xác định rõ ràng được về tương lai của

ngành kế toán để định hướng tự học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, học tập suốt đời.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 4.3

Nhà trường/Khoa nên định kỳ hằng năm tổ chức mời những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán và cựu sinh viên giao lưu với SV của Khoa về nghề kế toán, qua đó có những chia sẻ hỗ trợ các SV ngành Kế toán hiểu sâu hơn về ngành nghề cũng như góp phần tạo dựng được đam mê nghề nghiệp và góp phần định hướng nghề nghiệp rõ ràng cho SV ngay từ khi còn đang học trong Trường.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 4.3: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 4

1. Điểm mạnh Tiêu chuẩn 4:

Nhà trường ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục, trong đó nêu rõ triết lý giáo dục là “Hợp tác – sáng tạo”.

Qua phỏng vấn, hầu hết GV, SV, cựu SV nắm bắt được mục tiêu, triết lý giáo dục của Nhà trường.

Nhà trường đã công khai triết lý giáo dục trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường, trên các vị trí trang trọng trong khuôn viên Nhà trường để mọi người dễ nhận biết, dễ đọc. Ngoài ra, nhà trường giới thiệu mục tiêu đào tạo, triết lý giáo dục trên một số ấn phẩm khác như trong các tài liệu giới thiệu về Nhà trường, tờ rơi phục vụ tư vấn tuyển sinh, trên các trang mạng như facebook, youtube v.v.

Khoa Kinh tế đã có các phương pháp giảng dạy, hoạt động dạy-học phù hợp với đặc điểm của từng học phần để đạt được CDR. Các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy của CTĐT ngành Kế toán đa dạng bao gồm thuyết giảng, giải quyết tình

huống, thảo luận, làm đồ án, thực hành, thảo luận nhóm, làm dự án v.v. Trong các đề cương chi tiết học phần có nêu cụ thể từng phương pháp giảng dạy, học tập của mỗi học phần.

Vào buổi đầu tiên của học phần, GV đã giới thiệu nội dung, chương trình học phần, các phương pháp học tập của học phần, tài liệu bắt buộc, tài liệu tham khảo, chuẩn bị bài trước khi đến lớp v.v. cho SV. Tùy theo đặc thù của mỗi học phần, GV sử dụng các công cụ hỗ trợ học tập, giảng dạy khác nhau để truyền tải kiến thức nhằm giúp SV chủ động lĩnh hội kiến thức để đạt CĐR. Nhà trường, Khoa Kinh tế đã tổ chức một số hội nghị trao đổi kinh nghiệm triển khai CTĐT theo hướng tiếp cận CDIO, qua đó trao đổi kinh nghiệm đã học tập từ một số trường ĐH đã triển khai phương pháp CDIO, nêu những khó khăn, thuận lợi trong quá trình triển khai tại Khoa để cùng trao đổi, rút kinh nghiệm và đi đến thống nhất phương pháp giảng dạy cho toàn Khoa. Nhà trường đã tổ chức một số cuộc thi để SV trong toàn Trường nói chung và SV ngành Kế toán nói riêng rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, tổ chức cho SV đi thực tế doanh nghiệp v.v.

Trong đề cương chi tiết học phần có quy định cụ thể các hoạt động giảng dạy, đánh giá cho từng chương trong học phần. Căn cứ vào nội dung của học phần, giảng viên lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp để giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. Qua phỏng vấn, GV cho thấy GV đã áp dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy, người học được tham gia nhiều hoạt động như tự nghiên cứu, làm việc nhóm, đóng vai v.v.

Nhà trường có QĐ ban hành Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Nhà trường. Sau khi kết thúc học phần, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV.

Khoa Kinh tế thường xuyên tổ chức dự giờ giảng của giảng viên, thông qua dự giờ đã đánh giá cả về nội dung và phương pháp giảng dạy của GV. Qua nghiên cứu hồ sơ dự giờ thấy GV đã hài lòng với phương pháp hoạt động dạy học đã được thực hiện.

100% đề cương chi tiết các môn học/học phần mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Tất cả các đề cương chi tiết trong CTĐT ngành Kế toán ban hành năm 2017 đã mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Trong Kế hoạch giảng dạy có các nội dung (i) Tuần/buổi học/số tiết; (ii) nội dung giảng dạy; (iii) hình thức tổ chức dạy học; (iv) Chuẩn bị của SV; (v) CDR môn học; (vi) Bài đánh giá. Đối với mỗi nội dung giảng dạy được qui định rõ ràng, cụ thể hình thức tổ chức dạy học phù hợp như thuyết giảng, phát vấn, diễn cứu v.v. và yêu cầu cụ thể người học cần chuẩn bị của từng phần như nghiên cứu/đọc trước giáo trình, tài liệu, chuẩn bị máy, phân vai, chuẩn bị nhóm tương ứng với yêu cầu của từng chương/mục trong học phần. Trong bảng Ma trận CDR đã xác định rõ yêu cầu của từng học phần và mức độ đóng góp của từng học phần nhằm đạt được CDR.

Trong đề cương chi tiết tất cả các học phần đã quy định rõ số giờ tự học chung cho cả học phần và giờ tự học, chuẩn bị của từng chương, định hướng, gợi mở cho người học nghiên cứu, làm việc nhóm. Các học phần có quy định mức độ ứng dụng của học phần nhằm nâng cao khả năng vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn và hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

Trong đề cương chi tiết học phần có quy định rõ các phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập, trong đó có các hoạt động nhằm rèn luyện kỹ năng và khả năng học tập suốt đời của người học như kỹ năng tự đọc, tự nghiên cứu, tìm kiếm tài liệu liên quan đến ngành học.

Qua phỏng vấn cựu SV, SV cho thấy GV có sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chuẩn 4:

2.1. Những tồn tại Tiêu chuẩn 4:

Tại thời điểm khảo sát chính thức, kết quả phỏng vấn các bên liên qua cho thấy, vẫn có một vài người chưa thực sự quan tâm đến Triết lý giáo dục của Nhà trường.

Kết quả khảo sát SV cho thấy còn một tỉ lệ nhỏ đánh giá hoạt động giảng dạy của GV về phương pháp giảng dạy, kỹ năng sư phạm v.v. chưa đạt yêu cầu.

Việc thu thập ý kiến về sự hài lòng của GV đối với các hoạt động giảng dạy và các phương pháp học tập khá đơn giản, nên kết quả chưa đảm bảo độ chính xác.

Tại thời điểm khảo sát chính thức, kết quả Đoàn ĐGN phỏng vấn nhóm nhà tuyển dụng cho thấy một số cựu SV của ngành Kế toán, mặc dù đã có thời gian làm kế toán tại các doanh nghiệp, nhưng vẫn chưa xác định rõ ràng được về tương lai của nghề kế toán để định hướng tự học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, học tập suốt đời.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chuẩn 4:

Nhà trường nên nghiên cứu cải tiến để có thể đa dạng hóa hoạt động truyền thông tuyên truyền và mở rộng phạm vi truyền thông tới đông đảo các bên liên quan để có thể lan truyền rộng rãi về Triết lý giáo dục của Nhà trường.

Nhà trường/Khoa cần tìm hiểu vì sao vẫn còn có ý kiến SV chưa hài lòng với hoạt động giảng dạy và kỹ năng sư phạm của GV để từ đó đưa ra những giải pháp khắc phục phù hợp.

Nhà trường/Khoa cần có quy định về việc định kỳ hằng năm thực hiện việc khảo sát GV về mức độ hài lòng đối với hoạt động giảng dạy kèm theo các hướng dẫn cụ thể về việc phân tích đánh giá các kết quả khảo sát nhằm thu thập được các số liệu tin cậy phục vụ việc đổi mới hoạt động giảng dạy và học tập. Đồng thời, Nhà trường cần có cơ chế giám sát việc triển khai thực hiện nhiệm vụ định kỳ khảo sát này.

Nhà trường/Khoa nên định kỳ hằng năm tổ chức mời những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán và cựu sinh viên giao lưu với SV của Khoa về nghề kế toán, qua đó có những chia sẻ hỗ trợ các SV ngành Kế toán hiểu sâu hơn về ngành nghề cũng như góp phần tạo dựng được đam mê nghề nghiệp và góp phần định hướng nghề nghiệp rõ ràng cho SV ngay từ khi còn đang học trong Trường.

3. Mức đạt của Tiêu chuẩn 4:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 4	4,00
<i>Tiêu chí 4.1</i>	4
<i>Tiêu chí 4.2</i>	4
<i>Tiêu chí 4.3</i>	4

TIÊU CHUẨN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Điểm mạnh Tiêu chí 5.1

Nhà trường có Quy định tạm thời về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017), trong đó việc đánh giá kết quả học tập được quy định tại điều 15; Việc tổ chức thi đánh giá cuối kỳ được quy định tại điều 16; Hình thức đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ và đề thi được quy định tại điều 17. Lịch thi được thông báo công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường.

Nhà trường có Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo học chế tín chỉ (số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017), trong đó, Điều 15 quy định cụ thể về tổ chức thi cuối kỳ với một số nội dung chính như câu hỏi thi cuối kỳ tối thiểu đạt đến mức độ 3 tùy thuộc vào thang đánh giá trình độ năng lực của học phần. Nhà trường có Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần (số 132/QĐ-ĐHV ngày 23/2/2017), trong đó quy định đề thi tự luận gồm 3 câu (1 câu 5 điểm, 1 câu 3 điểm; 1 câu 2 điểm) hoặc 2 câu, mỗi câu 5 điểm; người ra đề thi phải trực tiếp làm đáp án và thang điểm chi tiết cho từng câu hỏi (chi tiết đến 0,25 điểm đối với các ngành khoa học tự nhiên và chi tiết đến 0,5 điểm đối với các ngành khoa học xã hội), đảm bảo tính chính xác và phù hợp với đề cương học phần, nộp để đưa vào ngân hàng đề thi của Trường (Điều 5); Đề thi trắc nghiệm khách quan tùy thuộc vào số tín chỉ (40 câu đối với học phần có 2 tín chỉ; 50 câu đối với học phần có 3 tín chỉ; 60 câu đối với học phần từ 4 tín chỉ trở lên).

Qua phỏng vấn nhóm GV, Đoàn ĐGN thấy các GV đã được hướng dẫn, thảo luận và tham gia xây dựng, các phương pháp kiểm tra đánh giá của học phần. Nghiên

cứu sâu một số bảng theo dõi điểm quá trình của một số học phần, Đoàn ĐGN thấy GV đã sử dụng nhiều phương pháp để theo dõi, đánh giá quá trình học tập của người học.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 5.1

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 5.1

Các văn bản/quy định về việc đánh giá kết quả học tập của người học được ban hành dưới hình thức “Tạm thời” và ban hành ở nhiều văn bản khác nhau nên có nhiều điểm trùng lặp, do vậy việc triển khai thực hiện và theo dõi đánh giá tình hình thực hiện không thuận tiện.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 5.1

Nhà trường cần rà soát và hệ thống hóa lại các văn bản liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của người học để từ đó hợp nhất các văn bản liên quan thành một văn bản để chính thức ban hành quy định về việc đánh giá kết quả học tập của người học nhằm đảm bảo tính hệ thống của văn bản và thuận tiện cho GV, SV nắm bắt, triển khai thực hiện.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 5.1: 4

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 5.2

Các quy định của Nhà trường về đánh giá kết quả học tập của người học đã quy định rõ thời gian, hình thức, tiêu chí, trọng số và cơ chế phản hồi. Việc đánh giá kết quả học tập được quy định tại Điều 15 (trong đó quy định trọng số của điểm đánh giá

ý thức là 10%; đánh giá hồ sơ học phần là 20%, đánh giá giữa kỳ là 20%; điểm đánh giá cuối kỳ là 50%), việc tổ chức thi đánh giá cuối kỳ được quy định tại Điều 16, hình thức đánh giá giữa kỳ, đánh giá giữa kỳ và đề thi được quy định tại Điều 17, việc phúc tra, khiếu nại được quy định tại Điều 18 QĐ 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2107. Việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần được quy định tại QĐ số 132/QĐ-ĐHV ngày 23/2/107. Việc chấm thi học phần được quy định tại Điều 14, Việc thông báo kết quả đánh giá học phần được quy định tại Điều 16 (trong đó quy định kết quả điểm thông báo cho SV chậm nhất 20 ngày ngày thi cuối kỳ), QĐ số 1262 ngày 13/11/2017. Việc phúc tra, khiếu nại quy định tại Điều 27, 28 Quy chế thực hiện một cửa tại QĐ số 706/QĐ-ĐHV ngày 16/6/2016.

Nhà trường đã công bố các tài liệu/hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường, được phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân, được GV phổ biến trong buổi đầu tiên của học phần, được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và trong cuốn cẩm nang SV.

Qua phỏng vấn cựu SV, SV, Đoàn ĐGN thấy hầu hết sinh viên nắm bắt được các quy định về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 5.2

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 5.2

Kết quả Đoàn ĐGN phỏng vấn trực tiếp nhóm SV cho thấy vẫn còn một số SV chưa nắm bắt được đầy đủ các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của các học phần.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 5.2

Nhà trường/Khoa nên phối hợp với Đoàn TN và Hội Sinh viên, cố vấn học tập

để có các giải pháp phù hợp hơn nhằm tuyên truyền, phổ biến về nội quy, quy chế đào tạo, đặc biệt các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập để người học nắm bắt được đầy đủ hơn các quy định này.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 5.2: 5

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 5.3

Nhà trường, Khoa đã áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Điểm đánh giá học phần gồm 2 thành phần là (i) Đánh giá quá trình (có tỉ lệ 50% gồm điểm đánh giá ý thức học tập (10%); Hồ sơ học phần (20%); Đánh giá giữa kỳ (20) và (ii) Đánh giá cuối kỳ (có tỉ lệ 50%). Đối với điểm đánh giá ý thức học tập và Hồ sơ học phần do giảng viên đánh giá với các tiêu chí cụ thể như sự tham gia học tập trên lớp, chuẩn bị tài liệu, bài thu hoạch, bài tập cá nhân v.v. Đối với bài đánh giá giữa kỳ được Nhà trường tổ chức thi trắc nghiệm. Đối với đánh giá cuối kỳ có nhiều hình thức khác nhau như thi tự luận, trắc nghiệm khách quan đề án, thực hành v.v. Trong số 40 học phần (có 6 học phần thuộc 2 tổ hợp tự chọn) của CTĐT ngành Kế toán có 11 học phần thi trắc nghiệm, 22 học phần thi tự luận, 5 học phần đề án, 2 học phần thực hành.

Nhà trường có quy định về coi thi học phần (chương III), chấm thi học phần (Chương IV) của QĐ số 1262 ngày 13/11/2017, trong đó đã quy định cụ thể việc tổ chức thi, cán bộ coi thi, dồn túi, cất phách v.v. nhằm đảm bảo sự công bằng, khách quan. Nhà trường có ngân hàng đề thi của các học phần tự luận và trắc nghiệm. Việc xây dựng ngân hàng đề thi được triển khai dưới các đề tài NCKH, sau khi hoàn thành được nghiệm thu và đưa vào sử dụng nhằm đảm bảo đo lường được các yêu cầu của CĐR. Trong thời gian khảo sát tại Trường, Đoàn ĐGN đã tham quan khu vực tổ

chức chấm thi của Nhà trường và nhận thấy việc bố trí khu vực làm phách, chấm thi bảo đảm an toàn, tập trung, nghiêm túc. Các bài thi được cắt phách, có chữ ký của 2 GV chấm.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 5.3

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 5.3

Trong thời gian ĐGN, Đoàn ĐGN đề nghị Nhà trường lấy ngẫu nhiên 3 túi bài thi và thấy trong mỗi phòng thi chỉ có 1 mã đề thi. Kiểm tra đáp án của 3 túi bài thi này thấy đáp án không được làm thống nhất, điểm thành phần của một số câu chưa chi tiết, nội dung đáp án còn đơn giản, sơ xài; nhiều câu chấm chưa cho điểm chi tiết đến 0,5 điểm.

Nhà trường/Khoa chưa định lượng đánh giá được độ giá trị và độ tin cậy của các phương thức thi để lượng hóa được mức độ các phương thức thi đo lường được mức độ đạt CDR của người học.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 5.3

Nhà trường nên qui định thống nhất hình thức của đáp án để bảo đảm sự thống nhất chung, tạo điều kiện cho GV chấm thi chính xác, khách quan, công bằng; đồng thời cần quy định điểm chi tiết đến 0,5 điểm hoặc dưới 0,5 để đảm bảo kết quả chấm có độ chính xác cao.

Nhà trường/Khoa cần có phần mềm chuyên dụng để định lượng đánh giá được độ giá trị và độ tin cậy của các phương thức thi để lượng hóa được mức độ các phương thức thi đo lường được mức độ đạt CDR của người học.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 5.3: 3

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 5.4

Nhà trường có các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học. Việc thông báo kết quả đánh giá học phần được quy định tại Điều 16 (trong đó quy định kết quả điểm thông báo cho SV chậm nhất 20 ngày sau ngày thi cuối kỳ) của QĐ số 1262 ngày 13/11/2017. Việc phúc tra, khiếu nại quy định tại Điều 27, 28 Quy chế thực hiện một cửa tại QĐ số 706/QĐ-ĐHV ngày 16/6/2016.

Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến GV và người học thông qua nhiều hình thức khác nhau như công bố trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường, phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, qua đội ngũ CVHT v.v.

Nhà trường đã khảo sát ý kiến SV trước khi tốt nghiệp về “Người dạy công bố điểm chuyên cần, giữa kỳ công khai trước lớp khi kết thúc môn học và đảm bảo tính công bằng, khách quan”. Năm 2016 khảo sát 2037/2141 SV, kết quả thu được là 97% đánh giá từ mức “khá” trở lên. Năm 2017 khảo sát 1976/2023 SV với kết quả là 96,6% đánh giá từ mức “khá” trở lên. Năm 2018 khảo sát 1921/1994 SV với kết quả thu được là 96,6% đánh giá từ mức “khá” trở lên. Năm 2019 khảo sát 2122/2194 SV với kết quả đạt được là 97% SV được hỏi đánh giá từ mức “khá” trở lên.

Qua phỏng vấn cựu SV, SV, Đoàn ĐGN thấy kết quả đánh giá được gửi tới tài khoản của SV đúng thời gian qui định của Nhà trường. Trên cơ sở thông báo kết quả đánh giá, người học đã có điều kiện chủ động xây dựng kế hoạch học tập cá nhân hoặc cải thiện việc học tập.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 5.4

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 5.4

Tiêu chí này không có tồn tại.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 5.4

Tiêu chí này không có đề xuất khuyến nghị.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 5.4: 4

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 5.5

Nhà trường đã phổ biến các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường. Vào tiết đầu tiên của học phần, GV đã phổ biến về việc đánh giá học phần. Nhà trường có bộ phận “Một cửa” để nhận các loại đơn từ, khiếu nại v.v.

Kết quả phỏng vấn trực tiếp nhóm người học tại thời điểm khảo sát chính thức cho thấy, người học đã nắm bắt được một số nội dung quy định về việc khiếu nại kết quả học tập.

Theo thống kê của Nhà trường, trong giai đoạn từ học kỳ 1 năm học 2015-2016 đến học kỳ 1 năm học 2019-2020 có 157 SV ngành Kế toán có đơn xin phúc khảo bài thi, trong đó có 9 trường hợp có thay đổi điểm. Qua phỏng vấn, có 3/20 SV có đơn xin phúc khảo nhưng kết quả không thay đổi. Hầu hết cựu SV, SV cho biết việc giải quyết khiếu nại về kết quả học tập là kịp thời, thỏa đáng.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 5.5

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 5.5

Việc công bố điểm đánh giá học phần trên cổng thông tin điện tử của Trung tâm ĐBCL để người học tự rà soát được triển khai không thường xuyên.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 5.5

Nhà trường nên nghiên cứu để cải tiến việc thông báo điểm trên cổng thông tin điện tử để người học tự rà soát điểm đánh giá học phần; đồng thời cần có cơ chế giám sát việc thực hiện này để đảm bảo hoạt động này được triển khai đúng quy định.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 5.5: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 5

1. Điểm mạnh Tiêu chuẩn 5:

Nhà trường có Quy định tạm thời về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ, trong đó việc đánh giá kết quả học tập; việc tổ chức thi đánh giá cuối kỳ; Hình thức đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ và đề thi v.v. Lịch thi được thông báo công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường.

Nhà trường có Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo học chế tín chỉ, trong đó, quy định cụ thể về tổ chức thi cuối kỳ với một số nội dung chính như câu hỏi thi cuối kỳ tối thiểu đạt đến mức độ 3 tùy thuộc vào thang đánh giá trình độ năng lực của học phần. Nhà trường có Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần, trong đó quy định đề thi tự luận gồm 3 câu (1 câu 5 điểm, 1 câu 3 điểm; 1 câu 2 điểm) hoặc 2 câu, mỗi câu 5 điểm; người ra đề thi phải trực tiếp làm đáp án và thang điểm chi tiết cho từng câu hỏi (chi tiết đến 0,25 điểm đối với các ngành khoa học tự nhiên

và chi tiết đến 0,5 điểm đối với các ngành khoa học xã hội), đảm bảo tính chính xác và phù hợp với đề cương học phần, nộp đề đưa vào ngân hàng đề thi của Trường; Đề thi trắc nghiệm khách quan tùy thuộc vào số tín chỉ (40 câu đối với học phần có 2 tín chỉ; 50 câu đối với học phần có 3 tín chỉ; 60 câu đối với học phần từ 4 tín chỉ trở lên).

Qua phỏng vấn nhóm GV, Đoàn ĐGN thấy các GV đã được hướng dẫn, thảo luận và tham gia xây dựng, các phương pháp kiểm tra đánh giá của học phần. Nghiên cứu sâu một số bảng theo dõi điểm quá trình của một số học phần, Đoàn ĐGN thấy GV đã sử dụng nhiều phương pháp để theo dõi, đánh giá quá trình học tập của người học.

Các quy định của Nhà trường về đánh giá kết quả học tập của người học đã quy định rõ thời gian, hình thức, tiêu chí, trọng số và cơ chế phản hồi. Việc đánh giá kết quả học tập được trọng số của điểm đánh giá ý thức là 10%; đánh giá hồ sơ học phần là 20%, đánh giá giữa kỳ là 20%; điểm đánh giá cuối kỳ là 50%. Quy định việc tổ chức thi đánh giá cuối kỳ, hình thức đánh giá giữa kỳ, đánh giá giữa kỳ và đề thi; việc phúc tra, khiếu nại v.v. Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần. Quy định về việc chấm thi học phần, thông báo kết quả đánh giá học phần (trong đó quy định kết quả điểm thông báo cho SV chậm nhất 20 ngày ngày thi cuối kỳ), việc phúc tra, khiếu nại quy định tại Quy chế thực hiện một cửa.

Nhà trường đã công bố các tài liệu/hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường, được phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân, được GV phổ biến trong buổi đầu tiên của học phần, được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và trong cuốn cẩm nang SV.

Qua phỏng vấn cựu SV, SV, Đoàn ĐGN thấy hầu hết sinh viên nắm bắt được các quy định về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học.

Nhà trường, Khoa đã áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Điểm đánh giá học phần gồm 2 thành phần là (i) Đánh giá quá trình (có tỉ lệ 50% gồm điểm đánh giá ý thức học tập (10%); Hồ sơ học phần (20%); Đánh giá giữa kỳ (20) và (ii) Đánh giá cuối kỳ (có tỉ lệ 50%). Đối với điểm đánh giá ý thức học tập và Hồ sơ học phần do giảng viên đánh giá với các tiêu chí cụ thể như sự tham gia học tập trên lớp, chuẩn bị tài liệu, bài thu hoạch, bài tập cá nhân v.v. Đối với bài đánh giá giữa kỳ được Nhà trường tổ chức thi trắc nghiệm. Đối với đánh giá cuối kỳ có nhiều hình thức khác nhau như thi tự luận, trắc nghiệm khách quan đề án, thực hành v.v. Trong số 40 học phần (có 6 học phần thuộc 2 tổ hợp tự chọn) của CTĐT ngành Kế toán có 11 học phần thi trắc nghiệm, 22 học phần thi tự luận, 5 học phần đề án, 2 học phần thực hành.

Nhà trường có quy định về coi thi học phần chấm thi học phần, trong đó đã quy định cụ thể việc tổ chức thi, cán bộ coi thi, dồn túi, cắt phách v.v. nhằm đảm bảo sự công bằng, khách quan. Nhà trường có ngân hàng đề thi của các học phần tự luận và trắc nghiệm. Việc xây dựng ngân hàng đề thi được triển khai dưới các đề tài NCKH, sau khi hoàn thành được nghiệm thu và đưa vào sử dụng nhằm đảm bảo đo lường được các yêu cầu của CDR. Trong thời gian khảo sát tại Trường, Đoàn ĐGN đã tham quan khu vực tổ chức chấm thi của Nhà trường và nhận thấy việc bố trí khu vực làm phách, chấm thi bảo đảm an toàn, tập trung, nghiêm túc. Các bài thi được cắt phách, có chữ ký của 2 GV chấm.

Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến GV và người học thông qua nhiều hình thức khác nhau như công bố trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường, phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, qua đội ngũ CVHT v.v.

Nhà trường đã khảo sát ý kiến SV trước khi tốt nghiệp về “Người dạy công bố điểm chuyên cần, giữa kỳ công khai trước lớp khi kết thúc môn học và đảm bảo tính công bằng, khách quan”. Trên cơ sở thông báo kết quả đánh giá, người học đã có điều kiện chủ động xây dựng kế hoạch học tập cá nhân hoặc cải thiện việc học tập.

Nhà trường đã phổ biến các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường. Vào tiết đầu tiên của học phần, GV đã phổ biến về việc đánh giá học phần. Nhà trường có bộ phận “Một cửa” để nhận các loại đơn từ, khiếu nại v.v.

Kết quả phỏng vấn trực tiếp nhóm người học tại thời điểm khảo sát chính thức cho thấy, người học đã nắm bắt được một số nội dung quy định về việc khiếu nại kết quả học tập.

Theo thống kê của Nhà trường, trong giai đoạn từ học kỳ 1 năm học 2015-2016 đến học kỳ 1 năm học 2019-2020 có 157 SV ngành Kế toán có đơn xin phúc khảo bài thi, trong đó có 9 trường hợp có thay đổi điểm. Qua phỏng vấn, có 3/20 SV có đơn xin phúc khảo nhưng kết quả không thay đổi. Hầu hết cựu SV, SV cho biết việc giải quyết khiếu nại về kết quả học tập là kịp thời, thỏa đáng.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 5:

2.1. Những tồn tại Tiêu chuẩn 5:

Các văn bản/quy định về việc đánh giá kết quả học tập của người học được ban hành dưới hình thức “Tạm thời“ và ban hành ở nhiều văn bản khác nhau nên có nhiều điểm trùng lặp, do vậy việc triển khai thực hiện và theo dõi đánh giá tình hình thực hiện không thuận tiện.

Kết quả Đoàn ĐGN phỏng vấn trực tiếp nhóm SV cho thấy vẫn còn một số SV chưa nắm bắt được đầy đủ các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của các học phần.

Trong thời gian ĐGN, Đoàn ĐGN đề nghị Nhà trường lấy ngẫu nhiên 3 túi bài thi và thấy trong mỗi phòng thi chỉ có 1 mã đề thi. Kiểm tra đáp án của 3 túi bài thi

này thấy đáp án không được làm thống nhất, điểm thành phần của một số câu chưa chi tiết, nội dung đáp án còn đơn giản, sơ xài; nhiều câu chấm chưa cho điểm chi tiết đến 0,5 điểm.

Nhà trường/Khoa chưa định lượng đánh giá được độ giá trị và độ tin cậy của các phương thức thi để lượng hóa được mức độ các phương thức thi đo lường được mức độ đạt CDR của người học.

Việc công bố điểm đánh giá học phần trên cổng thông tin điện tử của Trung tâm ĐBCL để người học tự rà soát được triển khai không thường xuyên.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chuẩn 5:

Nhà trường cần rà soát và hệ thống hóa lại các văn bản liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của người học để từ đó hợp nhất các văn bản liên quan thành một văn bản để chính thức ban hành quy định về việc đánh giá kết quả học tập của người học nhằm đảm bảo tính hệ thống của văn bản và thuận tiện cho GV, SV nắm bắt, triển khai thực hiện.

Nhà trường/Khoa nên phối hợp với Đoàn TN và Hội Sinh viên, cố vấn học tập để có các giải pháp phù hợp hơn nhằm tuyên truyền, phổ biến về nội quy, quy chế đào tạo, đặc biệt các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập để người học nắm bắt được đầy đủ hơn các quy định này.

Nhà trường nên qui định thống nhất hình thức của đáp án để bảo đảm sự thống nhất chung, tạo điều kiện cho GV chấm thi chính xác, khách quan, công bằng; đồng thời cần quy định điểm chi tiết đến 0,5 điểm hoặc dưới 0,5 để đảm bảo kết quả chấm có độ chính xác cao.

Nhà trường/Khoa cần có phần mềm chuyên dụng để định lượng đánh giá được độ giá trị và độ tin cậy của các phương thức thi để lượng hóa được mức độ các phương thức thi đo lường được mức độ đạt CDR của người học.

Nhà trường nên nghiên cứu để cải tiến việc thông báo điểm trên cổng thông tin điện tử để người học tự rà soát điểm đánh giá học phần; đồng thời cần có cơ chế

giám sát việc thực hiện này để đảm bảo hoạt động này được triển khai đúng quy định.

3. Mức đạt của Tiêu chuẩn :

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 5	4,00
<i>Tiêu chí 5.1</i>	4
<i>Tiêu chí 5.2</i>	5
<i>Tiêu chí 5.3</i>	3
<i>Tiêu chí 5.4</i>	4
<i>Tiêu chí 5.5</i>	4

TIÊU CHUẨN 6: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 6.1

Trường Đại học Vinh đã xây dựng Kế hoạch chiến lược về phát triển giai đoạn 2011-2020 và Chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030 (số 1278/QĐ-ĐHV ngày 28/12/2018), trong đó có kế hoạch /quy hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV thông qua công tác xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự. Nhà trường cũng đã ban hành các Quy chế về công tác cán bộ như: Đề án vị trí việc làm, Quy định bổ nhiệm miễn nhiệm GS, PGS, GVCC, GVC. Kế hoạch phát triển đội ngũ bao gồm: tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng của các đơn vị hàng năm được cụ thể hóa, được phê duyệt (Quy chế tổ chức và hoạt động số 1386/QĐ-ĐHV ngày 22/4/2015 và số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018; Quy chế về công tác cán bộ số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26/9/2016).

Khoa Kinh tế đảm nhận hai nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, căn cứ vào khối lượng công việc với quy mô 3300 sinh viên, ngành Kế toán có 2000 sinh viên, đã xây dựng kế hoạch nhân sự, đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên cho từng giai đoạn và hàng năm trình Hiệu trưởng xem xét quyết định. (Chiến lược phát triển khoa Kinh tế giai đoạn 2018-2020, tầm nhìn đến 2025). Đến nay đội ngũ cán bộ, giảng viên tham gia giảng dạy tại khoa Kinh tế là 115 giảng viên trong đó có 1 GS, 4 PGS, 45 TS; số giảng viên cơ hữu trong khoa là 54 giảng viên, 8 nam, 46 nữ, với 24 TS và 16 NCS. Độ tuổi bình quân của giảng viên là 36 tuổi, tỷ lệ nam 15%, nữ 85%. Riêng ngành Kế toán: 16 giảng viên với 9 TS và 3 NCS, 4 ThS. Số lượng, cơ cấu giảng viên đã đáp ứng được yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động

phục vụ cộng đồng (Quyết định số 1586/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2006 về kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giảng viên giai đoạn 2016-2020; kế hoạch đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ cho giảng viên giai đoạn 2015-2020 ngày 16/3/2015).

Trường Đại học Vinh có quy trình, tiêu chí rõ ràng, công khai minh bạch về tuyển dụng và bổ nhiệm giảng viên. Hàng năm, Nhà trường thông báo nhu cầu tuyển dụng và kết quả tuyển dụng được công bố rõ ràng, công khai trên website của Trường và trên các phương tiện thông tin đại chúng (Quyết định số 1185/QĐ-ĐHV ngày 4/12/2018; Kế hoạch tuyển dụng viên chức trường ĐH Vinh ngày 9/02/2018). Nhà trường đã có các chính sách thu hút đối với sinh viên giỏi.

Hàng năm Trường Đại học Vinh đều thực hiện công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý. cử những cán bộ được quy hoạch đi học tập nâng cao trình độ chính trị, năng lực chuyên môn và trình độ ngoại ngữ.

Công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên của Khoa Kinh tế và ngành Kế toán được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, khoa học, phù hợp với quy định chung của Nhà trường. Giai đoạn 2015-2020, số lượng cán bộ, giảng viên của Khoa được nhà trường cử đi học NCS trong và ngoài nước là 35 người. Tính đến tháng 8/2020, Khoa có 24 tiến sĩ, chiếm tỷ lệ 44,4%. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại khoa được thực hiện theo quy hoạch các nhóm chuyên môn sâu để phù hợp với nhu cầu đào tạo của khoa.

Nhà trường có chính sách phát triển đội ngũ đáp ứng nhu cầu NCKH; có qui định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ. Nhà trường có nhiều chính sách quan tâm đến sự phát triển đội ngũ như tặng quà và cấp máy tính xách tay cho các cán bộ giảng viên hoàn thành việc bảo vệ luận án tiến sĩ, thưởng cho các bài báo công bố trên tạp chí quốc tế, tạp chí thuộc danh mục Scopus (13 bài). Trường đã chọn và cử 50 giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên, có khả năng nghiên cứu tốt lên làm việc tại Trung tâm Nghiên cứu, khởi nghiệp, sáng tạo. Ngành Kế toán, Khoa Kinh tế, hiện có 2 nhóm nghiên cứu riêng theo chuyên ngành là nhóm nghiên cứu Kinh tế chính trị và nhóm nghiên cứu Quản lý

kinh tế. Hằng năm kết quả NCKH của Bộ môn Kế toán nói riêng và Khoa Kinh tế nói chung đã có những thành tích tốt: nhiều công trình, đề tài nghiên cứu các cấp, nhiều bài báo đăng trong tạp chí trong và ngoài nước, trong đó có những bài đăng trên tạp chí quốc tế, tạp chí thuộc danh mục Scopus.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 6.1

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 6.1

Qua hồ sơ minh chứng và kết quả phỏng vấn cho thấy, ngành Kế toán chưa có giảng viên cơ hữu có chức danh GS, PGS; năng lực NCKH của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên còn hạn chế; Việc tạo nguồn quy hoạch giảng viên ngành Kế toán khoa Kinh tế đang gặp khó khăn. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên, NCV như Đề án phát triển Khoa Luật, Đề án Vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa Luật chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian tới chưa đầy đủ các nội dung cốt lõi.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 6.1

Khoa Kinh tế cần phát triển đội ngũ GS., PGS. Khoa và Ngành Kế toán cần làm rõ chính sách về nhân sự, tạo nguồn quy hoạch giảng viên ngành Kế toán cho phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên, NCV như Đề án phát triển Khoa Kinh tế, Đề án “vị trí việc làm”, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa Kinh tế chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian cần đầy đủ các nội dung cốt lõi.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 6.1: 4

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 6.2

Khoa Kinh tế có là 54 giảng viên cơ hữu với 24 TS (không có GS, PGS), trong đó có 16 giảng viên thuộc chuyên ngành Kế toán và 16 NCS. Tổng số giảng viên tham gia giảng dạy tại ngành Kế toán, khoa Kinh tế tính đến tháng 8/2020 là 115 giảng viên trong đó có 1 GS, 4 PGS, 45 TS. Hiện tại, độ tuổi bình quân của cán bộ của Khoa là 36 tuổi; Số cán bộ đạt trình độ tiến sĩ của khoa Kinh tế là 24 người (chiếm 44,4%) trong đó có 9 TS ngành Kế toán, kiểm toán và phân tích; số cán bộ đang làm nghiên cứu sinh trong nước là 16 (chiếm 29,6%), 03 nghiên cứu sinh chuyên ngành Kế toán, kiểm toán và phân tích. Hằng năm, căn cứ vào khối lượng công việc, khoa Kinh tế có kế hoạch phát triển chuyên môn, nghiệp vụ và đội ngũ cán bộ nhằm đảm bảo tốt nhất công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng. Tổng số GV quy đổi qua các năm như sau, năm học 2015-2016 và 2016-2017: 80,4; 2017/2018: 85,4; 2018/2019: 86,4; 2019/2020: 83,4. Tỷ lệ giảng viên quy đổi /người học của khoa Kinh tế trong các năm gần đây: Năm học 2015/2016: 1/17,6; 2016/2017: 1/19,7; 2017/2018: 1/23; 2018/2019: 1/22,7; 2019/2020: 1/23.

Trường Đại học Vinh đã có quy định và hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc các loại hình hoạt động của giảng viên. Trong 5 năm qua, khối lượng công việc, định mức giờ chuẩn của giảng viên Trường Đại học Vinh được thực hiện theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT và Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT về quy định chế độ làm việc đối với giảng viên. Theo đó, mỗi năm, số giờ chuẩn định mức quy định theo chức danh tối thiểu là 270 giờ giảng dạy, 165 giờ NCKH, tối đa là 315 giờ NCKH.

Khối lượng công việc của GV được quy đổi thành giờ chuẩn: *giờ chuẩn giảng dạy, giờ chuẩn nghiên cứu khoa học, giờ chuẩn các hoạt động chuyên môn khác.*

Phòng TCCB, trường Đại học Vinh được giao nhiệm vụ giám sát khối lượng công việc của GV, thực hiện hàng năm bằng việc quy đổi giờ chuẩn với sự hỗ trợ của hệ thống phần mềm quản lý. Nhà trường có văn bản hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV, trong đó quy định chuẩn đối với giảng viên 270 giờ, NCKH 175 giờ, hoạt động chuyên môn 90 giờ Số văn bản 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016. 100% cán bộ giảng dạy Khoa kinh tế nói chung luôn hoàn thành và vượt định mức giảng dạy cũng như các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ. Từng học kỳ, khoa Kinh tế đã có nhiều hoạt động để nâng cao chất lượng đào tạo: thao giảng cấp Bộ môn, cấp Khoa, cấp Trường, tổ chức thảo luận về chất lượng của giờ dạy, cải tiến về phương pháp. Hàng năm, Trường Đại học Vinh tổ chức lấy ý kiến đánh giá của người học về chất lượng giảng dạy của giảng viên, có kế hoạch tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để cải tiến chất lượng đào tạo.

Công tác giám sát khối lượng còn thông qua việc thực hiện việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ tổng kết năm học, phiếu đánh giá năng lực hàng năm của giảng viên. Việc đánh giá được thực hiện theo quy trình và có sự đánh giá chung của lãnh đạo Khoa. Các cá nhân của ngành Kế toán tự đánh giá khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành, bộ môn đánh giá, lãnh đạo Khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua; năm 2017/2018 khoa có 82,6% lao động tiên tiến. Việc đo lường, giám sát khối lượng công việc của giảng viên thực hiện hàng năm bằng việc quy đổi giờ chuẩn. Nhà trường sử dụng phần mềm “Hệ thống quản lý giảng dạy LMS <http://canbo.vinhuni.edu.vn/> để quản lý kết quả giảng dạy và NCKH của các GV

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 6.2

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 6.2

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên còn chưa được quy định rõ ràng và chưa định lượng được nên công tác đánh giá phục vụ cộng đồng còn gặp khó khăn. Nhà trường đã có văn bản quy định về chất lượng công việc của GV, tuy nhiên

các tiêu chí chung chưa được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc đối với GV thỉnh giảng.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 6.2

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên cần được quy định, định lượng rõ ràng và quy đổi thành giờ chuẩn. Chất lượng công việc của GV thỉnh giảng cần được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 6.2: 5

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 6.3

Trường ĐH Vinh có các văn bản quy định tiêu chí về tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển, gồm nhiều tiêu chuẩn: Tư cách đạo đức, thành tích giảng dạy, nghiên cứu, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ (Trường ĐH Vinh đã ban hành Quy chế về công tác cán bộ số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26/9/2016.....). Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV từ kế hoạch tuyển chọn, danh sách ứng viên, danh sách những người trúng tuyển được công bố công khai trên trang web của Nhà trường và các phương tiện thông tin đại chúng (số 34/TB-ĐHV ngày 21/3/2017; <http://phongtccb.vinhuni.edu.vn>). Đầu mỗi năm học, Nhà trường tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ, viên chức, rà soát đề án việc làm và phê duyệt kế hoạch tuyển dụng GV cho các đơn vị. Việc tuyển dụng cán bộ đều xuất phát từ nhu cầu của bộ môn; đưa vào kế hoạch tuyển dụng của Khoa/Viện được thông qua Chi bộ, Đảng bộ, sau đó đề nghị Nhà trường phê duyệt. Quy trình tuyển dụng được tổ chức chặt chẽ, gồm

các bước: thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị, tổ chức thi giảng và phỏng vấn (đối với cán bộ giảng dạy). Sau khi trúng tuyển, các GV đều phải thực hiện biên soạn đề cương bài giảng, thông qua bài giảng của Bộ môn và tập luyện tại Bộ môn trước khi lên lớp chính thức.

Về việc bổ nhiệm cán bộ, Trường có các quy định hết sức cụ thể với các tiêu chí rõ ràng phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Trường cũng ban hành các tiêu chuẩn cho từng chức vụ quản lý cụ thể như trưởng Khoa/Viện, phó trưởng Khoa/Viện, trưởng và phó trưởng bộ môn, trong đó có khoa Kinh tế (Quy chế về công tác cán bộ số 1228/QĐ-ĐHV ngày 26/9/2016; Quy định về tổ chức và hoạt động bộ môn số 377/QĐ-ĐHV ngày 10/4/2016); các tiêu chuẩn để bổ nhiệm GS, PGS, GVC cũng được cụ thể hóa và có một số tiêu chuẩn yêu cầu cao hơn so với mức quy định của Bộ GD-ĐT, được thể hiện trong Quy định bổ nhiệm cá chức danh GS.PGS của trường ĐH Vinh.

Tất cả các văn bản quy định về tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá năng lực của GV đều được các GV được tham gia góp ý kiến thảo luận, thống nhất, sau khi phê duyệt được đăng tải công khai trên website Nhà trường và thông báo trên phần mềm I-Office (trước đây là E Office), được phổ biến trong các buổi họp cơ quan, đơn vị. Tiêu chí đánh giá năng lực GV viên bao gồm các tiêu chí về năng lực giảng dạy các tiêu chí về NCKH và các tiêu chí về phẩm chất nghề nghiệp. Cuối mỗi năm học, giảng viên sẽ tự đánh giá các tiêu chí này theo mẫu do Nhà trường ban hành; sau đó, sẽ được Khoa/Viện và Nhà trường xét duyệt để đánh giá năng lực giảng viên và xếp hạng cán bộ, viên chức hằng năm (Quyết định ban hành quy định đánh giá, xếp loại cán bộ viên chức trường ĐH Vinh số 929/QĐ-ĐHV ngày 24/8/2017). Số lượng giảng viên khoa Kinh tế trong đó có ngành Kế toán, được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển trong 5 năm qua như sau: tuyển dụng 7 giảng viên; bổ nhiệm: 14 người; điều chuyển: 5 người. Công tác quy hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có chất lượng được tiến hành công khai, minh bạch, đảm bảo dân chủ, quy hoạch được những người có năng lực, trình độ, có phẩm chất đạo đức và có

đủ uy tín vào các vị trí quản lý cho từng nhiệm kỳ. Nhà trường khuyến khích và có các chế độ ưu đãi và trợ giúp về thời gian và kinh phí để các GV học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, mở các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ, nghiệp vụ sư phạm, an ninh quốc phòng cho các GV.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 6.3

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 6.3

Mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai trên website, nhưng thông tin vẫn chưa được lan truyền rộng rãi, biểu hiện là số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng chưa nhiều. Khoa chưa có quy định về các tiêu chí lựa chọn GV thỉnh giảng.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 6.3

Nhà trường cần thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai trên website và thông tin cần được lan truyền rộng rãi để số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng phong phú hơn. Khoa cần có quy định về các tiêu chí lựa chọn GV thỉnh giảng.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 6.3: 4

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 6.4

Các văn bản quy định của Nhà trường đã làm rõ các tiêu chí xác định năng lực của GV bao gồm các tiêu chí chức danh nghề nghiệp, trách nhiệm giảng dạy và nghiên cứu khoa học của GV; đã cụ thể hóa thành định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng GV, các tiêu chí về phẩm chất nghề nghiệp, ví dụ: tại Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017 đã có định mức giờ giảng dạy, giờ NCKH, giờ hoạt động chuyên môn cho các hệ số lương; cho cán bộ giảng dạy giáo dục quốc phòng; cho các đối tượng được

miễn giảm giờ. Nhà trường có quy định rõ ràng đối với năng lực của giảng viên dựa trên cơ sở quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức giảng dạy (số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014; số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014). Nhà trường cũng có quy định rõ ràng về các tiêu chí và quy trình đánh giá xếp loại cán bộ viên chức (số 929/QĐ-ĐHV ngày 24/8/2017), được công bố rộng rãi trên website của Trường. Nhà trường đã sử dụng các tiêu chí để làm căn cứ xếp loại cán bộ, viên chức hàng tháng để chi trả lương tăng thêm. Mỗi năm giảng viên có trình độ tiến sĩ, ngoài định mức khoa học Nhà trường giao (175 giờ) thì còn phải đăng 2 bài báo chuyên ngành trong tạp chí được tính điểm của hđgs NN. Giờ dạy bình quân của GV bộ môn Kế toán trong 5 năm là 564 giờ/năm cao gấp 2 định mức quy định.

Năng lực của GV, NCV được trường ĐH Vinh tổ chức đánh giá. Vào cuối năm học, mỗi GV đều tiến hành tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học theo quy định do Nhà trường ban hành, dựa theo việc thực hiện tốt công tác đào tạo, tham gia hiệu quả các hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ và các hoạt động chuyên môn khác. tiến hành đánh giá ở Bộ môn và Lãnh đạo Khoa, cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua, công nhận danh hiệu thi đua theo từng năm học.

Trong giai đoạn 2015 - 2020, 100% giảng viên đạt danh hiệu Hoàn thành nhiệm vụ. Bên cạnh đó, tỷ lệ giảng viên đạt danh hiệu Lao động tiên tiến đạt cao, từ 77% - 88%, cho thấy không chỉ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, các giảng viên còn nỗ lực vượt chỉ tiêu, đạt được nhiều thành tích, kết quả tốt. Đặc biệt, có những giảng viên xuất sắc đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua, với tỷ lệ 7%-9%. Các tỷ lệ danh hiệu thi đua có xu hướng tăng dần theo các năm.

Nhà trường đã tổ chức các đợt đánh giá giá năng lực ngoại ngữ cho các GV, thường xuyên tổ chức dự giờ thao giảng, tổ chức các cuộc thi giảng viên trẻ dạy giỏi hàng năm, tiến hành góp ý sau mỗi giờ thao giảng. Nhà trường đã quy định và thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với cán bộ, viên chức và các hoạt

động Nhà trường. Vào cuối mỗi học kỳ, SV đều thực hiện việc đánh giá công tác giảng dạy của GV, giúp GV thay đổi phương pháp giảng dạy và hỗ trợ Nhà trường có thể quản lý chất lượng dạy học tốt hơn.

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của GV được Khoa và Nhà trường hết sức chú trọng. Hiện nay, 100% GV ngành Kế toán có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, 100% GV có chứng chỉ tiếng Anh, bằng đại học cử nhân Tiếng Anh, đạt trình độ từ B1 trở lên qua các kì thi sát hạch của trường; 100% GV hoàn thành khối lượng công việc đề ra theo kế hoạch năm học và được đánh giá xếp loại ở mức lao động tiên tiến trở lên và đáp ứng tốt yêu cầu của của nhiệm vụ đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 6.4

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 6.4

Khoa chưa xây dựng được Hồ sơ năng lực của GV, NCV trên hệ thống phần mềm.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 6.4

Khoa Kinh tế và ngành Kế toán cần xây dựng được Hồ sơ năng lực của GV, NCV trên hệ thống phần mềm.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 6.4: 5

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 6.5

Trường Đại học Vinh đã có quy trình phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến

khích và tạo mọi điều kiện để giảng viên, nghiên cứu viên hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng của mình tại quyết định 1586/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016 về việc ban hành kế hoạch đào tạo giảng viên giai đoạn 2016-2020. Nhà trường đã chú trọng về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của GV của ngành Kế toán và đã phân tích, khảo sát dựa trên kế hoạch năm học của từng bộ môn và của các Khoa trong Trường. Nhà trường có kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ GV giai đoạn 2016-2020 (số 1586 /QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016); kế hoạch bổ nhiệm các chức danh GS, phó GS cũng như kế hoạch thi thăng hạng viên chức đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng phát triển đội ngũ của từng đơn vị. Trường có cơ chế, luôn tạo điều kiện cả vật chất và tinh thần để các GV được học tập nâng cao trình độ như: Những GV đi học TS được trường miễn, giảm giờ, hỗ trợ học phí và có chế độ hỗ trợ khác theo Quy chế chi tiêu nội bộ. (học tập trung ngoài trường và nước ngoài giảm 100%; học tập trung tại trường và không tập trung ngoài trường, giảm 70% giờ giảng và chuyên môn khác, hỗ trợ cho những người đi học không tập trung ngoài trường 400.000d/tháng và 1 triệu đồng/năm). Nhà trường đặc biệt khuyến khích cán bộ đi học tập, nâng cao trình độ ở nước ngoài với các chương trình học bổng, các khóa bồi dưỡng ngắn hạn được thông báo công khai; Nhà trường có sự hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, thanh toán tiền mua tài liệu; thanh toán tiền tàu xe; hỗ trợ sinh hoạt phí cho cán bộ, GV tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng. Trường ĐH Vinh đã tổ chức các khóa bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, các lớp ngoại ngữ, tin học, các khóa bồi dưỡng về quản lý hành chính, lý luận chính trị, an ninh-quốc phòng cho đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý cũng như cử cán bộ đi học tập, bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo khác trong đó có giảng viên ngành Kế toán. Nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn đã được nhà trường triển khai hoàn thành kế hoạch đặt ra hàng năm

Liên tục trong giai đoạn 2015-2020, Khoa Kinh tế luôn có từ 16-20 cán bộ làm NCS, 100% kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo đăng ký của Khoa được thực hiện. Kết quả toàn Khoa hiện đã có 24 GV đạt trình độ tiến sĩ (44,4%), ngành Kế toán có 9 GV/16GV đạt trình độ tiến sĩ. 100% giảng viên có tiến độ học tập đúng thời hạn

đăng ký

Nhà trường thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, tiếng anh, bồi dưỡng kiến thức an ninh quốc phòng. Hiện nay, 100% GV ngành Kế toán (16GV) có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, 100% GV ngành Kế toán (16GV) có bằng đại học cử nhân Tiếng Anh hoặc có chứng chỉ tiếng Anh đạt trình độ từ B1 trở lên. Tổng số tiền bồi dưỡng 5 năm của khoa là 2.026.191.000 đồng.

Theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, mỗi năm Khoa Kinh tế đề nghị nhà trường cử từ 2-3 giảng viên tham gia học tiến sĩ tại các trường đại học chuyên ngành. Hiện khoa có 16 cán bộ đang làm luận án NCS, trong đó ngành kế toán có 3 NCS. Các GV Khoa Kinh tế đã tham gia tập huấn về xây dựng chương trình và giảng dạy theo tiếp cận CDIO do trường tổ chức. Các GV ngành Kế toán tham gia kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ cho giảng viên do Nhà trường tổ chức, các hội thảo khoa học trong nước và nước ngoài qua đó công tác NCKH được nâng cao dần đều về chất lượng. Mỗi cán bộ, GV đều có bộ hồ sơ năng lực được bổ sung tích lũy hàng năm do Phòng TCCB quản lý.

Khoa và Bộ môn tăng cường sinh hoạt chuyên môn như seminar học thuật, dự giờ giảng dạy của GV. Các hoạt động này đều được đưa vào các quy định để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ vào cuối năm học. Thống kê kết quả đào tạo của giảng viên Khoa Kinh tế: trong 5 năm đã đào tạo được 21 tiến sĩ, 1 thạc sĩ.

Hiện nay, 100% GV ngành Kế toán có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, 100% GV có chứng chỉ tiếng Anh, bằng đại học cử nhân Tiếng Anh, đạt trình độ từ B1 trở lên qua các kì thi sát hạch của trường; 100% GV hoàn thành khối lượng công việc đề ra theo kế hoạch năm học và được đánh giá xếp loại ở mức lao động tiên tiến trở lên và đáp ứng tốt yêu cầu của của nhiệm vụ đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng.

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NCV của ngành Kế toán được giám sát, đánh giá hằng năm thông qua bảng tổng kết đánh giá năm học của Bộ môn từ năm 2015-2020

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 6.5

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 6.5

Hiện tại, hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ giảng viên được Nhà trường và Khoa Kinh tế tiến hành nhưng chưa đa dạng, chưa thường xuyên và còn bị chậm, ví dụ về quản trị đại học hướng đến đảm bảo chất lượng toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT, phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CDR của các học phần của CTĐT chuyên khoa. Chưa có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 6.5

Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ giảng viên được Nhà trường và Khoa Kinh tế cần tiến hành đa dạng, thường xuyên và kịp thời, ví dụ về quản trị đại học hướng đến đảm bảo chất lượng toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT, phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CDR của các học phần của CTĐT chuyên khoa. Đồng thời cần có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 6.5: 4

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 6.6

Nhà trường có quy trình, tiêu chí để đánh giá hiệu quả công việc của GV trong công tác giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn. Định mức giờ chuẩn giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn của GV được quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ Trường Đại học Vinh ban hành số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016–Kết quả

NCKH và việc đánh giá, khen thưởng được quy định trong Quy định quản lý hoạt động KHCN số 480/QĐ-ĐHV ngày 9/5/2016. Bên cạnh những quy định cụ thể về khối lượng công việc, trường cũng có các quy chế về khen thưởng, kỷ luật (số 3807/QĐ-ĐHV ngày 12/10/2015) để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau. Kết quả giảng dạy và NCKH của các GV được kê khai minh bạch và quản lý online trên phần mềm, có minh chứng kèm theo các sản phẩm NCKH như bài báo, sách xuất bản, seminar khoa học.... Kết quả NCKH công bố trên các tạp chí quốc tế được trường khen thưởng, GV có nhiều bài báo công bố quốc tế được đặc cách tăng lương hoặc xét thi đua - khen thưởng. Mức thưởng: 30 triệu cho 1 bài ISI; 20 triệu cho 1 bài Scopus. Việc đánh giá kết quả công việc phải được thực hiện công khai từ cấp cơ sở.

Khoa Kế toán có kế hoạch công tác cụ thể hằng năm đối với GV, NCV. Vào đầu năm học, khoa xây dựng kế hoạch năm học cho toàn đơn vị. Từng GV xây dựng kế hoạch công tác cá nhân về phân công việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn nhiệm vụ. Việc đánh giá kết quả hoạt động của GV được tiến hành một cách công khai từ cấp bộ môn sau mỗi học kì. Cuối năm học, Bộ môn tổng hợp khối lượng giảng dạy, NCKH, công tác khác kèm theo minh chứng để tiến hành đánh giá việc thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt, sau đó là đánh giá ở cấp khoa. Nhà trường tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm đối với cán bộ, viên chức, không có bảng tổng hợp chấm điểm thi đua và có các quyết định công nhận các danh hiệu thi đua (năm 2016-2018). Công tác đánh giá cán bộ và xếp loại thi đua, khen thưởng của trường đảm bảo công bằng, chính xác, khách quan và được cán bộ, giảng viên toàn trường đồng thuận và sự phản hồi của GV với công tác đánh giá được tiếp nhận và giải quyết qua ban thi đua khen thưởng của Trường và qua hội nghị viên chức hằng năm.

Trong các năm học giai đoạn 2015-2019, GV của ngành Kế toán luôn hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ được giao về giảng dạy theo kế hoạch năm học. 100% GV ngành Kế toán hoàn thành hoặc vượt mức thực hiện giờ chuẩn NCKH và hoạt

động chuyên môn nghiệp vụ. Về đội ngũ, từ năm 2015 đến nay Khoa Kinh tế đã có thêm 21 TS, trong đó có 9 TS chuyên ngành Kế toán. Kết quả đánh giá viên chức hằng năm giai đoạn 2016-2020 cho thấy gần 100% GV ngành Kế toán được xếp loại lao động tiên tiến trở lên (trừ trường hợp GV nữ mới sinh). Tất cả GV đều hài lòng với cách quản trị theo kết quả công việc của giảng viên và kết quả đánh giá viên chức hằng năm của Trường.

Bên cạnh đó, tỷ lệ giảng viên đạt danh hiệu Lao động tiên tiến đạt cao, từ 77% - 88%, cho thấy không chỉ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, các giảng viên còn nỗ lực vượt chỉ tiêu, đạt được nhiều thành tích, kết quả tốt. Đặc biệt, có những giảng viên xuất sắc đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua, với tỷ lệ 7%-9%. Các tỷ lệ danh hiệu thi đua có xu hướng tăng dần theo các năm, thể hiện những kết quả tích cực, vượt trội, phát triển theo thời gian của không chỉ các giảng viên mà còn của tập thể Khoa Kinh tế.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 6.6

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 6.6

Việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị khiến cho nhiều cán bộ có thành tích nhưng không được khen thưởng. Qua thống kê đánh giá theo dõi cho thấy một số GV, NCV có khối lượng, hiệu quả công việc chưa đồng đều, khối lượng còn đạt mức khá thấp. Kế hoạch cụ thể của từng giảng viên chưa có nhiều các hoạt động phục vụ cộng đồng.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 6.6

Khoa và Nhà trường cần xem lại việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị khiến cho nhiều cán bộ có thành tích nhưng không được khen thưởng. Khoa cần điều chỉnh để một số GV, NCV có khối lượng, hiệu quả công việc đồng đều hơn. Kế hoạch cụ thể cần có nhiều các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 6.6: 5

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 6.7

Trường ĐH Vinh có văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV phải thực hiện. (Quyết định 480/QĐ-ĐHV ngày 9/5/2016). Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên luôn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Nhà trường quy định số giờ NCKH cho các giảng viên theo hệ số lương như sau: hệ số lương > 6,2: 315 giờ; >5,76: 260 giờ; >4,40: 220 giờ; >4,32: 200 giờ; >3,33:175 giờ; >2,34: 165 giờ.

Trong bản kế hoạch năm học, Khoa Kinh tế và bộ môn Kế toán xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH, trong đó có các loại hình, các công trình nghiên cứu thực hiện: tham gia đề tài, dự án, viết báo khoa học, hướng dẫn SV NCKH đảm bảo số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định.

Trong giai đoạn 2015 đến 2020, các giảng viên ngành Kế toán đã thực hiện nhiều đề tài, bài báo khoa học. Tất cả GV trong Khoa Kinh tế đều hoàn thành vượt mức giờ chuẩn NCKH. Hầu hết giảng viên chủ trì hoặc tham gia các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn, trong đó có nhiều đề tài có chất lượng khá và tốt.

Số lượng và các loại nghiên cứu của giảng viên Khoa Kinh tế trong 5 năm học vừa qua (Từ năm học 2015-2016 đến năm 2019-2020) được thống kê tổng hợp như sau: 52 đề tài cấp trường; 10 đề tài cấp bộ; 274 bài báo đăng trong nước; 56 bài báo đăng nước ngoài; 45 bài báo được thưởng 27,6 triệu đồng, 4 giáo trình được thưởng 2,5 triệu đồng.

Trong đó ngành Kế toán đã thực hiện 8 đề tài cấp trường, 1 đề tài cấp Bộ, 83 bài báo đăng trong nước, 21 bài báo đăng nước ngoài. Khoa Kế toán cũng có hình thức khen đối với các giảng viên có công trình nghiên cứu đăng tải trên các tạp chí, các nhà xuất bản có uy tín để tạo động lực cho các giảng viên.

Hàng năm, thông qua các Hội nghị công chức viên chức đầu năm học, hội nghị tổng kết cuối năm, tổng kết công tác Đảng, bộ môn Kế toán, Khoa và Nhà trường đều lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ giảng dạy về kết quả thực hiện trong NCKH.

Giảng viên ngành Kế toán và Khoa Kinh tế đã tham gia vào xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc. Các quy định về quản lý hoạt động NCKH của cán bộ, tiêu chí và quy trình đánh giá hiệu quả NCKH được phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế dự thảo, lấy ý kiến GV và các nhà nghiên cứu toàn trường, điều chỉnh, sửa chữa, sau đó, trước khi ban hành và áp dụng.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 6.7

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 6.7

Còn thiếu các đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, cấp Bộ về lĩnh vực Kế toán. Các công trình nghiên cứu mang tính đóng góp cho phát triển địa phương chưa nhiều. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong trường còn hạn chế. Việc đối sánh về hoạt động KHCN trong và ngoài trường chưa được triển khai nhằm tìm kiếm giải pháp để cải tiến chất lượng.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 6.7

Cần có các đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, cấp Bộ về lĩnh vực Kế toán. Cần tăng số lượng các công trình nghiên cứu mang tính đóng góp cho phát triển địa phương và các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong

trường. Cần triển khai đối sánh về hoạt động KHCN trong và ngoài trường nhằm tìm kiếm giải pháp để cải tiến chất lượng.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 6.7: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 6

1. Điểm mạnh Tiêu chuẩn 6:

Trường ĐH Vinh đã quan tâm xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên thực hiện các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Khoa Kinh tế có đủ đội ngũ giảng viên cơ hữu để giảng dạy cho sinh viên ngành Kế toán, đảm bảo hợp lý khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên/sinh viên. Công việc của đội ngũ giảng viên được quy đổi ra giờ chuẩn, được giám sát cả về khối lượng lẫn chất lượng làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng.

Trường có hệ thống các văn bản quy định rõ ràng và đầy đủ về tiêu chuẩn và tiêu chí lựa chọn tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên, làm cơ sở cho công tác lựa chọn và tuyển dụng bổ nhiệm giảng viên được tiến hành một cách công khai, minh bạch, xuất phát từ nhu cầu nhân lực của các đơn vị trong Trường.

Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng. Hàng năm, Khoa Kinh tế và Nhà trường đều thực hiện đánh giá năng lực giảng viên với nhiều hình thức đa dạng và ở nhiều cấp độ khác nhau.

Nhà trường và Khoa đã xác định đúng nhu cầu đào tạo, có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên. Việc thực hiện các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được giám sát, đánh giá hàng năm.

Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được quy định và triển

khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong cán bộ, viên chức. Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của giảng viên đã tạo động lực và hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên Khoa Kinh tế, ngành Kế toán.

Do làm tốt công tác quy hoạch cán bộ cũng như bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên nên hoạt động NCKH của giảng viên Khoa Kế toán phong phú, đa dạng với nhiều công trình có chất lượng được công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản. Nhiều đề tài NCKH cấp Trường và cấp Bộ đã được các giảng viên ngành Kế toán hoàn thành với kết quả tốt. Chất lượng hoạt động NCKH của giảng viên ngành kế toán được cải thiện theo từng năm.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chuẩn 6:

2.1. Những tồn tại Tiêu chuẩn 6:

Qua hồ sơ minh chứng và kết quả phỏng vấn cho thấy, Khoa Kinh tế trong đó có ngành Kế toán chưa làm rõ chính sách về nhân sự. Việc tạo nguồn quy hoạch giảng viên ngành Kế toán đang gặp khó khăn. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên, NCV như Đề án phát triển Khoa Kinh tế, Đề án Vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa Kinh tế chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian tới chưa đầy đủ các nội dung cốt lõi.

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên còn chưa được quy định rõ ràng và chưa định lượng được nên công tác đánh giá phục vụ cộng đồng còn gặp khó khăn. Nhà trường đã có văn bản quy định về chất lượng công việc của GV, tuy nhiên các tiêu chí chung chưa được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc đối với GV thỉnh giảng.

Mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai trên website, nhưng thông tin vẫn chưa được lan truyền rộng rãi, biểu hiện là số lượng ứng viên

nộp hồ sơ tuyển dụng chưa nhiều. Khoa chưa có quy định về các tiêu chí lựa chọn GV thỉnh giảng.

Tuy nhiên, vẫn còn một số năng lực cần thiết cho giảng viên đào tạo trình độ đại học hiện nay mà Nhà trường chưa yêu cầu cụ thể như năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế...Khoa chưa xây dựng được Hồ sơ năng lực của GV, NCV trên hệ thống phần mềm.

Hiện tại, hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ giảng viên được Nhà trường và Khoa Kinh tế tiến hành nhưng chưa đa dạng, chưa thường xuyên và còn bị chậm, ví dụ về quản trị đại học hướng đến đảm bảo chất lượng toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT, phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CDR của các học phần của CTĐT chuyên khoa. Chưa có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên

Việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị khiến cho nhiều cán bộ có thành tích nhưng không được khen thưởng. Qua thống kê đánh giá theo dõi cho thấy một số GV, NCV có khối lượng, hiệu quả công việc chưa đồng đều, còn đạt mức khá thấp. Kế hoạch cụ thể của từng giảng viên chưa đầy đủ và chưa có nhiều các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Chất lượng và số lượng các hoạt động NCKH của khoa Kinh tế chưa nhiều chưa đáp ứng được yêu cầu; số bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và công bố trên các tạp chí quốc tế ở các cấp độ khác nhau trên đầu giảng viên chưa tương xứng tiềm năng và thế mạnh của Khoa, chưa có bài báo quốc tế uy tín. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong trường còn hạn chế. Việc đối sánh về hoạt động KHCN trong và ngoài trường chưa được triển khai nhằm tìm kiếm giải pháp để cải tiến chất lượng.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chuẩn 6:

Khoa Kinh tế trong đó có ngành Kế toán cần làm rõ chính sách về nhân sự, tạo nguồn quy hoạch giảng viên ngành Kế toán cho phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên, NCV như Đề án phát triển ngành Kế toán, Đề án vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa Kinh tế chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian cần đầy đủ các nội dung cốt lõi.

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên cần được quy định, định lượng rõ ràng và quy đổi thành giờ chuẩn. Chất lượng công việc của GV thỉnh giảng cần được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc.

Nhà trường cần thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai trên website và thông tin cần được lan truyền rộng rãi để số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng phong phú hơn. Khoa cần có quy định về các tiêu chí lựa chọn GV thỉnh giảng.

Nhà trường cần bổ sung yêu cầu cụ thể về những năng lực cần thiết cho giảng viên c hiện nay như giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế...Khoa cần xây dựng được Hồ sơ năng lực của GV, NCV trên hệ thống phần mềm.

Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ giảng viên cần được Nhà trường và Khoa Kinh tế tiến hành đa dạng, thường xuyên và kịp thời, ví dụ về quản trị đại học hướng đến đảm bảo chất lượng toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT, phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CĐR của các học phần của CTĐT chuyên khoa. Đồng thời cần có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên.

Không nên quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị để kịp thời động viên nhiều cán bộ có thành tích và tăng tính tự chủ tự chịu trách nhiệm. Khoa cần điều phối hợp lý hơn để một số GV, NCV có khối lượng, hiệu quả công việc được đồng đều, đạt mức độ và hiệu quả cao.

Khoa Kinh tế cần nâng cao chất lượng và số lượng các hoạt động NCKH; số bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và công bố trên các tạp chí quốc tế ở các cấp độ khác nhau trên đầu giảng viên cần tương xứng với tiềm năng và thể mạnh của Khoa. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong trường cần phong phú hơn. Việc đối sánh về hoạt động KHCN trong và ngoài trường cần được triển khai nhằm tìm kiếm giải pháp để cải tiến chất lượng.

3. Mức đạt của Tiêu chuẩn 6:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 6	4,29
<i>Tiêu chí 6.1</i>	4
<i>Tiêu chí 6.2</i>	4
<i>Tiêu chí 6.3</i>	5
<i>Tiêu chí 6.4</i>	4
<i>Tiêu chí 6.5</i>	4
<i>Tiêu chí 6.6</i>	5
<i>Tiêu chí 6.7</i>	4

TIÊU CHUẨN 7: ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 7.1

Trong Kế hoạch chiến lược về phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020, Nhà trường đã có kế hoạch xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự, trong đó có giải pháp có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên, quy hoạch bổ nhiệm phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường một cách rõ ràng, minh bạch. (số 1278/QĐ-ĐHV ngày 28/12/2018) và Đề án Vị trí việc làm Trường Đại học Vinh (số 1217/QĐ-ĐHV ngày 14/12/2018)

Trường ĐH Vinh đã phân tích, dự báo nhu cầu, xây dựng đề án vị trí việc làm về công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên phục vụ nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhà trường có chính sách thu hút độ ngũ nhân viên giỏi khi những sinh viên tốt nghiệp tại trường có kỹ năng mềm tốt, có khả năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin được giữ lại phục vụ ở các phòng thí nghiệm, phòng thực hành tin học, ngoại ngữ, phòng xử lý học vụ, hành chính. Nhà trường cũng đã tiến hành qui hoạch chuẩn hoá chức danh nghề nghiệp và hoàn thành đề án việc làm cho các đơn vị hành chính trực thuộc Trường. Đầu mỗi năm học, Nhà trường tiến hành rà soát đội ngũ nhân viên, đối chiếu với đề án vị trí việc làm, tiến hành phê duyệt kế hoạch tuyển dụng nhân viên cho các đơn vị (Quy chế chi tiêu nội bộ trường đại học Vinh số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016 và Chính sách thu hút nhân lực, trọng dụng nhân tài số 551/ĐHV-TCCB ngày 30/6/2020). Đội ngũ nhân viên phục vụ đào tạo sinh viên ngành Luật Kinh tế là 179 người, trong đó có 90 nam, 89 nữ; 3 tiến sĩ, 85 thạc sĩ; 74 đại học; độ tuổi trung bình 39,2. Số lượng nhân viên

hỗ trợ Khoa là 9 người, có 7 thạc sĩ và 2 đại học. tất cả có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học. Số lượng nhân viên hỗ trợ trực thuộc khoa Kinh tế là 4 người, trong đó có 2 thạc sĩ và 2 đại học.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và đề án vị trí việc làm của mỗi đơn vị hành chính, Trưởng đơn vị mô tả công việc của từng thành viên trong đơn vị và xây dựng bản phân công nhiệm vụ từng người, công khai lên website để tiện cho người khác liên hệ công việc.

Trường ĐH Vinh đã có chính sách luân chuyển nhân viên. Mỗi nhân viên sẽ công tác tại một đơn vị không quá 05 năm. Sau 05 năm mỗi nhân viên sẽ được luân chuyển đến đơn vị mới (trừ một số vị trí đặc thù).

Chương trình đào tạo ngành Kế toán được hỗ trợ bởi đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng ban, trung tâm. Khoa Kinh tế, có 4 nhân viên làm nhiệm vụ văn phòng, quản lý sinh viên, trợ lý đào tạo, 2 giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập ngành Kế toán và 16 giảng viên kiêm nhiệm công tác chủ nhiệm lớp cho sinh viên ngành Kế toán. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ được thực hiện khoa học đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ tại khoa Kinh tế có trình độ đại học trở lên (100%), có nghiệp vụ chuyên môn và trình độ tin học đáp ứng tốt các yêu cầu công việc; Có đến 13 người (86,7%) có trình độ từ Thạc sĩ trở lên (Kế hoạch tuyển dụng viên chức trường ĐH Vinh ngày 9/02/2018; Thông báo tuyển viên chức từ năm 2014-2019)

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 7.1

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 7.1

Tính chuyên nghiệp và năng lực của một vài nhân viên cung cấp các dịch vụ hỗ trợ còn hạn chế; năng lực làm việc chưa đồng đều. Khoa chưa phân tích sâu nhu cầu về đội ngũ nhân viên của các Khoa, các phòng chức năng để cân đối điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên trong khuôn khổ chỉ tiêu định biên cho phép đối với Trường công lập.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 7.1

Cần nâng cao tính chuyên nghiệp và năng lực của nhân viên cung cấp các dịch vụ hỗ trợ; năng lực làm việc cần đồng đều. Khoa cần phân tích sâu nhu cầu về đội ngũ nhân viên của các Khoa, các phòng chức năng để cân đối điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên trong khuôn khổ chỉ tiêu định biên cho phép đối với Trường công lập.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 7.1: 4

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 7.2

Trường ĐH Vinh quy định cụ thể các chính sách về nhân sự nói chung, chính sách về tiêu chuẩn, quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm nhân viên nói riêng trong Quy chế về công tác cán bộ và Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường Quy chế tổ chức và hoạt động số 1386/QĐ-ĐHV ngày 22/4/2015 và số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018; Quyết định quy chế công tác cán bộ của Trường số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26/9/2016; Đề án tuyển dụng viên chức vào trường ĐH Vinh...).

Các tiêu chí đối với ngạch chuyên viên rất rõ ràng và đúng quy định, bao gồm: Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy loại khá trở lên, chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác, ưu tiên người có kinh nghiệm đúng chuyên môn với vị trí việc làm cần tuyển; có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 2 (A2) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT; có chứng chỉ tin học trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT. Quy trình tuyển dụng bao gồm 5 bước: Xác định nhu cầu, tiêu chuẩn và thông báo tuyển dụng (từ 2014-

2019); tiếp nhận, sơ tuyển hồ sơ, tiếp xúc, hướng dẫn ứng viên; tổ chức thi; xét duyệt kết quả và công bố kết quả thi tuyển (từ 2017/số 510-2019/số 3608); ký kết hợp đồng làm việc.

Các thông tin tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được đăng công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường (<http://phongtccb.vinhuni.edu.vn>) và trên cổng thông tin điều hành của Nhà trường (<http://ioffice.vinhuni.edu.vn>).

Hàng năm Nhà trường đều có chính sách điều động, luân chuyển vị trí công tác rất đa dạng đối với những nhân viên có thời gian đảm nhận vị trí công tác ở một đơn vị liên tục từ 60 tháng trở lên với các nhiệm vụ: quản lý sinh viên, cố vấn học tập, văn phòng khoa...Số lượng nhân viên điều chuyển trong 5 năm là 4 người (2 nhân viên điều chuyển đi, 2 điều chuyển đến).

Khoa Kinh tế luôn tuân thủ mọi quy định của Nhà trường trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên của Nhà trường. Khoa đã ban hành quy chế làm việc, chức năng nhiệm vụ của nhân viên làm việc tại Khoa trên trang web <http://khoakinhte.vinhuni.edu.vn>.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 7.2

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 7.2

Việc phân tích, khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí để tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên, còn thiếu sự đồng bộ, thống nhất. Việc sử dụng kết quả của các hoạt động này để xác định tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển còn chưa hiệu quả.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 7.2

Việc phân tích, khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí để tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên cần được thực hiện thường xuyên, cần có sự đồng bộ, thống nhất. Việc sử dụng kết quả của các hoạt

động này để xác định tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển cần hiệu quả.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 7.2: 4

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 7.3

Trường Đại học Vinh và khoa Kinh tế có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Khoa Kinh tế có số lượng hàng năm trên 3.000 sinh viên, là khoa có số lượng sinh viên đông nhất trường. Nhà trường có đội ngũ hỗ trợ đông đảo từ Nhà trường phục vụ sinh viên của Khoa Kinh tế và ngành Kế toán. Khoa Kinh tế có 4 nhân viên làm nhiệm vụ văn phòng, quản lý sinh viên, trợ lý đào tạo; 05 giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập trong đó ngành Kế toán có 2 cố vấn học tập. Tất cả giảng viên đều kiêm nhiệm công tác chủ nhiệm lớp. Khoa Kinh tế có đội ngũ nhân viên hỗ trợ với số lượng đông nhất trong các khoa viện khác. Nhà trường và khoa đã có nhiều văn bản cụ thể quy định chức năng, nhiệm vụ, công việc của từng vị trí mà đội ngũ nhân viên đảm nhận.

Đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên là khâu quan trọng nhất trong quá trình quản lý nhân viên. Nhờ đó, Nhà trường và khoa có thể đưa ra được các quyết định đánh giá công bằng, hợp lý nhất. Đánh giá nhân viên giúp Nhà trường và khoa nâng cao hiệu suất làm việc. Đồng thời khắc phục những thiếu sót mà đội ngũ nhân viên đang gặp phải, thúc đẩy sự tiến bộ của họ.

Nhà trường đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên về chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và xác định sự hài lòng của các bên liên quan. Nhà trường đã có quy định rõ ràng về quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí để đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên QĐ số 929/QĐ-ĐHV ngày 24/8/2017. Vào đầu các năm học, Khoa Kinh tế lên kế hoạch cụ thể đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên thông qua Bảng chấm điểm thi đua cá nhân năm học, Kế hoạch năm học.

Vào cuối mỗi năm học, các nhân viên hỗ trợ đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xác định kế hoạch trong năm học tới. Nhiều nhân viên của Khoa đạt danh hiệu Lao động tiên tiến trở lên. Số lượng khen thưởng nhân viên khoa Kinh tế 5 năm là 8 lao động tiên tiến; 11 hoàn thành nhiệm vụ. Sự khen thưởng này là những ghi nhận của Khoa và Nhà trường đối với đóng góp thành tích của đội ngũ hỗ trợ.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 7.3

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 7.3

Việc đánh giá năng lực hàng tháng chưa tách bạch giữa giảng viên và nhân viên. Đồng thời, việc quy định tỉ lệ xếp loại lao động theo mức (A, B, C) cho từng đơn vị dẫn đến có nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ nhưng không được ghi nhận xứng đáng. Chưa có tiêu chí riêng làm công cụ cho đánh giá các giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Khoa chưa xây dựng lưu trữ được hồ sơ năng lực của đội ngũ nhân viên trên hệ thống quản lý phần mềm. Các hoạt động hỗ trợ, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ chưa hấp dẫn các cán bộ.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 7.3

Việc đánh giá năng lực hàng tháng cần tách bạch giữa giảng viên và nhân viên. Khoa không nên quy định tỉ lệ xếp loại lao động theo mức (A, B, C) cho từng đơn vị để kịp thời động viên và tạo động lực cho các cá nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ. Cần có tiêu chí riêng làm công cụ cho đánh giá các giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Khoa cần xây dựng lưu trữ được hồ sơ năng lực của đội ngũ nhân viên trên hệ thống quản lý phần mềm. Các hoạt động hỗ trợ, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ cần hấp dẫn các cán bộ.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 7.3: 4

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 7.4

Khoa Kinh tế có đội ngũ cán bộ hỗ trợ để hoàn thành công việc hành chính, quản lý sinh viên và các hoạt động khác liên quan đến công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học Cụ thể, khoa Kinh tế có 01 cán bộ văn phòng, 02 cán bộ quản lý sinh viên, 01 cán bộ trợ lý đào tạo. Bên cạnh các cán bộ chuyên trách, khoa còn có các giảng viên kiêm nhiệm làm các công tác hỗ trợ sinh viên như: cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm, bí thư liên chi đoàn, bí thư chi bộ sinh viên.

BCN Khoa Kinh tế đã định hướng nhu cầu đào tạo bồi dưỡng các cán bộ hỗ trợ của khoa để đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc trong tương lai. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định cụ thể, Khoa KT đã xây dựng chiến lược hoạt động, trong đó đánh giá nhu cầu phát triển đội ngũ nhân viên đã được xác định rõ (số 49/ĐHV-TCCB ngày 11/01/2019 khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng viên chức; kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo bồi dưỡng chuyên môn của đội ngũ nhân viên). Khoa KT thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc. Hằng năm Nhà trường và khoa Kinh tế lên kế hoạch cụ thể cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên thông qua kế hoạch năm học của Bộ môn, của khoa từ năm 2015-2019. Trường đã có về chế độ chính sách, các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ kỹ thuật viên, nhân viên, hỗ trợ, thể hiện qua Quy chế chi tiêu nội bộ, kịp thời đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Trường.

Nhà trường cũng khuyến khích đội ngũ nhân viên thi thăng hạng, tạo điều kiện

tham gia các khóa bồi dưỡng về tin học, ngoại ngữ, quản lí hành chính nhà nước, quốc phòng - an ninh... Khoa Kinh tế cũng đã tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm thực hiện tốt yêu cầu công việc. Hiện tại, Khoa KT có 4 cán bộ hỗ trợ trong đó có 02 cán bộ đã đạt học vị thạc sĩ, một cán bộ đang học cao học. Kết quả học tập, bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên luôn được báo cáo về Khoa và Nhà trường kịp thời.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 7.4

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 7.4

Kết quả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên chưa được đánh giá và đối chiếu về tỷ lệ đạt được so với chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 7.4

Kết quả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên cần được đánh giá và đối chiếu về tỷ lệ đạt được so với chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 7.4: 4

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 7.5

Với từng chức danh công việc, trong các văn bản số 2534/QĐ-ĐHV ngày 29/9/2011; các quyết định chức năng nhiệm vụ cố vấn học tập; Đề án vị trí việc làm; phân công nhiệm vụ cán bộ, viên chức các khoa,viện... Trường có qui định cụ thể về

khối lượng công việc cho từng đối tượng nhân viên, định mức công việc được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ, kết quả NCKH và việc đánh giá, khen thưởng được quy định trong Quy định quản lý hoạt động KHCN. Bên cạnh đó, Trường cũng có các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau. Trường ĐH Vinh đã triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên. Hàng năm, Trường có hướng dẫn cụ thể về công tác tổng kết năm học đối với nhân viên, gồm: kê khai các hoạt động, đánh giá và bình xét danh hiệu thi đua, được thực hiện công khai từ cấp cơ sở. Các khoa, phòng ban, trung tâm của Trường đều có kế hoạch, có phân công nội dung, tiến độ hoàn thành, các nguồn lực cần thiết cho các nhân viên. Nhiệm vụ của từng nhân viên được công khai trên website của Trường.

Đội ngũ nhân viên làm việc ở các Trung tâm như: Thông tin Thư viện, Đảm bảo chất lượng, Công nghệ thông tin; Trung tâm Đào tạo liên tục (97 người), các Phòng ban (168 người) hầu hết có trình độ đại học trở lên, có nghiệp vụ chuyên môn và trình độ tin học đáp ứng tốt các yêu cầu công việc; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định theo chức danh nghề nghiệp do Nhà nước ban hành. Tính đến năm 2020 Khoa Kinh tế có 04 nhân viên hỗ trợ chuyên trách có 02 nhân viên đã đạt học vị thạc sĩ. Trong 5 năm tổng chi cho đào tạo bồi dưỡng đội ngũ khoa Kinh tế là 2,026 tỷ đồng.

Định kỳ hàng tháng, Trường đã đánh giá hiệu quả làm việc của đội ngũ nhân viên thông qua việc xếp loại lao động (A, B, C). Kết quả đánh giá cho thấy, đa số nhân viên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhà trường tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm đối với nhân viên và có các quyết định công nhận các danh hiệu thi đua. Kết quả thi đua là căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm cho nhân viên. Sự công nhận và khen thưởng hàng năm được là động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ tích cực hơn trong công tác.

Đội ngũ nhân viên được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc thông qua các đợt lấy ý kiến góp ý cho các

quyết định của Nhà trường. Công tác đánh giá cán bộ và xếp loại thi đua, khen thưởng của Trường đảm bảo công bằng, chính xác, khách quan và được nhân viên toàn trường đồng thuận và sự phản hồi của nhân viên với công tác đánh giá được tiếp nhận và giải quyết qua ban thi đua khen thưởng của Trường và qua hội nghị viên chức hằng năm.

Khoa Kinh tế luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ, rõ ràng kết quả công việc của nhân viên hỗ trợ tại khoa. Hàng năm, Khoa và Nhà trường luôn triển khai công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc. Những cán bộ hỗ trợ hoàn thành công việc được giao luôn nhận được những danh hiệu xứng đáng: Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở hoặc được cử đi học nâng cao trình độ.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 7.5

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 7.5

Nhà trường và Khoa chưa triển khai khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua khen thưởng. Việc lấy ý kiến về góp ý các quy định đánh giá hiệu quả công việc của NV chưa được đồng đảo CBNV tham gia.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 7.5

Nhà trường và Khoa chưa triển khai khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua khen thưởng. Việc lấy ý kiến về góp ý các quy định đánh giá hiệu quả công việc của NV chưa được đồng đảo CBNV tham gia.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 7.5: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 7

1. Điểm mạnh Tiêu chuẩn 7:

Từ những chính sách chung về quy hoạch đội ngũ nhân viên của Trường, Khoa Kinh tế đã có những chính sách về nhân sự cho nhân viên hỗ trợ như bản mô tả vị trí công việc của nhân viên hỗ trợ trong Quy chế làm việc của Khoa. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ làm việc hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu công việc trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ người học.

Trường có quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng; có đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ số lượng, đảm bảo chất lượng cho các lĩnh vực công tác: giảng dạy, NCKH, quản lí hành chính và phục vụ đào tạo. Đội ngũ nhân viên của Khoa được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định về công tác CB của Trường. Khoa luôn tuân thủ mọi quy trình của Nhà trường trong công tác CB, đồng thời còn có những đề xuất với Nhà trường về các tiêu chuẩn tuyển dụng nhân viên để phù hợp đặc thù công việc của ngành Kế toán.

Đội ngũ chuyên viên hỗ trợ có năng lực tốt, PP làm việc khoa học, hiệu quả; có lòng nhiệt tình, hết lòng vì công việc, vì hiệu quả của quá trình đào tạo. Hằng năm, đều tiến hành đánh giá năng lực, hiệu quả công việc, phân loại, xếp loại; có phê bình, có khen thưởng. Đội ngũ GV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ đều là những CB nhiệt tình, tâm huyết, có năng lực tốt trong giảng dạy cũng như trong công tác quản lí; năng lực ngoại ngữ và tin học tốt nên ứng dụng rất hiệu quả trong việc hỗ trợ SV.

Hằng năm, Nhà trường luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ CB hỗ trợ. Khoa luôn cử các nhân viên của Khoa tham gia đầy đủ các khoá bồi dưỡng theo yêu cầu của Nhà trường. Mặc dù số lượng CB hỗ trợ của Khoa còn ít nhưng luôn đảm bảo sự trợ giúp tối đa cho SV trong các hoạt động đào tạo của ngành Kế toán.

Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ CB hỗ trợ và nhân viên trong Khoa được public công khai trên trang web của Khoa. Ngoài ra, đội ngũ nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao và luôn tuân thủ những quy định của

Khoa và Nhà trường đề ra.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chuẩn 7:

2.1. Những tồn tại Tiêu chuẩn 7:

Tính chuyên nghiệp và năng lực của một vài nhân viên cung cấp các dịch vụ hỗ trợ còn hạn chế; năng lực làm việc chưa đồng đều. Khoa Kinh tế chưa phân tích sâu nhu cầu về đội ngũ nhân viên của các Khoa, các phòng chức năng để cân đối điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên.

Việc phân tích, khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí để tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên, còn thiếu sự đồng bộ, thống nhất. Việc sử dụng kết quả của các hoạt động này để xác định tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển còn chưa hiệu quả.

Việc đánh giá năng lực hàng tháng chưa tách bạch giữa giảng viên và nhân viên. Đồng thời, việc quy định tỉ lệ xếp loại lao động theo mức (A, B, C) cho từng đơn vị dẫn đến có nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ nhưng không được ghi nhận xứng đáng. Chưa có tiêu chí riêng làm công cụ cho đánh giá các giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Khoa Kinh tế chưa xây dựng lưu trữ được hồ sơ năng lực của đội ngũ nhân viên trên hệ thống quản lý phần mềm. Các hoạt động hỗ trợ, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ chưa hấp dẫn các cán bộ.

Kết quả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên chưa được đánh giá và đối chiếu về tỷ lệ đạt được so với chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên.

Nhà trường và Khoa Kinh tế chưa triển khai khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua khen thưởng. Việc lấy ý kiến về góp ý các quy định đánh giá hiệu quả công việc của NV chưa được đồng đảo CBNV tham gia.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chuẩn 7:

Khoa và Nhà trường cần nâng cao tính chuyên nghiệp và năng lực của nhân viên cung cấp các dịch vụ hỗ trợ; năng lực làm việc cần đồng đều. Khoa cần phân tích sâu nhu cầu về đội ngũ nhân viên của các Khoa, các phòng chức năng để cân đối điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên trong khuôn khổ chỉ tiêu định biên cho phép đối với Trường công lập.

Việc phân tích, khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí để tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên cần được thực hiện thường xuyên, cần có sự đồng bộ, thống nhất. Việc sử dụng kết quả của các hoạt động này để xác định tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển cần hiệu quả.

Việc đánh giá năng lực hàng tháng cần tách bạch giữa giảng viên và nhân viên. Khoa không nên quy định tỉ lệ xếp loại lao động theo mức (A, B, C) cho từng đơn vị để kịp thời động viên và tạo động lực cho các cá nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ. Cần có tiêu chí riêng làm công cụ cho đánh giá các giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Khoa cần xây dựng lưu trữ được hồ sơ năng lực của đội ngũ nhân viên trên hệ thống quản lý phần mềm. Các hoạt động hỗ trợ, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ cần hấp dẫn các cán bộ.

Kết quả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên cần được đánh giá và đối chiếu về tỷ lệ đạt được so với chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên.

Nhà trường và khoa Kinh tế cần triển khai khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua khen thưởng. Việc lấy ý kiến về góp ý các quy định đánh giá hiệu quả công việc của NV có sự tham gia được đồng đảo của CBNV tham gia.

3. Mức đạt của Tiêu chuẩn 7:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 7	4.00
<i>Tiêu chí 7.1</i>	4
<i>Tiêu chí 7.2</i>	4
<i>Tiêu chí 7.3</i>	4
<i>Tiêu chí 7.4</i>	4
<i>Tiêu chí 7.5</i>	4

TIÊU CHUẨN 8: NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 8.1

Hàng năm, căn cứ vào hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh (QĐ số 265/ĐA-ĐHV, ngày 11/03/2017; số 734/ĐA-ĐHV, ngày 04/7/2018; số 206/ĐA-ĐHV, ngày 11/3/2019; số 415/ĐA-ĐHV ngày 26/6/2020) với nội dung cập nhật các thông tin về chính sách, quy định tuyển sinh, trong đó có các thông tin tuyển sinh của ngành Kế toán. Ví dụ, trong Đề án tuyển sinh năm 2018 của Trường đã nêu rõ các thông tin như đối tượng tuyển sinh là các thí sinh tham gia kỳ thi tốt nghiệp quốc gia năm 2018 và đã tốt nghiệp THPT; phạm vi tuyển sinh trong cả nước; ngành Kế toán được tuyển sinh theo nhóm 1 (Khối ngành kinh tế) với phương thức xét tuyển (dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp quốc gia và kết quả học tập ở THPT); xét tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ GD&ĐT và các thí sinh là học sinh các trường THPT chuyên trên phạm vi cả nước. Đề án tuyển sinh năm 2019 xác định đối tượng tuyển sinh là các thí sinh tham gia kỳ thi tốt nghiệp quốc gia năm 2019 và đã tốt nghiệp THPT; phạm vi tuyển sinh trong cả nước và quốc tế; ngành Kế toán được tuyển sinh theo khối các ngành ngoài sư phạm với phương thức xét tuyển (dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp quốc gia và kết quả học tập ở THPT); xét tuyển thẳng đối với các học sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba kỳ thi học sinh giỏi quốc gia và các học sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (IELTS 5.0, TOEFL iBT 50, TOEIC 500, Cambridge PET) và điểm trung bình môn Toán (đối với các ngành khoa học tự nhiên) và môn Văn (đối với các ngành Khoa học xã hội) lớp 12 phải đạt 7.0 điểm trở lên. Đề án tuyển sinh cũng xác định cụ thể các tổ hợp xét tuyển vào học ngành Kế toán gồm: A00, A01, D01, D07. Từ năm 2017, bên cạnh các thông tin chi tiết của năm tuyển sinh, thông tin ĐBCL của Trường về đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất, Đề án tuyển sinh còn cung cấp cho người học thông tin tham khảo của 02 năm tuyển sinh trước đó của các CTĐT, trong đó có ngành Kế toán.

Nhà trường đã công khai chính sách tuyển sinh, quy định tuyển sinh trên cổng thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ (<http://vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh>; <http://www.vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy>). Mục III.1 (Tuyển sinh đại học chính quy) của Đề án tuyển sinh năm 2020 công bố trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường đã xác định cụ thể các nội dung: đối tượng, phạm vi, phương thức, chỉ tiêu tuyển sinh năm 2020, ngưỡng ĐBCL đầu vào, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào, tổ chức tuyển sinh, chính sách ưu tiên, học phí và lộ trình tăng học phí. Riêng đối với ngành Kế toán, thông tin và chính sách tuyển sinh còn được cập nhật thường xuyên đến thí sinh qua các bài viết, tin tức của chuyên trang tuyển sinh ngành Kế toán của Trường Đại học Vinh (<http://khoakinhte.vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh>). Ngoài ra, Nhà trường/Khoa còn truyền thông về việc tuyển sinh thông qua các bài viết trên các báo điện tử: Tin tức Việt Nam (<https://tintucvietnam.vn/amp/chi-tieu-tuyen-sinh-truong-dai-hoc-vinh-nam-2019-d216785.html>); VTCNews (<https://vtc.vn/4500-chi-tieu-tuyen-sinh-cua-dai-hoc-vinh-ar70614.html>); Dân trí (<https://dantri.com.vn/tuyen-sinh/truong-dai-hoc-vinh-tuyen-sinh-5000-chi-tieu-dai-hoc-chinh-quy-20160728071529071.htm>); Tuyển sinh online (<https://tuyensinhso.vn/school/dai-hoc-vinh.html>).

Kiểm tra trực tiếp trên internet tại thời điểm ĐGN, Đoàn ĐGN thấy trên các trang tuyển sinh của Trường và Khoa có các thông tin về tuyển sinh với đầy đủ nội dung như đối tượng tuyển sinh, phương thức xét tuyển, phạm vi tuyển sinh, các đối tượng ưu tiên, học phí, đội ngũ giảng viên, tình hình tuyển sinh của 2 năm trước liền kề.

Định kỳ, Nhà trường/Khoa đã tổ chức thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh. Năm 2017, Nhà trường đã tổ chức Hội nghị chuyên đề: “Nâng cao chất lượng công tác tuyển sinh, quản lý và tổ chức đào tạo trong giai đoạn hiện nay” đã đề xuất giải pháp: “Xây dựng phương thức tuyển sinh hợp lý, chú ý đảm bảo lợi ích của thí sinh dự tuyển” (Thông báo số 02/TB-HĐT ngày 17/01/2017); năm 2019, Khoa đã tiến hành khảo sát sinh viên chính quy khoá 60 ngành Kế toán về các chính sách, quy định tuyển sinh của Nhà trường.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 8.1

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 8.1

Số lượng các bên liên quan được lấy ý kiến về chính sách tuyển sinh và việc phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực về ngành đào tạo còn hạn chế.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 8.1

Nhà trường cần có giải pháp để mở rộng phạm vi lấy ý kiến tới nhiều đối tượng và phân tích/dự báo nhu cầu nguồn nhân lực đối với Ngành Kế toán để có chính sách tuyển sinh phù hợp.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 8.1: 4

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 8.2

Phương thức và tiêu chí tuyển chọn người học của Nhà trường/ngành Kế toán được quy định rõ ràng trong các đề án tuyển sinh hằng năm. Trước năm 2017, Nhà trường sử dụng 3 phương thức tuyển sinh: Thi tuyển, xét tuyển và kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển. Từ năm 2017 tới nay, Nhà trường sử dụng 2 phương thức tuyển sinh: xét tuyển và kết hợp xét tuyển với thi tuyển. Riêng phương thức xét tuyển được thực hiện theo 3 hình thức: (i) Xét tuyển dựa theo kết quả kỳ thi THPT quốc gia; (ii) Xét tuyển dựa theo kết quả học tập THPT; (iii) Xét tuyển thẳng (Theo quy chế của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường). Ngành Kế toán sử dụng phương thức xét tuyển theo các tổ hợp A00 (Toán, Vật lý, Hoá học), A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh), D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) và D07 (Toán, Hoá học, Tiếng Anh). Tiêu chí tuyển sinh người học được đề án quy định cụ thể rõ ràng. Ví dụ, Đề án tuyển sinh năm 2018 xác định: lấy không dưới 70% chỉ tiêu từ kết quả xét tuyển kết quả thi tốt

ngành THPT; dựa vào kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia, thí sinh đăng ký xét tuyển theo tổ hợp các môn thi, bài thi của nhóm ngành; lấy điểm từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của nhóm ngành nhưng không có môn thi nào trong tổ hợp môn xét tuyển có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống; lấy không quá 30% chỉ tiêu từ xét kết quả học tập THPT với các tiêu chí sau: tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; tổng điểm các môn: theo tổ hợp các môn đăng ký xét tuyển của năm lớp 12 lấy trung bình từ 6.00 điểm trở lên. Điểm ưu tiên sẽ được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo; lấy điểm từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của nhóm ngành. Điểm trúng tuyển được xác định căn cứ vào số lượng người đăng ký, kết quả thi thực tế của từng năm và ngưỡng đảm bảo chất lượng của Nhà trường và của Bộ GD&ĐT. Ví dụ, điểm trung bình trúng tuyển của thí sinh trúng tuyển vào CTĐT ngành Kế toán theo phương thức xét tuyển kết quả thi THPT hằng năm là: 18,5 (năm học 2015 - 2016); 15 điểm (năm học 2016-2017); 15,5 điểm (năm học 2017-2018); 14 điểm (năm học 2018-2019) và 15 (năm học 2019 – 2020).

Hằng năm, Nhà trường/Khoa đã rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học nhằm đảm bảo thực hiện đúng quy chế tuyển sinh, phù hợp với đặc thù các ngành, với xu thế phát triển chung của Khoa và Trường. Trước năm 2018, Nhà trường thực hiện tuyển sinh ngành Kế toán dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp quốc gia và kết quả học tập THPT theo các tổ hợp các môn thi của ngành và lấy điểm từ cao xuống thấp. Từ năm 2018, Nhà trường thực hiện tuyển sinh cho ngành Kế toán theo nhóm ngành Kinh tế; từ năm 2019, việc tuyển sinh cho ngành Kế toán được thực hiện theo các phương thức tuyển sinh cho khối các ngành ngoài su phạm. Từ năm 2019, ngoài các tổ hợp xét tuyển: A00 (Toán, Lý, Hoá), A01 (Toán, Lý, Tiếng Anh), D01 (Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh), Nhà trường bổ sung thêm tổ hợp D07 (Toán, Hoá học, Tiếng Anh).

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 8.2

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 8.2

Phương thức tuyển sinh của Trường /Khoa Kinh tế chưa đa dạng.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 8.2

Nhà trường nên nghiên cứu bổ sung phương thức thi tuyển theo phương pháp đánh giá năng lực thí sinh để chọn được người học có năng lực phù hợp với ngành Kế toán.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 8.2: 4

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 8.3

Nhà trường có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ bao gồm: Phòng Đào tạo, Phòng Thanh tra Giáo dục, Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên, các khoa, các cố vấn học tập và được thực hiện, quản lý bằng phần mềm quản lý người học CMC. Mục II.B.3 Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Vinh (QĐ số 428/QĐ-ĐHV ngày 21/4/2016) quy định nhiệm vụ của Phòng Đào tạo: “Phối hợp kiểm tra, theo dõi nề nếp học tập, quản lý kết quả học tập của người học... Chủ trì tổ chức xét học tiếp, thôi học, học ngành 2, ...xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên”; Mục VII.B.6 quy định nhiệm vụ của Phòng Thanh tra giáo dục: “Quản lý, giám sát công tác đánh giá điểm chuyên cần, thái độ học tập của người học..”; Mục VIII.B.3 quy định nhiệm vụ của Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên “chủ trì công tác đánh giá người học, đánh giá công tác học sinh, sinh viên các khoa/trường trực thuộc.. Tổ chức thực hiện công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật người học đúng quy chế; phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý các trường hợp vi phạm quy chế đào tạo, quy chế công tác học sinh, sinh viên... Định kỳ gửi thông báo kết quả học tập rèn luyện về cho gia đình sinh viên.”; Mục 3.a quy định chức năng, nhiệm vụ các khoa “Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện công tác giáo dục

chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống cho... người học thuộc Khoa”. Điều 3 Quy định chức năng, nhiệm vụ của Cố vấn học tập (QĐ số 3814/QĐ-ĐHV ngày 10/12/2012) quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của Cố vấn học tập trong hoạt động giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. Mục II.B quy định nhiệm vụ của Trợ lý quản lý sinh viên: “Giúp Trưởng khoa tổ chức và duy trì có hiệu quả phong trào thi đua học tập và rèn luyện trong sinh viên, học viên để đáp ứng kịp thời cho công tác quản lý, thống kê báo cáo và nhận xét, đánh giá sinh viên và học viên sau mỗi học kỳ, năm học, khoá học. Từng học kỳ báo cáo kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên, học viên cho Trưởng khoa... Lập hồ sơ đề xuất Hội đồng thi đua khen thưởng – kỷ luật của Khoa và Nhà trường biểu dương, khen thưởng đối với những cá nhân, tập thể đạt thành tích cao trong học tập, rèn luyện; đồng thời kiến nghị xử lý kỷ luật đối với các trường hợp sinh viên, học viên vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm các quy định của Nhà trường...”.

Quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được quy định tại các điều 9, 10, 12, 14, 15, 19 Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh (QĐ số 868 /QĐ - ĐHV ngày 02 /4/2013) và các điều 6, 7, 8, 9, 11, 13, 15, 16, 17 Quy định tạm thời về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh (QĐ số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017). Việc giám sát sự tiến bộ trong rèn luyện của người học thực hiện theo các điều 3, 11, 12, 13, 14, 15 Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Vinh (QĐ số 4153/QĐ-ĐHV ngày 01/12/2015), trong đó Điều 11 quy định 4 bước quy trình đánh giá kết quả rèn luyện.

Giáo viên chủ nhiệm lớp giám sát sự tiến bộ trong quá trình học tập của sinh viên trong lớp thông qua hệ thống điểm quá trình và điểm cuối kỳ. Giám sát quá trình rèn luyện được thực hiện và quản lý thông qua Trợ lý quản lý sinh viên, giáo viên chủ nhiệm.

Cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của người học được thực hiện định kỳ 1 tháng/1 lần thông qua các buổi họp liên tịch giữa Ban Chủ nhiệm Khoa, Trưởng

bộ môn, Trợ lý đào tạo, Trợ lý quản lý sinh viên và Liên chi đoàn khoa. Khoa/Bộ môn thường xuyên giám sát kết quả học tập của người học để đưa ra những cảnh báo hoặc khuyến cáo, tư vấn đối với những sinh viên không hoàn thành kế hoạch học tập đúng hạn. Hàng năm, Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên gửi kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên cho gia đình để cùng đôn đốc sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện.

Kết quả học tập, số lượng tín chỉ người học đăng ký trong học kỳ, danh sách người học bị xử lý kết quả học tập, danh sách người học chậm tiến độ, thôi học được lưu trữ trên hệ thống trên phần mềm quản lý điểm (CMC) và phần mềm quản lý người học (LMS). Kết quả rèn luyện của SV do Chủ nhiệm lớp sinh viên chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và đánh giá điểm rèn luyện của SV theo lớp; Trợ lý công tác sinh viên tổng hợp và gửi kết quả điểm rèn luyện SV của Khoa về Trường. Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên tổng hợp, trình ký phê duyệt công nhận kết quả đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên toàn Trường.

Phòng Đào tạo theo dõi và xử lý dữ liệu sinh viên có nguy cơ bị buộc thôi học từng học kỳ để phối hợp với Khoa, thông qua đội ngũ chủ nhiệm lớp sinh viên và CVHT, để tư vấn cho sinh viên thuộc diện bị xử lý có kế hoạch học tập phù hợp để đảm bảo tiến độ học tập và tốt nghiệp đúng hạn.

Khảo sát trực tiếp trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường trong thời gian ĐGN cho thấy: Nhà trường có các dữ liệu về tiến trình học tập của người học, số người không tích lũy đủ số tín chỉ và các thông tin khác giúp người học chủ động nắm bắt được tiến độ học tập. Phòng Đào tạo đã có các cảnh báo học vụ đối với SV để đội ngũ CVHT và Chủ nhiệm lớp SV giúp các SV được có kế hoạch, biện pháp cải thiện học tập.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 8.3

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 8.3

Giai đoạn 2016 -2020 còn có 238 lượt sinh viên ngành Kế toán được cảnh báo học tập và 104 lượt sinh viên bị buộc thôi học, tập trung chủ yếu vào các sinh viên

học năm thứ nhất. Nhà trường chưa ban hành văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của giảng viên chủ nhiệm.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 8.3

Nhà trường/Khoa cần phân tích xác định nguyên nhân để đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm giảm tỷ lệ SV bị cảnh báo học vụ. Nhà trường nên ban hành văn bản quy định cụ thể chức trách nhiệm vụ của đội ngũ chủ nhiệm lớp sinh viên, thống nhất thực hiện trong Nhà trường để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ chuyên trách này.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 8.3: 4

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 8.4

Mục II.B.3 Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Vinh quy định Phòng Đào tạo có nhiệm vụ: “Chủ trì tổ chức các “Hội thi nghiệp vụ sư phạm”, hội thi “Sinh viên với việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp”; Mục VIII.B.1 quy định chức năng nhiệm vụ của Phòng Công tác chính trị - học sinh sinh viên: “Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình tư tưởng của .. người học... Chủ trì phối hợp cho người học tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao và các hoạt động khác... Chủ trì việc xây dựng chế độ học phí... miễn, giảm học phí, học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp, hỗ trợ chi phí học tập, tín dụng, đào tạo; chủ trì phân bổ học bổng tài trợ. Phối hợp quản lý các câu lạc bộ “Mái ấm Trường Vinh”, hỗ trợ cho các đối tượng người học: con mồ côi, tàn tật, diện chính sách và người học có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Tổ chức cho người học tham gia các loại hình bảo hiểm thân thể, bảo hiểm y tế... giải quyết quyền lợi cho người học bị ốm đau, tai nạn rủi ro... Tổ chức thực hiện công tác thi đua khen

thường, kỷ luật người học theo đúng quy chế”. Mục XXIII.B.6 quy định nhiệm vụ của Văn phòng Đoàn trường: “Chủ trì các phong trào học tập, nghiên cứu khoa học, giáo dục chính trị tư tưởng, văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, nếp song văn hoá, tình nguyện, rèn luyện kỹ năng...”. Điều 3 Quy định chức năng, nhiệm vụ cố vấn học tập (QĐ số 3814/QĐ-ĐHV, ngày 10/12/2012) đã quy định CVHT có nhiệm vụ: “tư vấn, giúp đỡ sinh viên trong quá trình học tập và rèn luyện” giúp sinh viên “trang bị kiến thức và kỹ năng mềm, phát triển kỹ năng và định hướng nghề nghiệp cho sinh viên trong quá trình học tập tại Trường” và “thường xuyên theo dõi kết quả và tiến độ học tập của sinh viên để có biện pháp điều chỉnh kế hoạch và phương pháp học tập thích hợp”.

Mục XIII.B.2 Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Vinh đã quy định nhiệm vụ của Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp (Trước đây là Trung tâm đào tạo liên tục và chuyển giao khoa học công nghệ, dịch vụ giáo dục): “Chủ trì tìm kiếm và tổ chức các chương trình tư vấn, định hướng nghề nghiệp, giới thiệu việc làm cho người học; phối hợp tổ chức “Ngày hội việc làm”, kết nối sinh viên với các nhà tuyển dụng; xây dựng mạng lưới và phối hợp bố trí địa điểm thực tập nghề, thực hành, thực tế chuyên môn cho ngành ngoài sư phạm; xây dựng dữ liệu sinh viên tốt nghiệp hằng năm cung cấp cho các nhà tuyển dụng; chủ trì công tác khảo sát việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên”.

Trong tuần giáo dục công dân, các phòng chức năng phổ biến nội quy, quy chế học tập, rèn luyện, các chủ trương chính sách liên quan đến người học (KH số 3460/ĐHV-CTSV 18/9/2015; số 29/KH-ĐHV ngày 01/9/2016; số 26/KH-ĐHV ngày 07/8/2017; số 28/KH-ĐHV ngày 03/8/2019; số 39/KH-ĐHV, ngày 1/8/2019).

Hàng năm, căn cứ kế hoạch của Nhà trường (KH số 05/KH-ĐHV ngày 23/5/2016; 07/KH-ĐHV ngày 28/2/2018; KH số 11/KH-ĐHV ngày 07/3/2019; 06/KH-ĐHV ngày 17/01/2020), Khoa/Bộ môn đã triển khai các hoạt động rèn nghề cho người học (KH ngày 02/02/2015; 27/12/2016; 12/3/2018; 07/3/2019).

Hàng tháng, các lớp tổ chức sinh hoạt, có đại diện Ban Chủ nhiệm, CVHT, GV chủ nhiệm tham dự để giải đáp các mối quan tâm của SV và kịp thời hỗ trợ những khó khăn trong học tập, rèn luyện của SV. Hàng năm, Khoa tổ chức Hội

ngộ dân chủ SV nhằm tập trung giải đáp các thắc mắc của của SV về các hoạt động liên quan đến đào tạo và hỗ trợ người học.

Hằng năm, Đoàn Thanh niên Nhà trường tổ chức các hoạt động: “Chương trình ngày chủ nhật xanh” (KH số 45-KH/ ĐTN, ngày 18/4/2019), “Giải bóng chuyền sinh viên” (KH số 15-KH/ ĐTN ngày 26/2/2018), “Tuổi trẻ học tập và làm theo đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” (KH số 28- KH/ ĐTN, ngày 13/3/ 2018), Hội thi “Sinh viên thanh lịch” (KH số 126/KH-ĐHV ngày 31/3/2019)... Đoàn thanh niên và Hội SV và Khoa tổ chức các hoạt động hội diễn văn nghệ; thể dục thể thao, giao lưu văn hóa; các chương trình giáo dục pháp luật về an toàn giao thông, hội thao sinh viên Khoa: Chương trình chào xuân (KH số 121-KH-KKT ngày 24/01/2018; số 141/KH-KKT ngày 15/12/2018); chương trình Talk show thắp lửa khởi nghiệp (KH số 124/KH-KKT ngày 27/11/2018); Giải Bóng đá nam sinh viên Khoa Kinh tế. Câu lạc bộ “Hoa Chăm pa” tổ chức các hoạt động hỗ trợ sinh viên và lưu học sinh ngành Kế toán trong học tập và tăng cường tình hữu nghị với sinh viên quốc tế. Câu lạc bộ “Tiếng Anh Khoa Kinh tế” và “Câu Lạc bộ Kế toán” đã hỗ trợ sinh viên ngành Kế toán trong học tập ngoại ngữ và các môn học chuyên ngành Kế toán.

Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học: Liên hệ, kết nối, phối hợp với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tổ chức các chương trình giới thiệu việc làm cho sinh viên, tổ chức các chương trình về việc làm bán thời gian cho sinh viên đang học tập tại Trường, tổ chức các chương trình thực tập tiềm năng cho sinh viên năm cuối, giúp sinh viên tăng cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường (Báo cáo số 919/ĐHV-ĐTLT ngày 09/8/2016; số 1100/ĐHV-HTSVQHDN ngày 18/9/2017; số 1409/ĐHV-HTSVQHDN ngày 28/11/2017; số 1558/ĐHV-HTSVQHDN ngày 28/12/2017; số 1287/ĐHV-HTSVQHDN ngày 13/11/2019; số 1380/ĐHV ngày 02/12/2019; số 1189/ĐHV-HTSVQHDN ngày 24/11/2020); tổ chức “Ngày hội việc làm” tạo điều kiện cho sinh viên mới tốt nghiệp và sinh viên năm cuối của Nhà trường được tiếp cận nhà tuyển dụng, tham gia phỏng vấn, ứng tuyển vào các vị trí việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo (KH số 266/ĐHV-HTSVQHDN ngày ngày 15/3/2017; số

296/ĐHV-HTSVQHDN ngày 28/3/2019; số 381/ĐHV-HTSVQHDN ngày 17/4/2019). Giai đoạn 2016-2020, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp đã giới thiệu 3184 việc làm cho người học trong đó có 118 người học ngành Kế toán.

Khoa liên hệ với các doanh nghiệp tổ chức cho sinh viên năm đầu đi kiến tập để định hướng nghề nghiệp (Kế hoạch ngày 20/11/2019; 19/11/2018). Năm 2019, Khoa đã tổ chức buổi tọa đàm với sự tham gia của đại diện tổ chức ACCA để chia sẻ kỹ năng ứng tuyển và phỏng vấn thử giúp người học ngành Kế toán rèn luyện các kỹ năng cần thiết khi ra trường

Hàng năm, Nhà trường và Khoa đều có lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu người học về mức độ hài lòng đối với chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. Kết quả khảo sát năm 2016 có 90,9% người học hài lòng về: “Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo có hỗ trợ, tư vấn tốt để đăng ký học, xử lý học vụ”; 90% người học hài lòng về: “Trợ lý sinh viên của Khoa tích cực, nhiệt tình giúp đỡ trong quá trình học”; có 76,5% người học hài lòng về: “Cán bộ Văn phòng Khoa tích cực, nhiệt tình giúp đỡ trong quá trình học tập, rèn luyện”; có 80,3% người học hài lòng đối với hoạt động hỗ trợ việc làm Trung tâm Dịch vụ Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp (Báo cáo số 74/BC-ĐHV ngày 22/12/2016).. Kết quả khảo sát lấy ý kiến người học năm học 2019-2020: có 94% người học hài lòng về: “Việc cung cấp thông tin nghề nghiệp và việc làm của Nhà trường đối với người học; có 93,1% người học hài lòng với hoạt động của Đoàn Thanh niên”; có 92,4% người học hài lòng với hoạt động của Hội Sinh viên. Kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá tốt nghiệp các năm có trên 90% hài lòng về “Chất lượng phục vụ của Nhà trường đối với sinh viên” và “Môi trường sống, sinh hoạt, rèn luyện, học tập tại Trường” (Báo cáo 43/BC-ĐHV ngày 14/9/2017; số 51/BC-ĐHV ngày 31/7/2019; số 41/BC-ĐHV ngày 29/6/2020).

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 8.4

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 8.4

Kết quả khảo sát sự hài lòng của người học và cựu người học đối với hoạt

động tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm chưa được xử lý và phân tích theo các ngành đào tạo.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 8.4

Kết quả khảo sát cần được xử lý và phân tích theo từng ngành học để có thể đưa ra được các giải pháp phù hợp để cải tiến hoặc nâng cao chất lượng về môi trường tâm lý, xã hội cho từng ngành học liên quan tại từng cơ sở giáo dục của Nhà trường

3. Mức đạt được của Tiêu chí 8.4: 4

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 8.5

Nhà trường đã có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Nhà trường đã ban hành Bộ Quy tắc ứng xử văn hoá của sinh viên, học viên Trường Đại học Vinh (QĐ số 3182/QĐ-ĐHV ngày 26/12/2018). Sinh viên được tổ chức khám sức khỏe học đường (Thông báo số 306/ĐHV-YT ngày 02/4/2018; số 1391/ĐHV-YT, ngày 05/12/2018), SV nữ được tư vấn về giới tính sức khỏe, sinh sản (Thông báo số 625/ĐHV-ĐTLT ngày 17/5/2016, số 1006/ĐHV-HTSVQHDN, ngày 18/5/2018). Khuôn viên Nhà trường rộng rãi, thoáng mát và được đầu tư vào công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, lớp học luôn sạch sẽ, hệ thống thoát nước tốt, có nhiều cây xanh, ghế đá, đài phun nước, khu tập luyện thể thao. Nhà trường/Khoa Kinh tế thường xuyên tổ chức các hoạt động thể thao (Giải bóng đá, cầu lông, bóng bàn..), văn nghệ, các cuộc thi (Cắm hoa nghệ thuật, thi nấu ăn giỏi..). GV, SV được sử dụng wifi miễn phí phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu. Để tạo điều kiện thuận

lợi cho SV học tập và thực hiện các thủ tục hành chính, Nhà trường đã thành lập các khu hành chính một cửa từ năm 2016 (QĐ số 706/QĐ-ĐHV ngày 16/06/2016).

Cảnh quan, sân trường, phòng học của Nhà trường được đầu tư xây dựng và nâng cấp để đáp ứng nhu cầu của người học. Nhà điều hành công nghệ cao, giảng đường, các văn phòng, ký túc xá được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của SV. Văn phòng làm việc của Khoa được bố trí tại khu nhà 5 tầng (Nhà A0) gần giảng đường (Khu nhà A1, A2, A3, A4 và khu nhà B1, B2, B3). Các phòng học đều được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu, đèn, quạt và trang bị máy lạnh nhằm cung cấp không gian học tập thoáng đãng cho học tập, giảng dạy cũng như nghiên cứu khoa học. Sinh viên ngành Kế toán được hỗ trợ bởi các cơ sở vật chất phục vụ cho việc học tập như hệ thống thư viện, trang thiết bị học tập đáp ứng yêu cầu đào tạo theo hướng tiếp cận CDIO và các câu lạc bộ “Hoa Chăm pa”, “Tiếng Anh khoa Kinh tế”, “Câu lạc bộ Kế toán”. Nhà trường ký hợp đồng với đối tác để duy trì công tác vệ sinh môi trường (HĐ số 06/2018/HĐDV ngày 05/01/2018) và đảm bảo an ninh, trật tự trong khuôn viên Trường (HĐ số 30/HĐKT, ngày 29/3/2018). Ngoài ra, hàng tuần, sinh viên của các Khoa tham gia dọn vệ sinh trong khuôn viên trường. Sinh viên Nhà trường/ngành Kế toán được học tập trong môi trường thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động học tập và nghiên cứu.

Tại thời điểm ĐGN, Đoàn ĐGN nhận thấy: Nhà trường đã triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Y tế về phòng chống dịch Covid19 (CB, GV, SV đeo khẩu trang, các khu vực vào hội trường, có phát khẩu trang cho người tham dự...).

Định kỳ, Nhà trường triển khai thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của học viên, sinh viên về các hoạt động của Nhà trường, trong đó có nội dung khảo sát về môi trường môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Nhà trường. Kết quả khảo sát sinh viên toàn Trường năm 2016: có 91,7% người học hài lòng (Mức khá trở lên) “công tác vệ sinh môi trường”; 90,6% người học hài lòng về “Công tác bảo đảm an ninh trật tự trong Nhà trường”; 81,3% người học hài lòng về: “Công tác chăm sóc sức khỏe của Nhà trường ” (BC số 74/BC-ĐHV ngày 22/12/2016); .. Kết quả khảo

sát phản hồi của người học về các hoạt động của Nhà trường học kỳ 1 năm học 2019 – 2020: 92,7% người học hài lòng đối với “Hệ thống vệ sinh công cộng của Nhà trường”; 94,2% người học hài lòng về: “Công tác bảo đảm an ninh, trật tự Trường học”; có 92,9% người học hài lòng về: “Việc giải quyết thủ tục hành chính đối với người học” (Báo cáo số 09/BC-ĐHV ngày 26/02/2020).

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 8.5

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 8.5

Việc khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường thực hiện chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm).

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 8.5

Nhà trường cần tiến hành khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong khuôn viên Trường thông qua phiếu khảo sát để thu thập được đầy đủ thông tin và có các giải pháp phát huy điểm mạnh và khắc phục những tồn tại phù hợp.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 8.5: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 8

1. Điểm mạnh Tiêu chuẩn 8:

Hằng năm, căn cứ vào hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh với nội dung cập nhật các thông tin về chính sách, quy định tuyển sinh, trong đó có các thông tin tuyển sinh của ngành Kế toán.

Nhà trường đã công khai chính sách tuyển sinh, quy định tuyển sinh trên cổng thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ (<http://vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh>; <http://www.vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy>). Mục III.1 (Tuyển sinh đại

học chính quy) của Đề án tuyển sinh năm 2020 công bố trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường đã xác định cụ thể các nội dung: đối tượng, phạm vi, phương thức, chỉ tiêu tuyển sinh năm 2020, ngưỡng ĐBCL đầu vào, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào, tổ chức tuyển sinh, chính sách ưu tiên, học phí và lộ trình tăng học phí. Riêng đối với Ngành Kế toán, thông tin và chính sách tuyển sinh còn được cập nhật thường xuyên đến thí sinh qua các bài viết, tin tức của chuyên trang tuyển sinh ngành Kế toán của Trường Đại học Vinh (<http://khoakinhte.vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh>). Ngoài ra, Nhà trường/Khoa còn truyền thông về việc tuyển sinh thông qua các bài viết trên các báo điện tử: Tin tức Việt Nam; VTCNews; Dân trí; tuyển sinh online.

Kiểm tra trực tiếp trên internet tại thời điểm ĐGN, Đoàn ĐGN thấy trên các trang tuyển sinh của Trường và Khoa có các thông tin về tuyển sinh với đầy đủ nội dung như: Đối tượng tuyển sinh, phương thức xét tuyển, phạm vi tuyển sinh, các đối tượng ưu tiên, học phí, đội ngũ giảng viên, tình hình tuyển sinh của 2 năm trước liền kề. Định kỳ, Nhà trường/Khoa đã tổ chức thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh.

Phương thức và tiêu chí tuyển chọn người học của Nhà trường/ngành Kế toán được quy định rõ ràng trong các đề án tuyển sinh hằng năm. Trước năm 2017, Nhà trường sử dụng 3 phương thức tuyển sinh: Thi tuyển, xét tuyển và kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển. Từ năm 2017 tới nay, Nhà trường sử dụng 2 phương thức tuyển sinh: xét tuyển và kết hợp xét tuyển với thi tuyển. Riêng phương thức xét tuyển được thực hiện theo 3 hình thức: (i) Xét tuyển dựa theo kết quả kỳ thi THPT quốc gia; (ii) Xét tuyển dựa theo kết quả học tập THPT; (iii) Xét tuyển thẳng (Theo quy chế của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường). Ngành Kế toán sử dụng phương thức xét tuyển theo các tổ hợp A00 (Toán, Vật lý, Hoá học), A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh), D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) và D07 (Toán, Hoá học, Tiếng Anh). Tiêu chí tuyển sinh người học được đề án quy định cụ thể rõ ràng.

Hằng năm, Nhà trường/Khoa đã rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học nhằm đảm bảo thực hiện đúng quy chế tuyển sinh, phù hợp với đặc thù các ngành, với xu thế phát triển chung của Khoa và Trường. Trước năm

2018, Nhà trường thực hiện tuyển sinh ngành Kế toán dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp quốc gia và kết quả học tập THPT theo các tổ hợp các môn thi của ngành và lấy điểm từ cao xuống thấp. Từ năm 2018, Nhà trường thực hiện tuyển sinh cho ngành Kế toán theo nhóm ngành Kinh tế; từ năm 2019, việc tuyển sinh cho ngành Kế toán được thực hiện theo các phương thức tuyển sinh cho khối các ngành ngoài sư phạm. Từ năm 2019, ngoài các tổ hợp xét tuyển: A00 (Toán, Lý, Hoá), A01 (Toán, Lý, Tiếng Anh), D01 (Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh), Nhà trường bổ sung thêm tổ hợp D07 (Toán, Hoá học, Tiếng Anh).

Nhà trường có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ bao gồm: Phòng Đào tạo, Phòng Thanh tra Giáo dục, Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên, các khoa, các cố vấn học tập và được thực hiện, quản lý bằng phần mềm quản lý người học CMC.

Quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được quy định tại Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học và Quy định tạm thời về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh. Việc giám sát sự tiến bộ trong rèn luyện của người học thực hiện theo Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Vinh; Điều 11 quy định 4 bước quy trình đánh giá kết quả rèn luyện.

Giáo viên chủ nhiệm lớp giám sát sự tiến bộ trong quá trình học tập của sinh viên trong lớp thông qua hệ thống điểm quá trình và điểm cuối kỳ. Giám sát quá trình rèn luyện được thực hiện và quản lý thông qua Trợ lý quản lý sinh viên, giáo viên chủ nhiệm.

Kết quả học tập, số lượng tín chỉ người học đăng ký trong học kỳ, danh sách người học bị xử lý kết quả học tập, danh sách người học chậm tiến độ, thôi học được lưu trữ trên hệ thống trên phần mềm quản lý điểm (CMC) và phần mềm quản lý người học (LMS). Kết quả rèn luyện của SV do Chủ nhiệm lớp sinh viên chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và đánh giá điểm rèn luyện của SV theo lớp; Trợ lý công tác sinh viên tổng hợp và gửi kết quả điểm rèn luyện SV của Khoa về Trường. Phòng Công tác

chính trị - Học sinh, sinh viên tổng hợp, trình ký phê duyệt công nhận kết quả đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên toàn Trường.

Phòng Đào tạo theo dõi và xử lý dữ liệu sinh viên có nguy cơ bị buộc thôi học từng học kỳ để phối hợp với Khoa, thông qua đội ngũ chủ nhiệm lớp sinh viên và CVHT, đề tư vấn cho sinh viên thuộc diện bị xử lý có kế hoạch học tập phù hợp để đảm bảo tiến độ học tập và tốt nghiệp đúng hạn.

Khảo sát trực tiếp trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường trong thời gian ĐGN cho thấy: Nhà trường có các dữ liệu về tiến trình học tập của người học, số người không tích lũy đủ số tín chỉ và các thông tin khác giúp người học chủ động nắm bắt được tiến độ học tập. Phòng Đào tạo đã có các cảnh báo học vụ đối với SV để đội ngũ CVHT và Chủ nhiệm lớp SV giúp các SV được có kế hoạch, biện pháp cải thiện học tập.

Việc tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học do các đơn vị chức năng (Phòng Đào tạo; Phòng Công tác chính trị - học sinh sinh viên; Văn phòng Đoàn trường; CVHT) thực hiện. Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho người học.

Hàng năm, căn cứ kế hoạch của Nhà trường, Khoa/Bộ môn đã triển khai các hoạt động rèn nghề cho người học. Hằng tháng, các lớp tổ chức sinh hoạt, có đại diện Ban Chủ nhiệm Khoa, CVHT, GV chủ nhiệm tham dự để giải đáp các mối quan tâm của SV và kịp thời hỗ trợ những khó khăn trong học tập, rèn luyện của SV. Hằng năm, Đoàn Thanh niên Nhà trường, Đoàn thanh niên và Hội SV và Khoa tổ chức các hoạt động hội diễn văn nghệ; thể dục thể thao; giao lưu văn hóa. Câu lạc bộ “Hoa Chăm pa” tổ chức các hoạt động hỗ trợ sinh viên và lưu học sinh ngành Kế toán trong học tập và tăng cường tình hữu nghị với sinh viên quốc tế. Câu lạc bộ “Tiếng Anh Khoa Kinh tế” và “Câu Lạc bộ Kế toán” đã hỗ trợ sinh viên ngành Kế toán trong học tập ngoại ngữ và các môn học chuyên ngành Kế toán.

Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học: Liên hệ, kết nối, phối hợp với các

doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tổ chức các chương trình giới thiệu việc làm cho sinh viên, tổ chức các chương trình về việc làm bán thời gian cho sinh viên đang học tập tại Trường, tổ chức các chương trình thực tập tiềm năng cho sinh viên năm cuối, giúp sinh viên tăng cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường; tạo; tổ chức “Ngày hội việc làm” tạo điều kiện cho sinh viên mới tốt nghiệp và sinh viên năm cuối của Nhà trường được tiếp cận nhà tuyển dụng, tham gia phỏng vấn, ứng tuyển vào các vị trí việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo. Giai đoạn 2016-2020, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp đã giới thiệu 3184 việc làm cho người học trong đó có 118 người học ngành Kế toán.

Khoa đã liên hệ với các doanh nghiệp tổ chức cho sinh viên năm đầu đi kiến tập để định hướng nghề nghiệp. Năm 2019, Khoa đã tổ chức buổi tọa đàm với sự tham gia của đại diện tổ chức ACCA để chia sẻ kỹ năng ứng tuyển và phỏng vấn thử giúp người học ngành Kế toán rèn luyện các kỹ năng cần thiết khi ra trường

Hàng năm, Nhà trường và Khoa đều có lấy ý kiến phản hồi của người học, người học trước khi tốt nghiệp các năm về mức độ hài lòng đối với chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. Kết quả khảo sát các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 có trên 76% người học, người học trước khi tốt nghiệp hằng năm hài lòng.

Nhà trường đã có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Nhà trường đã ban hành Bộ Quy tắc ứng xử văn hoá của sinh viên, học viên Trường Đại học Vinh. Khuôn viên Nhà trường rộng rãi, thoáng mát và được đầu tư vào công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, lớp học luôn sạch sẽ, hệ thống thoát nước tốt, có nhiều cây xanh, ghế đá, đài phun nước, khu tập luyện thể thao. Nhà trường/Khoa Kinh tế thường xuyên tổ chức các hoạt động thể thao, văn nghệ. GV, SV được dùng wifi miễn phí phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu. Để tạo điều kiện thuận lợi cho SV học tập và thực hiện các thủ tục hành chính, Nhà trường đã thành lập các khu hành chính một cửa từ năm 2016.

Cảnh quan, sân trường, phòng học của Nhà trường được đầu tư xây dựng và nâng cấp để đáp ứng nhu cầu của người học. Nhà điều hành công nghệ cao, giảng đường, các văn phòng, ký túc xá được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của SV. Văn phòng làm việc của Khoa được bố trí gần giảng đường. Các phòng học đều được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu, đèn, quạt và trang bị máy lạnh nhằm cung cấp không gian học tập thoáng đãng cho học tập, giảng dạy cũng như nghiên cứu khoa học... Nhà trường ký hợp đồng với đối tác để duy trì công tác vệ sinh môi trường và đảm bảo an ninh, trật tự trong khuôn viên Trường. Ngoài ra, hàng tuần, sinh viên của các Khoa tham gia dọn vệ sinh trong khuôn viên trường. Sinh viên Nhà trường/ngành Kế toán được học tập trong môi trường thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động học tập và nghiên cứu.

Tại thời điểm ĐGN, Đoàn ĐGN nhận thấy: Nhà trường đã triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Y tế về phòng chống dịch Covid19 (CB, GV, SV đeo khẩu trang, các khu vực vào hội trường, có phát khẩu trang cho người tham dự...).

Kết quả khảo sát sinh viên toàn Trường giai đoạn 2016 – 2020: có trên 80% người học hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chuẩn 8:

2.1. Những tồn tại Tiêu chuẩn 8:

Số lượng các bên liên quan được lấy ý kiến về chính sách tuyển sinh và việc phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực về ngành đào tạo còn hạn chế. Phương thức tuyển sinh của Trường /Khoa Kinh tế chưa đa dạng.

Giai đoạn 2016 -2020 còn có 238 lượt sinh viên ngành Kế toán được cảnh báo học tập và 104 lượt sinh viên bị buộc thôi học, tập trung chủ yếu vào các sinh viên học năm thứ nhất. Nhà trường chưa ban hành văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của giảng viên chủ nhiệm.

Kết quả khảo sát sự hài lòng của người học và cựu người học đối với hoạt động tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm chưa được xử lý và phân tích theo các ngành đào tạo.

Việc khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường thực hiện chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm).

2.2. Khuyến nghị Tiêu chuẩn 8:

Nhà trường cần có giải pháp để mở rộng phạm vi lấy ý kiến tới nhiều đối tượng và phân tích/dự báo nhu cầu nguồn nhân lực đối với Ngành Kế toán để có chính sách tuyển sinh phù hợp.

Nhà trường nên nghiên cứu bổ sung phương thức thi tuyển theo phương pháp đánh giá năng lực thí sinh để chọn được người học có năng lực phù hợp với ngành Kế toán.

Nhà trường/Khoa cần phân tích xác định nguyên nhân để đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm giảm tỷ lệ SV bị cảnh báo học vụ. Nhà trường nên ban hành văn bản quy định cụ thể chức trách nhiệm vụ của đội ngũ chủ nhiệm lớp sinh viên, thống nhất thực hiện trong Nhà trường để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ chuyên trách này.

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng cựu người học đối với hoạt động tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm cần được xử lý và phân tích theo từng ngành học để có thể đưa ra được các giải pháp phù hợp để cải tiến hoặc nâng cao chất lượng về môi trường tâm lý, xã hội cho từng ngành học liên quan.

Nhà trường cần tiến hành khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong khuôn viên Trường thông qua phiếu khảo sát để thu thập được đầy đủ thông tin để có các giải pháp phát huy điểm mạnh và khắc phục những tồn tại phù hợp.

3. Mức đạt của Tiêu chuẩn 8:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 8	4,00
<i>Tiêu chí 8.1</i>	4
<i>Tiêu chí 8.2</i>	4
<i>Tiêu chí 8.3</i>	4
<i>Tiêu chí 8.4</i>	4
<i>Tiêu chí 8.5</i>	4

TIÊU CHUẨN 9: CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 9.1

Các cơ sở để phục vụ hoạt động đào tạo của Nhà trường có tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH của Trường là 86.166 m². Hệ thống phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm của Trường gồm có: 282 phòng học với tổng diện tích là 51.054 m², 45 phòng học máy tính với tổng diện tích 6920 m², 86 phòng thí nghiệm có diện tích 10.314 m²; 19 xưởng, phòng thực hành có diện tích 4668 m². Thư viện 2 cơ sở có diện tích 9952 m²; nhà tập đa năng có diện tích 2143 m². Nhà trường có 68 phòng làm việc với tổng diện tích 15.864m² m². Ban Giám hiệu Nhà trường được bố trí 6 phòng làm việc ở khu nhà A0 với tổng diện tích 185 m²; Trưởng các đơn vị được bố trí phòng làm việc riêng; các Giáo sư, Phó Giáo sư được bố trí không gian làm việc riêng.

Khoa Kinh tế được bố trí 3 phòng làm việc tại tầng 2 nhà A0, 02 phòng ở tầng 2 nhà A1 với tổng diện tích 277 m². Về phòng học, đối với các học phần chung của ngành Kế toán được bố trí ở các giảng đường lớn ở nhà A4, nhà B2, B3; đối với các học phần chuyên ngành Kế toán có yêu cầu riêng về phòng học được bố trí sử dụng linh hoạt theo mục đích của giảng dạy của từng học phần theo lịch sử dụng hệ thống phòng học do Phòng Quản trị - Đầu tư điều hành bằng mạng máy tính. Tại thời điểm 30/8/2020, với quy mô sinh viên của Trường 13.997 người học, diện tích phòng học bình quân đạt 3,65 m²/người học; diện tích sàn phòng thí nghiệm, thực hành đạt 1,07 m²/người học đối với tất cả các đối tượng người học trong toàn Trường.

Các phòng làm việc của cán bộ, GV, NV được trang bị máy tính, máy in được kết nối internet, có tủ đựng tài liệu và các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu

công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, máy tính, máy in, điện thoại, bàn, ghế, tủ để tài liệu. Các phòng học, hội trường đều trang thiết bị như máy tăng âm, micro, máy chiếu projector, bảng chống lóa, máy móc, phương tiện dạy học trực tuyến. Hiện nay, Nhà trường có 142 phòng học trang bị hệ thống máy chiếu, trong đó có 26 phòng kết nối trực tuyến. Hệ thống máy tính có nối mạng, loa máy độc lập, máy chiếu Projector phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành Kế toán được bổ sung, sửa chữa hàng năm.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 9.1

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 9.1

Các bộ môn của Khoa Kinh tế chưa được bố trí phòng làm việc riêng, không gian làm việc của cán bộ giảng viên còn chật hẹp.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 9.1

Nhà trường cần bố trí phòng làm việc riêng cho các bộ môn và tăng diện tích không gian làm việc cho đội ngũ giảng viên của Khoa Kinh tế.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 9.1: 4

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 9.2

Thư viện Cơ sở 1 của Trường được thành lập năm 1959, được bố trí tại tòa nhà 7 tầng có diện tích sàn 9.275 m² bao gồm: Không gian học tập tầng 1, 05 phòng học, 01 phòng xử án mô phỏng dành cho Khoa Luật, 03 phòng máy tính, 08 kho sách và 06 phòng đọc. Thư viện Cơ sở 2 có diện tích sàn 677 m². Thư viện trường

có 110 máy tính được nối mạng internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tra cứu tài liệu online cho người học (Cơ sở 1: 80 máy tính; Cơ sở 2: 30 máy tính).

Thư viện Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý thư viện Kipos tiên tiến. Thư viện có trang thư viện điện tử tại các địa chỉ (Lib.vinhuni.edu.vn; tvs.vinhuni.edu.vn; thuvien.vinhuni.edu.vn). Thư viện có 30 nhân viên, trong đó có 21 nhân viên tốt nghiệp ngành Thư viện (Cơ sở 1: 28 NV; Cơ sở 2: 02 NV).

Nhà trường ban hành Nội quy thư viện (<http://lib.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-su-kien/seo/noi-quy-thu-vien-89190>); nội quy phòng chống cháy nổ ngày 16/01/2018 (<http://lib.vinhuni.edu.vn/thu-vien/seo/noi-quy-phong-chong-chay-no-89197>); Quy định sử dụng không gian học tập ngày 15/10/2018 (<http://lib.vinhuni.edu.vn/thu-vien/seo/noi-quy-su-dung-khong-gian-hoc-tap-89198>); Hướng dẫn sử dụng và Thư viện điện tử (<http://lib.vinhuni.edu.vn/thu-vien/seo/huong-dan-su-dung-va-noi-quy-thu-vien-dien-tu-75593>) và các văn bản hướng khai thác Thư viện (Thông báo ngày 31/10/2017; ngày 01/08/2018; ngày 15/10/2018; số 15/TTTV ngày 03/12/2019). Phòng đọc thư viện có 1.800 chỗ ngồi, hệ thống mượn - trả tài liệu tự động. CB, GV, người học được cấp tài khoản để sử dụng thư viện số của Trường. Thư viện tổ chức phục vụ bạn đọc các ngày trong tuần từ 7h30 đến 21h30 và thứ Bảy, Chủ nhật.

Kết quả khảo sát trực tiếp cho thấy, Thư viện có 14.466 đầu tài liệu với 160.559 cuốn (Cơ sở 1: 12.008 đầu tài liệu/148.200 bản. Cơ sở 2: 2.658 tên tài liệu/12.359 bản); Thư viện số có: 21.021 tên tài liệu số. Thư viện được kết nối với CSDL điện tử trực tuyến online ProQuest Center phục vụ công tác đào tạo và NCKH (HĐ số 01/LHTV-ITGVN-VINHUNI/2019 ngày 30/10/2019). Thư viện điện tử của Nhà trường kết nối với các thư viện: Liên hiệp Thư viện Đại học Việt Nam (HĐ số Biên bản ghi nhớ ngày 09/8/2019); Thư viện của Cục khoa học và công nghệ quốc gia (HĐ số 1207/ĐHV-TTTV ngày 28/10/2019), Thư viện Trường ĐH Cần Thơ (HĐ số 990/ĐHV-TV ngày 23/8/2017), Thư viện Đại học Quốc gia

Hà Nội, Thư viện Trường ĐH Nguyễn Tất Thành (BB thoả thuận ngày 08/6/2018); Thư viện Trường ĐH Công nghệ miền Đông (Biên bản hợp tác ngày 09/8/2018). Nguồn học liệu phục vụ cho ngành Kế toán trong Thư viện hiện có 388 đầu tài liệu với 5820 bản.

Việc biên soạn, phát hành và bổ sung giáo trình, tài liệu học tập được thực hiện theo Quy định về việc biên soạn, nghiệm thu, xuất bản, phát hành, sử dụng giáo trình, tài liệu học tập và quản lý tài chính trong hoạt động xuất bản giáo trình, tài liệu học tập, sách liên kết của Trường Đại học Vinh (QĐ số 533/QĐ-ĐHV ngày 22/6/2018). Giai đoạn 2015-2020, ngành Kế toán được bổ sung 130 đầu sách với 1882 bản sách. Thư viện có số liệu theo dõi về hoạt động của bạn đọc. Giai đoạn 2015-2020 có 134.594 lượt bạn đọc đến mượn giáo trình, tài liệu tại Thư viện, trong đó có 1711 lượt người học ngành Kế toán.

Tại thời điểm khảo sát chính thức, Đoàn ĐGN đã xác suất yêu cầu Thư viện tìm 30 đầu giáo trình, tài liệu tham khảo được quy định trong 9 đề cương chi tiết các học phần (Marketing căn bản, Lý thuyết tài chính - tiền tệ, Nguyên lý kế toán, Hệ thống thuế Việt Nam, Kế toán tài chính, Kiểm toán tài chính, Kế toán công, Kế toán thuế, Kế toán quốc tế) của CTĐT ngành Kế toán. Kết quả, Thư viện đã đưa ra được đủ 30 đầu giáo trình, tài liệu Đoàn ĐGN yêu cầu.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 9.2

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 9.2

Tỷ lệ giáo trình tài liệu tài liệu học tập, tham khảo có thời gian xuất bản trên 5 năm còn khá cao (62%). Số lượng người học ngành Kế toán đến khai thác sử dụng Thư viện của Trường còn khiêm tốn (1711 lượt bạn đọc ngành Kế toán đến Thư viện trong 5 năm).

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 9.2

Thư viện cần phối hợp với Khoa kiểm tra, rà soát lại số lượng các tài liệu có thời hạn xuất bản trên 5 năm, thanh lý những tài liệu không còn phù hợp và mua thay thế những xuất bản mới nhất thuộc lĩnh vực Kế toán để tạo điều kiện thuận lợi cho GV và người học khi lựa chọn tài liệu học tập, tham khảo; cần tìm hiểu nguyên nhân và có giải pháp để người học ngành Kế toán đến thư viện và khai thác sử dụng nhiều tài liệu ở Thư viện hơn.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 9.2: 4

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 9.3

Nhà trường có 45 phòng máy tính, 86 phòng thí nghiệm, 21 phòng/xưởng thực hành, đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH cho các ngành đào tạo trong Trường. Các phòng học thực hành, thí nghiệm được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Ngành Kế toán được sử dụng 5 phòng máy ở Khu nhà kỹ thuật công nghệ (401-405) để thực hành kế toán. Từ năm học 2015-2016, GV, SV Khoa Kinh tế/ngành Kế toán nói riêng được khai thác Trung tâm đào tạo thực hành ngân hàng, chứng khoán và Công ty mô phỏng tại tầng 7 Tòa nhà điều hành của Trường với hệ thống cơ sở vật chất hiện đại gồm: Khu vực lễ tân, Quầy làm việc cho giao dịch viên, các phòng: Kinh doanh, Kế toán, Hành chính - Nhân sự, Dịch vụ khách hàng, Thanh toán quốc tế, Chứng khoán.

Các thiết bị của các phòng học thực hành, thí nghiệm được cập nhật và duy tu, bảo dưỡng hàng năm theo kế hoạch của Nhà trường. Giai đoạn từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020, Nhà trường đã chi 6.017,656 triệu đồng để duy tu, bảo dưỡng và cập nhật/nâng cấp trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành (năm học 2015 - 2016: 1.631,193 triệu đồng; năm học 2016 - 2017:

780,676 triệu đồng; năm học 2017-2018: 2.166,036 triệu đồng; năm học 2018 – 2019: 352,152 triệu đồng; năm học 2019-2020: 1.087,599 triệu đồng).

Nhà trường/Trung tâm thực hành đã phân công cán bộ quản lý việc sử dụng các trang thiết bị của trung tâm thực hành. Qua khảo sát trực tiếp, Đoàn ĐGN thấy các phòng /trung tâm thực hành có nội quy, có sổ theo dõi, có hướng dẫn sử dụng trang thiết bị. Tần suất sử dụng, thời gian hoạt động của phòng học máy tính được theo dõi trong sổ nhật ký phòng máy tính. Định kỳ, Nhà trường đã tiến hành kiểm kê số lượng và chất lượng các trang thiết bị của các phòng thực hành, thí nghiệm để phân loại chất lượng của trang thiết bị dạy học.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 9.3

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 9.3

Việc kiểm kê các trang thiết bị dạy học thực hiện chưa bài bản (Chưa có thông tin phân loại về tình trạng hoạt động và chất lượng các trang thiết bị).

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 9.3

Nhà trường cần tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho đội ngũ cán bộ, nhân viên trực tiếp tham gia kiểm kê trước khi tiến hành kiểm kê hằng năm để hoạt động kiểm kê được thực hiện bài bản đúng quy định.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 9.3: 4

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 9.4

Nhà trường có hệ thống công nghệ thông tin hoạt động hiệu quả để cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin gồm có 2062 máy tính, bao gồm 1310 máy tính

được bố trí trong 45 phòng học phục vụ hoạt động dạy học; 572 máy tính xách tay trang bị cho cán bộ, giảng viên và 180 máy tính trang bị cho các cơ quan; 21 máy chủ vật lý, 15 máy chủ ảo, 9 đường truyền internet (Cơ sở 1: 01 đường truyền Leased line, tốc độ 1Gbps trong nước, 30Mbps quốc tế; 02 đường truyền FTTH, tốc độ mỗi đường truyền 60 Mbps; Cơ sở 2: 03 đường truyền FTTH của VNPT, tốc độ mỗi đường truyền là 60 Mbps; 03 đường truyền GTTH của Viettel, tốc độ mỗi đường truyền 60Mbps); 343 điểm phát wifi. Tất cả các phòng máy tính được thiết kế đồng bộ, được trang bị máy tính và các thiết bị ngoại vi để có thể triển khai dạy học các học phần có sử dụng máy tính từ cơ bản, multimedia, ngoại ngữ.

Hệ thống wifi được phủ sóng toàn bộ khuôn viên Nhà trường. Nhà trường có cổng thông tin điện tử tại địa chỉ: <http://vinhuni.edu.vn/>. Hệ thống mạng internet và wifi được sử dụng miễn phí trong toàn Trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học.

Hệ thống E-learning của Nhà trường được chú trọng phát triển với 26 phòng học trực tuyến (đang sử dụng 10 phòng). GV và người học của Trường đều có tài khoản trên trang học trực tuyến của Nhà trường. Ngoài số các thiết bị CNTT được sử dụng với các đơn vị khác trong Trường, Khoa Kinh tế/Bộ môn Kế toán được sử dụng 27 máy tính để phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, trong đó có 18 máy tính xách tay phục vụ công tác đào tạo và quản lý. Cán bộ giảng viên ngành Kế toán được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng ...@vinhuni.edu.vn. Cổng thông tin điện tử của Khoa Kinh tế tại địa chỉ. <http://khoakinhte.vinhuni.edu.vn//> . Các phần mềm chuyên dụng sử dụng trong Trường và ngành kế toán có bản quyền (Phần mềm Windows 10: 400 máy tính; Phần mềm Windows Server 2012: 11 máy; Phần mềm Windows Server 2019: 48 core; Phần mềm SQL Server 2014: 01 máy; Phần mềm SQL Server 2016: 03 máy; Phần mềm SQL Server 2017: 02 máy; Phần mềm Quản lý đào tạo của Công ty CMC; Phần mềm Quản lý văn bản điện tử iOffice của VNPT).

Trung tâm CNTT chịu trách nhiệm tổ chức vận hành quản lý các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng CNTT của Nhà trường. Việc xây dựng, triển khai, quản lý cơ sở hạ tầng CNTT và mạng máy tính, quản trị hệ thống máy chủ, đường truyền và các thiết bị mạng; việc bảo đảm an toàn và bảo mật hệ thống thông tin, đảm bảo sự hoạt động liên tục của các trang tin điện tử và phần mềm ứng dụng (QĐ số 428/QĐ-ĐHV ngày 21/04/2016; số 2396/QĐ – ĐHV, ngày 6/9/2019).

Các dữ liệu về quản lý Nhà trường và quản lý đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng, sử dụng các phần mềm CMC, e-Office, LMS, được cập nhật thường xuyên để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của Trường. Khảo sát trực tiếp hệ thống CNTT tại thời điểm ĐGN, Đoàn ĐGN thấy hệ thống CNTT của Nhà trường hoạt động ổn định, hỗ trợ các hoạt động của Nhà trường.

Định kỳ, Trường lập kế hoạch và tổ chức mua sắm để thay thế những thiết bị cấu hình thấp, kém hiệu quả và sửa chữa, bảo dưỡng và nâng cấp thiết bị CNTT đảm bảo cho hệ thống hoạt động được đồng bộ, an toàn, phục vụ hiệu quả hoạt động đào tạo và nghiên cứu (QĐ số 1327/ĐHV-CNTT ngày 28/4/2014; số 1146/ĐHV-CNTT ngày 26/9/2017). Giai đoạn 2015 - 2020, Nhà trường đã đầu tư 79.177 triệu đồng mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị CNTT (năm học 2015 – 2016: 18.101 triệu đồng; năm học 2016 – 2017: 16.457 triệu đồng; năm học 2017 – 2018: 19.641 triệu đồng; năm học 2018 – 2019: 15.127 triệu đồng; năm học 2019-2020: 9.851 triệu đồng).

Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát người học về chất lượng hoạt động của Trung tâm Công nghệ thông tin và mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và NCKH của hệ thống CNTT. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 80% người học hài lòng với chất lượng hoạt động của Trung tâm CNTT (năm học 2016 -2017: 81,5% ; năm học 2017-2018: 89,3%; năm học 2018-2019: 89,3%; năm học 2019 - 2020: 89,2%) (Báo cáo số 74/BC-ĐHV ngày 22/12/2016; số 43/BC-ĐHV ngày

14/9/2017; số 19/BC-ĐHV ngày 17/4/2018; số 16/BC-ĐHV ngày 17/4/2019; số 41/BC-ĐHV ngày 29/6/2020). Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan khác (CB, GV, NV) được thực hiện thông qua hội nghị viên chức do Công đoàn Trường tổ chức hằng năm (Báo cáo ngày 25/9/2017; 20/9/2018; 22/9/2019; 24/10/2020).

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 9.4

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 9.4

Việc khảo sát CB, GV, NV về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với hoạt động đào tạo và NCKH của Trường chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm). Kết quả phỏng vấn các đối tượng liên quan cho thấy có một số thời điểm mạng wifi còn chậm.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 9.4

Nhà trường cần tiến hành khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với nhu cầu đào tạo và NCKH của Trường thông qua các phiếu khảo sát để thu thập được đầy đủ thông tin và có giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống CNTT. Nhà trường cần có giải pháp để bảo đảm tốc độ hệ thống wifi phục vụ hiệu quả hoạt động đào tạo và NCKH của Nhà trường.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 9.4: 4

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 9.5

Trên cơ sở các quy định của pháp luật: Luật an toàn vệ sinh lao động

(84/2015/QH13 ngày 25/6/2015); Luật PCCC (27/2001/QH10; số 40/2013/QH13); Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế học đường (CV số 3946/BGDĐT-GDTC ngày 31/8/2018); Hướng dẫn khám sức khỏe (Thông tư số 14/TT-BYT ngày 06/5/2013); Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy (NĐ số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014) và các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Nhà trường đã ban hành các quy định liên quan đến môi trường, sức khỏe và an toàn: Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự (QĐ số 3057/KH-ĐH ngày 7/10/2013); Quy định về công tác sinh viên tự quản trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh (QĐ số 4458/QĐ-ĐHV ngày 26/11/2015); Ban hành các chỉ thị/thông báo về tăng cường bảo đảm an ninh trật tự trường học và an toàn giao thông (Thông báo số 35/ĐHV-CTCTHSSV ngày 12/01/2016; số 328/ĐHV-CTCT-HSSV ngày 24/3/2016; 513/ĐHV-CTCTHSSV ngày 29/4/2016; số 418/ĐHV-HTSVQHĐN ngày 23/4/2018).

Nhà trường thành lập Ban Chỉ đạo công tác an ninh, trật tự trường học Trường Đại học Vinh (QĐ số 3441/QĐ-ĐHV ngày 29/10/2013; số 5085/QĐ-ĐHV ngày 31/12/2015; số 158/QĐ-ĐHV ngày 17/01/2019); kiện toàn Ban Chỉ huy phòng chống bão lụt – Phòng chống cháy nổ (QĐ số 750/QĐ-ĐHV ngày 14/7/2017; số 308/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2018; số 2349/QĐ-ĐHV ngày 28/8/2019). Nhà trường đã xây dựng các Phương án PCCC, Phương án cứu nạn, cứu hộ được Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ tỉnh Nghệ An phê duyệt. Trạm Y tế được thành lập (QĐ số 871/TCCB ngày 21/4/2008) với 11 người (2 Bác sỹ, 5 Y sỹ, 01 Dược sỹ và 03 Điều dưỡng). Để bảo đảm sức khỏe cho cán bộ, nhân viên và người học, Nhà trường đã ký hợp đồng với các bệnh viện để khám sức khỏe cho CB, GV, người học (HĐ 16/HĐKSK/2016 ngày 01/9/2016; số 09/HĐKSK ngày 11/8/2017; số 23/HĐKSK/2018 ngày 26/8/2018; số 14/HĐKSK/20 ngày 06/9/2020...). Để bảo đảm an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường, Nhà trường ký kết Hợp đồng với Công ty cổ phần dịch vụ Bảo vệ INVICO

(HĐ số 31/HĐKT.ĐHV-INVICO ngày 28/3/2019; và Hợp đồng cung cấp dịch vụ vệ sinh (HĐ số 06/2019/HDDV ngày 02/01/2019). Nhà trường đã xây dựng kế hoạch triển khai công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2016 tại Trường Đại học Vinh (QĐ số 07/KH-ĐHV ngày 24/02/2016; số 07/KH-ĐHV ngày 28/02/2019); Kế hoạch tổ chức hội nghị công tác đảm bảo an ninh trật tự trường học, nội trú, ngoại trú và công tác học sinh, sinh viên năm học 2016 - 2017; Kế hoạch tổ chức hội nghị công tác đảm bảo an ninh trật tự trường học, nội trú, ngoại trú và công tác học sinh, sinh viên năm học 2017 - 2018 (KH số 38/KH-ĐHV ngày 05/10/2018; số 50/KH-ĐHV ngày 04/10/2019). Định kỳ, Nhà trường phối hợp với Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy số 1 tỉnh Nghệ An xây dựng và triển khai thực tập phương án chữa cháy (KH số 06/KH-CSPCCC-PS1 ngày 11/6/2018) và kiểm tra công tác PCCC (Biên bản ngày 18/4/2018; ngày 05/12/2018...). Trong chu kỳ KĐCLGD, không xảy ra hiện tượng mất an toàn, mất an ninh trật tự trong khuôn viên Trường.

Hằng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát người học về môi trường, sức khỏe và an toàn. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 80% người học hài lòng với chất lượng hoạt động của Trạm Y tế, Phòng Bảo vệ (năm học 2016 - 2017: 80,7% và 82,6%; năm học 2017-2018: 88,8% và 90,8%; năm học 2018-2019: 88,2% và 82,7%; năm học 2019 – 2020: 89,0% và 87,4%) (Báo cáo số 74/BC-ĐHV ngày 22/12/2016; số 43/BC-ĐHV ngày 14/9/2017; số 19/BC-ĐHV ngày 17/4/2018; số 16/BC-ĐHV ngày 17/4/2019; số 41/BC-ĐHV ngày 29/6/2020). Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan khác (CB, GV, NV) được thực hiện thông qua hội nghị viên chức do Công đoàn trường tổ chức hằng năm (Báo cáo ngày 25/9/2017; 20/9/2018; 22/9/2019; 24/10/2020).

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 9.5

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 9.5

Qua kiểm tra thực tế cho thấy: một vài bình cứu hoả ở khu Ký túc xá sinh viên không đảm bảo tình trạng kỹ thuật (áp suất trong bình xuống dưới mức quy định).

Việc khảo sát cán bộ, giảng viên về môi trường, sức khỏe và an toàn trong khuôn viên của Trường chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm).

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 9.5

Nhà trường cần định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng/thay thế kịp thời các phương tiện PCCC không đảm bảo tình trạng hoạt động.

Nhà trường cần tiến hành khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường, sức khỏe và an toàn trong khuôn viên của Trường thông qua các phiếu khảo sát để thu thập được đầy đủ thông tin để có các giải pháp phát huy điểm mạnh và khắc phục những tồn tại phù hợp.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 9.5: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 9

1. Điểm mạnh Tiêu chuẩn 9:

Các cơ sở để phục vụ hoạt động đào tạo của Nhà trường có tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH của Trường là 86.166 m². Nhà trường có 68 phòng làm việc với tổng diện tích 15.864m² m². Ban Giám hiệu Nhà trường được bố trí 6 phòng làm việc ở khu nhà A0 với tổng diện tích 185 m²; Trường các đơn vị được bố trí phòng làm việc riêng; các Giáo sư, Phó Giáo sư được bố trí không gian làm việc

riêng. Tại thời điểm 30/8/2020, với quy mô sinh viên của Trường 13.997 người học, Diện tích phòng học bình quân đạt 3,65 m²/người học; diện tích sàn phòng thí nghiệm, thực hành đạt 1,07 m²/người học đối với tất cả các đối tượng người học trong toàn Trường.

Các phòng làm việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên được trang bị máy tính, máy in được kết nối internet, có tủ đựng tài liệu và được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, máy tính, máy in, điện thoại, bàn, ghế, tủ để tài liệu. Các phòng học, hội trường đều trang thiết bị như máy tăng âm, micro, máy chiếu projector, bảng chống lóa, máy móc, phương tiện dạy học trực tuyến.

Thư viện Cơ sở 1 của Trường được thành lập năm 1959, được bố trí tại một tòa nhà 7 tầng có diện tích sàn 9.275 m² bao gồm: Không gian học tập tầng 1, 05 phòng học, 01 Phòng xử án mô phỏng dành cho Khoa Luật, 03 phòng máy tính, 08 kho sách và 06 phòng đọc. Thư viện cơ sở 2 có diện tích sàn 677 m². Thư viện trường có 110 máy tính được nối mạng internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tra cứu tài liệu online cho người học.

Thư viện Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý thư viện Kipos tiên tiến. Thư viện có 30 nhân viên, trong đó có 21 nhân viên tốt nghiệp ngành Thư viện. Nhà trường ban hành Nội quy thư viện; nội quy phòng chống cháy nổ ngày 16/01/2018; Quy định sử dụng không gian học tập ngày 15/10/2018; Hướng dẫn sử dụng và Thư viện điện tử và các văn bản hướng khai thác Thư viện. Phòng đọc thư viện có 1.800 chỗ ngồi, hệ thống mượn - trả tài liệu tự động. CB, GV, người học được cấp tài khoản để sử dụng thư viện số của Trường.

Kết quả khảo sát trực tiếp cho thấy, Thư viện có 14.466 đầu tài liệu với 160.559 cuốn; Thư viện được kết nối với CSDL điện tử trực tuyến online ProQuest Center phục vụ công tác đào tạo và NCKH. Thư viện điện tử của Nhà trường kết nối với các thư viện: Liên hiệp Thư viện Đại học Việt Nam; Thư viện của Cục khoa

học và công nghệ quốc gia; Thư viện Trường ĐH Cần Thơ; Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội, Thư viện Trường ĐH Nguyễn Tất Thành. Nguồn học liệu phục vụ cho ngành Kế toán trong Thư viện hiện có 388 đầu tài liệu với 5820 bản .

Việc biên soạn, phát hành và bổ sung giáo trình, tài liệu học tập được thực hiện theo Quy định về việc biên soạn, nghiệm thu, xuất bản, phát hành, sử dụng giáo trình, tài liệu học tập và quản lý tài chính trong hoạt động xuất bản giáo trình, tài liệu học tập, sách liên kết của Trường Đại học Vinh. Giai đoạn 2015-2020, ngành Kế toán được bổ sung 130 đầu sách với 1882 bản sách. Thư viện có số liệu theo dõi về hoạt động của bạn đọc. Giai đoạn 2015-2020 có 134.594 lượt bạn đọc đến mượn giáo trình, tài liệu tại Thư viện, trong đó có 1711 lượt người học ngành Kế toán.

Nhà trường có 45 phòng máy tính, 86 phòng thí nghiệm, 21 phòng/xưởng thực hành, đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH cho các ngành đào tạo trong Trường. Các phòng học thực hành, thí nghiệm được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Ngành Kế toán được sử dụng 5 phòng máy ở Khu nhà kỹ thuật công nghệ (401-405) để thực hành kế toán. Từ năm học 2015-2016, GV, SV Khoa Kinh tế/ngành Kế toán nói riêng được khai thác Trung tâm đào tạo thực hành ngân hàng, chứng khoán và Công ty mô phỏng tại tầng 7 Tòa nhà điều hành của Trường với hệ thống cơ sở vật chất hiện đại gồm: Khu vực lễ tân, Quầy làm việc cho giao dịch viên, các phòng: Kinh doanh, Kế toán, Hành chính - Nhân sự, Dịch vụ khách hàng, Thanh toán quốc tế, Chứng khoán.

Các thiết bị của các phòng học thực hành, thí nghiệm được cập nhật và duy tu, bảo dưỡng hàng năm theo kế hoạch của Nhà trường. Giai đoạn từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020, Nhà trường đã chi 6.017,656 triệu đồng để duy tu, bảo dưỡng và cập nhật/nâng cấp trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành. Nhà trường/Trung tâm thực hành đã phân công cán bộ quản lý việc sử dụng các trang thiết bị của trung tâm thực hành.

Nhà trường có hệ thống công nghệ thông tin hoạt động hiệu quả để cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin gồm có 2062 máy tính, bao gồm 1310 máy tính được bố trí trong 45 phòng học phục vụ hoạt động dạy học; 572 máy tính xách tay trang bị cho cán bộ, giảng viên và 180 máy tính trang bị cho các cơ quan; 21 máy chủ vật lý, 15 máy chủ ảo; 9 đường truyền internet. Hệ thống wifi được phủ sóng toàn bộ khuôn viên Nhà trường. Nhà trường có cổng thông tin điện tử tại địa chỉ: <http://vinhuni.edu.vn/>. Hệ thống E-learning của Nhà trường được chú trọng phát triển với 26 phòng học trực tuyến. GV và người học của Trường đều có tài khoản trên trang học trực tuyến của Nhà trường. Cán bộ giảng viên ngành Kế toán được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng ...@vinhuni.edu.vn. Cổng thông tin điện tử của Khoa Kinh tế tại địa chỉ. <http://khoakinhte.vinhuni.edu.vn//> . Các phần mềm chuyên dụng sử dụng trong Trường và ngành kế toán có bản quyền.

Trung tâm CNTT chịu trách nhiệm tổ chức vận hành quản lý các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng CNTT của Nhà trường. Việc xây dựng, triển khai, quản lý cơ sở hạ tầng CNTT và mạng máy tính, quản trị hệ thống máy chủ, đường truyền và các thiết bị mạng; việc bảo đảm an toàn và bảo mật hệ thống thông tin, đảm bảo sự hoạt động liên tục của các trang tin điện tử và phần mềm ứng dụng.

Các dữ liệu về quản lí Nhà trường và quản lí đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng, sử dụng các phần mềm để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của Trường.

Định kỳ, Trường lập kế hoạch và tổ chức mua sắm để thay thế những thiết bị cấu hình thấp, kém hiệu quả và sửa chữa, bảo dưỡng và nâng cấp thiết bị CNTT đảm bảo cho hệ thống hoạt động được đồng bộ, an toàn, phục vụ hiệu quả hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Giai đoạn 2015 - 2020, Nhà trường đã đầu tư 79.177 triệu đồng mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị CNTT.

Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát người học về chất lượng hoạt động của Trung tâm Công nghệ thông tin và mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và

NCKH của hệ thống CNTT. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 80% người học hài lòng.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật và các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Nhà trường đã ban hành các quy định liên quan đến môi trường, sức khỏe và an toàn: Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự; Quy định về công tác sinh viên tự quản trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh và ban hành các chỉ thị/thông báo về tăng cường bảo đảm an ninh trật tự trường học và an toàn giao thông.

Nhà trường thành lập Ban Chỉ đạo công tác an ninh, trật tự trường học Trường Đại học Vinh. Nhà trường đã xây dựng các Phương án PCCC, Phương án cứu nạn, cứu hộ được Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ tỉnh Nghệ An phê duyệt. Để bảo đảm sức khỏe cho cán bộ, nhân viên và người học, Nhà trường đã ký hợp đồng với các bệnh viện để khám sức khỏe cho CB, GV, người học. Để bảo đảm an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường, Nhà trường ký kết Hợp đồng với Công ty cổ phần dịch vụ Bảo vệ INVICO và Hợp đồng cung cấp dịch vụ vệ sinh. Định kỳ, Nhà trường phối hợp với Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy số 1 tỉnh Nghệ An xây dựng và triển khai thực tập phương án chữa cháy và kiểm tra công tác PCCC. Trong chu kỳ KĐCLGD, không xảy ra hiện tượng mất an toàn, mất an ninh trật tự trong khuôn viên Trường.

Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát người học về môi trường, sức khỏe và an toàn. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 80% người học hài lòng với chất lượng hoạt động của Trạm Y tế, Phòng Bảo vệ.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chuẩn 9:

2.1. Những tồn tại Tiêu chuẩn 9:

Các bộ môn của Khoa Kinh tế chưa được bố trí phòng làm việc riêng, không gian làm việc của cán bộ giảng viên còn chật hẹp.

Tỷ lệ giáo trình tài liệu tài liệu học tập, tham khảo có thời gian xuất bản trên 5 năm còn khá cao (62%). Số lượng người học ngành Kế toán đến khai thác sử dụng Thư viện của Trường còn khiêm tốn (1711 lượt bạn đọc ngành Kế toán đến Thư viện trong 5 năm).

Việc kiểm kê các trang thiết bị dạy học thực hiện chưa bài bản (Chưa có thông tin phân loại về tình trạng hoạt động và chất lượng các trang thiết bị).

Việc khảo sát CB, GV, NV về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với hoạt động đào tạo và NCKH của Trường chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm). Kết quả phỏng vấn các đối tượng liên quan cho thấy có một số thời điểm mạng wifi còn chậm.

Qua kiểm tra thực tế cho thấy: một vài bình cứu hoả ở khu ký túc xá sinh viên không đảm bảo tình trạng kỹ thuật (áp suất trong bình xuống dưới mức quy định).

Việc khảo sát cán bộ, giảng viên về môi trường, sức khỏe và an toàn trong khuôn viên của Trường chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm).

2.2. Khuyến nghị Tiêu chuẩn 9:

Nhà trường cần bố trí phòng làm việc riêng cho các bộ môn và tăng diện tích không gian làm việc cho đội ngũ giảng viên của Khoa Kinh tế.

Thư viện cần phối hợp với Khoa kiểm tra, rà soát lại số lượng các tài liệu có thời hạn xuất bản trên 5 năm, thanh lý những tài liệu không còn phù hợp và mua thay thế những xuất bản mới nhất thuộc lĩnh vực Kế toán để tạo điều kiện thuận lợi cho GV và người học khi lựa chọn tài liệu học tập, tham khảo. Cần tìm hiểu nguyên nhân và có giải pháp để người học ngành Kế toán đến thư viện và khai thác sử dụng nhiều tài liệu ở Thư viện hơn.

Nhà trường cần tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho đội ngũ cán bộ, nhân viên trực tiếp tham gia kiểm kê trước khi tiến hành kiểm kê hằng năm để hoạt động kiểm kê được thực hiện bài bản đúng quy định.

Nhà trường cần tiến hành khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với nhu cầu đào tạo và NCKH của Trường thông qua các phiếu khảo sát để thu thập được đầy đủ thông tin và có giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống CNTT. Nhà trường cần có giải pháp để bảo đảm tốc độ hệ thống wifi phục vụ hiệu quả hoạt động đào tạo và NCKH của Nhà trường.

Nhà trường cần định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng/thay thế kịp thời các phương tiện PCCC không đảm bảo tình trạng hoạt động.

Nhà trường cần tiến hành khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường, sức khỏe và an toàn trong khuôn viên của Trường thông qua các phiếu khảo sát để thu thập được đầy đủ thông tin để có các giải pháp phát huy điểm mạnh và khắc phục những tồn tại phù hợp.

3. Mức đạt của Tiêu chuẩn 9:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 9	4,200
<i>Tiêu chí 9.1</i>	4
<i>Tiêu chí 9.2</i>	4
<i>Tiêu chí 9.3</i>	5
<i>Tiêu chí 9.4</i>	4
<i>Tiêu chí 9.5</i>	4

TIÊU CHUẨN 10: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 10.1

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH từ các bên liên quan qua các văn bản: Hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra đào tạo trình độ đại học (QĐ số 03/HD-ĐHV ngày 19/4/2016); Kế hoạch xây dựng và phát triển chương trình đào tạo theo CDIO (QĐ số 10/KH-ĐHV ngày 08/3/2016); Hướng dẫn xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học tiếp cận CDIO (HD số 10/HD-ĐHV ngày 30/8/2016). Quyết định về việc ban hành quy định về quy trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (QĐ số 2382/QĐ-ĐHV ngày 04/9/2019). Các văn bản trên đã quy định, phân công các đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện khảo sát, trong đó: Khoa Kinh tế là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức khảo sát thu thập thông tin từ các bên liên quan khi xây dựng CTDH ngành Kế toán. Quyết định số 2382/QĐ-ĐHV ngày 04/9/2019 đã giao Phòng CTCT-HSSV là đơn vị đầu mối chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan để triển khai công tác lấy ý kiến của người học (Điều 16). Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo sau đại học, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và trường trực thuộc phối hợp với Phòng CTCT-HSSV và các đơn vị liên quan triển khai việc lấy ý kiến của người học (Điều 17). Phòng Tổ chức cán bộ phối hợp với trưởng các đơn vị trong Trường quán triệt và thông báo đến CBVC về chủ trương mục đích yêu cầu và kế hoạch triển khai lấy ý kiến phản hồi. Trung tâm CNTT làm nhiệm vụ phân quyền cho phòng CTCT-HSSV và các đơn vị liên quan về việc triển khai lấy ý kiến người học theo hình thức trực tuyến (Điều 19). Trung tâm ĐBCL chịu trách nhiệm kỹ thuật xử lý phiếu lấy ý kiến người học trên giấy, thống kê và tổng hợp dữ liệu gửi về Nhà trường (Điều 20). Công cụ khảo sát có liên quan đến

phát triển CTDH gồm 2 bộ phiếu khảo sát như: Phiếu khảo sát thu thập thông tin để xây dựng chuẩn đầu ra; Phiếu khảo sát các bên liên quan về dự thảo CTĐT. Khoa đã triển khai khảo sát lấy ý kiến điều chỉnh CTĐT ngành Kế toán với 600 người gồm 75 nhà tuyển dụng lao động, 400 SV, 50 cựu SV, 30 nhà quản lý (Kế hoạch ngày 6/4/2016). Đã lấy ý kiến mục tiêu CTĐT, CĐR CTĐT tiếp cận CDIO với 200 người. Trong đó có 75 cựu SV và SV, 100 nhà tuyển dụng lao động, 75 GV, nhà khoa học (Kế hoạch ngày 18/8/2016).

Khoa và Nhà trường đã thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để cải tiến CTDH nhằm nâng cao chất lượng. Qua các đợt lấy ý kiến, Nhà trường, Khoa và Bộ môn đều tổng hợp, đánh giá và phân tích và sử dụng kết quả khảo sát để thiết kế/phát triển CTDH. Cụ thể: (1) về mục tiêu đào tạo, phiên bản năm 2017 (áp dụng từ khóa 58 trở đi), mục tiêu tổng quát được tuyên bố dựa trên mục tiêu tổng quát gồm kiến thức và năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá hoạt động kế toán trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội. (2) về chuẩn đầu ra CTĐT và chuẩn đầu ra môn học, các phiên bản năm 2014 (áp dụng cho khóa 55), phiên bản năm 2015 (áp dụng cho khóa 56), phiên bản năm 2016 (áp dụng cho khóa 57) đều tuyên bố dựa trên các thành tố về kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học. Phiên bản năm 2017, chuẩn đầu ra CTĐT được thiết kế dựa trên 4 trụ cột là: (i) Kiến thức và lập luận ngành, (ii) Kỹ năng cá nhân và phẩm chất nghề nghiệp; (iii) kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm; và (iv) kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong bối cảnh (năng lực CDIE), mỗi chủ đề CĐR đều có thang đo năng lực và hướng dẫn cách thức để sinh viên đạt được CĐR. CĐR môn học được thiết kế dựa trên phân nhiệm kiến thức - kỹ năng (PLO) cho môn học, liên kết chặt chẽ với nhau nhằm giúp người học đạt được CĐR của CTĐT. (3) Về CTĐT, so với phiên bản năm 2015, phiên bản năm 2016 được cải tiến như (i) đổi tên học phần “Tin học nhóm ngành 4” thành “Tin học ứng dụng” và tăng thời lượng kiến thức thực hành; (ii) bỏ học phần “Khóa luận tốt nghiệp/thi tốt nghiệp”; (iii) bổ sung các học phần kỹ năng nghề nghiệp (học phần tốt nghiệp) gồm: Tổ chức hạch toán ban đầu (2 TC) và Tổ chức sổ kế toán (3 TC). Phiên

bản năm 2017, điều chỉnh thời lượng từ 132 tín chỉ xuống còn 125 tín chỉ, từ 42 học phần xuống còn 36 học phần, bỏ 9 học phần và bổ sung mới 3 học phần gồm thực hành doanh nghiệp mô phỏng (5 TC), thực hành kế toán (3 TC) và hệ thống thông tin kế toán (3 TC). Hàm lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học cũng thay đổi theo hướng tăng thời lượng thực hành, thực tập, thực tế, giảm thời lượng lý thuyết. (4) Phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá cũng được cải tiến theo hướng tăng cường phương pháp dạy học tích cực, hiện đại như làm việc nhóm, đóng vai, nghiên cứu tình huống... phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả người học cũng được cải tiến, ngành sử dụng các phương pháp đánh giá cuối kỳ gồm tự luận, trắc nghiệm, thực hành và đồ án môn học. CTDH được cải tiến đã phù hợp với việc giúp người học đạt được CĐR.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 10.1

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 10.1

Trong chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục từ 2015-2020, Nhà trường/Khoa mới tổ chức khảo sát đề rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra, CTĐT 1 lần năm 2016.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 10.1

Nhà trường/Khoa cần định kỳ rà soát điều chỉnh CĐR và CTĐT định kỳ ít nhất 2 năm một lần theo quy định tại Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 10.1: 3

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 10.2

Nhà trường có quy trình thiết và phát triển CTDH, việc thiết kế và phát triển CTDH ngành Kế toán được thực hiện theo quy trình thống nhất do Nhà trường ban hành. Bao gồm: Kế hoạch số 10/KH-ĐHV ngày 08/3/2016 về xây dựng và phát triển chương trình đào tạo theo CDIO; Hướng dẫn xây dựng CTĐT trình độ đại học (HD số 10/HD-ĐHV ngày 30/8/2016). Hướng dẫn về xây dựng chuẩn đầu ra (Hướng dẫn số 03/HD-ĐHV ngày 19/4/2016); Quy định về xây dựng và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học (QĐ số 2382/QĐ-ĐHV ngày 04/9/2019). Quy định này đã quy định các quy trình cụ thể như: Điều 3 Quy trình xây dựng CDR gồm 5 bước; Quy trình xây dựng CTĐT gồm 7 bước. Để thực hiện quy trình, khoa Kinh tế thành lập Tổ soạn thảo chuẩn đầu ra và Tổ soạn thảo CTĐT. Việc tổ chức khảo sát thu thập thông tin về CTĐT từ các bên liên quan được tiến hành đồng thời với việc khảo sát xây dựng CDR. Sau khi hoàn thiện, phê duyệt và công bố CDR, Tổ soạn thảo chương trình đào tạo soạn thảo Dự thảo CTĐT. Trước khi công bố CTĐT, Tổ soạn thảo tổ chức hội thảo để lấy kiến ý từ đại diện các nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia, GV, SV và cựu SV.

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được rà soát và đánh giá với sự chủ trì của phòng Đào tạo. Hoạt động rà soát và đánh giá được thực hiện bằng nhiều hình thức như triển khai đề tài KHCN trọng điểm cấp trường “*Nghiên cứu xây dựng chuẩn đề cương môn học, chuẩn đề cương bài giảng theo tiếp cận CDIO và hình thức dạy học trực tuyến tại Trường Đại học Vinh*”, mã số 76/2017/KHCNTr-CB do GV Nguyễn Xuân Bình làm chủ nhiệm. Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được rà soát và đánh giá trên cơ sở tham vấn ý kiến của các chuyên gia và các bên liên quan dưới hình thức lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan và tổ chức hội thảo để thu thập thông tin từ nhóm chuyên gia, GV, hội đồng khoa học các khoa, viện chuyên

môn (BC số 90/TB-ĐHV ngày 04/6/2019). Dự thảo quy trình xây dựng và phát triển CTDH các ngành đào tạo hệ chính quy đã nhận được 12 ý kiến gửi về phòng Đào tạo.

Quy trình xây dựng và phát triển CTDH của Nhà trường được cập nhật và cải tiến. Về hình thức, năm 2016, việc xây dựng CTDH được thực hiện theo 03 văn bản: Hướng dẫn về xây dựng CDR (HD số 03/HD-ĐHV ngày 19/4/2016); Kế hoạch xây dựng và phát triển CTĐT theo CDIO (KH số 10/KH-ĐHV ngày 8/3/2016); Hướng dẫn xây dựng CTĐT trình độ đại học (HD số 10/HĐ-ĐHV ngày 30/8/2016). Đến năm 2019, Nhà trường đã ban hành một văn bản thống nhất về Quy trình xây dựng và phát triển CTDH (QĐ số 2382/QĐ-ĐHV ngày 04/9/2019). Về nội dung, quy trình xây dựng và phát triển CTDH cũng được điều chỉnh theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Quy trình xây dựng CDR phục vụ việc xây dựng CTDH theo Hướng dẫn 03/HD-ĐHV ngày 19/4/2016 thì quy trình xây dựng, hoàn thiện CDR CTĐT cấp độ 3, cấp độ 4 gồm 7 bước. Đến năm 2019, theo Quyết định 2382/QĐ-ĐHV ngày 04/9/2019 quy trình xây dựng CDR của CTĐT đã cải tiến tinh gọn hơn với 5 bước. Theo đó chuyển phần xây dựng kế hoạch thực hiện trước khi thành lập Tổ soạn thảo chuẩn đầu ra, và chuyển phần “Tổ chức hội thảo lấy ý kiến chuyên gia” vào cùng với quy trình xây dựng CTĐT. Quy trình mới theo Quyết định 2382 cũng đã xác định rõ việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan cần thực hiện cùng với khảo sát ý kiến của các bên về CTĐT.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 10.2

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 10.2

Qua trao đổi với các CB, GV giảng dạy CTĐT tại thời điểm khảo sát chính thức, kết quả cho thấy vẫn còn một số ít GV chưa nắm vững về quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học. Điều này cho thấy một số GV chưa thật sự tham gia vào quá trình rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTDH của ngành Kế toán.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 10.2

Trong quá trình thiết kế, phát triển CTDH hoặc rà soát điều chỉnh CTĐT, Nhà trường/Khoa nên huy động sự tham gia của tất cả các GV trực tiếp giảng dạy CTĐT để thu thập được đa chiều các ý kiến cho việc phát triển và hoàn thiện CTĐT.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 10.2: 4

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 10.3

Nhà trường đã ban hành Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV (QĐ số 1307/QĐ-ĐHV ngày 1/11/2016). Phiếu đánh giá chất lượng giảng dạy để khảo sát SV gồm các nội dung: 1) Hoạt động giảng dạy, 2) Kiểm tra và đánh giá người học, 3) Kết quả đạt được. Quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức (Số 3807/QĐ-ĐHV ngày 12/10/2015); Bảng chấm điểm thi đua cá nhân. Nhà trường cũng ban hành văn bản quy định việc rà soát, đánh giá kết quả học tập của SV như: Quyết định số 991/QĐ-ĐHV ngày 25/03/2014 hướng dẫn về công tác tổ chức thi, kiểm tra đánh giá và kiểm tra kết quả học tập theo hệ thống tín chỉ ở trường Đại học Vinh. Từ năm 2017, quy định về hoạt động đánh giá kết quả học tập được điều chỉnh theo Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017. Các khoa, bộ môn thực hiện dự giờ của GV; với GV trẻ hoặc GV được phân công bài giảng/học phần mới thường được thông qua trước khi lên lớp. Quá trình dạy, học và tổ chức thi đồng thời được giám sát bởi Trung tâm ĐBCL, phòng TT-Pháp chế.

Phòng Thanh tra -Pháp chế Trường Đại học Vinh đã xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra hằng năm (Kế hoạch, Báo cáo kết quả thanh tra năm 2015

đến 2010). Đề cương của học phần có ma trận liên kết giữa CDR của học phần và nội dung của học phần. Các hoạt động đánh giá quá trình dạy, học khác cũng được tiến hành thường xuyên như như chấm điểm thi đua hằng năm đối với giảng viên (QĐ số 929/QĐ-ĐHV ngày 24/8/2017); hoạt động dự giờ, thăm lớp hàng kỳ do Công đoàn bộ phận khoa Kinh tế và Công đoàn trường triển khai (Lịch dự giờ, thao giảng, biên bản đánh giá dự giờ của GV năm 2015 đến 2019). Rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy cũng được thông qua hoạt động lấy ý kiến hằng kỳ của người học đối với hoạt động giảng dạy. Mỗi học kỳ Khoa đều có cuộc họp để đánh giá kết quả giảng dạy trong học kỳ, trong đó tập trung phân tích nguyên nhân đối với những học phần mà SV có kết quả học tập thấp và những GV có mức độ hài lòng của SV không cao để xây dựng các giải pháp khắc phục phù hợp cho học kỳ tiếp theo (các biên bản họp khoa năm 2016 đến 2020). Đối với những trường hợp kết quả học phần không cao và GV có mức độ hài lòng của SV thấp, GV phải giải trình các nguyên nhân chủ quan và khách quan liên quan đến trưởng bộ môn, trưởng Khoa. Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được rà soát trực tiếp bằng cơ chế cho phép sinh viên có quyền khiếu nại điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần của các học phần thuộc CTĐT ngành Kế toán. Theo đó, ngay sau khi nhận được yêu cầu phúc khảo, trung tâm ĐBCL và giảng viên có trách nhiệm kiểm tra, khắc phục các sai sót trong khâu đánh giá (nếu có) và trả lời khiếu nại cho sinh viên kịp thời (Kết quả phúc khảo các năm 2015-2020). Ngoài ra, việc nhận xét, rà soát các phương pháp, cách thức đánh giá kết quả học tập của sinh viên ngành Kế toán còn được tiến hành thông qua một số hoạt động như định kỳ tổ chức Hội nghị Hiệu trưởng đối thoại với sinh viên; Hội nghị dân chủ sinh viên (Các Báo cáo từ năm 2015 đến 2020).

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 10.3

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 10.3

Nội dung phiếu khảo sát ý kiến của SV về chất lượng giảng dạy chưa thật chi tiết. Nhà trường chưa tổng kết đánh giá mức độ tin cậy của kết quả phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy của từng GV.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 10.3

Nhà trường nên sớm ban hành quy định tổng thể về việc rà soát đánh giá quá trình dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV để thực hiện thống nhất trong phạm vi toàn Trường. Nhà trường cần điều chỉnh các bộ phiếu khảo sát ý kiến của các bên liên quan về quá trình tổ chức dạy-học và kiểm tra đánh giá để chất lượng khảo sát được tốt hơn.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 10.3: 4

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 10.4

Trong 5 năm, Khoa Kinh tế đã thực hiện 10 đề tài cấp Bộ, 52 đề tài cấp cơ sở (Trong đó GV Bộ môn Kế toán thực hiện 1 đề tài cấp Bộ, 8 đề tài cấp cơ sở). Khoa đã công bố 274 bài báo trong đó có 56 bài quốc tế, 218 bài trong nước (Bộ môn Kế toán có 83 bài trong đó có 21 bài quốc tế, 62 bài trong nước). Giảng viên của Bộ môn Kế toán đã hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH: 3 đề tài cấp Trường, 3 đề tài cấp khoa, 16 SV tham gia đề tài. Các đề tài, giáo trình, sách tham khảo và các báo cáo khoa học đăng trên Tạp chí Khoa học chuyên ngành đều có các nội dung liên quan đến dạy và học.

Trong số các đề tài NCKH mà GV, SV của Khoa chủ trì thực hiện có 5 đề tài được chuyển thành nội dung, chuyên đề giảng dạy trong CTĐT: Đề tài: *Xây dựng chuẩn đầu ra và CTĐT ngành kế toán tiếp cận CDIO* của GV Nguyễn Hoàng Dũng (2017); *Đổi mới nội dung phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá khối kiến thức kế toán theo tiếp cận CDIO* của GV Hồ Mỹ Hạnh (2018); *Đổi mới nội dung phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá khối kiến thức kế toán 1 theo tiếp cận CDIO* của GV Nguyễn Thị Thanh Hòa (2020); *Đổi mới nội dung phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá khối kiến thức kế toán 2 theo tiếp cận CDIO* của Đặng Thúy Anh 2020; *Đổi mới nội dung phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá khối kiến thức kế toán 3 theo tiếp cận CDIO* của GV Phạm Thị Kim Yến 2020. Các đề tài trên đã được Nhà trường đặt hàng, đã được nghiệm thu và đã được chuyển tải thành nội dung, chuyên đề giảng dạy của Khoa và Bộ môn.

Trong số các đề tài NCKH mà Khoa thực hiện có 5 đề tài được ứng dụng để cải tiến phương pháp dạy và học như: Đề tài: *Nghiên cứu đổi mới công tác kiểm tra đánh giá học phần hệ thống thuế Việt Nam cho SV ngành Kế toán khoa Kinh tế Trường Đại học Vinh* của Đường Thị Quỳnh Liên (2016); *Nghiên cứu đổi mới công tác kiểm tra đánh giá học phần phân tích hoạt động kinh doanh* của GV Nguyễn Anh Tú (2016) (do GV Bộ môn Kế toán thực hiện). Có 2 đề tài GV Khoa Kinh tế thực hiện: Đề tài: *Nâng cao chất lượng giảng dạy học phần lập dự án đầu tư cho SV chuyên ngành Kinh tế đầu tư tại Trường Đại học Vinh* của GV Lê Vũ Sao Mai (2016); *Nâng cao chất lượng giảng dạy theo hình thức onlines tại Bộ môn Kinh tế Khoa Kinh tế Trường Đại học Vinh* của GV Nguyễn Hoài Nam 2016. Các đề tài trên đã được Nhà trường đặt hàng, đã được nghiệm thu và đã mang lại nhiều cải tiến cho hoạt động giảng dạy của Khoa và Bộ môn.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 10.4

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 10.4

Kết quả phỏng vấn nhóm SV ngành Kế toán của Đoàn ĐGN tại thời điểm khảo sát chính thức cho thấy, phong trào NCKH chưa thật sự được nhiều SV quan tâm và hưởng ứng, chưa thu hút được sự ham mê của số đông SV các năm đầu của khóa học, chưa thu hút SV tham gia nghiên cứu khoa học.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 10.4

Nhà trường cần đa dạng hơn trong chính sách khen thưởng và hỗ trợ có hiệu quả, để thu hút đông đảo người học tham gia các đề tài NCKH như thưởng điểm học tập, hoặc thay thế cho những học phần gắn với hướng nghiên cứu ở đề tài NCKH của SV.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 10.4: 5

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 10.5

Nhà trường có quy định về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ quá trình dạy và học: Quyết định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Trường Đại học Vinh (QĐ số 1307/QĐ-ĐHV ngày 1/11/2016). Trong đó có các điều quy định như: Điều 5 Nội dung lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với cán bộ, viên chức hành chính; Điều 6 Nội dung lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với các hoạt động cơ bản của Nhà trường. Trong điều 6 điểm 2 công tác học sinh, SV, học viên (quản lý người học, phục vụ hỗ trợ, chế độ, chính sách người học... Điểm 3 công tác cơ sở vật chất (phòng học, phương tiện, thiết bị

dạy học, vệ sinh môi trường, nội trú...). Quyết định đã quy định các hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan, phân công trách nhiệm cho các đơn vị trong Trường... Dịch vụ hỗ trợ còn được đánh giá thông qua việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động của các đơn vị hành chính và các hoạt động của Nhà trường hằng năm, Báo cáo tổng kết hội nghị dân chủ các lớp SV và hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng với SV hằng năm.

Quy trình tổ chức hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực hiện theo quyết định số 1307/QĐ-ĐHV quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của người học về cán bộ viên chức và các hoạt động của trường Đại học Vinh. Kết quả khảo sát về chất lượng dịch vụ của Nhà trường tại bảng 10.5.

Bảng 10.5: Mức độ hài lòng các dịch vụ của Nhà trường (Tỷ lệ % hài lòng)

Các loại dịch vụ	2016-2017		2017-2018		2018-2019		2019-2020	
	Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
Thư viện	13.413	88,6	13.007	92,2	12.845	92,0	11.478	95,1
CNTT	13.413	95,1	13.007	89,3	12.845	92,2	11.478	89,2
Cơ sở vật chất	13.413	76,3	13.007	89,1	12.845	83,5	11.478	87,6
Nhà ăn, dịch vụ	13.413	77,2	13.007	83,1	12.845	80,3	11.478	86,8

Kết quả bảng 10.5 cho thấy, Nhà trường đã lấy phiếu phản hồi từ người học với số lượng khá lớn qua các năm, năm nhiều nhất 13.413 (năm 2016-2017) phiếu, năm ít nhất 11.487 phiếu (năm 2019-2020). Trong đó tỷ lệ hài lòng về Thư viện dao động từ 88,6 đến 95,1% (mức độ hài lòng tăng dần từ năm 2016-2017 đến nay). Về CNTT tỷ lệ hài lòng dao động từ 89,3 đến 95,1%. Về cơ sở vật chất tỷ lệ hài lòng dao động từ 76,3 đến 89,1%. Về nhà ăn, dịch vụ tỷ lệ hài lòng từ 77,2 đến 86,8%.

Trên cơ sở kết quả khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan, Nhà trường thực hiện việc cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ khác bằng việc đề xuất các giải pháp có giá trị và có tính khả thi nhằm đáp ứng nhu cầu người học. Tiếp thu ý kiến của người học, năm học 2016-2017 Nhà trường thực hiện tốt các hoạt động hỗ trợ người học như đăng ký học, các thủ tục hành chính, tư vấn tâm lý, chế độ chính sách, hướng nghiệp, việc làm, các hoạt động tại Trung tâm thư viện... để mang đến mức độ hài lòng ngày càng cao của sinh viên (Báo cáo số 13/BC-ĐHT ngày 27/03/2017). Năm học 2019-2020 tại kết luận của Hiệu trưởng số 70/TB-ĐHV ngày 06/5/2019 Nhà trường tiếp thu ý kiến của sinh viên, giao cho Thư viện xây dựng kế hoạch bổ sung học liệu kịp thời cho tất cả các ngành. Nhà trường đã nâng thời gian mượn sách lên 20 ngày. Nhà trường đã đưa vào sử dụng mượn, trả và gia hạn mượn tài liệu tự động. Sinh viên có thể gia hạn tài liệu trực tuyến trên website thư viện, qua điện thoại hoặc qua email.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 10.5

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 10.5

Nghiên cứu các báo cáo phân tích kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ và tiện ích cho thấy: Nhà trường chưa thật sự quan tâm nhiều đến vai trò, ý nghĩa của kênh thông tin khảo sát để phục vụ cho việc cải tiến chất lượng các dịch vụ tiện ích đáp ứng nhu cầu của người học và CBGV, NV của Nhà trường.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 10.5

Nhà trường cần đầu tư nhiều hơn về nhân lực và vật lực cho nhiệm vụ khảo sát ý kiến các bên liên quan để thu thập được các thông tin đóng góp trực tiếp hữu ích cho tạo dựng cơ sở để đề xuất các khuyến nghị và các giải pháp khả thi dựa trên các kết quả khảo sát các bên liên quan. Đồng thời Nhà trường cần đào tạo bồi dưỡng nâng cao kỹ năng khảo sát, thống kê phân tích và viết báo cáo khảo sát cho CBGV

và nhân viên để Nhà trường có được các kết quả khảo sát đi kèm với các khuyến nghị thật sự hữu ích cho việc cải tiến các hoạt động của Nhà trường.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 10.5: 4

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 10.6

Nhà trường ban hành Quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan của Trường đại học Vinh (QĐ số 1307 ngày 1/11/2016). Quyết định đã giao Phòng CTCT-HSSV là đơn vị đầu mối chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan để triển khai công tác lấy ý kiến của người học tại điều 16. Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo sau đại học, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và trường trực thuộc phối hợp với Phòng CTCT-HSSV và các đơn vị liên quan triển khai việc lấy ý kiến của người học theo các nội dung liên quan (Điều 17). Phòng Tổ chức cán bộ chủ trì phối hợp với trưởng các đơn vị trong trường quán triệt và thông báo đến cán bộ viên chức về chủ trương mục đích yêu cầu và kế hoạch triển khai lấy ý kiến phản hồi. Trung tâm CNTT làm nhiệm vụ phân quyền cho phòng CTCT-HSSV và các đơn vị liên quan về việc triển khai lấy ý kiến người học theo hình thức trực tuyến (Điều 19). Trung tâm ĐBCL chịu trách nhiệm kỹ thuật xử lý phiếu lấy ý kiến người học trên giấy, thống kê và tổng hợp dữ liệu gửi về Nhà trường (Điều 20). Các đơn vị trực thuộc trường quán triệt viên chức và người học về công tác lấy ý kiến người học và trách nhiệm của họ đối với hoạt động này (Điều 21). Nhà trường có các văn bản quy định cụ thể về cơ chế phản hồi các bên liên quan như: Hướng dẫn về xây dựng CDR đào tạo trình độ đại học (HD số 03/HD-ĐHV ngày 19/4/2016); Kế hoạch xây dựng và phát triển CTĐT theo CDIO (KH số 10/KH-ĐHV ngày 8/3/2016); Quyết định về việc ban hành quy định về quy trình xây dựng và phát triển CTĐT trình độ đại học

hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (QĐ số 2382/QĐ-ĐHV ngày 4/9/2019). Kế hoạch triển khai thực hiện khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công năm học 2017-2018 (KH số 38/KH-ĐHV ngày 23/10/2017). Kế hoạch triển khai lấy ý kiến người học, phụ huynh học sinh và các bên liên quan năm học 2020-2021 (KH số 70/KH-ĐHV ngày 6/11/2020). Quyết định thành lập ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch khảo sát đo lường sự hài lòng của người công dân đối với dịch vụ giáo dục công tại trường (QĐ số 1255/QĐ-ĐHV ngày 10/11/2017); Các thông báo lấy ý kiến phản hồi từ người học và phụ huynh về hoạt động giảng dạy và các hoạt động của nhà trường (theo từng học kỳ).

Hàng năm thực hiện kế hoạch công tác ĐBCL, các đơn vị của Nhà trường đã tiến hành 6 hoạt động khảo sát chính để thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan, cụ thể: i) khảo sát ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV khi kết thúc học phần; ii) khảo sát ý kiến của SV năm cuối về khóa học; iii) khảo sát ý kiến người học, CBVC về hoạt động của các khoa, phòng, trung tâm trong Trường; iv) khảo sát ý kiến của cựu SV về việc làm, thu nhập và chất lượng đào tạo; v) khảo sát ý kiến người sử dụng lao động, cựu SV, chuyên gia, đại diện các tổ chức xã hội, nghề nghiệp về CTĐT và CDR, về chất lượng đào tạo; vi) khảo sát ý kiến CB, GV, NV và người học về mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất và hệ thống thông tin thư viện. Thông qua việc khảo sát của Nhà trường đã thực hiện trong chu kỳ KĐCL cho thấy: Việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện đúng quy trình được quy định trên các văn bản; quy định các đối tượng tham gia lấy ý kiến, nội dung lấy ý kiến, các mức độ đánh giá, hình thức lấy ý kiến, thời gian lấy ý kiến phù hợp. Công cụ khảo sát đa dạng gồm các loại phiếu giấy và sử dụng công nghệ thông tin để khảo sát online. Các loại phiếu hỏi và phương pháp xử lý dữ liệu nhìn chung có độ tin cậy. Phương pháp khảo sát các bên liên quan khá đa dạng gồm: phát phiếu trực tiếp, phỏng vấn trực tiếp, phỏng vấn qua điện thoại, trả lời online qua phần mềm quản lý đào tạo. Thời điểm thực hiện các đợt khảo sát từng đối tượng

được quy định cụ thể. Kết quả lấy ý kiến phản hồi đã phản ánh tương đối khách quan, có độ tin cậy về các hoạt động của Nhà trường.

Trên cơ sở ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Nhà trường, phòng CTCT-HSSV cải tiến hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi nhằm nâng cao chất lượng của thông tin thu thập được, góp nâng cao tinh thần trách nhiệm của CBGV, SV và chất lượng đào tạo trong nhà trường. Nhà trường thực hiện việc cải tiến công tác lấy ý kiến các bên liên quan thông qua các khảo sát, đánh giá như: Góp ý phiếu lấy khảo sát người học và phụ huynh học sinh năm học 2018-2019 (TB số 1092/ĐHV - CTCTHVSU); Báo cáo sơ kết việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động của các đơn vị hành chính và các hoạt động của nhà trường (BC số 74/BC-ĐHV ngày 22/12/2016); Báo cáo tổng kết đợt sinh hoạt dân chủ các lớp sinh viên năm học 2016 - 2017 (BC số 13/BC-ĐHV ngày 27/3/2017); Báo cáo tổng kết đợt sinh hoạt dân chủ các lớp SV và hội nghị đối thoại giữa Bí thư - Hiệu trưởng nhà trường với đoàn viên, thanh niên, SV năm học 2017 - 2018 (BC số 09/BC- ĐHV ngày 28/3/2018); Báo kết luận của Hiệu trưởng nhà trường tại Hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng với sinh viên năm học 2018 - 2019 (TB số 70 /TB - ĐHV, ngày 06/5/2019); Báo cáo tổng kết đợt sinh hoạt dân chủ các lớp SV năm 2019 - 2020 (BC số 14/BC - ĐHV ngày 27/3/2020). Trên cơ sở các ý kiến đóng góp, Nhà trường, phòng CTCT-HSSV cải tiến hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi nhằm nâng cao chất lượng của thông tin thu thập được, góp nâng cao tinh thần trách nhiệm của người dạy, người lãnh đạo và chất lượng đào tạo trong nhà trường. Ví dụ: đã thay đổi thời gian lấy phiếu, hình thức lấy phiếu từ năm 2018 đến nay đã chuyển sang khảo sát trực tuyến đối với khảo sát SV đánh giá GV.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 10.6

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 10.6

Các phiếu khảo sát chưa thật sự bao phủ toàn diện các thông tin cần thu thập; chưa được định lượng đánh giá về các miền đo thông tin của các câu hỏi; chưa kịp thời điều chỉnh sau nhiều năm sử dụng.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 10.6

Nhà trường nên định kỳ rà soát, điều chỉnh và định lượng phân tích đánh giá các công cụ khảo sát, quy trình khảo sát, phương pháp phân tích và hệ thống hóa các kết quả khảo sát của từng đối tượng. Kết quả đánh giá này được sử dụng để cải tiến nâng cao chất lượng các công cụ khảo sát và nâng cao độ tin cậy của các kết quả khảo sát.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 10.6: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 10

1. Điểm mạnh Tiêu chuẩn 10:

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH từ các bên liên quan qua các văn bản: Hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra đào tạo trình độ đại; Kế hoạch xây dựng và phát triển chương trình đào tạo theo CDIO; Hướng dẫn xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học tiếp cận CDIO (HD số 10/HD-ĐHV ngày 30/8/2016). Quyết định về việc ban hành quy định về quy trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Các văn bản trên đã quy định, phân công các đơn vị chịu trách

nhệm thực hiện khảo sát, trong đó: Khoa Kinh tế là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức khảo sát thu thập thông tin từ các bên liên quan khi xây dựng CTDH ngành Kế toán. Quyết định số 2382/QĐ-ĐHV ngày 04/9/2019 đã giao Phòng CTCT-HSSV là đơn vị đầu mối chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan để triển khai công tác lấy ý kiến của người học (Điều 16). Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo sau đại học, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và trường trực thuộc phối hợp với Phòng CTCT-HSSV và các đơn vị liên quan triển khai việc lấy ý kiến của người học (Điều 17). Phòng Tổ chức cán bộ phối hợp với trưởng các đơn vị trong Trường quán triệt và thông báo đến CBVC về chủ trương mục đích yêu cầu và kế hoạch triển khai lấy ý kiến phản hồi. Trung tâm CNTT làm nhiệm vụ phân quyền cho phòng CTCT-HSSV và các đơn vị liên quan về việc triển khai lấy ý kiến người học theo hình thức trực tuyến (Điều 19). Trung tâm ĐBCL chịu trách nhiệm kỹ thuật xử lý phiếu lấy ý kiến người học trên giấy, thống kê và tổng hợp dữ liệu gửi về Nhà trường (Điều 20). Công cụ khảo sát có liên quan đến phát triển CTDH gồm 2 bộ phiếu khảo sát như: Phiếu khảo sát thu thập thông tin để xây dựng chuẩn đầu ra; Phiếu khảo sát các bên liên quan về dự thảo CTĐT. Khoa đã triển khai khảo sát lấy ý kiến điều chỉnh CTĐT ngành Kế toán với 600 người gồm 75 nhà tuyển dụng lao động, 400 SV, 50 cựu SV, 30 nhà quản lý. Đã lấy ý kiến mục tiêu CTĐT, CDR CTĐT tiếp cận CDIO với 200 người. Trong đó có 75 cựu SV và SV, 100 nhà tuyển dụng lao động, 75 GV, nhà khoa học.

Khoa và Nhà trường đã thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để cải tiến CTDH nhằm nâng cao chất lượng. Qua các đợt lấy ý kiến, Nhà trường, Khoa và Bộ môn đều tổng hợp, đánh giá và phân tích và sử dụng kết quả khảo sát để thiết kế/phát triển CTDH. Cụ thể: (1) về mục tiêu đào tạo, phiên bản năm 2017 (áp dụng từ khóa 58 trở đi), mục tiêu tổng quát được tuyên bố dựa trên mục tiêu tổng quát gồm kiến thức và năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá hoạt động kế toán trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội. (2) về chuẩn đầu ra CTĐT và chuẩn đầu ra môn học, các phiên bản năm 2014 (áp dụng cho khóa 55), phiên bản

năm 2015 (áp dụng cho khóa 56), phiên bản năm 2016 (áp dụng cho khóa 57) đều tuyên bố dựa trên các thành tố về kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học. Phiên bản năm 2017, chuẩn đầu ra CTĐT được thiết kế dựa trên 4 trụ cột là: (i) Kiến thức và lập luận ngành, (ii) Kỹ năng cá nhân và phẩm chất nghề nghiệp; (iii) kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm; và (iv) kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong bối cảnh (năng lực CDIE), mỗi chủ đề CDR đều có thang đo năng lực và hướng dẫn cách thức để sinh viên đạt được CDR. CDR môn học được thiết kế dựa trên phân nhiệm kiến thức - kỹ năng (PLO) cho môn học, liên kết chặt chẽ với nhau nhằm giúp người học đạt được CDR của CTĐT. (3) Về CTĐT, so với phiên bản năm 2015, phiên bản năm 2016 được cải tiến như (i) đổi tên học phần “Tin học nhóm ngành 4” thành “Tin học ứng dụng” và tăng thời lượng kiến thức thực hành; (ii) bỏ học phần “Khóa luận tốt nghiệp/thi tốt nghiệp”; (iii) bổ sung các học phần kỹ năng nghề nghiệp (học phần tốt nghiệp) gồm: Tổ chức hạch toán ban đầu (2 TC) và Tổ chức sổ kế toán (3 TC). Phiên bản năm 2017, điều chỉnh thời lượng từ 132 tín chỉ xuống còn 125 tín chỉ, từ 42 học phần xuống còn 36 học phần, bỏ 9 học phần và bổ sung mới 3 học phần gồm thực hành doanh nghiệp mô phỏng (5 TC), thực hành kế toán (3 TC) và hệ thống thông tin kế toán (3 TC). Hàm lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học cũng thay đổi theo hướng tăng thời lượng thực hành, thực tập, thực tế, giảm thời lượng lý thuyết. (4) Phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá cũng được cải tiến theo hướng tăng cường phương pháp dạy học tích cực, hiện đại như làm việc nhóm, đóng vai, nghiên cứu tình huống.... phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả người học cũng được cải tiến, ngành sử dụng các phương pháp đánh giá cuối kỳ gồm tự luận, trắc nghiệm, thực hành và đồ án môn học. CTDH được cải tiến đã phù hợp với việc giúp người học đạt được CDR.

Nhà trường có quy trình thiết và phát triển CTDH, việc thiết kế và phát triển CTDH ngành Kế toán được thực hiện theo quy trình thống nhất do Nhà trường ban hành. Bao gồm: Kế hoạch số 10/KH-ĐHV ngày 08/3/2016 về xây dựng và phát triển chương trình đào tạo theo CDIO; Hướng dẫn xây dựng CTĐT trình độ đại học;

Hướng dẫn về xây dựng chuẩn đầu ra; Quy định về xây dựng và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học. Quy định này đã quy định các quy trình cụ thể như: Điều 3 Quy trình xây dựng CDR gồm 5 bước; Quy trình xây dựng CTĐT gồm 7 bước. Để thực hiện quy trình, khoa Kinh tế thành lập Tổ soạn thảo chuẩn đầu ra và Tổ soạn thảo CTĐT. Việc tổ chức khảo sát thu thập thông tin về CTĐT từ các bên liên quan được tiến hành đồng thời với việc khảo sát xây dựng CDR. Sau khi hoàn thiện, phê duyệt và công bố CDR, Tổ soạn thảo chương trình đào tạo soạn thảo Dự thảo CTĐT. Trước khi công bố CTĐT, Tổ soạn thảo tổ chức hội thảo để lấy kiến ý từ đại diện các nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia, GV, SV và cựu SV.

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được rà soát và đánh giá với sự chủ trì của phòng Đào tạo. Hoạt động rà soát và đánh giá được thực hiện bằng nhiều hình thức như triển khai đề tài KHCN trọng điểm cấp trường “*Nghiên cứu xây dựng chuẩn đề cương môn học, chuẩn đề cương bài giảng theo tiếp cận CDIO và hình thức dạy học trực tuyến tại Trường Đại học Vinh*”. Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được rà soát và đánh giá trên cơ sở tham vấn ý kiến của các chuyên gia và các bên liên quan dưới hình thức lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan và tổ chức hội thảo để thu thập thông tin từ nhóm chuyên gia, GV, hội đồng khoa học các khoa, viện chuyên môn. Dự thảo quy trình xây dựng và phát triển CTDH các ngành đào tạo hệ chính quy đã nhận được 12 ý kiến gửi về phòng Đào tạo.

Quy trình xây dựng và phát triển CTDH của Nhà trường được cập nhật và cải tiến. Về hình thức, năm 2016, việc xây dựng CTDH được thực hiện theo 03 văn bản: Hướng dẫn về xây dựng CDR; Kế hoạch xây dựng và phát triển CTĐT theo; Hướng dẫn xây dựng CTĐT trình độ đại học. Đến năm 2019, Nhà trường đã ban hành một văn bản thống nhất về Quy trình xây dựng và phát triển CTDH. Về nội dung, quy trình xây dựng và phát triển CTDH cũng được điều chỉnh theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Quy trình xây dựng CDR phục vụ việc xây dựng CTDH theo Hướng dẫn 03/HD-ĐHV ngày 19/4/2016 thì quy trình xây dựng, hoàn thiện CDR CTĐT cấp độ 3, cấp độ 4 gồm 7 bước. Đến năm 2019, theo Quyết định 2382/QĐ-ĐHV ngày

04/9/2019 quy trình xây dựng CDR của CTĐT đã cải tiến tinh gọn hơn với 5 bước. Theo đó chuyển phần xây dựng kế hoạch thực hiện trước khi thành lập Tổ soạn thảo chuẩn đầu ra, và chuyển phần “Tổ chức hội thảo lấy ý kiến chuyên gia” vào cùng với quy trình xây dựng CTĐT. Quy trình mới theo Quyết định 2382 cũng đã xác định rõ việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan cần thực hiện cùng với khảo sát ý kiến của các bên về CTĐT.

Nhà trường đã ban hành Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV. Phiếu đánh giá chất lượng giảng dạy để khảo sát SV gồm các nội dung: 1) Hoạt động giảng dạy, 2) Kiểm tra và đánh giá người học, 3) Kết quả đạt được. Quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức; Bảng chấm điểm thi đua cá nhân. Nhà trường cũng ban hành văn bản quy định việc rà soát, đánh giá kết quả học tập của SV như: Quyết định số 991/QĐ-ĐHV ngày 25/03/2014 hướng dẫn về công tác tổ chức thi, kiểm tra đánh giá và kiểm tra kết quả học tập theo hệ thống tín chỉ ở trường Đại học Vinh. Từ năm 2017, quy định về hoạt động đánh giá kết quả học tập được điều chỉnh theo Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017. Các khoa, bộ môn thực hiện dự giờ của GV; với GV trẻ hoặc GV được phân công bài giảng/học phần mới thường được thông qua trước khi lên lớp. Quá trình dạy, học và tổ chức thi đồng thời được giám sát bởi Trung tâm ĐBCL, phòng TT-Pháp chế.

Phòng Thanh tra -Pháp chế Trường Đại học Vinh đã xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra hằng năm. Đề cương của học phần có ma trận liên kết giữa CDR của học phần và nội dung của học phần. Các hoạt động đánh giá quá trình dạy, học khác cũng được tiến hành thường xuyên như như chấm điểm thi đua hằng năm đối với giảng viên; hoạt động dự giờ, thăm lớp hàng kỳ do Công đoàn bộ phận khoa Kinh tế và Công đoàn trường triển khai. Rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy cũng được thông qua hoạt động lấy ý kiến hằng kỳ của người học đối với hoạt động giảng dạy. Mỗi học kỳ Khoa đều có cuộc họp để đánh giá kết quả giảng dạy trong học kỳ, trong đó tập trung phân tích nguyên nhân đối với những học phần

mà SV có kết quả học tập thấp và những GV có mức độ hài lòng của SV không cao để xây dựng các giải pháp khắc phục phù hợp cho học kỳ tiếp theo (các biên bản họp khoa năm 2016 đến 2020). Đối với những trường hợp kết quả học phần không cao và GV có mức độ hài lòng của SV thấp, GV phải giải trình các nguyên nhân chủ quan và khách quan liên quan đến trưởng bộ môn, trưởng Khoa. Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được rà soát trực tiếp bằng cơ chế cho phép sinh viên có quyền khiếu nại điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần của các học phần thuộc CTĐT ngành Kế toán. Theo đó, ngay sau khi nhận được yêu cầu phúc khảo, trung tâm ĐBCL và giảng viên có trách nhiệm kiểm tra, khắc phục các sai sót trong khâu đánh giá (nếu có) và trả lời khiếu nại cho sinh viên kịp thời. Ngoài ra, việc nhận xét, rà soát các phương pháp, cách thức đánh giá kết quả học tập của sinh viên ngành Kế toán còn được tiến hành thông qua một số hoạt động như định kỳ tổ chức Hội nghị Hiệu trưởng đối thoại với sinh viên; Hội nghị dân chủ sinh viên.

Trong 5 năm, Khoa Kinh tế đã thực hiện 10 đề tài cấp Bộ, 52 đề tài cấp cơ sở. Khoa đã công bố 274 bài báo trong đó có 56 bài quốc tế, 218 bài trong nước. Giảng viên của Bộ môn Kế toán đã hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH: 3 đề tài cấp Trường, 3 đề tài cấp khoa, 16 SV tham gia đề tài. Các đề tài, giáo trình, sách tham khảo và các báo cáo khoa học đăng trên Tạp chí Khoa học chuyên ngành đều có các nội dung liên quan đến dạy và học.

Trong số các đề tài NCKH mà GV, SV của Khoa chủ trì thực hiện có 5 đề tài được chuyển thành nội dung, chuyên đề giảng dạy trong CTĐT: Đề tài: *Xây dựng chuẩn đầu ra và CTĐT ngành kế toán tiếp cận CDIO*; *Đổi mới nội dung phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá khối kiến thức kế toán theo tiếp cận CDIO* của GV Hồ Mỹ Hạnh (2018); *Đổi mới nội dung phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá khối kiến thức kế toán 1 theo tiếp cận CDIO*; *Đổi mới nội dung phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá khối kiến thức kế toán 2 theo tiếp cận CDIO*; *Đổi mới nội dung phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá khối kiến thức kế toán 3 theo tiếp cận CDIO* của GV Phạm Thị Kim Yến 2020. Các đề tài trên đã được Nhà trường đặt hàng,

đã được nghiệm thu và đã được chuyển tải thành nội dung, chuyên đề giảng dạy của Khoa và Bộ môn.

Trong số các đề tài NCKH mà Khoa thực hiện có 5 đề tài được ứng dụng để cải tiến phương pháp dạy và học như: Đề tài: *Nghiên cứu đổi mới công tác kiểm tra đánh giá học phần hệ thống thuế Việt Nam cho SV ngành Kế toán khoa Kinh tế Trường Đại học Vinh* của Đường Thị Quỳnh Liên (2016); *Nghiên cứu đổi mới công tác kiểm tra đánh giá học phần phân tích hoạt động kinh doanh của GV Nguyễn Anh Tú (2016)* (do GV Bộ môn Kế toán thực hiện). Có 2 đề tài GV Khoa Kinh tế thực hiện: Đề tài: *Nâng cao chất lượng giảng dạy học phần lập dự án đầu tư cho SV chuyên ngành Kinh tế đầu tư tại Trường Đại học Vinh* của GV Lê Vũ Sao Mai (2016); *Nâng cao chất lượng giảng dạy theo hình thức onlines tại Bộ môn Kinh tế Khoa Kinh tế Trường Đại học Vinh* của GV Nguyễn Hoài Nam 2016. Các đề tài trên đã được Nhà trường đặt hàng, đã được nghiệm thu và đã mang lại nhiều cải tiến cho hoạt động giảng dạy của Khoa và Bộ môn.

Nhà trường có quy định về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ quá trình dạy và học: Quyết định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Trường Đại học Vinh. Trong đó có các điều quy định như: Điều 5 Nội dung lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với cán bộ, viên chức hành chính; Điều 6 Nội dung lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với các hoạt động cơ bản của Nhà trường. Trong điều 6 điểm 2 công tác học sinh, SV, học viên (quản lý người học, phục vụ hỗ trợ, chế độ, chính sách người học... Điểm 3 công tác cơ sở vật chất. Quyết định đã quy định các hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan, phân công trách nhiệm cho các đơn vị trong Trường... Dịch vụ hỗ trợ còn được đánh giá thông qua việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động của các đơn vị hành chính và các hoạt động của Nhà trường hằng năm, Báo cáo tổng kết hội nghị dân chủ các lớp SV và hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng với SV hằng năm.

Quy trình tổ chức hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực hiện theo quyết định số 1307/QĐ-ĐHV quy định công tác lấy ý kiến phản hồi

của người học về cán bộ viên chức và các hoạt động của trường Đại học Vinh.

Kết quả bảng 10.5 cho thấy, Nhà trường đã lấy phiếu phản hồi từ người học với số lượng khá lớn qua các năm, năm nhiều nhất 13.413 (năm 2016-2017) phiếu, năm ít nhất 11.487 phiếu (năm 2019-2020). Trong đó tỷ lệ hài lòng về Thư viện dao động từ 88,6 đến 95,1%. Về CNTT tỷ lệ hài lòng dao động từ 89,3 đến 95,1%. Về cơ sở vật chất tỷ lệ hài lòng dao động từ 76,3 đến 89,1%. Về nhà ăn, dịch vụ tỷ lệ hài lòng từ 77,2 đến 86,8%.

Trên cơ sở kết quả khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan, Nhà trường thực hiện việc cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ khác bằng việc đề xuất các giải pháp có giá trị và có tính khả thi nhằm đáp ứng nhu cầu người học. Tiếp thu ý kiến của người học, năm học 2016-2017 Nhà trường thực hiện tốt các hoạt động hỗ trợ người học như đăng ký học, các thủ tục hành chính, tư vấn tâm lý, chế độ chính sách, hướng nghiệp, việc làm, các hoạt động tại Trung tâm thư viện... để mang đến mức độ hài lòng ngày càng cao của sinh viên. Năm học 2019-2020 tại kết luận của Hiệu trưởng số 70/TB-ĐHV ngày 06/5/2019 Nhà trường tiếp thu ý kiến của sinh viên, giao cho Thư viện xây dựng kế hoạch bổ sung học liệu kịp thời cho tất cả các ngành. Nhà trường đã nâng thời gian mượn sách lên 20 ngày. Nhà trường đã đưa vào sử dụng mượn, trả và gia hạn mượn tài liệu tự động. Sinh viên có thể gia hạn tài liệu trực tuyến trên website thư viện, qua điện thoại hoặc qua email.

Nhà trường ban hành Quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan của Trường đại học Vinh. Quyết định đã giao Phòng CTCT-HSSV là đơn vị đầu mối chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan để triển khai công tác lấy ý kiến của người học tại điều 16. Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo sau đại học, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và trường trực thuộc phối hợp với Phòng CTCT-HSSV và các đơn vị liên quan triển khai việc lấy ý kiến của người học theo các nội dung liên quan (Điều 17). Phòng Tổ chức cán bộ chủ trì phối hợp với trường các đơn vị trong trường quán triệt và thông báo đến cán bộ viên chức về chủ trương mục đích yêu cầu

và kế hoạch triển khai lấy ý kiến phản hồi. Trung tâm CNTT làm nhiệm vụ phân quyền cho phòng CTCT-HSSV và các đơn vị liên quan về việc triển khai lấy ý kiến người học theo hình thức trực tuyến (Điều 19). Trung tâm ĐBCL chịu trách nhiệm kỹ thuật xử lý phiếu lấy ý kiến người học trên giấy, thống kê và tổng hợp dữ liệu gửi về Nhà trường (Điều 20). Các đơn vị trực thuộc trường quán triệt viên chức và người học về công tác lấy ý kiến người học và trách nhiệm của họ đối với hoạt động này (Điều 21). Nhà trường có các văn bản quy định cụ thể về cơ chế phản hồi các bên liên quan như: Hướng dẫn về xây dựng CDR đào tạo trình độ đại học; Kế hoạch xây dựng và phát triển CTĐT theo CDIO (KH số 10/KH-ĐHV ngày 8/3/2016); Quyết định về việc ban hành quy định về quy trình xây dựng và phát triển CTĐT trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Kế hoạch triển khai thực hiện khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công năm học 2017-201. Kế hoạch triển khai lấy ý kiến người học, phụ huynh học sinh và các bên liên quan năm học 2020-2021. Quyết định thành lập ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch khảo sát đo lường sự hài lòng của người công dân đối với dịch vụ giáo dục công tại trường; Các thông báo lấy ý kiến phản hồi từ người học và phụ huynh về hoạt động giảng dạy và các hoạt động của nhà trường.

Hàng năm thực hiện kế hoạch công tác ĐBCL, các đơn vị của Nhà trường đã tiến hành 6 hoạt động khảo sát chính để thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan, cụ thể: i) khảo sát ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV khi kết thúc học phần; ii) khảo sát ý kiến của SV năm cuối về khóa học; iii) khảo sát ý kiến người học, CBVC về hoạt động của các khoa, phòng, trung tâm trong Trường; iv) khảo sát ý kiến của cựu SV về việc làm, thu nhập và chất lượng đào tạo; v) khảo sát ý kiến người sử dụng lao động, cựu SV, chuyên gia, đại diện các tổ chức xã hội, nghề nghiệp về CTĐT và CDR, về chất lượng đào tạo; vi) khảo sát ý kiến CB, GV, NV và người học về mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất và hệ thống thông tin thư viện. Thông qua việc khảo sát của Nhà trường đã thực hiện trong chu kỳ KĐCL cho thấy: Việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện

đúng quy trình được quy định trên các văn bản; quy định các đối tượng tham gia lấy ý kiến, nội dung lấy ý kiến, các mức độ đánh giá, hình thức lấy ý kiến, thời gian lấy ý kiến phù hợp. Công cụ khảo sát đa dạng gồm các loại phiếu giấy và sử dụng công nghệ thông tin để khảo sát online. Các loại phiếu hỏi và phương pháp xử lý dữ liệu nhìn chung có độ tin cậy. Phương pháp khảo sát các bên liên quan khá đa dạng gồm: phát phiếu trực tiếp, phỏng vấn trực tiếp, phỏng vấn qua điện thoại, trả lời online qua phần mềm quản lý đào tạo. Thời điểm thực hiện các đợt khảo sát từng đối tượng được quy định cụ thể. Kết quả lấy ý kiến phản hồi đã phản ánh tương đối khách quan, có độ tin cậy về các hoạt động của Nhà trường.

Trên cơ sở ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Nhà trường, phòng CTCT-HSSV cải tiến hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi nhằm nâng cao chất lượng của thông tin thu thập được, góp nâng cao tinh thần trách nhiệm của CBGV, SV và chất lượng đào tạo trong nhà trường. Nhà trường thực hiện việc cải tiến công tác lấy ý kiến các bên liên quan thông qua các khảo sát, đánh giá như: Góp ý phiếu lấy khảo sát người học và phụ huynh học sinh năm học 2018-2019; Báo cáo sơ kết việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động của các đơn vị hành chính và các hoạt động của nhà trường; Báo cáo tổng kết đợt sinh hoạt dân chủ các lớp sinh viên năm học 2016 – 2017; Báo cáo tổng kết đợt sinh hoạt dân chủ các lớp SV và hội nghị đối thoại giữa Bí thư - Hiệu trưởng nhà trường với đoàn viên, thanh niên, SV năm học 2017 – 2018; Báo kết luận của Hiệu trưởng nhà trường tại Hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng với sinh viên năm học 2018 – 2019. Báo cáo tổng kết đợt sinh hoạt dân chủ các lớp SV năm 2019 – 2020. Trên cơ sở các ý kiến đóng góp, Nhà trường, phòng CTCT-HSSV cải tiến hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi nhằm nâng cao chất lượng của thông tin thu thập được, góp nâng cao tinh thần trách nhiệm của người dạy, người lãnh đạo và chất lượng đào tạo trong nhà trường. Ví dụ: đã thay đổi thời gian lấy phiếu, hình thức lấy phiếu từ năm 2018 đến nay đã chuyển sang khảo sát trực tuyến đối với khảo sát SV đánh giá GV.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chuẩn 10:

2.1. Những tồn tại Tiêu chuẩn 10:

Trong chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục từ 2015-2020, Nhà trường/Khoa mới tổ chức khảo sát đề rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra, CTĐT 1 lần năm 2016.

Qua trao đổi với các CB, GV giảng dạy CTĐT tại thời điểm khảo sát chính thức, kết quả cho thấy vẫn còn một số ít GV chưa nắm vững về quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học. Điều này cho thấy một số GV chưa thật sự tham gia vào quá trình rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTDH của ngành Kế toán.

Nội dung phiếu khảo sát ý kiến của SV về chất lượng giảng dạy chưa thật chi tiết. Nhà trường chưa tổng kết đánh giá mức độ tin cậy của kết quả phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy của từng GV.

Kết quả phỏng vấn nhóm SV ngành Kế toán của Đoàn ĐGN tại thời điểm khảo sát chính thức cho thấy, phong trào NCKH chưa thật sự được nhiều SV quan tâm và hưởng ứng, chưa thu hút được sự ham mê của số đông SV các năm đầu của khóa học, chưa thu hút SV tham gia nghiên cứu khoa học.

Nghiên cứu các báo cáo phân tích kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ và tiện ích cho thấy: Nhà trường chưa thật sự quan tâm nhiều đến vai trò, ý nghĩa của kênh thông tin khảo sát để phục vụ cho việc cải tiến chất lượng các dịch vụ tiện ích đáp ứng nhu cầu của người học và CBGV, NV của Nhà trường.

Các phiếu khảo sát chưa thật sự bao phủ toàn diện các thông tin cần thu thập; chưa được định lượng đánh giá về các miền đo thông tin của các câu hỏi; chưa kịp thời điều chỉnh sau nhiều năm sử dụng.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chuẩn 10:

Nhà trường/Khoa cần định kỳ rà soát điều chỉnh CDR và CTĐT định kỳ ít nhất 2 năm một lần theo quy định tại Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng.

Trong quá trình thiết kế, phát triển CTDH hoặc rà soát điều chỉnh CTĐT, Nhà trường/Khoa nên huy động sự tham gia của tất cả các GV trực tiếp giảng dạy CTĐT để thu thập được đa chiều các ý kiến cho việc phát triển và hoàn thiện CTĐT.

Nhà trường nên sớm ban hành quy định tổng thể về việc rà soát đánh giá quá trình dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV để thực hiện thống nhất trong phạm vi toàn Trường. Nhà trường cần điều chỉnh các bộ phiếu khảo sát ý kiến của các bên liên quan về quá trình tổ chức dạy-học và kiểm tra đánh giá để chất lượng khảo sát được tốt hơn.

Nhà trường cần đa dạng hơn trong chính sách khen thưởng và hỗ trợ có hiệu quả, để thu hút đông đảo người học tham gia các đề tài NCKH như thưởng điểm học tập, hoặc thay thế cho những học phần gắn với hướng nghiên cứu ở đề tài NCKH của SV.

Nhà trường cần đầu tư nhiều hơn về nhân lực và vật lực cho nhiệm vụ khảo sát ý kiến các bên liên quan để thu thập được các thông tin đóng góp trực tiếp hữu ích cho tạo dựng cơ sở để đề xuất các khuyến nghị và các giải pháp khả thi dựa trên các kết quả khảo sát các bên liên quan. Đồng thời Nhà trường cần đào tạo bồi dưỡng nâng cao kỹ năng khảo sát, thống kê phân tích và viết báo cáo khảo sát cho CBGV và nhân viên để Nhà trường có được các kết quả khảo sát đi kèm với các khuyến nghị thật sự hữu ích cho việc cải tiến các hoạt động của Nhà trường.

Nhà trường nên định kỳ rà soát, điều chỉnh và định lượng phân tích đánh giá các công cụ khảo sát, quy trình khảo sát, phương pháp phân tích và hệ thống hóa các kết quả khảo sát của từng đối tượng. Kết quả đánh giá này được sử dụng để cải tiến nâng cao chất lượng các công cụ khảo sát và nâng cao độ tin cậy của các kết quả khảo sát.

3. Mức đạt của Tiêu chuẩn 10:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 10	4,00
<i>Tiêu chí 10.1</i>	3
<i>Tiêu chí 10.2</i>	4
<i>Tiêu chí 10.3</i>	4
<i>Tiêu chí 10.4</i>	5
<i>Tiêu chí 10.5</i>	4
<i>Tiêu chí 10.6</i>	4

TIÊU CHUẨN 11: KẾT QUẢ ĐÀU RA

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 11.1

Việc theo dõi tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn được giao cho phòng Phòng CT HSSV và đội ngũ quản lý SV chịu trách nhiệm (QĐ số 428/QĐ-ĐHV, ngày 21/04/2016). Nhà trường và Khoa Kinh tế luôn theo dõi sát sao tiến độ học tập, tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp của SV thông qua hệ thống giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, trợ lý đào tạo và trợ lý quản lý SV; có sự phối hợp giữa Khoa và các đơn vị chuyên trách của Nhà trường để thực hiện việc theo dõi nắm bắt tình hình học tập của SV. Các phòng chức năng và Khoa theo dõi và lập danh sách thôi học, tốt nghiệp nhờ phần mềm quản lý đào tạo CMC, được phân quyền theo nhiệm vụ của các cá nhân và các đơn vị. Nhà trường có danh sách SV tốt nghiệp và danh sách SV chưa

đủ điều kiện tốt nghiệp của mỗi đợt xét tốt nghiệp. Danh sách SV thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hằng năm tại Phòng trên hệ thống quản lý đào tạo CMC của Nhà trường.

Tỉ lệ SV tốt nghiệp toàn khóa của ngành Kế toán tính đến thời gian học tối đa (6 năm) trong giai đoạn từ khóa học K53 (2012-2016) đến khóa K57 (2016-2020) đạt từ 69,4 đến 88,9%. Tỉ lệ SV thôi học tính trên tổng số nhập học từ khóa K56 đến khóa K60 dao động trong khoảng 2,4% đến 7,1%. Khoa đã có những phân tích, tìm hiểu nguyên nhân SV thôi học, bỏ học và chậm tốt nghiệp, xem đây là một trong những chỉ số cần cải thiện và có những phương án hỗ trợ, giúp đỡ SV cũng như ngăn ngừa các hành vi tiêu cực. Trụ lý quản lý SV Khoa Kinh tế là đầu mối thông tin về tình trạng SV, tỉ lệ SV tốt nghiệp, thôi học, đang theo học. Trụ lý quản lý SV thực hiện báo cáo tình trạng của người học cho Khoa và Nhà trường hằng tháng, vì vậy đảm bảo chính xác số liệu, trạng thái người học. Khoa đã phân tích tìm hiểu nguyên nhân SV thôi học, tốt nghiệp muộn gồm các yếu tố khách quan và chủ quan như hoàn cảnh kinh tế, ốm đau, không thể hoàn thành chương trình học, kết quả học tập không đạt yêu cầu...

Bảng 11.1a. Tỷ lệ thôi học theo năm học giai đoạn 2015-2020

Năm tuyển	Quy mô SV	Số SV thôi học của Khoa				Tổng số	Tỷ lệ (%)
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4		
2015 (Khóa 56)	539	23	12	2	1	38	7,1
2016 (Khóa 57)	484	12	3	4	1	20	4,1
2017 (Khóa 58)	528	9	16	2	0	27	5,1
2018 (Khóa 59)	590	15	10	1	0	26	4,4
2019 (Khóa 60)	507	7	5	0	0	12	2,4

Nhà trường tiến hành đối sánh hằng năm về tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, để cải tiến chất lượng CTĐT. Nhà trường thường xuyên cập nhật tỉ lệ SV tốt nghiệp, thôi học, đối sánh giữa các năm, chỉ ra được sự biến động qua các năm để có các giải pháp hỗ

trợ SV chậm tốt nghiệp hoặc khó khăn trong việc theo học. Đối sánh về tỷ lệ thi học, các khóa học có sự dao động từ 2,4% (K60) đến 7,1% K56. Diễn biến theo năm học cho thấy năm thứ nhất có số lượng SV thi học nhiều hơn và giảm dần qua các năm sau.

Bảng 11.1b. Tỷ lệ tốt nghiệp theo năm học giai đoạn 2015-2020

Khóa học	Số SV nhập học	SV cuối khóa xét TN	SV tốt nghiệp					SV không tốt nghiệp	
			SVT N sớm	SVTN đúng KH	SVT N chậm	Tổng số	Tỷ lệ TN	Tổng số	Tỷ lệ (%)
2012-2016 (K53)	274	240	0	196	44	240	87,5	34	12,5
2013-2017 (K54)	397	293	0	227	66	293	73,8	104	26,2
2014-2018 (K55)	309	275	0	257	18	275	88,9	34	11,1
2015-2019 (K56)	539	442	10	430	12	442	82,0	97	18,0
2016-2020 (K57)	484	336	0	336	0	336	69,4	148	30,6

Tỷ lệ SV tốt nghiệp có sự thay đổi qua các năm, đạt cao nhất là K55 (88,9%) và thấp nhất là K57 mới đạt 69,4%.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 11.1

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 11.1

Tỷ lệ SV tốt nghiệp giảm dần qua các năm trong chu kỳ KĐCLGD vì nguyên

nhân chủ quan như chưa hoàn thành chương trình học, chưa đạt trình độ năng lực ngoại ngữ, sức khỏe...

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 11.1

Nhà trường, Khoa nên đưa ra những giải pháp tương ứng phù hợp từng đối tượng để giảm thiểu số lượng SV thôi học, không tốt nghiệp hàng năm vì những lý do cá nhân.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 11.1: 4

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 11.2

Phòng Đào tạo là đầu mối giám sát thời gian tốt nghiệp của SV chính quy toàn trường nói chung cũng như ngành Kế toán nói riêng. Trợ lý đào tạo của Khoa phối hợp cùng với Phòng Đào tạo và các đơn vị liên quan trong việc thống kê, quản lý SV tốt nghiệp. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Kế toán đã được Nhà trường thống kê, tính toán. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Kế toán dao động từ 4,0 năm đến 4,26 năm theo từng khóa học. Trong đó khóa học K53 (2012-2016) có thời gian tốt nghiệp trung bình nhiều nhất là 4,3 năm, khóa K54: 4,2 năm, K55: 4,1 năm, K56 3,9 năm và K57: 4,0 năm, trung bình trong 5 năm là 4,07 năm.

Hàng năm, Nhà trường có các thông báo về kế hoạch xét công nhận tốt nghiệp cho SV để kịp thời rà soát, hỗ trợ SV tốt nghiệp đúng thời hạn. Những thông báo này được gửi cho tất cả các khoa/viện, phòng, ban, các SV và đăng tải trên trang thông tin chính thức của Nhà trường. Triển khai thực hiện kế hoạch của Nhà trường, mỗi

năm khoa Kinh tế đều tổ chức xét công nhận tốt nghiệp cho SV đồng thời, thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp của người học. Mỗi học kỳ, Khoa và Nhà trường kịp thời cảnh báo, gửi thông báo tới những SV bị chậm tiến trình, còn nợ môn, chưa hoàn thành chương trình học... Khoa đã có một số buổi họp bàn và xác định nguyên nhân của SV chậm tốt nghiệp là do: liên quan đến vấn đề sức khỏe, nợ học phần, lý do cá nhân như đi nghĩa vụ quân sự, hoàn cảnh gia đình, nợ chuẩn đầu ra ngoại ngữ B1... Những cảnh báo và thông báo này cũng được gửi tới phụ huynh của SV. Thông qua đó, SV và phụ huynh nắm bắt được thông tin, lên kế hoạch, giải pháp để SV hoàn thành chương trình học đúng thời hạn.

Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Kế toán có xu hướng giảm qua các năm đào tạo. Hằng năm, Nhà trường/Khoa đều tổ chức các cuộc họp tổng kết, đánh giá hiệu quả các biện pháp đã thực hiện để rút ngắn thời gian tốt nghiệp, bổ sung các giải pháp mới. Khoa và Nhà trường cũng đã phân tích các nguyên nhân để kiểm soát và thực hiện các biện pháp nhằm giảm hơn nữa thời gian tốt nghiệp trung bình của người học, tăng tỷ lệ tốt nghiệp trước và đúng hạn. Khoa đã giao cho Trợ lý quản lý SV lập Sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp, Nhật ký tư vấn cho người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 11.2

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 11.2

Mặc dù đã triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ được nhiều năm, song cho đến nay Khoa vẫn chưa có SV nào tốt nghiệp sớm, trong khi số lượng SV tốt nghiệp chậm vẫn còn và đang có xu hướng gia tăng.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 11.2

Nhà trường, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác SV và Khoa cần có giải pháp hữu hiệu để thúc đẩy các bộ môn, các cố vấn học tập tích cực hỗ trợ SV chủ động trong xây dựng kế hoạch học tập, đăng ký học phần để hạn chế số lượng SV tốt nghiệp chậm, có SV tốt nghiệp sớm so với kế hoạch, phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 11.2: 4

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 11.3

Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHDN làm đầu mối thực hiện việc theo dõi thống kê tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp (QĐ Số 1423/QĐ-ĐHV ngày 29/11/2016). Nhà trường và Khoa đã thực hiện nhiều hoạt động để nắm bắt thông tin về tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội như: xây dựng cơ sở dữ liệu về người học sau tốt nghiệp; lập sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu nguyên nhân người học tốt nghiệp chưa có được việc làm (KH số 266/ĐHV-HTSVQHDN ngày 15/3/2017). Trụ lý quản lý SV của Khoa bên cạnh chức năng quản lý người học đang theo học còn thực hiện việc kết nối và thống kê đối với người học sau tốt nghiệp. Nhà trường ban hành quy trình khảo sát việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, cũng như ứng dụng phần mềm trong khảo sát và quản lý kết quả khảo sát việc làm của SV sau tốt nghiệp (KH số 51/KH-ĐHV ngày 26 tháng 11 năm 2018). Nội dung khảo sát về tình trạng việc làm: Có việc làm, làm đúng ngành nghề/đúng chuyên môn được đào tạo, nơi làm việc, vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân, có thay đổi nơi làm...

Nhà trường/Khoa đã khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp vào các năm 2015 đến 2018. Kết quả khảo sát cho thấy: Năm 2015, tỷ lệ SV có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp là 86,1%, trong đó khu vực Nhà nước 22,0%, tư nhân 62,4%, liên doanh 11,9%, tự tạo việc làm 3,7%. Năm 2018, tỷ lệ SV có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp là 88,2%, trong đó khu vực Nhà nước 0,9%, tư nhân 81,4%, liên doanh 7,0%, tự tạo việc làm 10,7%.

Nhà trường giao Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHĐN thống kê tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm và đối sánh giữa các năm. Tỷ lệ SV có việc làm dao động trong khoảng 76,7 đến 88,2%, năm 2016 có tỷ lệ thấp nhất, tỷ lệ có việc làm tăng dần qua các năm từ 2017 đến 2018.

Bảng 11.1a. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp ngành Kế toán

Năm tốt nghiệp	Số lượng SV được Khảo sát	Số lượng SVTN có việc làm	Tỷ lệ (%)	Khu vực làm việc (Tỷ lệ %)			
				Nhà nước	Tư nhân	Liên doanh	Tự tạo VL
2015	411	354	86,1	22,0	62,4	11,9	3,7
2016	373	286	76,7	13,6	79,1	4,9	2,4
2017	325	275	84,6	6,9	82,9	3,6	6,6
2018	241	215	88,2	0,9	81,4	7,0	10,7

Bảng 11.4b. Đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm ngành Kế toán các trường đại học (Tỷ lệ %)

TT	Trường đại học	2016	2017	2018
1	ĐH Vinh	78,3	84,9	88,9
2	ĐH Mở HCM	96,3	99,5	96,7
3	ĐH Hà Nội	-	100	95,0
4	ĐH CN Thực phẩm HCM	89,1	77,6	-

Đối sánh qua các năm 2016, 2017, 2018 cho kết quả năm 2016 tỷ lệ SV có việc làm của Trường ĐH Vinh thấp hơn ĐH mở HCM và ĐHCNTTP HCM, năm 2017 đã cao hơn ĐHCNTTP HCM nhưng vẫn thấp hơn ĐH Hà Nội và ĐH mở HCM.

Trường/Khoa tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục, thực hiện các phương án hỗ trợ người học tốt nghiệp có việc làm như: Hàng năm, Nhà trường cùng với các doanh nghiệp/nhà tuyển dụng tổ chức các hội chợ việc làm (KH số 1100/ĐHV-HTSVQHDN ngày 18/9/2017); Việc khảo sát nhu cầu của doanh nghiệp/nhà tuyển dụng đã được triển khai để từ đó điều chỉnh CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội; Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHDN là đơn vị đầu mối trong việc hợp tác giữa Nhà trường với các doanh nghiệp/nhà tuyển dụng nhằm hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp (QĐ số 1423/QĐ-ĐHV ngày 29/11/2016); Tổ chức diễn đàn “Thời 4.0: Người Việt trẻ đang ở đâu” (CV số 399/ĐHV-HTSVQHDN ngày 17/4/2018). Nhà trường tổ chức các hoạt động liên kết, ký các thoả thuận hợp tác với các doanh nghiệp/nhà tuyển dụng về việc tiếp nhận người học thực tập, phối hợp thực hiện các phương án hỗ trợ người tốt nghiệp có việc làm, ví dụ tổ chức ngày hội học sinh, SV khởi nghiệp (TB số 266/ĐHV-HTSVQHDN ngày 15/3/2017); Tổ chức các hoạt động phát động SV tham gia khởi

nghiệp (KH số 42/KH-ĐHV ngày 16/10/2018); Tổ chức diễn đàn “Câu chuyện đi làm và khởi nghiệp của SV” (CV số 1125/ĐHV-HTSVQHĐN ngày 03/10/2018).

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 11.3

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 11.3

Mặc dù biểu mẫu khảo sát có các câu hỏi về mức thu nhập của SV tốt nghiệp, nhưng số liệu tổng hợp về các kết quả khảo sát không cung cấp những thông tin cụ thể về mức thu nhập trung bình của SV tốt nghiệp ngành Kế toán.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 11.3

Sau mỗi lần khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp, bộ phận chức năng được giao là đầu mối thực hiện cần tổng hợp các dữ liệu đầy đủ bao gồm: phương pháp khảo sát (điện thoại, gửi email phiếu khảo sát ...), người thực hiện, thời gian khảo sát, số lượng khảo sát, đối tượng khảo sát, mức thu nhập ... để tạo thành cơ sở dữ liệu về tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp ngành Kế toán và thuận lợi cho việc xác định phân khúc thị trường lao động để Nhà trường/Khoa có biện pháp cải thiện các chỉ số thực hiện và tư vấn cho SV.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 11.3: 4

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 11.4

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập trong Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Trường ĐH Vinh giai đoạn 2018-2025 (QĐ số 1069/QĐ-ĐHV ngày 06/11/2018); Quy định về quản lý các hoạt động KH&CN (Số 3255/ĐHV-KH&HTQT ngày 8/9/2015; số 480/QĐ-ĐHV ngày

9/5/2016). Hoạt động nghiên cứu khoa học của SV bao gồm: Thực hiện đề tài NCKH thuộc lĩnh vực được đào tạo dưới sự hướng dẫn của cán bộ khoa học; Tham gia các hội nghị hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật, hội thi sáng tạo KHCN, câu lạc bộ khoa học, các giải thưởng KHCN; Tham gia triển khai ứng dụng KHCN vào thực tiễn trong các lĩnh vực; Công bố các kết quả NCKH, các dự án khởi nghiệp. Số lượng NCKH của SV được cụ thể trong kế hoạch NCKH hằng năm của Khoa (Kế hoạch năm học Khoa Kinh tế từ 2015 đến 2020).

Nhà trường ban hành các văn bản hướng dẫn về việc thực hiện và giám sát hoạt động nghiên cứu khoa học của người học. Các đơn vị chịu trách nhiệm giám sát bao gồm: Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế, Phòng Đào tạo, Phòng Kế hoạch Tài chính, Phòng CTCT-HSSV, Phòng HCTH và Ban chủ nhiệm Khoa, Bộ môn, Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa. Việc theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của người học được thực hiện dựa theo các văn bản: Quy định về hoạt động KHCN của Trường (QĐ số 3255/ĐHV-KH&HTQT ngày 8/9/2015; số 480/QĐ-ĐHV ngày 9/5/2016); Quy chế đào tạo ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ (QĐ số 868/QĐ-ĐHV ngày 2/4/2015), Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Đại học Vinh (QĐ số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017), cùng các quy định về chế độ khen thưởng đối với SV, chính sách về kinh phí dành cho công tác NCKH, trong đó có NCKH của SV.

Phòng Khoa học và HTQT, Phòng Kế hoạch Tài chính, các khoa có nhiệm vụ theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của người học (QĐ số 428/QĐ-ĐHV ngày 21/4/2016). Việc theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của người học được thực hiện dựa theo các văn bản: Quy định về hoạt động KHCN của Trường (QĐ số 3255/ĐHV - KH&HTQT ngày 8/9/2015; số 480/QĐ-ĐHV ngày 9/5/2016); Quy chế đào tạo ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ (QĐ số 868/QĐ-ĐHV ngày 2/4/2015); Nguồn kinh phí hỗ trợ hoạt động NCKH của SV được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ (QĐ số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016). Kết thúc thời gian thực hiện đề tài, Nhà trường thành lập hội đồng nghiệm thu, đánh giá

kết quả nghiên cứu các đề tài, những đề tài có chất lượng được khen thưởng và in thành kỷ yếu. Giai đoạn KĐCL, người học của ngành Kế toán đã thực hiện 3 đề tài cấp Trường, 3 đề tài cấp khoa, số SV tham gia NCKH 16 người; 30 đề án với 210 SV tham gia.

Để nâng cao năng lực nghiên cứu, góp phần giúp sinh viên có kiến thức chuyên sâu, có động lực học tập, có khả năng sáng tạo và khắc phục khó khăn. Khoa đã thực hiện công tác đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học của CTĐT Kế toán qua các năm.

Bảng 11.4a. Đối sánh loại hình, số lượng NCKH của SV thuộc CTĐT Kế toán từ năm học 2015-2016 đến 2018-2019

TT	Năm	Đề tài cấp Trường		Đề tài cấp Khoa		Đề án môn học	
		SL	SL SV tham gia	SL	SL SV tham gia	SL	SL SV tham gia
1	2015-2016	0	0	3	4	0	0
2	2016-2017	2	6	0	0	0	0
3	2017-2018	0	0	0	0	0	0
4	2018-2019	0	0	0	0	10	70
5	2019-2020	1	6	0	0	20	140
	Tổng	3	12	3	4	30	210

Đối sánh qua các năm cho thấy: Về đề tài cấp Trường, giảm dần từ năm học 2016 từ 2 đề tài xuống 1 năm 2019-2020, số lượng SV tham gia không thay đổi. Đề tài cấp khoa chỉ có 3 đề tài năm 2015-2016, các năm sau không có. Đề án môn học năm học 2018-2019 đã có 10 đề án môn học với 70 SV tham gia và năm học 2019-2020 đã tăng lên 20 với 140 SV tham gia.

Để khuyến khích người học NCKH, Nhà trường có quy định mức hỗ trợ kinh phí NCKH của SV tại Quy chế chi tiêu nội bộ (QĐ số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016). Nhà trường có chính sách khen thưởng cho thành tích NCKH của SV như: Triển khai tổ chức xét chọn và trao giải cho SV NCKH (CV số 1329/ĐHV ngày 23/11/2018; số 521/ĐHV ngày 22/5/2019), gồm có các giải: Giải nhất kinh phí khen thưởng 500.000 đ, kinh phí hỗ trợ 10.000.000đ; Giải nhì kinh phí khen thưởng 300.000 đ, kinh phí hỗ trợ 8.000.000đ; Giải ba kinh phí khen thưởng 200.000 đ, kinh phí hỗ trợ 5.000.000đ; Giải khuyến khích kinh phí khen thưởng 100.000 đ, kinh phí hỗ trợ 3.000.000đ. Trong năm 2019 có 6 SV của ngành Kế toán đạt giải thưởng SV NCKH cấp Trường.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 11.4

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 11.4

Đoàn ĐGN đã trao đổi với nhóm GV, SV, kết quả cho thấy nhiều CBGV và SV thuộc CTĐT ngành Kế toán chưa thật sự quan tâm đến công tác NCKH của SV; các chủ đề của sản phẩm NCKH của SV chưa được định hướng để phục vụ hiệu quả cho các hoạt động học tập ngành ngành đào tạo.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 11.4

Nhà trường cần có cơ chế, chính sách vừa mang tính bắt buộc, vừa mang tính khuyến khích để thúc đẩy các Khoa, Bộ môn, GV và người học tham gia tích cực vào các hoạt động NCKH của SV, gắn các chủ đề, nội dung NCKH của người học với ngành đào tạo.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 11.4: 4

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh Tiêu chí 11.5

Nhà trường đã giao trách nhiệm cho Phòng CTCT-HSSV, Trung tâm HTSV&QHDN là đơn vị chức năng xây dựng các quy trình, các bộ công cụ và phương pháp triển khai, tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất... Bao gồm: cán bộ nhân viên, GV, người học, người học đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng (QĐ số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2016; số 1255/QĐ-ĐHV, ngày 10/11/2017). Hoạt động khảo sát, tiếp nhận ý kiến phản hồi từ các bên liên quan được triển khai cụ thể như: lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động giảng dạy; các hoạt động của các đơn vị hành chính; các hoạt động của Nhà trường về các hoạt động dạy. Sau mỗi đợt khảo sát, kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích, xử lý bằng phần mềm SPSS và được đơn vị khảo sát lập báo cáo trình Ban Giám hiệu phê duyệt. Trong các báo cáo kết quả khảo sát đều được phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về các hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất. Nội dung khảo sát được phân làm 4 nhóm chủ đề chính, bao gồm ý kiến đánh giá về: (1) CTĐT, (2) giảng viên, (3) tổ chức đào tạo và cơ sở vật chất cho đào tạo, (4) mức độ đáp ứng mong đợi của SV. Kết quả thống kê khảo sát cho thấy tỉ lệ đánh giá Tốt các chỉ số của CTĐT đạt từ 67,1% đến 73,0%; đánh giá Tốt cho các chỉ số của giảng viên đạt từ 71,2% đến 75,4%. Đánh giá tốt cho tổ chức đào tạo và cơ sở vật chất cho đào tạo 65,1% đến 72,5%; Mức độ hài lòng so với mong đợi của sinh viên về năng lực đạt được sau khi hoàn thành khóa đào tạo đạt từ 63 - 70%.

Nhà trường thực hiện việc đối sánh kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan của CTĐT Kế toán qua các năm. Kết quả cho thấy tất cả các tiêu chí đều có mức độ hài lòng trên 90% qua các năm.

Bảng 11.5. Tỷ lệ hài lòng của các bên liên quan ngành Kế toán qua các năm

TT	Tiêu chí	Tỷ lệ hài lòng			
		2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
(A)	(B)				
A, Hệ thống trợ lý, cố vấn					
1	Cố vấn học tập khoa/viện	93,72	96,36	96,56	97,50
2	Trợ lý đào tạo khoa/viện	93,77	96,76	96,82	96,70
3	Trợ lý quản lý sinh viên	93,91	96,56	96,98	96,50
B, Về các hoạt động của Nhà trường					
4	Cơ sở vật chất của Nhà trường	91,11	96,71	96,98	96,50
5	Thái độ các giảng viên	91,46	97,17	96,51	96,70
6	Cán bộ hành chính, phục vụ	91,02	96,91	96,56	97,00
7	Giải quyết các thủ tục hành chính	91,07	96,61	96,82	96,70
8	Công tác vệ sinh môi trường	91,31	96,66	96,98	97,20
9	Công tác đảm bảo an ninh, trật tự	91,46	96,81	96,10	97,50
10	Các hoạt động hỗ trợ người học	90,62	96,36	96,41	96,70

Nhà trường và Khoa đã khai thác, xử lý và sử dụng các thông tin phản hồi của các bên liên quan, thực hiện việc đối sánh giữa các năm và đối sánh với các CTĐT khác cùng trình độ trong và ngoài Trường làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ của Khoa. Trên cơ sở đó Trường/Khoa đã có những đề xuất cải tiến chất lượng như: Rà soát lại CTĐT; Nâng cấp mượn trả tài liệu/học liệu trực

tuyên; sửa chữa, duy tu bảo dưỡng phòng học để phục vụ cho SV tự học ngoài giờ; tăng định mức chi cho NCKH cho GV và SV... Kết quả đạt được trong chu kỳ đánh giá CTĐT đã được đổi mới 1 lần với nội dung của học phần đã được cải tiến năm 2017. CTĐT đã được bổ sung thêm 6 học phần, loại bỏ 17 học phần, số tín chỉ từ 132 xuống còn 125 tín chỉ, số học phần từ 42 học phần còn 36 học phần...

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 11.5

2.1. Những tồn tại Tiêu chí 11.5

Mặc dù hằng năm Nhà trường khảo sát với số lượng phiếu tương đối lớn (hàng chục nghìn đối với SV), tuy nhiên Nhà trường chưa lấy ý kiến phản hồi của cán bộ nhân viên, GV, nhà tuyển dụng để đề xuất các giải pháp hữu ích cho cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chí 11.5

Hằng năm, khi khảo sát lấy ý kiến phản hồi về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất,... Nhà trường cần khảo sát đầy đủ các bên liên quan để đạt được hiệu quả tốt nhất.

3. Mức đạt được của Tiêu chí 11.5: 3

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 11

1. Điểm mạnh Tiêu chuẩn 11:

Việc theo dõi tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn được giao cho phòng Phòng CT HSSV và đội ngũ quản lý SV chịu trách nhiệm. Nhà trường và Khoa Kinh tế luôn theo dõi sát sao tiến độ học tập, tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp của SV thông qua hệ thống giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, trợ lý đào tạo và trợ lý quản lý SV; có sự phối hợp giữa Khoa và các đơn vị chuyên trách của Nhà trường để thực hiện việc theo dõi nắm bắt tình hình học tập của SV. Các phòng chức năng và Khoa theo dõi và lập danh sách thôi học, tốt nghiệp nhờ phần mềm quản lý đào tạo CMC,

được phân quyền theo nhiệm vụ của các cá nhân và các đơn vị. Nhà trường có danh sách SV tốt nghiệp và danh sách SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp của mỗi đợt xét tốt nghiệp. Danh sách SV thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hằng năm tại Phòng trên hệ thống quản lý đào tạo CMC của Nhà trường.

Tỉ lệ SV tốt nghiệp toàn khóa của ngành Kế toán tính đến thời gian học tối đa (6 năm) trong giai đoạn từ khóa học K53 (2012-2016) đến khóa K57 (2016-2020) đạt từ 69,4 đến 88,9%. Tỉ lệ SV thôi học tính trên tổng số nhập học từ khóa K56 đến khóa K60 dao động trong khoảng 2,4% đến 7,1%. Khoa đã có những phân tích, tìm hiểu nguyên nhân SV thôi học, bỏ học và chậm tốt nghiệp, xem đây là một trong những chỉ số cần cải thiện và có những phương án hỗ trợ, giúp đỡ SV cũng như ngăn ngừa các hành vi tiêu cực. Trợ lý quản lý SV Khoa Kinh tế là đầu mối thông tin về tình trạng SV, tỉ lệ SV tốt nghiệp, thôi học, đang theo học. Trợ lý quản lý SV thực hiện báo cáo tình trạng của người học cho Khoa và Nhà trường hằng tháng, vì vậy đảm bảo chính xác số liệu, trạng thái người học. Khoa đã phân tích tìm hiểu nguyên nhân SV thôi học, tốt nghiệp muộn gồm các yếu tố khách quan và chủ quan như hoàn cảnh kinh tế, ốm đau, không thể hoàn thành chương trình học, kết quả học tập không đạt yêu cầu...

Nhà trường tiến hành đối sánh hằng năm về tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, để cải tiến chất lượng CTĐT. Nhà trường thường xuyên cập nhật tỉ lệ SV tốt nghiệp, thôi học, đối sánh giữa các năm, chỉ ra được sự biến động qua các năm để có các giải pháp hỗ trợ SV chậm tốt nghiệp hoặc khó khăn trong việc theo học. Đối sánh về tỷ lệ thôi học, các khóa học có sự dao động từ 2,4% (K60) đến 7,1% K56. Diễn biến theo năm học cho thấy năm thứ nhất có số lượng SV thôi học nhiều hơn và giảm dần qua các năm sau. Tỷ lệ SV tốt nghiệp có sự thay đổi qua các năm, đạt cao nhất là K55 (88,9%) và thấp nhất là K57 mới đạt 69,4%.

Phòng Đào tạo là đầu mối giám sát thời gian tốt nghiệp của SV chính quy toàn trường nói chung cũng như ngành Kế toán nói riêng. Trợ lý đào tạo của Khoa phối

hợp cùng với Phòng Đào tạo và các đơn vị liên quan trong việc thống kê, quản lý SV tốt nghiệp. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Kế toán đã được Nhà trường thống kê, tính toán. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Kế toán dao động từ 4,0 năm đến 4,26 năm theo từng khóa học. Trong đó khóa học K53 (2012-2016) có thời gian tốt nghiệp trung bình nhiều nhất là 4,3 năm, khóa K54: 4,2 năm, K55: 4,1 năm, K56 3,9 năm và K57: 4,0 năm, trung bình trong 5 năm là 4,07 năm.

Hàng năm, Nhà trường có các thông báo về kế hoạch xét công nhận tốt nghiệp cho SV để kịp thời rà soát, hỗ trợ SV tốt nghiệp đúng thời hạn. Những thông báo này được gửi cho tất cả các khoa/viện, phòng, ban, các SV và đăng tải trên trang thông tin chính thức của Nhà trường. Triển khai thực hiện kế hoạch của Nhà trường, mỗi năm khoa Kinh tế đều tổ chức xét công nhận tốt nghiệp cho SV đồng thời, thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp của người học. Mỗi học kỳ, Khoa và Nhà trường kịp thời cảnh báo, gửi thông báo tới những SV bị chậm tiến trình, còn nợ môn, chưa hoàn thành chương trình học... Khoa đã có một số buổi họp bàn và xác định nguyên nhân của SV chậm tốt nghiệp là do: liên quan đến vấn đề sức khỏe, nợ học phần, lý do cá nhân như đi nghĩa vụ quân sự, hoàn cảnh gia đình, nợ chuẩn đầu ra ngoại ngữ B1... Những cảnh báo và thông báo này cũng được gửi tới phụ huynh của SV. Thông qua đó, SV và phụ huynh nắm bắt được thông tin, lên kế hoạch, giải pháp để SV hoàn thành chương trình học đúng thời hạn.

Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Kế toán có xu hướng giảm qua các năm đào tạo. Hàng năm, Nhà trường/Khoa đều tổ chức các cuộc họp tổng kết, đánh giá hiệu quả các biện pháp đã thực hiện để rút ngắn thời gian tốt nghiệp, bổ sung các giải pháp mới. Khoa và Nhà trường cũng đã phân tích các nguyên nhân để kiểm soát và thực hiện các biện pháp nhằm giảm hơn nữa thời gian tốt nghiệp trung bình của người học, tăng tỷ lệ tốt nghiệp trước và đúng hạn. Khoa đã giao cho Trợ lý quản lý SV lập Sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học, chậm tốt

nghiệp, Nhật ký tư vấn cho người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHDN làm đầu mối thực hiện việc theo dõi thống kê tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp. Nhà trường và Khoa đã thực hiện nhiều hoạt động để nắm bắt thông tin về tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội như: xây dựng cơ sở dữ liệu về người học sau tốt nghiệp; lập sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu nguyên nhân người học tốt nghiệp chưa có được việc làm. Trợ lý quản lý SV của Khoa bên cạnh chức năng quản lý người học đang theo học còn thực hiện việc kết nối và thống kê đối với người học sau tốt nghiệp. Nhà trường ban hành quy trình khảo sát việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, cũng như ứng dụng phần mềm trong khảo sát và quản lý kết quả khảo sát việc làm của SV sau tốt nghiệp. Nội dung khảo sát về tình trạng việc làm: Có việc làm, làm đúng ngành nghề/đúng chuyên môn được đào tạo, nơi làm việc, vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân, có thay đổi nơi làm...

Nhà trường/Khoa đã khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp vào các năm 2015 đến 2018. Kết quả khảo sát cho thấy: Năm 2015, tỷ lệ SV có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp là 86,1%, trong đó khu vực Nhà nước 22,0%, tư nhân 62,4%, liên doanh 11,9%, tự tạo việc làm 3,7%. Năm 2018, tỷ lệ SV có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp là 88,2%, trong đó khu vực Nhà nước 0,9%, tư nhân 81,4%, liên doanh 7,0%, tự tạo việc làm 10,7%. Nhà trường giao Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHDN thống kê tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm và đối sánh giữa các năm. Tỷ lệ SV có việc làm dao động trong khoảng 76,7 đến 88,2%, năm 2016 có tỷ lệ thấp nhất, tỷ lệ có việc làm tăng dần qua các năm từ 2017 đến 2018. Đối sánh qua các năm 2016, 2017, 2018 cho kết quả năm 2016 tỷ lệ SV có việc làm của Trường ĐH Vinh thấp hơn ĐH mở HCM và ĐHCNTP HCM, năm 2017 đã cao hơn ĐHCNTP HCM nhưng vẫn thấp hơn ĐH Hà Nội và ĐH mở HCM.

Trường/Khoa tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục, thực hiện các phương án hỗ trợ người học tốt nghiệp có việc làm như: Hằng năm, Nhà trường cùng với các doanh nghiệp/nhà tuyển dụng tổ chức các hội chợ việc làm; Việc khảo sát nhu cầu của doanh nghiệp/nhà tuyển dụng đã được triển khai để từ đó điều chỉnh CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội; Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHDN là đơn vị đầu mối trong việc hợp tác giữa Nhà trường với các doanh nghiệp/nhà tuyển dụng nhằm hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. Tổ chức diễn đàn “Thời 4.0: Người Việt trẻ đang ở đâu”. Nhà trường tổ chức các hoạt động liên kết, ký các thoả thuận hợp tác với các doanh nghiệp/nhà tuyển dụng về việc tiếp nhận người học thực tập, phối hợp thực hiện các phương án hỗ trợ người tốt nghiệp có việc làm, ví dụ tổ chức ngày hội học sinh, SV khởi nghiệp; Tổ chức các hoạt động phát động SV tham gia khởi nghiệp; Tổ chức diễn đàn “Câu chuyện đi làm và khởi nghiệp của SV”.

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập trong Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Trường ĐH Vinh giai đoạn 2018-2025; Quy định về quản lý các hoạt động KH&CN. Hoạt động nghiên cứu khoa học của SV bao gồm: Thực hiện đề tài NCKH thuộc lĩnh vực được đào tạo dưới sự hướng dẫn của cán bộ khoa học; Tham gia các hội nghị hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật, hội thi sáng tạo KH&CN, câu lạc bộ khoa học, các giải thưởng KH&CN; Tham gia triển khai ứng dụng KH&CN vào thực tiễn trong các lĩnh vực; Công bố các kết quả NCKH, các dự án khởi nghiệp. Số lượng NCKH của SV được cụ thể trong kế hoạch NCKH hằng năm của Khoa.

Nhà trường ban hành các văn bản hướng dẫn về việc thực hiện và giám sát hoạt động nghiên cứu khoa học của người học. Các đơn vị chịu trách nhiệm giám sát bao gồm: Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế, Phòng Đào tạo, Phòng Kế hoạch Tài chính, Phòng CTCT-HSSV, Phòng HCTH và Ban chủ nhiệm Khoa, Bộ môn, Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa. Việc theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của người học được thực hiện dựa theo các văn bản: Quy định về hoạt động KH&CN của

Trường. Quy chế đào tạo ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Đại học Vinh, cùng các quy định về chế độ khen thưởng đối với SV, chính sách về kinh phí dành cho công tác NCKH, trong đó có NCKH của SV.

Phòng Khoa học và HTQT, Phòng Kế hoạch Tài chính, các khoa có nhiệm vụ theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của người học. Việc theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của người học được thực hiện dựa theo các văn bản: Quy định về hoạt động KHCCN của Trường; Quy chế đào tạo ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ; Nguồn kinh phí hỗ trợ hoạt động NCKH của SV được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Kết thúc thời gian thực hiện đề tài, Nhà trường thành lập hội đồng nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu các đề tài, những đề tài có chất lượng được khen thưởng và in thành kỷ yếu. Giai đoạn KĐCL, người học của ngành Kế toán đã thực hiện 3 đề tài cấp Trường, 3 đề tài cấp khoa, số SV tham gia NCKH 16 người; 30 đề án với 210 SV tham gia. Để nâng cao năng lực nghiên cứu, góp phần giúp sinh viên có kiến thức chuyên sâu, có động lực học tập, có khả năng sáng tạo và khắc phục khó khăn. Khoa đã thực hiện công tác đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học của CTĐT Kế toán qua các năm. Đối sánh qua các năm cho thấy: Về đề tài cấp Trường, giảm dần từ năm học 2016 từ 2 đề tài xuống 1 năm 2019-2020, số lượng SV tham gia không thay đổi. Đề tài cấp khoa chỉ có 3 đề tài năm 2015-2016, các năm sau không có. Đề án môn học năm học 2018-2019 đã có 10 đề án môn học với 70 SV tham gia và năm học 2019-2020 đã tăng lên 20 với 140 SV tham gia.

Để khuyến khích người học NCKH, Nhà trường có quy định mức hỗ trợ kinh phí NCKH của SV tại Quy chế chi tiêu nội bộ. Nhà trường có chính sách khen thưởng cho thành tích NCKH của SV như: Triển khai tổ chức xét chọn và trao giải cho SV NCKH gồm có các giải: Giải nhất kinh phí khen thưởng 500.000 đ, kinh phí hỗ trợ 10.000.000đ; Giải nhì kinh phí khen thưởng 300.000 đ, kinh phí hỗ trợ 8.000.000đ; Giải ba kinh phí khen thưởng 200.000 đ, kinh phí hỗ trợ 5.000.000đ;

Giải khuyến khích kinh phí khen thưởng 100.000 đ, kinh phí hỗ trợ 3.000.000đ. Trong năm 2019 có 6 SV của ngành Kế toán đạt giải thưởng SV NCKH cấp Trường.

Nhà trường đã giao trách nhiệm cho Phòng CTCT-HSSV, Trung tâm HTSV&QHDN là đơn vị chức năng xây dựng các quy trình, các bộ công cụ và phương pháp triển khai, tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất... Bao gồm: cán bộ nhân viên, GV, người học, người học đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng. Hoạt động khảo sát, tiếp nhận ý kiến phản hồi từ các bên liên quan được triển khai cụ thể như: lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động giảng dạy; các hoạt động của các đơn vị hành chính; các hoạt động của Nhà trường về các hoạt động dạy. Sau mỗi đợt khảo sát, kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích, xử lý bằng phần mềm SPSS và được đơn vị khảo sát lập báo cáo trình Ban Giám hiệu phê duyệt. Trong các báo cáo kết quả khảo sát đều được phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về các hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất. Nội dung khảo sát được phân làm 4 nhóm chủ đề chính, bao gồm ý kiến đánh giá về: (1) CTĐT, (2) giảng viên, (3) tổ chức đào tạo và cơ sở vật chất cho đào tạo, (4) mức độ đáp ứng mong đợi của SV. Kết quả thống kê khảo sát cho thấy tỉ lệ đánh giá Tốt các chỉ số của CTĐT đạt từ 67,1% đến 73,0%; đánh giá Tốt cho các chỉ số của giảng viên đạt từ 71,2% đến 75,4%. Đánh giá tốt cho tổ chức đào tạo và cơ sở vật chất cho đào tạo 65,1% đến 72,5%; Mức độ hài lòng so với mong đợi của sinh viên về năng lực đạt được sau khi hoàn thành khóa đào tạo đạt từ 63 - 70%.

Nhà trường thực hiện việc đối sánh kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan của CTĐT Kế toán qua các năm. Kết quả cho thấy tất cả các tiêu chí đều có mức độ hài lòng trên 90% qua các năm.

Nhà trường và Khoa đã khai thác, xử lý và sử dụng các thông tin phản hồi của các bên liên quan, thực hiện việc đối sánh giữa các năm và đối sánh với các CTĐT khác cùng trình độ trong và ngoài Trường làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và PVCD của Khoa. Trên cơ sở đó Trường/Khoa đã có những đề xuất cải

tiến chất lượng như: Rà soát lại CTĐT; Nâng cấp mượn trả tài liệu/học liệu trực tuyến; sửa chữa, duy tu bảo dưỡng phòng học để phục vụ cho SV tự học ngoài giờ; tăng định mức chi cho NCKH cho GV và SV... Kết quả đạt được trong chu kỳ đánh giá CTĐT đã được đổi mới 1 lần với nội dung của học phần đã được cải tiến năm 2017. CTĐT đã được bổ sung thêm 6 học phần, loại bỏ 17 học phần, số tín chỉ từ 132 xuống còn 125 tín chỉ, số học phần từ 42 học phần còn 36 học phần...

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chuẩn 11:

2.1. Những tồn tại Tiêu chuẩn 11:

Tỷ lệ SV tốt nghiệp giảm dần qua các năm trong chu kỳ KĐCLGD vì nguyên nhân chủ quan như chưa hoàn thành chương trình học, chưa đạt trình độ năng lực ngoại ngữ, sức khỏe...

Mặc dù đã triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ được nhiều năm, song cho đến nay Khoa vẫn chưa có SV nào tốt nghiệp sớm, trong khi số lượng SV tốt nghiệp chậm vẫn còn và đang có xu hướng gia tăng.

Mặc dù biểu mẫu khảo sát có các câu hỏi về mức thu nhập của SV tốt nghiệp, nhưng số liệu tổng hợp về các kết quả khảo sát không cung cấp những thông tin cụ thể về mức thu nhập trung bình của SV tốt nghiệp ngành Kế toán.

Đoàn ĐGN đã trao đổi với nhóm GV, SV, kết quả cho thấy nhiều CBGV và SV thuộc CTĐT ngành Kế toán chưa thật sự quan tâm đến công tác NCKH của SV; các chủ đề của sản phẩm NCKH của SV chưa được định hướng để phục vụ hiệu quả cho các hoạt động học tập ngành ngành đào tạo.

Mặc dù hằng năm Nhà trường khảo sát với số lượng phiếu tương đối lớn (hàng chục nghìn đối với SV), tuy nhiên Nhà trường chưa lấy ý kiến phản hồi của cán bộ nhân viên, GV, nhà tuyển dụng để đề xuất các giải pháp hữu ích cho cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

2.2. Khuyến nghị Tiêu chuẩn 11:

Nhà trường, Khoa nên đưa ra những giải pháp tương ứng phù hợp từng đối tượng để giảm thiểu số lượng SV thôi học, không tốt nghiệp hàng năm vì những lý do cá nhân.

Nhà trường, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác SV và Khoa cần có giải pháp hữu hiệu để thúc đẩy các bộ môn, các cố vấn học tập tích cực hỗ trợ SV chủ động trong xây dựng kế hoạch học tập, đăng ký học phần để hạn chế số lượng SV tốt nghiệp chậm, có SV tốt nghiệp sớm so với kế hoạch, phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ.

Sau mỗi lần khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp, bộ phận chức năng được giao là đầu mối thực hiện cần tổng hợp các dữ liệu đầy đủ bao gồm: phương pháp khảo sát (điện thoại, gửi email phiếu khảo sát ...), người thực hiện, thời gian khảo sát, số lượng khảo sát, đối tượng khảo sát, mức thu nhập ... để tạo thành cơ sở dữ liệu về tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp ngành Kế toán và thuận lợi cho việc xác định phân khúc thị trường lao động để Nhà trường/Khoa có biện pháp cải thiện các chỉ số thực hiện và tư vấn cho SV.

Nhà trường cần có cơ chế, chính sách vừa mang tính bắt buộc, vừa mang tính khuyến khích để thúc đẩy các Khoa, Bộ môn, GV và người học tham gia tích cực vào các hoạt động NCKH của SV, gắn các chủ đề, nội dung NCKH của người học với ngành đào tạo.

Hàng năm, khi khảo sát lấy ý kiến phản hồi về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất,...Nhà trường cần khảo sát đầy đủ các bên liên quan để đạt được hiệu quả tốt nhất.

3. Mức đạt của Tiêu chuẩn 11:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 11	3,80
<i>Tiêu chí 11.1</i>	4
<i>Tiêu chí 11.2</i>	4
<i>Tiêu chí 11.3</i>	4
<i>Tiêu chí 11.4</i>	4
<i>Tiêu chí 11.5</i>	3

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI

Tổng hợp kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	Tự đánh giá			Đánh giá ngoài		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chuẩn 1			5,00	3	100,00%	3,67	2	66,67%
Tiêu chí 1.1	5	4						
Tiêu chí 1.2	5	3						
Tiêu chí 1.3	5	4						
Tiêu chuẩn 2			5,00	3	100,00%	4,33	3	100,00%
Tiêu chí 2.1	5	4						
Tiêu chí 2.2	5	5						
Tiêu chí 2.3	5	4						
Tiêu chuẩn 3			5,00	3	100,00%	3,67	2	66,67%
Tiêu chí 3.1	5	4						
Tiêu chí 3.2	5	3						
Tiêu chí 3.3	5	4						
Tiêu chuẩn 4			5,00	3	100,00%	4,00	3	100,00%
Tiêu chí 4.1	5	4						
Tiêu chí 4.2	5	4						
Tiêu chí 4.3	5	4						
Tiêu chuẩn 5			4,60	5	100,00%	4,00	4	80,00%
Tiêu chí 5.1	5	4						
Tiêu chí 5.2	5	5						
Tiêu chí 5.3	5	3						
Tiêu chí 5.4	4	4						
Tiêu chí 5.5	4	4						
Tiêu chuẩn 6			4,43	7	100,00%	4,29	7	100,00%
Tiêu chí 6.1	4	4						
Tiêu chí 6.2	4	4						
Tiêu chí 6.3	5	5						
Tiêu chí 6.4	5	4						
Tiêu chí 6.5	4	4						
Tiêu chí 6.6	5	5						
Tiêu chí 6.7	4	4						

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	Tự đánh giá			Đánh giá ngoài		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chuẩn 7			4,00	5	100,00%	4,00	5	100,00%
Tiêu chí 7.1	4	4						
Tiêu chí 7.2	4	4						
Tiêu chí 7.3	4	4						
Tiêu chí 7.4	4	4						
Tiêu chí 7.5	4	4						
Tiêu chuẩn 8			4,20	5	100,00%	4,00	5	100,00%
Tiêu chí 8.1	4	4						
Tiêu chí 8.2	4	4						
Tiêu chí 8.3	5	4						
Tiêu chí 8.4	4	4						
Tiêu chí 8.5	4	4						
Tiêu chuẩn 9			5,00	5	100,00%	4,20	5	100,00%
Tiêu chí 9.1	5	4						
Tiêu chí 9.2	5	4						
Tiêu chí 9.3	5	5						
Tiêu chí 9.4	5	4						
Tiêu chí 9.5	5	4						
Tiêu chuẩn 10			4,17	6	100,00%	4,00	5	83,33%
Tiêu chí 10.1	4	3						
Tiêu chí 10.2	4	4						
Tiêu chí 10.3	4	4						
Tiêu chí 10.4	5	5						
Tiêu chí 10.5	4	4						
Tiêu chí 10.6	4	4						
Tiêu chuẩn 11			4,40	5	100,00%	3,80	4	80,00%
Tiêu chí 11.1	5	4						
Tiêu chí 11.2	5	4						
Tiêu chí 11.3	4	4						
Tiêu chí 11.4	4	4						
Tiêu chí 11.5	4	3						
Đánh giá chung chương trình theo 50 tiêu chí			4,54	50	100,00%	4,02	45	90,00%
Đánh giá chung chương trình theo 11 tiêu chuẩn			4,62			4,00		

PHỤ LỤC A

**Giới thiệu tóm tắt về cơ sở giáo dục thực hiện
Chương trình đào tạo được đánh giá
(Trường Đại học Vinh)**

Giới thiệu tóm tắt về Trường Đại học¹

Thời điểm báo cáo: tính đến ngày 30 /8/2020

Trường Đại học Vinh có tiền thân là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được thành lập theo Quyết định số 375/NQ ngày 16/7/1959. Sau đó ba năm, Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký quyết định số 637/QĐ ngày 29/2/1962, chuyển thành Trường Đại học Sư phạm Vinh. Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định nhiệm vụ của Trường Đại học Vinh là đào tạo giáo viên có trình độ đại học và từng bước mở thêm các ngành đào tạo khác phù hợp với khả năng của Trường và nhu cầu nhân lực của xã hội, nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

Khoa Kinh tế được thành lập theo Quyết định số 870/QĐ-BGH&ĐT-TCCB, ngày 24/2/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trải qua hơn 17 năm xây dựng và trưởng thành, Khoa Kinh tế đã đào tạo hàng ngàn Cử nhân, hàng trăm Thạc sĩ kinh tế khẳng định được vị thế của mình đối với sự phát triển của Nhà trường và xã hội.

- Trải qua 17 năm xây dựng và trưởng thành, với những thành tích đạt được trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, Khoa Kinh tế đã được khen thưởng:

- + Tập thể lao động tiên tiến xuất sắc;
- + Tập thể lao động giỏi;
- + 03 Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An;
- + 05 Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- + 04 Bằng khen của TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- + 03 Giấy khen Tỉnh Đoàn cho đơn vị có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên.

¹ Trích Báo cáo Tự đánh giá của CTĐT ngành Kế toán – Trường Đại học Vinh.

PHỤ LỤC B

**Tóm tắt kết quả tự đánh giá Chương trình đào tạo
Ngành Kế toán trình độ đại học
của Trường Đại học Vinh**

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁTên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Vinh**Tên chương trình đào tạo: **Kế toán**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1										
Tiêu chí 1.1					5			5,00	3	100%
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2										
Tiêu chí 2.1					5			5,00	3	100%
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3										
Tiêu chí 3.1					5			5,00	3	100%
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4										
Tiêu chí 4.1					5			5,00	3	100%
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5										
Tiêu chí 5.1					5			4,60	5	100%
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5				4						
Tiêu chuẩn 6										

Tiêu chí 6.1				4				4,40	7	100%
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7				4						
Tiêu chuẩn 7										
Tiêu chí 7.1				4				4,00	5	100%
Tiêu chí 7.2				4						
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5				4						
Tiêu chuẩn 8										
Tiêu chí 8.1				4				4,20	5	100%
Tiêu chí 8.2				4						
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5				4						
Tiêu chuẩn 9										
Tiêu chí 9.1					5			5,00	5	100%
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1				4				4,20	6	100%
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3				4						
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6				4						
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1					5			4,40	5	100%
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				4						

Tiêu chí 11.5			4						
Đánh giá chung CTĐT							4,62	50	100%

Ngày 3 tháng 11 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

PHỤ LỤC C

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập đoàn đánh giá ngoài Chương trình
đào tạo Ngành Kế toán trình độ đại học
tại Trường Đại học Vinh**

HIỆP HỘI CÁC TRƯỜNG
ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VIỆT NAM
**TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 138/QĐ-KĐCLGD

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập đoàn đánh giá ngoài 03 chương trình đào tạo của Trường Đại học Vinh:

- Ngành Luật Kinh tế trình độ đại học
- Ngành Kế toán trình độ đại học
- Ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn 1076/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (nay là Cục Quản lý chất lượng) về việc hướng dẫn đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-HH ngày 16 tháng 10 năm 2015 của Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT cấp phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục cho Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGD ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục về việc ban hành Quy định đối với kiểm định viên thực hiện đánh giá ngoài cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Đánh giá chất lượng giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập đoàn đánh giá ngoài 03 chương trình đào tạo của Trường Đại học Vinh gồm:



- Ngành Luật Kinh tế trình độ đại học
- Ngành Kế toán trình độ đại học
- Ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học

và cử các thành viên theo danh sách đính kèm.

Điều 2. Đoàn đánh giá ngoài nêu tại Điều 1 có nhiệm vụ tổ chức, thực hiện việc đánh giá ngoài 03 chương trình đào tạo của Trường Đại học Vinh nêu tại Điều 1. Thời gian Khảo sát sơ bộ và thời gian Khảo sát chính thức theo phụ lục đính kèm.

Đoàn đánh giá ngoài hoạt động theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và hướng dẫn đánh giá ngoài chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. Đoàn đánh giá ngoài sẽ tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông/bà Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng có liên quan thuộc Trung tâm, Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh và các thành viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, HS



PGS.TS. Nguyễn Phương Nga





Phụ lục II
DANH SÁCH ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

(Kèm theo Quyết định số 138/QĐ-KĐCLGD ngày 07 tháng 11 năm 2020
của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục)

***Thời gian Khảo sát sơ bộ:** Ngày 17/11/2020

*** Thời gian Khảo sát chính thức:** Từ ngày 04/12/2020 đến ngày 09/12/2020

1/ Danh sách Đoàn đánh giá ngoài

TT	Họ và tên	Chức vụ/Nơi công tác	Số thẻ KĐV	Nhiệm vụ
1	GS.TSKH. Bành Tiến Long	Ủy viên Hội đồng CSKH & CNQG; Ủy viên Hội đồng GSNN	2014.0.004	Trưởng Đoàn
2	ThS. Đinh Tuấn Dũng	Trưởng phòng ĐGCLGD Trung tâm KĐCLGD, Hiệp hội CTĐHCĐVN	2014.1.016	Thư ký Đoàn
3	PGS.TS. Nguyễn Văn Uyên	TP CNCL Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội CTĐHCĐVN	2015.01.135	Thành viên thường trực
4	TS. Nguyễn Đức Thạnh	Kiểm định viên Trung tâm ĐCLGD, Hiệp hội CTĐHCĐVN	2014.02.092	Thành viên
5	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	Trợ lý Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Văn Lang	2014.02.066	Thành viên

Danh sách gồm 05 người./.

2/ Danh sách Cố vấn giám sát và Cán bộ hỗ trợ hành chính Đoàn đánh giá ngoài

TT	Họ và tên	Chức vụ / Nơi công tác	Số thẻ KĐV	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Nguyễn Phương Nga	GD Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội CTĐHCĐVN	2014.0.003	Cố vấn giám sát Đoàn ĐGN
2	Ông Nguyễn Anh Tuấn	CVP TT KĐCLGD - Hiệp hội CTĐHCĐVN		CB hỗ trợ hành chính Đoàn ĐGN
3	Bà Ngô Thị Thu Thảo	Cán bộ TT KĐCLGD, Hiệp hội CTĐHCĐVN		CB hỗ trợ hành chính Đoàn ĐGN

Danh sách gồm 03 người./.

PHỤ LỤC D

**LỊCH TRÌNH KHẢO SÁT CHÍNH THỨC
CỦA ĐOÀN CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KẾ TOÁN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**LỊCH TRÌNH KHẢO SÁT CHÍNH THỨC
CỦA ĐOÀN CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN,
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

Thời gian: Từ Thứ Sáu, ngày 04 tháng 12 đến Thứ Tư ngày 09 tháng 12 năm 2020.

Địa điểm: Tại Trường Đại học Vinh

Thời gian	Hoạt động	Thành phần Đoàn	Địa điểm làm việc
Thứ Sáu ngày 04/12/20	NGÀY LÀM VIỆC THỨ NHẤT		
8 ^h 00 - 08 ^h 15	Đoàn gặp Ban Giám Hiệu.	Cả Đoàn ĐGN	Phòng họp tầng 2 nhà điều hành
8 ^h 15 - 09 ^h 00	<p>Trưởng Đoàn ĐGN phổ biến các nguyên tắc ĐGN, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm của từng thành viên.</p> <p>Đoàn trao đổi về những vấn đề cần tập trung làm rõ khi nghiên cứu minh chứng và phỏng vấn với Hội đồng TĐG.</p>	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành
9 ^h 00 - 10 ^h 00	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LD các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng: HCTH, TCCB, ĐT SĐH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TTrGD, BV và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG làm việc trực tiếp khi được yêu cầu.	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành
10 ^h 00 - 11 ^h 30	Khai mạc ĐGN (Chương trình chi tiết kèm theo)	Cả Đoàn ĐGN	Hội trường A
11^h30 - 14^h00	<i>Nghỉ trưa</i>		
14 ^h 00 - 17 ^h 00	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LD các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng: HCTH, TCCB, ĐT SĐH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TTrGD, BV và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành

Thời gian	Hoạt động	Thành phần Đoàn	Địa điểm làm việc
	của báo cáo TĐG làm việc trực tiếp khi được yêu cầu.		
17h00-18h00	<i>Cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu).</i>	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành
18h00-19h00	<i>Nghỉ chiều</i>	Cả Đoàn ĐGN	
19 ^h 00 - 20 ^h 00	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LĐ các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng: HCTH, TCCB, ĐT SĐH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TTrGD, BV và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG làm việc trực tiếp khi được yêu cầu.	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành
Thứ Bảy ngày 05/12/20	NGÀY LÀM VIỆC THỨ HAI		
8 ^h 00 - 9 ^h 00	Phòng vấn Nhóm <i>cựu sinh viên đại học ngành Kế toán</i>	Nhóm 1	P.PV1/T 7 Nhà điều hành
9 ^h 00 - 9 ^h 15	<i>Đoàn Đánh giá ngoài hội ý chuyên môn</i>	<i>Cả Đoàn ĐGN</i>	
9 ^h 15 - 10 ^h 15	Phòng vấn <i>nhóm Nhà tuyển dụng ngành Kế toán</i>	Nhóm 1	P.PV1/T 7 Nhà điều hành
10 ^h 15 - 10 ^h 30	<i>Đoàn Đánh giá ngoài hội ý chuyên môn</i>	<i>Cả Đoàn ĐGN</i>	
10 ^h 30 - 11 ^h 30	Phòng vấn nhóm <i>sinh viên đại học ngành Kế toán</i>	Nhóm 1	P.PV1/T 7 Nhà điều hành

Thời gian	Hoạt động	Thành phần Đoàn	Địa điểm làm việc
	Phỏng vấn <i>Nhóm chuyên viên, kỹ thuật viên, nhân viên của Trường & của 3 đơn vị phụ trách CTĐT; Công đoàn & Đoàn TNCSHCM của đơn vị phụ trách CTĐT ngành Kế toán,</i>	Nhóm 2	Tầng 2 Nhà điều hành
11^h30 - 14^h00	<i>Nghỉ trưa</i>		
14 ^h 00 - 14 ^h 15	<i>Đoàn Đánh giá ngoài hội ý chuyên môn</i>	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành
14 ^h 15 - 15 ^h 15	<i>Phỏng vấn nhóm Giảng viên CTĐT ngành Kế toán</i>	Nhóm 1	P.PV1/T 7 Nhà điều hành
15 ^h 15 - 15 ^h 30	<i>Đoàn Đánh giá ngoài hội ý chuyên môn</i>	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành
15 ^h 30 - 17 ^h 00	Thăm sân bãi, ký túc xá; cơ sở y tế, thư viện, các cơ sở vật chất khác của Trường.	Nhóm 1	Trong khuôn viên Trường
	Thăm cơ sở thực hành và dự giờ một số lớp theo thời khóa biểu ngành Kế toán	Nhóm 2	Tầng 7 Nhà điều hành Giảng đường nhà B
17 ^h 00 - 17 ^h 30	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LD các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng: HCTH, TCCB, ĐT SĐH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TTrGD, BV và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG làm việc trực tiếp khi được yêu cầu.	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành

Thời gian	Hoạt động	Thành phần Đoàn	Địa điểm làm việc
17 ^h 30 - 18 ^h 00	<i>Cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu).</i>	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành
18h00-19h00	<i>Nghỉ chiều</i>	Cả Đoàn ĐGN	
19 ^h 00 - 20 ^h 00	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ.	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành
Chủ Nhật ngày 06/12/20	NGÀY LÀM VIỆC THỨ BA		
8 ^h 00 - 11 ^h 30	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LD các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng: HCTH, TCCB, ĐT SDH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TTrGD, BV và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG làm việc trực tiếp khi được yêu cầu.	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành
11^h30 - 14^h00	<i>Nghỉ trưa</i>		
14 ^h 00 - 15 ^h 00	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LD các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng: HCTH, TCCB, ĐT SDH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TTrGD, BV và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG làm việc trực tiếp khi được yêu cầu.	Cả đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành
15 ^h 15 - 15 ^h 30	<i>Đoàn Đánh giá ngoài hội ý chuyên môn</i>	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành
15 ^h 30 - 17 ^h 00	Phòng vấn Lãnh đạo Trường, đại diện lãnh đạo Hội đồng trường và Lãnh đạo Hội đồng tự đánh giá CTĐT	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 2 Nhà điều hành
17 ^h 00 - 17 ^h 30	<i>Cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu).</i>	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành

Thời gian	Hoạt động	Thành phần Đoàn	Địa điểm làm việc
18h00-19h00	<i>Nghỉ chiều</i>	Cả Đoàn ĐGN	
19 ^h 00 - 20 ^h 00	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành
Thứ Hai ngày 07/12/20	NGÀY LÀM VIỆC THỨ TƯ		
8 ^h 00 - 11 ^h 30	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LD các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng: HCTH, TCCB, ĐT SDH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TTrGD, BV và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG làm việc trực tiếp khi được yêu cầu.	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành
11^h30 - 14^h00	<i>Nghỉ trưa</i>		
14 ^h 00 - 17 ^h 00	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LD các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng: HCTH, TCCB, ĐT SDH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TTrGD, BV và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG làm việc trực tiếp khi được yêu cầu.	Cả Đoàn ĐGN	Tầng 8 Nhà điều hành
17h00-20h00	<i>Nghỉ chiều</i>	Cả Đoàn ĐGN	
20 ^h 00 - 23 ^h 00	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ tại khách sạn.		Phòng làm việc tại KS
Thứ Ba ngày 08/12/20	NGÀY LÀM VIỆC THỨ NĂM		
8 ^h 00 - 11 ^h 30	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ tại khách sạn	Cả Đoàn ĐGN	Phòng làm việc tại KS
11^h30 - 14^h00	<i>Nghỉ trưa</i>		
14 ^h 00 - 18 ^h 00	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ	Cả Đoàn ĐGN	Phòng làm việc tại KS
18h00-20h00	<i>Nghỉ chiều</i>	Cả Đoàn ĐGN	

Thời gian	Hoạt động	Thành phần Đoàn	Địa điểm làm việc
20 ^h 00 - 23 ^h 00	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ tại khách sạn.		Phòng làm việc tại KS
Thứ Tư Ngày 09/12/20	NGÀY LÀM VIỆC THỨ SÁU		
8 ^h 00 - 11 ^h 30	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ	Cả Đoàn ĐGN	Phòng làm việc tại KS
11^h30 - 14^h00	<i>Nghỉ trưa</i>		
14 ^h 00 - 15 ^h 00	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ	Cả Đoàn ĐGN	Phòng làm việc tại KS
15 ^h 00 - 17 ^h 00	Bế mạc, ký kết biên bản hoàn thành đợt khảo sát chính thức phục vụ đánh giá ngoài trường Đại học Vinh, chụp ảnh lưu niệm (Chương trình chi tiết đính kèm).	Cả Đoàn ĐGN; TTKĐCLGD; Tr. ĐH Vinh; & Khách mời	Hội trường A

PHỤ LỤC E

CÔNG VĂN PHẢN HỒI
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
VỀ DỰ THẢO BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KẾ TOÁN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1574/ĐHV-ĐBCL

Nghệ An, ngày 29 tháng 12 năm 2020

V/v Phản hồi Dự thảo Báo cáo đánh giá
ngoài CTĐT ngành Kế toán trình độ
đại học của Trường Đại học Vinh

Kính gửi: - Đoàn Chuyên gia đánh giá ngoài;
- Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam.

Căn cứ công văn số: 172/CV-KĐCLGD ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam về việc lấy ý kiến Dự thảo Báo cáo đánh giá ngoài (ĐGN) chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Kế toán trình độ đại học của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Dự thảo Báo cáo ĐGN CTĐT ngành Kế toán trình độ đại học của Đoàn đánh giá ngoài thuộc Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam;

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán trình độ đại học của Trường Đại học Vinh sau khi nghiên cứu, thảo luận đã thống nhất ý kiến như sau:

1/ Nhất trí với kết quả đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài CTĐT ngành Kế toán với mức trung bình là 4.02; số Tiêu chí đạt là 45/50 Tiêu chí; số Tiêu chí chưa đạt là 5/50 Tiêu chí.

2/ Hoàn toàn đồng ý với tất cả nội dung trong bản Dự thảo Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài.

Kính đề nghị Đoàn đánh giá ngoài, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam xem xét và tiến hành các bước tiếp theo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HCTH,ĐBCL.



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

PHỤ LỤC G

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC VÀ PHẢN HỒI CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NGOÀI VÀ PHẢN HỒI CỦA NHÀ TRƯỜNG

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	ĐGN sau phản hồi	Phản hồi của Nhà trường	Đánh giá ngoài sau phản hồi			Phản hồi của Nhà trường		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chuẩn 1			3,67	2	66,67%	3,67	2	66,67%
Tiêu chí 1.1	4	4						
Tiêu chí 1.2	3	3						
Tiêu chí 1.3	4	4						
Tiêu chuẩn 2			4,33	3	100,00%	4,33	3	100,00%
Tiêu chí 2.1	4	4						
Tiêu chí 2.2	5	5						
Tiêu chí 2.3	4	4						
Tiêu chuẩn 3			3,67	2	66,67%	3,67	2	66,67%
Tiêu chí 3.1	4	4						
Tiêu chí 3.2	3	3						
Tiêu chí 3.3	4	4						
Tiêu chuẩn 4			4,00	3	100,00%	4,00	3	100,00%
Tiêu chí 4.1	4	4						
Tiêu chí 4.2	4	4						
Tiêu chí 4.3	4	4						
Tiêu chuẩn 5			4,00	4	80,00%	4,00	4	80,00%
Tiêu chí 5.1	4	4						
Tiêu chí 5.2	5	5						
Tiêu chí 5.3	3	3						
Tiêu chí 5.4	4	4						
Tiêu chí 5.5	4	4						
Tiêu chuẩn 6			4,29	7	100,00%	4,29	7	100,00%
Tiêu chí 6.1	4	4						
Tiêu chí 6.2	4	4						
Tiêu chí 6.3	5	5						
Tiêu chí 6.4	4	4						
Tiêu chí 6.5	4	4						
Tiêu chí 6.6	5	5						
Tiêu chí 6.7	4	4						
Tiêu chuẩn 7			4,00	5	100,00%	4,00	5	100,00%

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	ĐGN sau phản hồi	Phản hồi của Nhà trường	Đánh giá ngoài sau phản hồi			Phản hồi của Nhà trường		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chí 7.1	4	4						
Tiêu chí 7.2	4	4						
Tiêu chí 7.3	4	4						
Tiêu chí 7.4	4	4						
Tiêu chí 7.5	4	4						
Tiêu chuẩn 8			4,00	5	100,00%	4,00	5	100,00%
Tiêu chí 8.1	4	4						
Tiêu chí 8.2	4	4						
Tiêu chí 8.3	4	4						
Tiêu chí 8.4	4	4						
Tiêu chí 8.5	4	4						
Tiêu chuẩn 9			4,20	5	100,00%	4,20	5	100,00%
Tiêu chí 9.1	4	4						
Tiêu chí 9.2	4	4						
Tiêu chí 9.3	5	5						
Tiêu chí 9.4	4	4						
Tiêu chí 9.5	4	4						
Tiêu chuẩn 10			4,00	5	83,33%	4,00	5	83,33%
Tiêu chí 10.1	3	3						
Tiêu chí 10.2	4	4						
Tiêu chí 10.3	4	4						
Tiêu chí 10.4	5	5						
Tiêu chí 10.5	4	4						
Tiêu chí 10.6	4	4						
Tiêu chuẩn 11			3,80	4	80,00%	3,80	4	80,00%
Tiêu chí 11.1	4	4						
Tiêu chí 11.2	4	4						
Tiêu chí 11.3	4	4						
Tiêu chí 11.4	4	4						
Tiêu chí 11.5	3	3						
Đánh giá chung chương trình theo 50 tiêu chí			4,02	45	90,00%	4,02	45	90,00%
Đánh giá chung chương trình theo 11 tiêu chuẩn			4,00			4,00		